SỐ 6 THÁNG MƯỜI, 1989 • $2.50

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

SỨC MẠNH THỨC TỈNH TỪ CHÍNH THÂN XÁC NGƯỜI CẦM BÚT

TRẦN DẠ TỪ

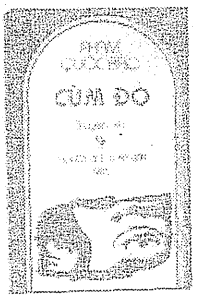

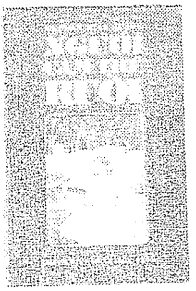

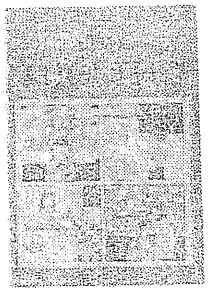
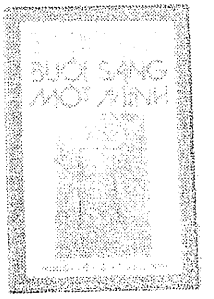

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

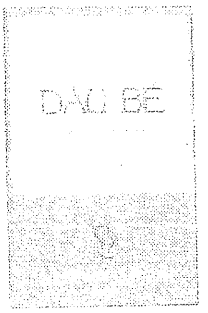

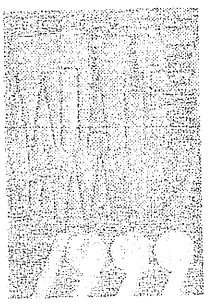
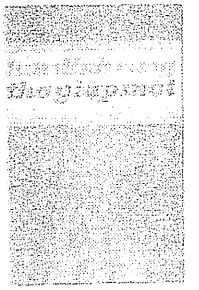

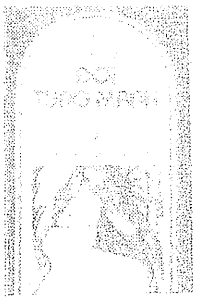

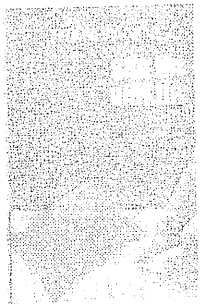

Thư Tòa Soạn

Thượng tuần tháng Chín vừa qua, nhà thơ Trần Dạ Từ từ Thụy Điển đã bay đến Cali. Sau mười hai năm trong lao tù cộng sản, và sau gần mười lăm năm xa cách bạn hữu, Trần Dạ Từ đã được báo giới và văn nghệ sĩ Cali đón tiếp trong một bầu không khí thân mật và ấm áp. Điều mới mẻ mà nhà thơ của chúng ta mang đến cho bạn hữu ở đây không phải là nỗi khổ nhục của những ngày tù tội của anh, mặc dù anh có thừa thãi những điều ấy để kể. Điều mới mẻ mà Trần Dạ Từ mang đến cho chúng ta, những người cầm bút, là gợi ý về một "Ngày Văn Nghệ Sĩ Việt Nam," ngày 3 tháng Tư. Gợi ý ấy không phải chỉ để chúng ta suy nghĩ. Gợi ý ấy cần được thể hiện một cách cụ thể.

Trung tuần tháng Chín, trận bão Hugo thổi qua đảo Puerto Rico khiến cho gần 300,000 người màn trời chiếu đất. Đó là trận cuồng phong khủng khiếp nhất trong vòng 50 năm đã đi qua xứ này. Nhưng cơn bão chưa dừng chân hẳn. Vùng đất South Carolina vừa phải "đón nhận" thiên tai này bằng những "bức tường nước" cao 22 bộ thổi vào bờ biển phía đông.

Cali cũng phải nhận chút hơi hám của Hugo. Buổi sáng mưa nhỏ hột và lạnh nhẹ, để hôm sau đón ngay cơn nóng hấp chờ đợi trận gió "Lào" Santa Ana hằng năm.

Đó là thời gian ở Việt Nam, Nguyễn Văn Linh và Hà Nội vừa trở giọng đối với cái mà giới cầm bút trong nước gọi là "đổi mới." Mở đầu dọ dẫm trước đó là đẩy Nguyên Ngọc, Tổng Biên Tập tờ tuần báo *Văn Nghệ* qua việc cho đăng tải một số truyện ngắn, bút ký của Nguyễn Huy Thiệp, Phùng Gia Lộc, Phạm Thị Hoài... Sau đó, và mới đây nhất là bài diễn văn của Nguyễn Văn Linh, người được coi là tác giả của nhiều bài báo ký tên NVL, "nói và làm," người chủ trương cởi mở, *glasnost, perestroika,* một cái bóng của Mikhail Gorbachev ở Việt Nam. Bài diễn văn "đóng" lại cánh cửa vừa hé, và nói theo giọng của một cán bộ già khi trả lời cho ký giả Steven Erlanger của tờ *The New York Times,* rằng giọng điệu ấy không khác gì giọng điệu mà các nhà lãnh đạo đảng CSVN đã nói cách đây 45 năm. Một danh sách đầy tên tuổi của những tay Tổng Biên Tập chạy theo "đổi mới" một cách mạnh mẽ trước đây, nay chuẩn bị trao hoàn nhiệm sở cho người mới. Vũ Kim Hạnh, Tổng Biên Tập tờ tuần báo *Tuổi Trẻ* của Thành Hồ, nằm trong danh sách ấy. Cái nắp xú-páp vừa hé mở đã đóng lại. Bài học dân chủ ở quảng trường Thiên An Môn Bắc Kinh đã dạy cho Bắc Bộ Phủ biết đâu là con đường phải đi của những tay lãnh tụ già nua sợ mất chỗ ngồi.

Sau cùng, hạ tuần tháng Chín cũng là tháng của Hà Nội rút hết quân ra khỏi xứ Chùa Tháp. Chân chưa nhón bước đã vội vã tuyên bố sẽ trở lại ngay nếu Nam Vang yêu cầu.

Chiến trường Đông Dương vẫn sôi động. Thương trường Đông Dương mà Thái Lan muốn đặt tay vào, có lẽ cũng còn phải chờ...

THẾ KỶ 21

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14841 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
ĐỖ NGỌC YẾN

Chủ bút:
VƯƠNG HỮU BỘT

Chủ biên văn học:
NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Chủ biên biên khảo:
LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Giám đốc mỹ thuật:
NGUYỄN ĐỒNG

Giám đốc trị sự:
TÂM QUYÊN

Trong số này

Thế Uyên
Bình Đẳng, Tự Do và Dân Chủ/ 4
Gúc
Hí Họa/ 7
Trần Dạ Từ
Sức mạnh thức tỉnh từ chính thân xác người cầm bút/ 8
Nguyễn Hưng Quốc
Đọc thơ Nụ Hôn Đầu/ 10
Đỗ Hùng
Dương Như Nguyện
Trả lời phỏng vấn/ 15
Vương Hữu Bột
Tại sao cải tổ nửa vời sẽ thất bại?/ 18
Hoàng Khởi Phong
Nhà văn, nhiêu đó đủ rồi/ 28
Nhã Ca
Thăm nuôi tù, 78/ 36
Khánh Trường
Tưởng Tượng/ 43
Trần Sa
Rượu của người say/ 44
Tam Trương
Những người xấu số/ 52
Dino Buzzati
Thưa ông chủ nhiệm/ 53
Kiệt Tấn
Bạch Thử cô nương/ 58
Huỳnh Liễu Ngạn
Chắc bên nhà hoa bưởi lại đơm bông/ 61
Lê Mỹ Hương
Truyện cái bàn/ 62
Hồ Đình Nghiêm
Nơi không có trăng sao/ 67
Nguyễn Thiếu Nhẫn
Ngọn cỏ/ 71
Trần Mộng Tú
Ca dao. Ở đây/ 73
Nguyên Phong
Đời sống không phải là những mảnh nhỏ được ráp lại/ 75
Diễm Châu
Mỗi ngày/ 78
Phạm Văn Hải
Phạm Quân Khanh
Văn Minh Việt ở thời đại đồ đồng/ 79
Thụy Khuê
Đọc hồi ký ngày N+/ 85

Đọc, viết và góp ý!

Mua báo và
giới thiệu với thân hữu!

Để Thế Kỷ 21

trở thành
tờ báo của chúng ta

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$12; 12 số US$24; 24 số US$48; 36 số US$72 . First class trong nước Mỹ: 6 số US$18; 12 số US$36; 24 số US$72; 36 số US$108. Canada: 6 số US$20; 12 số US$40; 24 số US$80; 36 số US$120. Các nơi khác: 6 số US$21; 12 số US$42; 24 số US$84; 36 số US$126. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14841 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liênlạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21: Xuất bản và phát hành bởi Công ty Người Việt (Nguoi Viet, Inc.) 14841 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng, Los Angeles, California. Bài gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh / địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tiền nhuận bút tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ánh quan điểm của người xuất bản. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

SỨC MẠNH THỨC TỈNH TỪ CHÍNH
THÂN XÁC CỦA NGƯỜI CẦM BÚT
Trần Dạ Từ/ 8

Nhà thơ Trần Dạ Từ, tác giả Thuở Làm Thơ Yêu Em sau 12 năm sống trong lao tù cộng sản đã cùng vợ, nhà văn Nhã Ca, và gia đình đến được Thụy Điển. Từ Thụy Điển, nhà thơ của chúng ta đã đến Hoa kỳ trò chuyện cùng bạn bè về bạn hữu văn nghệ còn ở lại quê hương. Có lẽ đối với Trần Dạ Từ và gia đình, con số *9 tháng Chín* là con số đáng được ghi nhớ nhất:

* 9 tháng Chín 87, ông ra khỏi trại tập trung.
* 9 tháng Chín 88, gia đình ông được đón tiếp tại Thụy Điển.
* 9 Tháng Chín 89, ông trò chuyện cùng bạn hữu ở Cali.

Bài nói chuyện của ông tại Cali như một gợi ý về một sinh hoạt hàng năm của người cầm bút: "3 tháng Tư Ngày Văn Nghệ Sĩ Việt Nam."

THĂM NUÔI TÙ, 78
Nhã Ca/ 36

Khi số báo này tới tay bạn đọc, có lẽ Nhã Ca cũng đã bay từ Thụy Điển đến Hoa Kỳ để cùng người đọc chia sẻ cùng bà niềm vui về sự ra mắt tác phẩm đầu tiên của bà in tại hải ngoại: Hoa Phượng, Đừng Đỏ Nữa. Nhã Ca, tác giả của Đêm Nghe Tiếng Đại Bác, của Giải Khăn Sô Cho Huế, trong trích đoạn hồi ký ở *Thế Kỷ 21* số này cho ta thấy một khía cạnh khác của bà: người vợ đảm đang trước khi là một nhà văn nhà thơ lừng lẫy.

NHÀ VĂN, NHIÊU ĐÓ ĐỦ RỒI
Hoàng Khởi Phong/ 33

Trong loạt bài phỏng vấn các nhà văn ở hải ngoại hiện vẫn còn cầm bút, Nguyễn Mạnh Trinh đã gặp gỡ nhà thơ Nguyên Sa, nhà văn Cao Xuân Huy và nhà văn Hoàng Khởi Phong. Tác giả Ngày N+, nói chuyện cũng sôi nổi như khi ông sáng tác. Nhà văn, nhiêu đó đủ rồi. Hoàng Khởi Phong đã nói như vậy. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác nhận xét Hoàng Khởi Phong là người đi chênh vênh giữa hành động và suy tưởng, giữa lý thuyết và thực tế. Ông sẽ trả lời nhận xét đó trong số báo này. Đây chỉ là một số trích đoạn trong tập sách Nhà Văn Nói Với Chúng Ta do Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện. Những khía cạnh khác, những suy nghĩ khác của người được phỏng vấn sẽ có đầy đủ khi sách xuất bản.

VĂN MINH VIỆT Ở THỜI ĐẠI ĐỒ ĐỒNG
Phạm Văn Hải. Phạm Quân Khanh/ 79

Một cái nhìn LẠI về nền văn minh Việt khác với cái nhìn của một số nhà cầm bút nửa trước thế kỷ 20. Đặt lại vấn đề này, nhà ngôn ngữ học Phạm Văn Hải đã trình bày quan điểm theo cách riêng của ông, căn cứ trên những tài liệu tham khảo đáng tin cậy.

VỪA XẢY RA, ĐANG NÓI TỚI
Nhiều tác giả

* Những con người tự do: Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Tuệ Sỹ, Trí Siêu.../ 13 * Lời cuối của giáo chủ A. Khomeini/ 14 * Huỳnh Sanh Thông: Từ đâu có ngôn ngữ/ 42 * Ngày càng nhiều cây viết Mỹ gốc Á bước vào dòng văn học chính của Hoa Kỳ/ 51 * Georges Simenon không còn nữa/ 57 * Một đại học cộng đồng ở Cali mở lớp tiếng Việt và Văn hóa Việt/ 74.

Tranh bìa
Nguyễn Trung
(Trong bộ sưu tập tranh của Trần Dạ Từ)
Trình bày
Trúc Phượng
Minh họa
Nguyễn Thị Hợp
Khánh Trường
Ruth Talovich
Kỹ thuật
Yến Trân

BÌNH ĐẲNG, TỰ DO VÀ DÂN CHỦ

THẾ UYÊN

Hoa-kỳ đã cử hành lễ 200 năm lập quốc, và cũng là 200 năm thành lập thể chế dân chủ theo công thức tổng thống chế. Nước Pháp cũng vừa cử hành rất trọng thể 200 năm cách mạng 1789, cuộc cách mạng đã mở đường cho thể chế dân chủ theo công thức đại nghị. Tại hai nơi này và tại rất nhiều quốc gia dân chủ khác trên thế giới mô phỏng Hoa-Kỳ và Pháp, những ý niệm căn bản của chế độ dân chủ như bình đẳng, tự do và dân chủ đương nhiên đã được áp dụng lâu đời, không còn gì nhiều để bàn cãi. Có tranh luận chăng, chỉ là về cách áp dụng mà thôi. Thí dụ gần nhất là tại Hoa-kỳ có cuộc tranh luận gay go về vấn đề đốt quốc kỳ có là vi hiến không, cấm phụ nữ phá thai có là hợp hiến không...

Dĩ nhiên người viết bài này không có ý định tham gia vào những vấn đề tương tự như vậy của những người Mỹ, Canada, Pháp hay Đức, mà là bàn tới vấn đề bình đẳng, tự do và dân chủ của các cộng đồng người Việt cư ngụ tại các nước này. Lý do rất giản dị: trong những cộng đồng ấy, còn không ít những người Việt không thấm nhuần được những ý niệm căn bản về bình đẳng, tự do và dân chủ của các quốc gia mình đang định cư. Chính sự chưa thấu hiểu được thế nào là một chế độ dân chủ ấy, chính sự dù đã sống nhiều năm tại hải ngoại mà chưa đạt tới tư cách làm người công dân của một nước dân chủ ấy, đã là một nguyên nhân đưa tới sự chia rẽ, sự bạo lực trong ngôn ngữ (chửi bới thô tục, chụp mũ CS cho nhau), cũng như đôi khi đưa tới sự bạo lực bạo hành trong đời sống thực tế, thí dụ như những vụ đốt người, bắn người, đánh người và thậm chí đến cả thành lập các tổ chức khủng bố đi đốt phá các cơ sở thương mại...

Thử nhìn vào chiều sâu của các hiện tượng ấy, chúng ta thấy tương đối dễ dàng là tại nơi các con người ưa sử dụng bạo lực ấy (bạo lực trong ngôn ngữ hay bạo lực trên thực tế) có sự thiếu vắng sự chấp nhận nguyên tắc bình đẳng giữa những người Việt với nhau. Trước tháng 4.1975, còn ở trong quốc gia VNCH, dĩ nhiên phải có mọi thứ tôn ti trật tự cùng đủ loại kỷ luật. Một đại tá sư đoàn trưởng không thể đồng đẳng với anh binh nhì, mặc dù về phương diện pháp lý thì cả hai cùng là công dân như nhau. Nhưng đến khi phải rời đất nước mình đến định cư nơi các nước khác, thì đại tá hay binh nhì cũng đều là những tị nạn như nhau. Các quốc gia tiếp nhận những tị nạn không hề phân biệt đối xử đối với các con người đáng thương đến gia nhập đất nước mình. Các cơ quan phụ trách di trú nhập nội, các hội thiện nguyện của các tôn giáo...đều coi những người tị nạn bình đẳng với nhau, cùng mang lại cho các người tị nạn một cơ hội làm lại cuộc đời từ con số không. Đại tá hay binh nhì cũng đều là truyện quá khứ bên kia biển, hai người này giờ xếp hàng ngang với nhau để tiến về phía trước. Và dĩ nhiên không thiếu những trường hợp anh binh nhì trẻ tuổi, hoặc nhờ sức khỏe, hoặc nhờ khả năng học tập, chỉ năm bẩy năm sau đã thành công hơn, làm lương cao hơn, vị trí trong xã hội mới tốt đẹp hơn ông đại tá già chỉ xin được chân thư ký hay công nhân trong một trường học tăm tối.

Đến đây thì sự bất bình đẳng bắt đầu nẩy sinh. Trước hết là từ phía những ông đại tá già (và những thành phần dân sư tương tự như ông đại tá già). Lớp người này dĩ nhiên là khổ sở, khổ từ trong gia đình tới ngoài xã hội. Các người vợ, vốn có bản chất đảm đang truyền thống của phụ nữ Việt-nam, thường dễ thành công hơn chồng trong xã hội mới. Còn với lớp con cái, với tuổi trẻ dễ dàng cắp sách đến trường, đã nắm

vững khá nhanh ngôn ngữ địa phương mình cư ngụ, hội nhập khá nhanh vào xã hội mới với vị trí và lợi tức thoải mái. Các ông bố già mất dần vị trí gia trưởng quyền uy vẫn có từ hồi ở quê nhà. Nhìn ra ngoài xã hội da trắng nơi mình định cư, thì thân phận mình càng lại không khá gì hơn.

Từ hoàn cảnh đó, nếu có những người già có nhiều mặc cảm thì cũng là điều dễ hiểu. Và khi đã có mặc cảm như thế, thì phản ứng đương nhiên là tìm cách bù trừ. Và khi phản ứng bù trừ, thông thường con người dễ trở thành cực đoan, độc tôn và độc đoán, cho rằng chỉ có mình mới nắm vững chân lý về mọi sự việc trên đời. Mặt khác, những anh binh nhì thành đạt nơi xứ người về kinh tế, cũng dễ có khuynh hướng phóng đại sự quan trọng của mình, dễ có khuynh hướng cho rằng lợi tức cao của mình có nghĩa là mình đã thông minh, tài trí hơn tất cả những người tị nạn khác. Từ đó đi đến chỗ cực đoan trong mọi chuyện, cũng là điều dễ xảy ra. Nhưng dù là ông đại tá già vất vả tả tơi trong xã hội mới hay anh binh nhì trẻ tuổi lợi tức cao, dù là mặc cảm tự ti hay mặc cảm tự tôn, cũng đều dễ đưa đến tâm trạng cho rằng không ai bằng mình. Nói cách khác, không thấy hay không thích thấy người khác bình đẳng với mình. Do những tâm trạng này, cả hai thành phần vừa kể đều dễ có khuynh hướng bạo lực bằng ngôn ngữ, hay đôi khi tệ hơn thế, mỗi khi gặp ai có những suy nghĩ, những lập trường khác với mình. Nếu cộng đồng Việt ở khắp các nơi trên thế giới có chia rẽ, có đầy bạo lực bằng ngôn ngữ hay đôi khi đi tới bạo lực bạo hành, cũng là đều có thể hiểu được.

Dĩ nhiên có thể một phần chia rẽ và đố kỵ là do các cán bộ nằm vùng của đảng CSVN đã gài vô đóng vai trò người chống Cộng cực đoan để chụp mũ bừa bãi, tạo nghi ngờ và phân hóa. Nhưng những cán bộ này quá ít, khả năng tác động không đáng kể và hàng ngũ mỗi ngày một hao hụt vì bị quyến rũ bởi nếp sống sung túc trong tự do của các quốc gia họ được gửi tới hoạt động.

Bây giờ chúng ta thử xem xét vai trò của các hội đoàn mà nhiều người đã cho rằng là nguyên nhân gây phân hóa và chia rẽ trong các cộng đồng Việt. Xét khách quan, các hội đoàn, tự bản thân, không xấu, mà còn là cần thiết nữa trong những cộng đồng hải ngoại. Trước hết đó là các thứ Club, hội ái hữu hữu ích cho việc tương trợ, cho việc sinh hoạt giữa các người xa xứ thuộc thế hệ thứ nhất (thế hệ thứ hai thành công hơn nhiều trong việc hội nhập xã hội địa phương nên không có nhiều nhu cầu này). Nhưng một số những người lãnh đạo các hội đoàn, vì không chấp nhận nổi nguyên tắc bình đẳng như đã nói trên, đã tự cho mình có quyền hơn những đồng bào khác, cũng là công dân mới như mình. Chính vì tự cho mình là tài trí hơn người, đức độ hơn người, là trưởng lão khôn ngoan nên thành phần này cho rằng mọi ý nghĩ, mọi lập trường chính trị văn hóa của mình là tuyệt đối đúng, là mệnh lệnh mà những đồng bào khác chỉ có việc thi hành theo tinh thần kỷ luật quân đội kiểu "thi hành trước khiếu nại sau"... Ai không đồng ý, không nghe theo thì sử dụng ngay tới bạo lực trong ngôn ngữ, hay đôi khi tệ hơn, bạo lực trong thực tế.

Người viết bài này trong thời gian đầu lập nghiệp và viết văn tại Hoa Kỳ đã có lần tiếp nhận một điện thoại viễn liên của một người bạn sơ giao. Anh bạn này khuyên đừng viết thế này, nên viết thế kia, đừng dùng từ này nên dùng ngữ kia, nếu không sẽ gặp phản ứng của các hội đoàn... Nghe hoài những lời khuyến cáo đôi khi có tính cách đe dọa như vậy, tôi đã có lúc mất bình tĩnh trả lời: "Khi rời quê hương, tôi chỉ xin chính quyền Hoa-kỳ và cũng chỉ chính quyền này có quyền, cho tôi được nhập nội để làm công dân mới nơi xứ này. Tôi chỉ phải tuân theo hiến pháp luật pháp Hoa Kỳ mà thôi. Tôi có phải xin một ông hội đoàn nào quyền được tới và làm dân xứ này đâu mà mấy ông đó có quyền bắt tôi viết thế này hay thế kia, chỉ được nhận được chơi với người này là bạn, chỉ được tiếp xúc với kẻ này không được tiếp xúc với kẻ kia. Hơn nữa, tôi đến đây để tìm tự do, tự do cho bản thân tôi, và tự do cho ngòi bút của tôi..." Câu trả lời này đúng với thực tế, nhưng bên đầu giây điện thoại viễn liên bên kia, người bạn đã trả lời: "Anh nói với tôi như thế thì không sao. Đừng bao giờ nóivới các hội đoàn như vậy vì mấy ông sẽ cho rằng anh dám hỗn láo, xấc xược với mấy ổng. Anh sẽ bị đập cho tơi bời hoa lá..."

Nói cho rộng hơn, tôi là một cựu trung úy QLVNCH, và ở Bắc Mỹ cũng như nhiều quốc gia khác, có rất nhiều hội đoàn cựu quân nhân. Dĩ nhiên tôi sẽ ngạc nhiên lắm nếu ngày nào có một hội đoàn cựu quân nhân ở vùng tôi hay vùng khác gửi văn thư hay viết báo bắt tôi phải viết phải làm thế này hay thế kia. Bản thân tôi là cựu học sinh Chu Văn An, vợ tôi cựu Trưng Vương, và ở Hoa-kỳ đều có những hội ái hữu của hai trường này. Nếu ngày nào hai ông bà hội đoàn của hai trường này bắt vợ chồng tôi phải thế này thế kia, chắc chắn tôi sẽ lại ngạc nhiên. Nhưng điều đó cũng rất có thể xẩy ra bởi vì tôi đã chứng kiến một lần một cựu sĩ quan hải quân tham dự một buổi họp do một nhóm chính trị gia chủ trương bang giao với CSVN tổ chức. Sau đó một hội đoàn hải quân đã lên tiếng, đã gửi văn thư yêu cầu viên cựu sĩ quan đó phải giải thích hành động của mình. Khi làm như vậy, hội đoàn đó đã vượt quá quyền hạn của một hội ái hữu, một hội theo qui chế Hoa-kỳ thì ban chấp hành của hội cũng

chẳng có quyền can thiệp tới mọi hành vi cũng như tư tưởng của hội viên mình, chứ đừng nói là đối với người ngoài hội.

Nhưng sự không thấu triệt thế nào là bình đẳng chưa phải là nguyên nhân duy nhất đưa đến phân hóa và bạo lực trong các cộng đồng Việt. Còn một nguyên nhân nữa quan trọng không kém, là một thiểu số người Việt hải ngoại còn không hiểu thế nào là tự do. Nếu hỏi bất cứ một người Việt hải ngoại nào rằng tại sao anh hay chị rời bỏ quê hương thì câu trả lời đều đại khái giống nhau: Chúng tôi sợ bị mất tự do (thành phần di tản 75) hoặc đi tìm tự do (nếu đi sau 75). Chúng tôi cũng còn đi tìm cơm no áo ấm, tìm cơ hội tiến thân cho con cái, và nhất là tìm sự an toàn cho bản thân và gia đình... Nhưng gì thì gì, câu trả lời cũng nhấn mạnh tới sự tự do là chính.

Nhấn mạnh tới tự do là đúng. Nhưng hiểu chữ tự do như thế nào đây mới là điều quan trọng. Tự do là tự do cho tất cả mọi người, trong khuôn khổ hiến pháp và luật pháp của nước chúng ta định cư. Bản thân tôi được hưởng tự do thì người khác tôi cũng được hưởng tự do tương tự. Người nào nói rằng anh phải chống Cộng như tôi, anh phải theo tôn giáo của tôi, anh phải nghe theo lập trường của tôi về vấn đề X và Z...thì người đó chưa học được bài học căn bản nhất về tự do. Những người công giáo bảo thủ nhất, nếu hiểu thế nào là tự do, đương nhiên không có quyền đả kích các giáo hội Tin-lành hay Phật giáo, nếu không sẽ vi phạm quyền tự do tín ngưỡng đã ghi trong các hiến pháp Tây phương. Về vấn đề chống Cộng cũng vậy. Đứng đầu các nước Tây phương trong vấn đề chống Cộng đương nhiên là Hoa-kỳ, nhưng hiến pháp luật pháp xứ này vẫn cho giảng dạy Bản Tuyên Ngôn Cộng sản của Marx và Engel trong các trường đại học, và các sách vở của các tổ sư Cộng sản Đông và Tây vẫn xếp đầy trong các thư viện. Thậm chí ngay đảng CS cũng được phép thành lập ở Hoa-kỳ, dù chẳng có nhiều đảng viên và bị cấm không được đề cao chủ trương dùng bạo lực lật đổ chính quyền tiểu bang và liên bang Hoa-kỳ.

Chúng ta nói tối ngày với các người dân địa phương rằng chúng ta đi tìm tự do, nhưng chúng ta lại dùng bạo lực cấm những người đồng bào mình được hưởng tự do. Đó là một hành động chậm tiến, là một thái độ lỗi thời. Còn khi chúng ta sử dụng tới bạo lực trong ngôn ngữ (chửi bới thô tục, chụp mũ CS...) hay bạo lực bạo hành (đốt nhà, đốt người, đốt xe, đánh người, dù là đánh những cán bộ CS chính thức sang đây công tác), thì chúng ta sẽ vi phạm luật pháp của tất cả những nước chúng ta đang cư ngụ. Một thiểu số người Việt đã có những hành động như thế, làm mất uy tín cho cộng đồng, đã làm cho những người da trắng Mỹ, Canada, Pháp, Đức...chê cười chúng ta. Nước Mỹ, nước Pháp, nước Úc... đã có tự do cho dân họ từ vài trăm năm. Họ có quyền đòi hỏi những người tị nạn Việt đến gia nhập nước họ phải học bằng được cách thế làm người tự do. Nếu ai không học được, thì chính những người đó mới là những người không hội đủ tư cách để làm công dân của một nước dân chủ Tây phương. Và phụ lòng kỳ vọng của những dân tộc đã mở vòng tay nhân đạo cưu mang mình.

Dĩ nhiên có tự do là có bất đồng. Chúng ta phải chấp nhận sự bất đồng ấy và giải quyết chúng theo thể chế dân chủ nói chung của các quốc gia chúng ta cư ngụ. Mà những bất đồng của những người Việt hiện nay đâu phải là ít. Thí dụ ngay về vấn đề chống Cộng, cũng biết bao là thái độ chống, cách thế chống và lý do chống. Những tướng tá và viên chức cao cấp VNCH chống Cộng vì họ mất vị trí lãnh đạo cùng những đặc quyền đương nhiên của các vị trí này, và nay họ chống với hi vọng phục hồi lại những quyền chức cũ. Những sĩ quan cấp úy và binh sĩ chống Cộng không vì quyền chức trước đây -- họ có đâu mà tính lấy lại -- mà vì mong cho dân Việt nội địa có một thể chế tốt hơn cả thể chế CS lẫn VNCH trước đây. Nhiều người trẻ khác chống Cộng chỉ để dân Việt đỡ đói đỡ khổ và nước Việt-nam sớm vươn lên đuổi kịp các nước châu Á như Đài-loan, Đại-hàn... Ngay giữa những người Công giáo cũng chống Cộng khác nhau. Những giáo dân lớn tuổi được đào tạo theo tinh thần của Cộng Đồng Vatican I chống Cộng theo kiểu cực đoan, coi những người CS như bọn "quỉ đỏ", không giống với những giáo dân cấp tiến tuân theo tinh thần của Cộng đồng Vatican II, theo thông điệp "Hòa giải các dân tộc..." của Giáo Hoàng John XXIII. Ngay trong Phật giáo cũng vậy: những Phật tử Ấn quang chống Cộng khác với lối của Việt-nam Quốc-tự.

Gần đây hơn, đường lối chống cộng bằng bạo lực, bằng phục quốc, bằng đổ bộ, bằng chiến khu đã lâm vào thế bế tắc. Nhiều người Việt khác đã, căn cứ vào tình hình quốc tế hiện nay, sự thay đổi tương quan giữa Nga, Trung Cộng và Mỹ, để đề ra một đường lối chống Cộng kiểu mới, sử dụng những phương tiện văn hóa, kinh tế, nhất là kinh tế -- thực tế là những đồng Mỹ Kim, đồng Canada -- để làm thay đổi thể chế CS ở quê nhà. Những khuôn mẫu mới đang sờ sờ trước mặt: Trung quốc của Đặng Tiểu Bình, dù có vụ Thiên An Môn, cũng không giống Trung quốc của Mao Trạch Đông, Ba-lan hay Hungary hiện nay đang thí nghiệm những phương thức dứt khoát là đáng chú ý.

Từng ấy bất đồng không phải là đã hết. Chúng ta còn

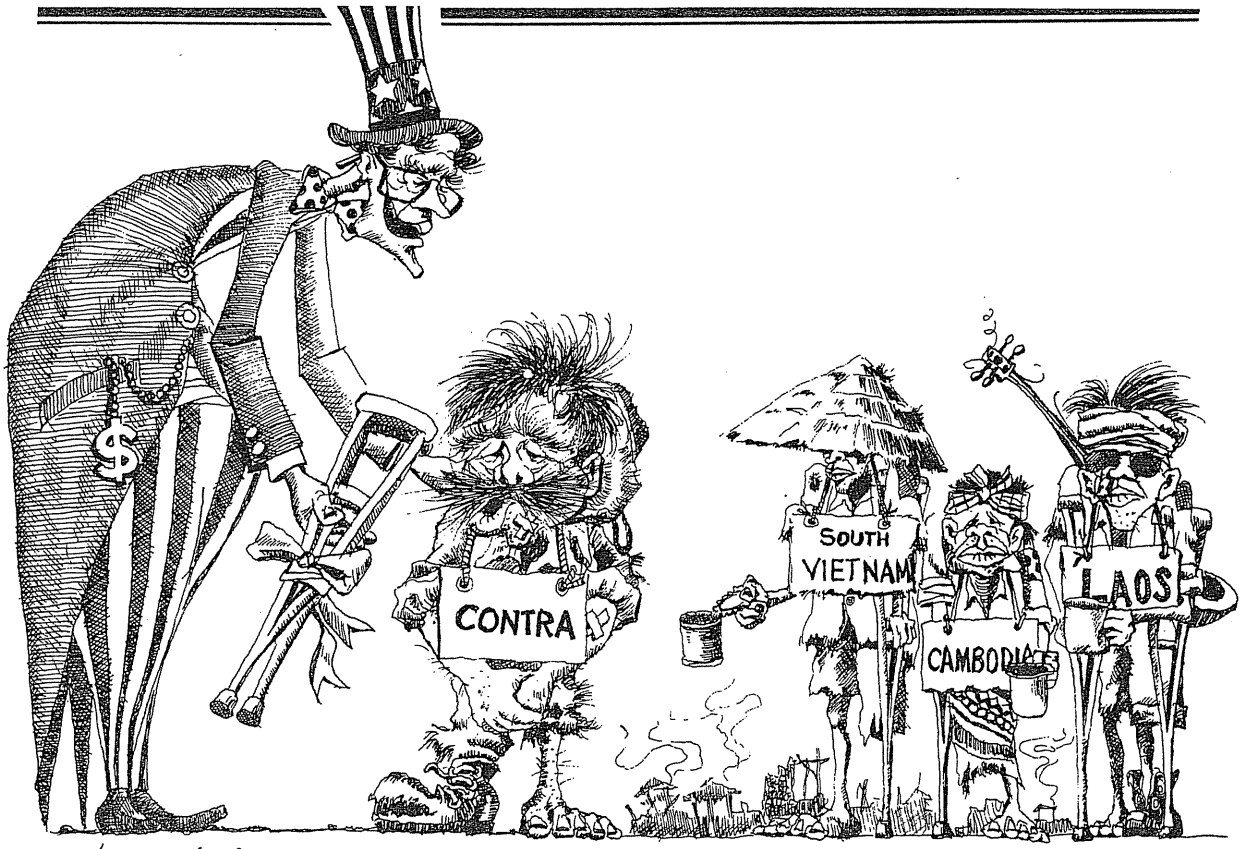

Gúc '89 THẾ KỶ 21

nhiều bất đồng khác nữa. Chúng ta chỉ có thể giải quyết được những bất đồng ấy, tìm kiếm ra những phương thức tương đối hay nhất tốt nhất, với điều kiện là chúng ta chấp nhận sự bình đẳng giữa những người Việt với nhau, chấp nhận và cố gắng làm người tự do cho đúng nghĩa, và giải quyết mọi tranh chấp theo thể chế dân chủ có sẵn nơi chúng ta cư ngụ. Muốn thế thì bước đầu tiên phải cố gắng đạt cho được sự chấm dứt bạo lực trong ngôn ngữ cũng như bạo lực bạo hành vi phạm luật pháp nơi chúng ta cư ngụ. Gần đây một người viết đã hô hào: "Không có đạo lý nào cao hơn chống Cộng"... đòi hỏi chúng ta chà đạp lên hiến pháp luật pháp Hoa-kỳ, Canada, Pháp, Đức, Úc...

Những người Việt hải ngoại đa số là cựu công dân VNCH. Xét về phương diện luật pháp của VNCH trước đây, thì khi một người dân biết chắc ai là CS thì người đó chỉ có quyền báo cáo với cơ quan Cảnh sát Quốc gia để nơi này đi bắt để điều tra. Rồi nếu có tội thì xử phạt ra sao là của Tòa án. Chứ người dân VNCH không có quyền xúc phạm tới thân thể, tới tài sản (nếu đánh bừa, đốt bừa thì chắc chắn sẽ bị đi tù) của những người tình nghi là CS ấy. Bây giờ ở hải ngoại mà lại hô hào "Không có đạo lý nào cao hơn chống Cộng" để tha hồ bạo lực ngôn ngữ, bạo lực bạo hành thì những người theo chủ trương này đã vượt ra ngoài vòng luật pháp của VNCH xưa kia đã đành, mà còn vi phạm luật pháp của quốc gia đang cư ngụ nữa. Chống Cộng đến mức vi phạm luật pháp của cả hai bên bờ đại dương, xưa cũng như nay, thì quả thật không phải là điều nên làm.

Hơn nữa, còn một điều quan trọng vô cùng phải xét đến. Chúng ta đã đủ bằng cớ, đủ thời gian để biết thể chế CS là một thể chế xấu, lỗi thời vô cùng về kinh tế. Chúng ta hô hào hoặc lật đổ hoặc thay đổi chế độ ấy đi. Nhưng vấn đề đặt ra là giả thử làm được điều đó thì chúng ta, những người Việt hải ngoại, lấy thể chế nào đây để thay thế?

Câu trả lời của nhiều người đương nhiên sẽ là: thể chế dân chủ kiểu Mỹ (nếu chúng ta định cư ở Mỹ), dân chủ kiểu Pháp (nếu định cư tại Pháp)...vân vân. Nhưng dân chủ kiểu Mỹ hay Pháp thì cũng là dân chủ. Nhưng nếu bây giờ, hơn 14 năm trôi qua rồi, mà nếu chúng ta không thực hiện được bình đẳng với nhau, không tôn trọng tự do của nhau, không giải quyết mọi bất đồng theo tinh thần và thể chế dân chủ, thì thử hỏi chúng ta sẽ mang lại cái gì cho bà con đồng bào của mình bên kia biển Thái bình dương?

THẾ UYÊN viết

tháng Tám, 89

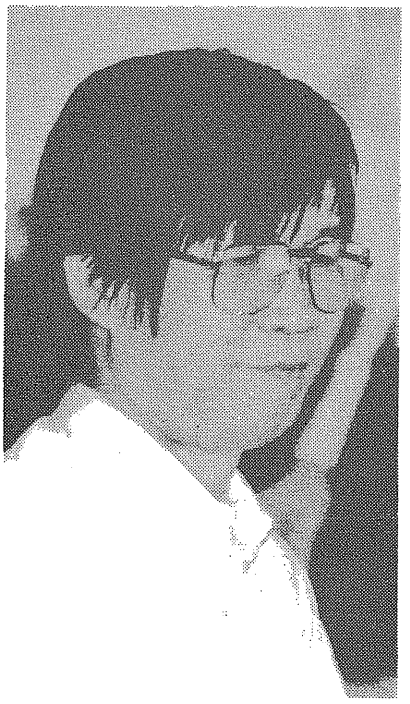

Thi sĩ Trần Dạ Từ.
Ảnh chụp ở Cali ngày 9-9-89

SỨC MẠNH THỨC TỈNH TỪ CHÍNH THÂN XÁC NGƯỜI CẦM BÚT

TRẦN DẠ TỪ

Ngày 9 tháng Chín, 1987, sau gần 12 năm tù đầy, nhà thơ Trần Dạ Từ ra khỏi trại tập trung Z30đ ở Hàm Tân, Việt Nam. Ngày 9 tháng Chín, 1988, ông và gia đình được đón tiếp tại Thụy Điển. Cũng đúng ngày này, các thân hữu tại Tiểu Sàigòn đã mừng gặp lại nhà thơ, trong một sinh hoạt được tổ chức tại nhà hàng Sing Sing *thành phố Westminster Cali sáng 9 tháng Chín, 1989. Nhân dịp này, Trần Dạ Từ đã trò chuyện về bạn hữu văn nghệ còn ở lại quê hương, và gợi ý về một sinh hoạt hàng năm: "3. 4 ngày văn nghệ sỹ Việt Nam."*

Sau đây là đề tài trên, được nhà thơ khai triển thành một bài viết riêng, theo sự yêu cầu của Thế Kỷ 21.

Đêm thứ Sáu rạng thứ Bẩy, 3 tháng Tư, 1976, mười một tháng sau khi chiếm Sàigòn, công an Cộng sản được huy động toàn lực vào một chiến dịch đặc biệt: bắt giam toàn bộ các nhà thơ, nhà văn, nhà báo và một số nghệ sỹ miền Nam tự do cũ.

Từ 0 giờ ngày 3 tháng Tư, 1976 này, ngay đợt đầu, gần 60 người bị bắt giữ.

Chị Chu Vị Thủy, thứ nữ của nhà văn Chu Tử, vừa sinh cháu trai chưa quá 7 ngày. Cả hai mẹ con cùng bị bắt. Đứa trẻ sơ sinh trở thành người tù trẻ nhất, chỉ vì cháu lỡ mang tý huyết thống của ông ngoại. Ký giả Hồ Nam, tức nhà thơ Vương Tân, từ lâu đổi nghề, ẩn cư đâu ở Mỹ Tho, vẫn có xe công an -- từ Sàigòn vượt 70 cây số về một chợ nhỏ tỉnh lỵ -- bắt cho bằng được.

Các cuộc truy lùng sau đó còn tiếp diễn cả năm. Tuần báo Pháp *L'Express,* và tổ chức Văn Bút Quốc Tế, phải mấy năm sau đó, mới công bố được danh sách hơn trăm văn nghệ sỹ Việt Nam bị cầm tù không xét xử. Đây chưa phải là danh sách đầy đủ. Cho tới nay, gần 14 năm sau, vẫn còn những người bị giam giữ. Nhà văn Thảo Trường tiếp tục bị giam ở Z.30D, Hàm Tân. Các nhà văn, học giả: Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Trí Siêu, Tuệ Sỹ, vẫn tiếp tục bị giam cầm tại trại khổ sai Z.30A, Long Khánh.

Trong số những văn nghệ sỹ bị chết vì tù đầy, riêng Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, đã mất trọn một ban chấp hành: nhà thơ Vũ Hoàng Chương, chủ tịch, nhà văn Hồ Hữu Tường, phó chủ tịch, và nhà văn Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, tổng thư ký.

Những người còn sống, hiện vẫn ở Việt Nam, tình trạng chung đều khó khăn, bi thảm. Nhà văn Nguyễn Sỹ Tế, 65 tuổi, bị tra tấn và cùm chân tay trong phòng tối cả năm, hiện đã mất 90% khả năng thị giác. Nhà văn Nguyễn Đình Toàn, 53 tuổi cũng vậy. Không còn phương tiện chạy chữa, cả hai có thể bị mù hẳn.

Trong lịch sử văn hóa nhân loại -- kể cả thời vua Tần đốt sách chôn học trò ở phương đông, Nê Rô đốt thành La Mã ở phương Tây, Mao Trạch Đông làm cách mạng văn hóa ở Hoa Lục -- sự bách hại nhắm riêng vào giới cầm bút và nghệ sỹ, chưa bao giờ đạt tới mức qui mô như biến cố ngày 3 tháng Tư, 1976 ở Việt Nam, cả về

tính cách và thời gian.

Những nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nghệ sỹ Việt Nam, nhờ sự trợ giúp của Cộng Sản, mà được thật sự nhập mình vào những oan nghiệt chung của cả dân tộc. Không chỉ bằng chữ nghĩa, sách vở, mà bằng cả sinh mạng, họ đi nốt con đường phải đi, làm nốt những việc còn phải làm.

Mười bốn năm, đã tới lúc phải khởi sự nhìn lại.

*
* *

Một nhân vật nữ, trong tiểu thuyết mới ở Nga, viết thư cho bạn tình già của bà ta. Đại khái: "Em bị đóng đinh trong rừng *tai ga* mười mấy năm, cho tới khi nhờ thấy được anh mà tái sinh. Anh giản dị như thế. Vậy mà để đủ sức nhận ra được anh, em phải đi qua bao nhiêu là địa ngục. Thật đáng đời cho em."

Người bạn tình của văn chương Nga thời *glasnost* này, chắc nên có tên là *sự thật*.

Có những sự thật giản dị, trước mắt, đôi khi ngay trong bản thân. Vậy mà không nghe, không tin, không thấy. Tiến trình của chủ nghĩa cộng sản trong lịch sử nhân loại là một ví dụ. Hai phần ba thế kỷ: bao nhiêu dân tộc, bao nhiêu thế hệ, bao nhiêu địa ngục. Phải thêm Việt Nam bị đóng đinh trên cây thập tự nữa. Cũng vẫn cứ chưa đủ. Nó còn muốn bước tới. Những trí tuệ lớn của loài người vẫn cãi nhau chí chóe vì nó.

"Thật đáng đời cho em." Câu than thở của người đẹp Liên Xô, không chỉ đúng riêng cho nước Nga. Trước mắt, còn đúng cho chính dân tộc chúng ta, trong đó có bọn nhà thơ, nhà văn, nhà báo, nghệ sỹ.

Trước 1975, tại Sàigòn, các nhà báo vui tính, có lần phản đối chính quyền bằng cách xuống đường biểu tình, dưới hình thức 'ký giả đi ăn mày'.

Sau 30 tháng Tư, ở quê hương, ở hải ngoại, vẫn có anh nhà banh hỏi anh nhà báo: 'Sao các anh không xuống đường ăn mày nữa đi.'

Để trả lời giùm câu hỏi này, ông Hoài Bắc, khi còn ở Sàigòn, thường cười hề hề, hát một câu 'tình ca của lính': *ngày ấy, có anh đi hàng đầu*. Hàng đầu. Đầu hàng. Có nghĩa là chịu thua. Hết cãi. Đầu hàng, cũng có nghĩa là cái nhục chung.

Nhà văn, nhà báo thường được coi là những sứ giả truyền thông. Sứ mạng họ, không chỉ là cái máy chuyển hình ảnh, tin tức, mà còn là truyền đạt tâm hồn và lý trí, làm cách nào cho lẽ phải, sự thật được nhìn nhận, bảo vệ. Suốt cuộc chiến tranh thảm hại ở Việt Nam, họ đã viết, đã nói, nhưng không hoàn tất được sứ mạng. Sự gian dối và cái ác đã thắng. Tội của họ lớn.

Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Mạnh Côn, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Hoạt, Dương Hùng Cường, Trần Việt Sơn, rồi Hoàng Vĩnh Lộc, Minh Đăng Khánh, đã chết đều vì tù đầy. Doãn Quốc Sỹ, Thảo Trường, Hoàng Hải Thủy, Trí Siêu, Tuệ Sỹ, Đức Nhuận, cho đến bây giờ, vẫn còn bị giam giữ. Những người sống khác, hầu hết đang tiếp tục bị đầy đọa ở quê hương.

Trong 'cộng nghiệp' chung của cả dân tộc, giá phải trả của bọn nhà văn, hình như cũng không nhẹ nhàng gì, nếu đối chiếu tỷ lệ với những ngành nghề khác.

Trả nghiệp bằng tù tội, chết chóc, nhục nhã. Toàn món khổ đau khó nhá cả. Giành nhau làm gì. Điều đáng nhìn cho ra ở chỗ khác: sự khổ đau, vốn không phải là một thứ vô ích.

Xăng, khi đốt, thành sức mạnh làm trục quay, đẩy bánh xe lăn.

Khổ đau, khi đủ sức hùng dũng, cũng thành được sức mạnh, làm nên *sự thức tỉnh*. Bánh xe đạo lý của loài người, bánh xe tiến hóa của lịch sử, há đã chẳng quay bằng cái trục thức tỉnh đó sao.

Chiến tranh Việt Nam là cao trào của chủ nghĩa Cộng sản. Mặt mũi họ được chính lòng tốt của tây phương lau chùi dùm bóng loáng. Giải Nobel hòa bình tặng cho Lê Đức Thọ, người điều khiển cả guồng máy chiến tranh khổng lồ ở đông dương. Ông ta chê, không nhận.

Sau 30 tháng Tư, 1975, đưa gọn được hàng trăm ngàn sỹ quan, viên chức Việt Nam Cộng Hòa cũ vô nhà tù, mặt mũi người cộng sản Việt Nam càng nghênh ngang hơn. Những ngọn đèn pha tối tân nhất của ngành truyền thông thế giới vẫn hăng hái rọi đèn, đánh bóng cho họ. Tại Hoa Kỳ, ông Carter, với nhãn hiệu tự do, cấp tiến, vào được tòa Bạch Ốc. Ở tây phương, cánh tả vẫn tiếp tục ăn khách.

Câu hỏi 'ai thắng ai', do chủ nghĩa cộng sản ném vào mặt nhân loại suốt hai phần ba thế kỷ, xem ra, còn nhức nhối lâu lắm.

Vậy mà không. Chưa đầy 15 năm, sau khi Cộng sản chiếm miền Nam Việt Nam, mọi loại mặt nạ đều đã bị đập vỡ. Mới đó, còn nghênh ngang vênh váo. Bây giờ, nó dúm dó, thảm hại. Dỹ nhiên, nhiều nhân tố phức tạp, (như những biến chuyển về chính trị, kinh tế, bước nhẩy bẩy dặm của khoa học truyền thông) đã làm nên việc này. Nhưng điều chính yếu là con mắt, trái tim, khối óc của con người đã nhìn được rõ bộ mặt thật của nó.

Cái trục thức tỉnh của nhân loại, một lần nữa, chuyển động.

Chính sự đau khổ của dân tộc chúng ta, khi bùng sáng thành sức mạnh, đẩy cho nó quay.

Nhiều người đã bị Hê Rốt đóng đinh. Không phải bất cứ cây thập tự nào cũng sáng lên được sức mạnh cứu chuộc.

Trước và cả sau Việt Nam, nhiều xứ sở đã bị Cộng sản biến thành địa ngục. Chỉ với hàng triệu người Việt liên tiếp lao ra biển, làm thành cuộc vượt thoát chưa từng có trong lịch

sử nhân loại về bất cứ phương diện nào, cái địa ngục kiểu mẫu của Cộng Sản ở Việt Nam mới được mở toang ra trước mắt nhân loại.

Những nhà thơ, nhà văn, nhà báo, nghệ sỹ Việt Nam đi với dân tộc họ lên cây thập tự của thời đại. Họ không đông, phần xương thịt không nhiều. Nhưng phẩm giá con người, ý chí một dân tộc không chịu quì gối, khi biểu hiện qua họ, gây nên những chấn động kỳ diệu.

Họ là cái chớp sáng. Một tia thôi. Nhưng báo hiệu đám cháy thành Sô đom. Ly nước đầy sẵn. Chờ thêm một giọt để tràn. Họ là giọt nước ấy. Một giọt thôi. Nhưng báo hiệu cơn hồng thủy sự thật, thức tỉnh đạo lý của nhân loại. Muốn ngơ cũng không được.

Tổng thống Mỹ Reagan, nghe đâu, đã đích thân đề cập tới những văn nghệ sỹ Việt Nam, với Mai Thảo, Kiều Chinh. Những đỉnh đầu khác của thế giới văn minh, cũng không thể làm ngơ việc này.

Tổ chức Văn Bút Quốc Tế, đã phải thành lập hẳn một ủy ban quốc tế về những nhà văn bị cầm tù, do chính Francis King, CBE làm chủ tịch, và Thomas Von Vegesack, nhà văn lớn Thụy Điển, nguyên chủ tịch văn bút quốc tế, làm trưởng ban điều hành. Với sự tham dự của 22 khuôn mặt tiêu biểu cho các dân tộc -- ở Mỹ là Arthur Miller, ở Pháp là René Tavernier... -- ủy ban này hiện vẫn liên tục hoạt động, không mệt mỏi, vì các nhà văn bị cầm tù ở Việt Nam.

Tổ chức Ân Xá Quốc Tế, cũng như nhiều tổ chức văn hóa và nhân quyền khác, đã dốc toàn lực vào cuộc vận động này. Nhiều cấp lãnh đạo chính phủ đã tích cực can thiệp.

Từ J.P. Sartre cho tới J. Fonda, những khuôn mặt tả khuynh nổi tiếng của thế giới văn minh, đều đã tỏ thái độ. Họ đã viết, đã nói.

Olof Palme, cố thủ tướng Thụy Điển, người từng đích

NGUYỄN HƯNG QUỐC

đọc thơ

NỤ HÔN ĐẦU TRẦN DẠ TỪ

Nụ hôn đầu là một trong những bài thơ hay của Trần Dạ Từ. Nó vượt qua hai thử thách cực lớn: thơ tình và là thơ tình được viết bằng thể lục bát.

Bài thơ mở đầu bằng một khung cảnh tuyệt đẹp:

Lần đầu ta ghé môi hôn
Những con ve nhỏ hết hồn kêu vang
Vườn xanh, cỏ biếc, trưa vàng
Nghìn cây phượng vĩ huy hoàng trổ bông.

Vừa là ngoại cảnh vừa là tâm cảnh. Ngoại cảnh: nơi nhà thơ, lần đầu tiên trong đời, cúi xuống hôn lên đôi môi một người con gái, là dưới những tàng phượng vĩ huy hoàng, trong khu vườn xanh, trên bãi cỏ biếc và giữa buổi trưa vàng nắng. Chung quanh hai người, những tiếng ve kêu rộn rã. Nhưng ngoại cảnh ấy cũng chính là tâm cảnh, hay có khi, chỉ thuần là tâm cảnh. Những màu sắc rực rỡ kia chính là tâm trạng ngây ngất yêu đời của một thanh niên bắt đầu yêu người. Và cả tiếng ve nữa. Không nhất thiết phải là tiếng ve kêu thật. Có khi chỉ là những tiếng ngân xôn xao của một trái tim đang rạo rực tình yêu và hạnh phúc. Nhớ thơ Huy Cận, ngày xưa:

Hồn em đây đủ muôn ánh nghê thường
Anh hãy bận hồn em màu sáng chói
Anh có biết, hôm nay là ngày hội
Của lòng ta. Em trần thiết, trang hoàng...

Dù là ngoại cảnh kết hợp với tâm cảnh hay chỉ là tâm cảnh, đoạn thơ trên của Trần Dạ Từ cũng phác họa lại một sự thật đã thuộc về quá khứ xa xăm.

Đoạn thơ thứ hai bắt đầu pha trộn giữa quá khứ và hiện tại, giữa cái thực và cái ảo:

Trên môi ta, vạn đóa hồng
Hôn em trời đất một lòng chứa chan
Tiếng cười đâu đó ròn tan
Nụ hôn ngày đó miên man cuộc đời.

Hai câu trên là ảo giác lúc hôn. Hai câu dưới là ảo giác sau khi hôn. Cái có thật là hương vị hạnh phúc vẫn còn ngọt ngào trên đôi môi nhà thơ.

Đến đoạn thứ ba, hoàn toàn là hiện tại nhưng tất cả lại là hư ảo:

Hôm nay chợt nhớ thương người
Tiếng ve mùa cũ rụng rời vai anh
Trưa vàng, cỏ biếc vườn xanh
Môi ai chín đỏ đầu cành phượng xưa.

Hư ảo vì mất mát. Mất mát vì xa cách. Người con gái được tác giả gọi là "em" ở đoạn thơ thứ hai, đến đây, biến thành "người", "nhớ thương người" một cách bâng quơ và mơ hồ. Một hình dáng cụ thể đã bắt đầu nhạt nhòa trong cái ý niệm "người" trừu tượng ấy. Người con gái của mối tình đầu bị tan chìm trong thế giới lấp lánh kỷ niệm của một thời đã qua. Rồi "môi hôn" biến thành "môi ai". Môi đã lìa khỏi môi để đậu trên từng chùm phượng vĩ. Câu thứ ba của đoạn thơ này hoàn toàn giống với câu thứ ba của đoạn thơ thứ nhất, chỉ có một chi tiết nhỏ thay đổi: "Trưa vàng" ở vị trí cuối câu được đẩy lên vị trí đầu câu. Lý do đầu tiên chắc chắn là vấn đề hiệp vần. Nhưng có lẽ đó không phải là lý do duy nhất. Thử so sánh hai câu thơ trên mà xem. Có sự khác biệt khá xa trong nhạc điệu. "Vàng" và "xanh" đều là âm bằng. Nhưng "vàng" với dấu huyền, thành nặng hơn, trầm hơn. Tưởng tượng câu thơ "**Trưa vàng, cỏ biếc, vườn xanh**" là một đòn cân. "Trưa vàng" hơi trĩu xuống, gần mặt đất. "Vườn xanh" nhẹ thênh, bay bềnh lên cao, xa ngoài tầm tay. Ở vị trí đầu câu, "trưa vàng," do đó, có âm hưởng lắng hơn. Nó không còn là buổi trưa nắng vàng cụ thể nữa. Ngờ như nó đã thành một thời khoảng trong đời người, cái thời khoảng, từ đó, nhà thơ nhìn lại, ngậm ngùi nhớ và tiếc kỷ niệm "cỏ biếc, vườn xanh," hay nói cách khác, kỷ niệm "**biết yêu người thuở mười lăm**" như một câu thơ khác, cũng của Trần Dạ Từ.

Hư ảo vì mất mát. Nhưng hư ảo cũng còn là vì nhà thơ không đành tâm với sự mất mát. Ông cố níu giữ cái mà ông vĩnh viễn không còn. Người con gái không còn. Nụ hôn không còn. Thì nhà thơ giữ lại những tiếng ve kêu, những chùm phượng đỏ. Tiếng ve và hoa phượng là sự thực, đang trong hiện tại, hoàn toàn cụ thể, thế nhưng, tất cả đều bị nhà thơ ảo hóa trong cái thế giới kỷ niệm của riêng ông. Tiếng ve hiện tại thành "**tiếng ve mùa cũ.**" Cành phượng bây giờ thành những "**cành phượng xưa.**"

Mất mát, nhớ tiếc và ảo hóa hiện thực thành kỷ niệm: đó là ba nét nổi bật nhất trong dòng thơ về tình yêu và tuổi trẻ của Trần Dạ Từ. Những bài thơ khác nhau về đối tượng, về giọng điệu vẫn gặp gỡ nhau ở một điểm chung. Là mất mát trong cuộc sống. Là nhớ tiếc trong tâm hồn. Và là ảo hóa thành kỷ niệm trong động tác thơ:

Lá rụng bao nhiêu hè phố cũ
Sao nghe lòng rưng rưng nhớ người.

(Khi em mười sáu)

NGUYỄN HƯNG QUỐC

thân xuống đường biểu tình ủng hộ cộng sản Việt Nam, cũng đã phải xem lại thái độ của ông đối với họ.

Ở cương vị và bằng cách thức của ông, Olof Palme không chỉ nói hoặc viết, ông ta còn trực tiếp hành động. Bằng cách tích cực thực hiện những đề nghị của tổ chức văn bút và ân xá quốc tế, vị thủ tướng nổi tiếng, người lãnh đạo đảng xã hội, đã biến những nhận thức mới của ông đối với cộng sản Việt Nam, thành thái độ và hoạt động chung của cả chính phủ và nhân dân Thụy Điển.

Trong nhiều năm, ít nhất, có ba bộ trưởng Thụy Điển: Ngoại trưởng Sten Anderson, Bộ trưởng xã hội Lena Hjelm Wallen, Bộ trưởng ngoại thương Anita Gradin, đã tới Việt Nam nhiều lần, và can thiệp trực tiếp với cấp cao nhất của Cộng sản, về trường hợp các văn nghệ sỹ Việt Nam bị giam cầm.

Olof Palme bị bắn chết trên hè phố Stockholm. Thái độ và hoạt động ông đề ra càng được trân trọng và đẩy mạnh hơn nữa. Thủ tướng Ingvar Carlson, người kế vị ông, phải viết thư riêng cho thủ tướng Cộng sản Việt Nam Phạm Hùng, về trường hợp nhà văn Việt Nam bị cầm tù mà Thụy Điển chính thức bảo lãnh.

Gần đây nhất, ngay khi đang công du Đông Nam Á, trước khi tới Việt Nam, ngoại trưởng Thụy Điển Sten Anderson đã phải dừng ở Thái Lan, nhận những chi tiết về hai bản án tử hình Trí Siêu và Tuệ Sỹ, trường hợp Thích Đức Nhuận, Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy. Chỉ ít ngày sau khi ông tới, Hà Nội đã chính thực công bố hủy bỏ hai bản án tử hình.

Ngay từ thời đầu chiến tranh, khi muốn bắn tiếng với phương tây điều gì, Hồ Chí Minh đã phải nhờ Thụy Điển. Sau 30 tháng Tư, 1975, Thủ tướng Cộng sản Phạm Văn Đồng đến Stockholm, Olof

Palme mở cửa điện Rosenbad, nồng nhiệt đón ông ta. Nhưng cũng nơi đây, 13 năm sau, thực hiện chính ý muốn của Olof Palme, Thủ tướng Thụy Điển Ingvar Carlson đã mở cửa điện Rosenbad, không phải để đón một lãnh tụ Cộng Sản, mà đón gia đình hai người cầm bút Việt Nam tầm thường, chỉ vì họ đã bị chính Cộng Sản bắt bớ, đầy ải.

Thái độ khinh bỉ loài người, khi cộng sản bắt giữ các nhà văn nhà thơ nhà báo nghệ sỹ Việt Nam, đã được dội lại đầy đủ cho chính họ, từ đủ mọi phía. Ngay đại diện Nga, trong một đại hội văn bút quốc tế gần đây, cũng đã nhất trí lên án hành vi này của cộng sản Việt Nam.

Trong giai đoạn quì gối trước tây phương, sau Nga Sô, Trung Quốc, chắc sẽ tới phiên cộng sản Việt Nam xin gia nhập Văn Bút Quốc Tế. Chẳng bao lâu nữa, họ sẽ phải tự vả vào mặt họ. Tiến trình mới mẻ này, cũng đã được khởi sự tại Việt Nam từ lâu, bằng sự mở mắt của lớp người cầm bút được chính Cộng sản nhào nặn.

Cũng như những cuộc hành quân mang tên Lam Sơn hay Đống Đa trước 1975, những tác phẩm mang tên các nhà thơ, nhà văn, nhà báo, nhạc sỹ, nghệ sỹ của miền Nam tự do, vì nhiều lý do, đã không đủ sức mạnh góp thành sự chiến thắng. Cũng như hầu hết các chiến sỹ, họ đã ở lại, cùng chịu đóng đinh với dân tộc. Bằng chút vốn liếng cuối cùng là chính thân xác mình, những người 'tưởng đã tiêu tùng' này, đã có cơ hội hoàn tất được sứ mạng của họ một cách vang dội. Tác phẩm của họ, dù bị xé, bị đốt, vẫn được chép tay, truyền tay ở quê hương. Sức mạnh thức tỉnh của họ, không chỉ lay động được đạo lý phương tây, mà đang bền bỉ nẩy mầm ở quê nhà, ngay trước mặt hoặc ngay trong lòng, những kẻ tự coi là thù địch với họ.

LỬA, THẤY TỪ STOCKHOLM

TRẦN DẠ TỪ

Thomas von Vegesack quẹt diêm
Lửa bếp. Lửa đèn. Lửa lò sưởi
Ngọn nến bữa ăn chiều lung linh
Quặn lòng: quê xa, bạn tù tội

Phương đông: kim mộc thủy hỏa thổ
Quê ta, bao nhiêu ngũ hành sơn
Bếp ai tro lạnh, chiều nay nữa
Lửa gì đâu. Lửa tủi. Lửa hờn

Nâng ly. Rượu thơm. Bọt dàn dụa
Tưởng thấy dòng thác xưa vật mình
Ghềnh đá trơ vơ sùi bọt nhớ
Thơ chết oan đầy cửa tử sinh

Nắm xương ai gửi rừng Xuyên Mộc
Ngọn đèn nào leo lét gió mưa
Cơm kêu. Kẻng gõ. Miệng khô khốc
Con dóm dêm nao vẫn vật vờ

Bạn ta nữa. Chân núi Mây Tào
Mười ba năm. Rừng sâu. Sức cạn,
Chiều khổ sai. Cơm cháo ra sao
Lửa nào giữ cho lòng đủ ấm

Tha lỗi nhé. Miếng ngon, nuốt nghẹn
Vui riêng cứng lưỡi. Thốt không dành
Cháy mãi cùng ta vậy. Nghe nến
Ngọn lửa anh em ngày tái sinh.

1988
Trần Dạ Từ

* Thomas von Vegesack, nguyên chủ tịch Văn Bút Quốc tế, nhà văn Thụy Điển, hiện đứng đầu ủy ban quốc tế các nhà văn bị cầm tù

Đây là một đề tài khác. Còn nhiều đề tài khác nữa, phải được nói đến, đào sâu, bật sáng. Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Trí Siêu, Tuệ Sỹ...chỉ là những người cầm bút yếu đuối thôi. Nhưng chính họ là những người đầu tiên đã đứng thẳng, nhỏ nhẹ mà dõng dạc, trước cái gọi là tòa án của cộng sản. Còn nhiều người cầm bút khác nữa, họ đều vậy. Những người cầm bút đã có cơ hội vượt thoát như chúng ta, có thể yên tâm, tự hào về những đồng nghiệp của mình còn ở lại quê hương.

Với những người vừa rời họ không lâu, như anh Hồ Văn Đồng và chúng tôi, xin thút thật, lòng tự hào còn biến thành một câu hỏi ray rứt: bản thân mình phải làm gì để xứng đáng với họ?

Khổ đau chung của cả một dân tộc, bùng sáng thành sức mạnh. Sức mạnh lớn lao ấy, không bao giờ chỉ là kỳ công của một người, một phía. Nó là sự nghiệp chung, của cả những người còn ở lại quê hương và những người đang ở hải ngoại.

Không phải tự nhiên báo L'Express, Văn Bút Quốc Tế, Ân Xá Quốc Tế, ông Tổng Thống này, ông thủ tướng nọ, có được những dữ kiện để mà lên tiếng về bọn nhà văn Việt Nam bị cầm tù.

Không phải tự nhiên có Văn Bút hải ngoại, duy trì được đến nay. Rồi có được những gói quà gửi cho bạn văn quê nhà từ Cao Ngọc Phương, Trần Tam Tiệp, Minh Đức Hoài Trinh, Mai Thảo, Thiếu Mai...

Cũng không phải dễ dàng mà người đọc hải ngoại có được những trang sách cùm đỏ, đại học máu, đáy địa ngục, sở công an, trại tập trung...duy trì được một sinh hoạt báo chí, xuất bản đều khắp ở hải ngoại, ngày càng lớn mạnh, phong phú hơn.

Những người ở quê hương tù đầy hiểu rất rõ, rằng đó là công khó của bằng hữu hải ngoại.

Bản thân chúng tôi và gia đình ngay từ những năm địa ngục ở quê hương, đã nhận biết bao nhiêu ơn nghĩa, từ bằng hữu hải ngoại và bằng hữu thế giới.

Cháu trai Lê Phương Đông của chúng tôi năm 1986, vượt biên lần thứ 10, đến được biên giới Thái bằng đường bộ. Bạn hữu tận lực. Ba tháng sau, Marianne Eyre, tổng thư ký PEN Thụy Điển đích thân dẫn cháu đi coi Stockholm. Ông bà Thomas Von Vegesack, chủ tịch văn bút, trưởng ban điều hành Ủy Ban Quốc Tế các nhà văn bị cầm tù, đón cháu về nhà, cùng viết với cháu một bưu ảnh gửi về Việt Nam cho bố trong nhà tù.

Nhờ thư can thiệp đích danh của thủ tướng Ingvar Carlson, đúng một năm sau khi rời khỏi nhà tù, chúng tôi và gia đình tới được Thụy Điển ngày 9 tháng Chín, 1988.

Tại điện Rosenbad ở Stockholm, các cháu nhỏ cám ơn Thủ tướng Ingvar Carlson. Ông ôm chúng, nói một cách giản dị: "Các cháu không cần cám ơn. Bố mẹ các cháu là những nhà văn. Họ xứng đáng được vậy. Còn nhiều người xứng đáng khác nữa. Việc đã làm được cho họ còn ít. Sắp tới, phải làm nhiều hơn."

Thủ tướng Thụy Điển đã nói vậy về những người văn nghệ sĩ

Vừa xảy ra, đang nói tới

Những con người tự do: Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Tuệ Sỹ, Trí Siêu...

Hội nghị PEN thế giới họp ở Toronto và Montréal vào hai tuần chót tháng Chín, 1989. Chiều ngày 28 tháng Chín, 1989, một phiên họp đặc biệt về "Các Nhà Văn Vắng Mặt" đã được dành ra để nói về những văn nghệ sĩ bị cầm tù. Bài thuyết trình về Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Tuệ Sĩ, Trí Siêu v.v... đã được đọc trước hội nghị. Người trình bày là thi sĩ Đỗ Quý Toàn. Bài thuyết trình bằng tiếng Pháp được dịch đồng thời sang tiếng Anh và Tây Ban Nha.

Đỗ Quý Toàn đã nói rằng Doãn Quốc Sĩ giờ đây đang hiện diện giữa chúng ta, ngay tại Montréal này. Doãn Quốc Sĩ là người tin rằng "tàng thức mang mang, bất năng câu thức", khi chúng ta đang nói chuyện về ông, thì thực sự ông đang có mặt, dù thân thể ông ở trong nhà tù tận Việt Nam. Ông cũng là người tin tưởng ở "hương nhân loại", ông sống tận cùng các giá trị truyền thống của người Việt, do đó ông cũng thể hiện các giá trị đại đồng của nhân loại, trong tác phẩm và trong cuộc sống của ông. Không một bạo quyền nào có thể cầm tù Doãn Quốc Sĩ, Hoàng Hải Thủy, Tuệ Sĩ, Trí Siêu v.v... vì họ là những con người tự do vô cùng. Tâm thức tự do của họ chính là không khí mà quý vị và chúng tôi đang thở. Chúng ta phải tranh đấu cho quyền tự do thân xác của họ, quyền được nói, được viết, được gặp gỡ mọi người. Sự vắng mặt của thân xác họ ở đây, hôm nay, thúc đẩy chúng ta càng phải thể hiện tâm thức tự do, đại đồng của họ bằng các giá trị cao quý của nền văn minh nhân loại. Họ bị bỏ tù vì họ yêu các giá trị của nhân loại, vì họ yêu chúng ta, yêu tôi và quý vị văn hữu quốc tế đây. Xin hãy làm hết sức để trong phiên họp PEN quốc tế kỳ tới chúng ta sẽ có dịp gặp Doãn Quốc Sĩ, Hoàng Hải Thủy, Tuệ Sĩ, Trí Siêu, và chúng ta cùng nhìn những nụ cười hiền hòa của họ, để chúng ta cùng chia sẻ một nụ cười, nụ cười tin yêu của loài người.

bị cầm tù ở Việt Nam. Sự nhìn lại, không hề có ý coi nhẹ công sức cũ. Chỉ là để khẳng định thêm quyết tâm hướng về tương lai.

Những nhà văn, nhà báo đang còn trong nhà tù nhỏ, nhà tù lớn ở quê hương, hẳn cũng đang chờ đợi một khẳng định tương tự từ chúng ta, các đồng nghiệp ở hải ngoại của họ.

Tín hiệu từ thế giới tốt đẹp mà vì nó họ đã không quì gối, một lời thăm, một gói quà, một sự can thiệp, hẳn nhiên sẽ gia tăng lòng tin và hy vọng. Đó là việc cấp bách cần thiết. Nhưng chưa đủ.

Một bà cảnh sát ở một thành phố nhỏ Thụy Điển, giúp lập hồ sơ di trú, sau khi nghe những câu trả lời đơn giản nhất, về nghề nghiệp, lý do, thời gian bị tù đầy của chúng tôi, đặt bút xuống, nói: 'Những sự việc ông kể, làm tôi xấu hổ quá. Làm sao chúng tôi có thể sống thư thái, sung sướng thế này, trong khi đồng loại phải chịu những điều khủng khiếp ấy. Tôi có thể tìm hiểu thêm những sự việc ông kể bằng sách báo nào không?'

Không. Không có sách báo nào bằng tiếng Thụy Điển, ngay cả bằng tiếng Anh, để có thể giới thiệu cho bà ta. Thì ra sức mạnh, khổ đau của chúng ta, tuy có bừng sáng, lay động được những đỉnh cao. Nhưng sâu rộng thì chưa.

Với ngày 3 tháng Tư, 1976, chỉ bằng một cái búng tay của bạo lực cộng sản cầm tù được cả trăm văn nghệ sỹ Việt Nam. Nhưng bài học nhận được từ thế giới văn minh về cái búng tay dễ dàng này, họ học 14 năm chưa thông. Họ sẽ còn phải tiếp tục học nữa.

Đạo lý chung của nhân loại sẽ kiên trì, không chỉ ôn tập cho họ, mà còn để cảnh giác những kẻ đui mù khác, còn muốn bắt chước họ.

Văn nghệ sỹ Việt Nam, cũng như dân tộc của họ, không có gì lớn hơn, để dâng hiến nhân loại, ngoài những kinh nghiệm đau thương của chính mình. Kinh nghiệm ấy, suốt 14 năm qua, đã không ngừng được thế giới tiếp nhận như một sức mạnh thức tỉnh, để nhận ra mặt thật của bao điều gian trá.

Trong ý hướng ấy, ngày 3 tháng Tư, thật xứng đáng để trở thành 'ngày quốc tế các nhà văn, nhà báo bị cầm tù'. Chúng tôi ước mong mỗi chúng ta, bằng cách riêng, cách chung, hãy thúc đẩy việc ấy.

Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Mạnh Côn, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Hoạt, Trần Việt Sơn, Dương Hùng Cường, Hoàng Vĩnh Lộc, Minh Đăng Khánh...những người đã chết vì tù đầy. Họ xứng đáng được tưởng niệm hàng năm.

Những việc làm tốt đẹp của cộng đồng Việt Nam hải ngoại bao năm nay hướng về những văn nghệ sỹ đang bị đầy đọa trong nhà tù nhỏ, nhà tù lớn ở quê hương, cần được phát huy.

Những bài học từ kinh nghiệm ngày 3 tháng Tư cần được sưu tập, rao giảng sâu rộng hơn.

Trong ý hướng ấy, ngày 3 tháng Tư, ngày đầu tiên những người văn nghệ Việt mang sinh mạng mình đương đầu với nhà tù Cộng sản, xứng đáng trở thành 'ngày văn nghệ sỹ Việt Nam' hàng năm.

Quanh những 'ngày văn nghệ sỹ Việt Nam' này, hàng năm sẽ có biết bao việc phải làm, phải viết, phải nói, phải phiên dịch, phải hội họp, triển lãm.

Với những thôi thúc, ray rứt, mang đi từ quê nhà, với lòng cảm kích sâu xa về những ơn nghĩa mà bạn hữu hải ngoại và thế giới dành cho, chúng tôi xin gửi tới bè bạn cũ mới những gợi ý trên đây, về sự thành hình của *"ngày văn nghệ sỹ Việt Nam", trong sinh hoạt cộng đồng;* và *ngày "quốc tế nhà văn nhà báo bị cầm tù", trong sinh hoạt văn bút và báo chí thế giới.*

Little Saigon 9-9-1989
TRẦN DẠ TỪ

Vừa xảy ra, đang nói tới

Lời cuối của Giáo chủ Ayatollah Khomeini

Dân Ba-Tư lưu vong đang hết sức khoái hoạt về một di chúc bổ chính thêm vào di chúc của giáo chủ Khomeini mà họ cho biết là như sau:

"Tôi để lại khối óc của tôi cho con trai tôi Ahmad, vì nó chẳng có bộ óc riêng nào."

"Đối với Rafsanjani, tôi để lại cho ông bộ râu để giúp ông khỏi luôn luôn bối rối vì không mọc được râu riêng cho mình."

"Còn cái bàn tay trái của tôi thì tôi để lại cho Hojatoleslam Mohtashemi là người chỉ còn vài ngón tay sau vụ đánh bom trên xe buýt năm 1984."

Và vị Giáo chủ đã di tặng cái phần thứ tư trong thân thể của ông ta cho nam nữ công dân Iran, "những người mà tôi đã (lạm dụng) trong suốt 10 năm qua."

DƯƠNG NHƯ NGUYỆN VÀ ĐỖ HÙNG TRẢ LỜI PHỎNG VẤN

Dương Như Nguyện

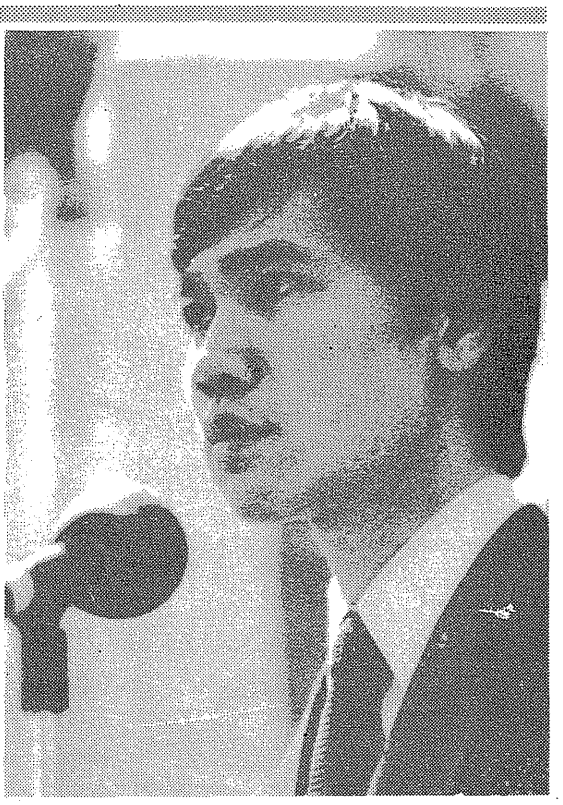

Đỗ Hùng

LTS. - Chỉ còn 10 năm nữa là hết thế kỷ 20. Và 10 năm đó chồng chất lên vai những thế hệ 40, 50, đủ nặng để đẩy lui những người này vào "tuyến hai" (mượn chữ của Đặng Tiểu Bình để chỉ vai trò thứ yếu của lớp người "đi trước" trên đường dài lịch sử). Bước vào thế kỷ 21, công việc quản trị và lãnh đạo (cộng đồng cũng như đất nước) phải và nên nằm trong tay những người hôm nay còn ở lứa tuổi 20, 30.

Hãy thử lắng nghe tuổi 20, 30 nói với... mọi người (lại mượn ý của Nhất Hạnh "nói với tuổi 20.")

Thế Kỷ 21 *phỏng vấn năm người trẻ, ở năm tiểu bang nước Mỹ.*

Kỳ trước đã có những phát biểu của Lê Cẩm Thạch. Kỳ này mời quý vị và các bạn nghe Đỗ Hùng và Dương Như Nguyện. Chúng tôi hy vọng tiếng nói của những người trẻ này sẽ có nhiều hồi âm.

Loạt phỏng vấn này do Lê Đình Điểu thực hiện.

Hỏi: Bạn học cái gì? Và đang làm cái gì?

Dương Như Nguyện:

Tôi học cử nhân báo chí, và tiến sĩ Luật (J.D.) Tôi hành nghề Luật sư ở Hoa Thịnh Đốn, chuyên về tố tụng cho các công ty (corporate litigation). Trước, tôi cộng tác với một tổ hợp luật sư ở thủ đô, khoảng 200 luật sư chuyên về các dịch vụ cho các công ty (corporate). Cách đây sáu tháng, tôi chuyển về làm cho chính phủ Hoa Kỳ. Securities & Exchange Commission là cơ quan giám sát tất cả các công ty toàn nước Mỹ. Tôi hành nghề tố tụng tương đương như công tố viện của Bộ Tư Pháp Hoa Kỳ.

Đỗ Hùng:

Tôi có cử nhân về chính trị học (Political Science) và Cao học Quản Trị Kinh Doanh (MBA: Master Business Administration). Hiện đang làm việc cho Bộ Quốc Phòng Mỹ với chức vụ Contract Cost/Price Analyst (tạm dịch là Phân Tích viên về giá cả trong hợp đồng của các hãng tư đầu tư với chính phủ).

Hỏi: Bạn có hài lòng với công việc hiện tại không?

Dương Như Nguyện:

Tôi hài lòng với công việc hiện tại vì chính phủ Hoa Kỳ cho tôi rất nhiều trách nhiệm. Tôi phải hy sinh tài chính rất nhiều để đánh đổi lấy kinh nghiệm ấy. Điều đáng buồn là cộng đồng Việt Nam đa số không hiểu mấy về công việc của tôi. Tuy hài lòng, đây không phải là tham vọng của tôi. Tôi luôn luôn muốn làm cái gì vĩ đại hơn trước khi mình thành 40 tuổi.

Đỗ Hùng:

Tôi sẽ chẳng bao giờ hài lòng với bất cứ công việc nào tại hải ngoại, tất cả chỉ là phương tiện để sống còn, để lợi dụng cho mục tiêu tối hậu là vận động chính trị ngoại giao để phục hồi một Việt Nam tự do. Vì vậy, một là tự tạo cho mình có một cơ sở buôn bán riêng, hai là làm việc trực tiếp trong chánh quyền Hoa Kỳ, nhất là bộ Ngoại Giao (State Department) để nắm vững tình hình quốc tế có liên quan đến Việt Nam hầu vận động thuận lợi cho tình thế nước nhà, vì không muốn những thành phần tay sai ngoại bang (già lẫn trẻ) làm tan nát đất nước thêm nữa.

Hỏi: Bạn nghĩ sao về hội nhập và bản sắc? Hai cái này có đối kháng đến độ không thể đi chung với nhau không?

Dương Như Nguyện: (câu này trả lời bằng tiếng Anh, người thực hiện cuộc phỏng vấn phỏng dịch sang tiếng Việt)

Hội nhập là một tiến trình. Bản sắc chỉ là một yếu tố. Theo tôi, bản sắc là điều kiện dẫn tới hội nhập; và hội nhập, một khi xảy ra, làm mạnh thêm bản sắc. Cần có ý thức về bản sắc trước khi để mình hội nhập vào dòng chính. Vấn đề này rất mơ hồ và trừu tượng. Vậy tôi xin chuyển ra cách nói nôm na, nghĩa là tôi muốn nói: "Hãy biết bạn là ai trước khi trộn lẫn."

Đỗ Hùng:

Tôi quan niệm hội nhập phải đi đôi với bản sắc. Hội nhập với xã hội ngoại nhân để mình không làm một gánh nặng cho xã hội của họ và ngay cho chính mình, để không bị biệt lập và chỉ trích, để học hỏi những cái hay cái lợi cho dân tộc. Nhưng trái tim và tư tưởng *phải có* bản sắc Việt Nam không để ngoại nhân xúc phạm và khinh thị. Hội nhập nhưng không để bị đồng hóa nhờ giữ được bản sắc Việt. Hội nhập là vì hoàn cảnh đưa đẩy (lưu vong tị nạn Cộng Sản) chứ *bản sắc bên ngoài* (mặt, tóc, da) không thể nào thay đổi được. Cho dù có thay đổi bản sắc bên trong đi nữa (Mỹ hóa) thì vẫn luôn luôn bị ngoại nhân coi như công dân hạng nhì.

Hỏi: Nếu Hà Nội mời bạn giúp, dưới một hình thức nào đó, bạn nghĩ sao?

Dương Như Nguyện:

Câu hỏi này rất *speculative*, đòi hỏi một câu trả lời hypothetical không chính xác. Xin miễn trả lời. Khi nào chuyện đó đến tôi sẽ có câu trả lời. Hơn nữa, chuyện đó có thể không bao giờ đến. Tôi là luật sư, rất chính xác, không muốn phỏng đoán. Nhất là trong lập trường và hành động của mình, không muốn bắt đầu bằng chữ "Nếu..."

Đỗ Hùng:

Tôi không bao giờ coi Hà Nội là một chánh phủ, đám Việt gian ở Bắc Bộ Phủ chỉ là một bọn thổ phỉ từ bản chất. Lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đã nêu rõ về bọn Việt Cộng ăn cướp quyền bính như thế nào. Dân tộc Việt Nam đã hưởng được gì khi bọn này lãnh đạo miền Bắc từ năm 1954-1975, miền Nam từ năm 1975, cho đến bây giờ 1989, nước Việt Nam đã đạt được gì trên trường quốc tế khi bọn này điều hành cả quốc gia hiện nay? Tài năng trí óc của người trẻ hải ngoại không thể đem phục vụ cho một lũ Việt gian tay sai các cường quốc. Thà mang kiếp lưu vong chứ không thể kết hợp giúp đỡ với bọn thổ phỉ được, không những đánh mất đi tư cách tỵ nạn mà còn bị dân tộc phỉ nhổ nữa.

Hỏi: Bạn thấy học sinh, sinh viên Việt Nam ở Mỹ (và ở các nơi trên thế giới tự do) nên hướng về những ngành học nào? Tại sao?

Dương Như Nguyện:

Điều cần nhất là học cái gì mình *muốn* và có khiếu. Riêng thiển ý của tôi, cộng đồng Việt Nam trong xã hội Mỹ thiếu

luật sư (luật sư thật sự có thể đương đầu vấn đề tố tụng và dịch vụ thương trường), thiếu các chuyên viên kinh tài (investment bankers), và các chuyên viên đi về bộ môn nghệ thuật trình diễn (performing arts).

Đỗ Hùng:

Sinh viên học sinh Việt Nam ở hải ngoại đa số đã chọn ngành kỹ thuật (điện tử, cơ khí, nguyên tử lực, vật lý, hóa học, toán...) vì nhu cầu sinh kế hơn là để thỏa mãn những ngành mình thực sự thích thú. Ngành kỹ thuật rất cần thiết cho nước nhà sau này khi chánh quyền thực sự của dân tộc ra đời. Một nước Việt Nam tương lai rất cần những người trẻ kỹ thuật để xây dựng đất nước. Tuy nhiên, số lượng người trẻ theo học những ngành như Chính Trị, Bang Giao Quốc Tế, Kinh Tế còn quá ít, đây là những ngành học tôi mong ước anh em trẻ nên hướng về vì đây là những kiến thức, phương tiện để đưa đến những cơ hội, hoàn cảnh cho cuộc vận động quốc tế hầu quốc gia Việt Nam có được những đại diện chân chính trên chính trường quốc tế tự do. Cuộc vận động đấu tranh quốc tế ở thế kỷ 21 cho một nước Việt Nam tự do không thể nào thành đạt với một lực lượng chỉ toàn là chuyên viên kỹ thuật.

Hỏi: Bạn có cho vấn đề tự do, dân chủ là quan trọng không? Làm sao để có tự do dân chủ đích thực?

Dương Như Nguyện:

Tự do dân chủ là căn bản của đời sống. Bắt đầu từ cá nhân đi đến tập thể. Con người ta sống chết vì tự do dân chủ. Ý niệm tự do dân chủ làm con người khác các tập thể loài vật. Làm sao có tự do dân chủ là một câu hỏi to lớn không thể trả lời trong phạm vi một cuộc phỏng vấn một cá nhân bình thường.

Đỗ Hùng:

Tự Do và Dân Chủ là ý niệm mà người trẻ đã hấp thụ trong khi bị lưu vong ở hải ngoại. Đây là mục tiêu cho sự đấu tranh để giành lại độc lập cho đất nước Việt Nam. Vì tự do và dân chủ nên người trẻ phải có bổn phận dấn thân tranh đấu, để loại bỏ những tay sai Việt gian Cộng Sản lẫn Quốc Gia, vì Việt Nam chưa bao giờ hưởng được hai danh từ cao quý đó. Dân tộc Việt Nam chưa hề hít thở không khí tự do mà chỉ hít toàn hơi cay và thuốc súng, chưa hề làm chủ cho vận mạng quốc gia vì bọn thổ phỉ Việt Cộng và quân phiệt Quốc Gia tranh nhau "quản lý."

Hỏi: Làm sao cho dân Việt Nam sống ấm no, hạnh phúc?

Dương Như Nguyện:

Đây cũng là một câu hỏi quá to lớn như câu hỏi trên. Hơn nữa, câu hỏi này có hai bình diện: Dân Việt Nam di cư ở các quốc gia (Vietnamese immigrants) và dân Việt Nam ở nước Việt Nam trên bản đồ thế giới. Tôi không muốn trả lời câu hỏi này vì phạm vi của nó quá to tát. Hơn nữa, tôi không thích tuyên bố quan điểm chỉ để tuyên bố quan điểm. Hành động to hơn lời nói. (Action speaks louder than words). Lỗi lầm hay tuyên bố quan điểm mà không làm đã xảy ra ở những người đi trước.

Đỗ Hùng:

Khi người trẻ hải ngoại đã loại bỏ được những thành phần tay sai ngoại bang, đã vượt qua được những cuộc chơi chính trị, đã được dân tộc tín nhiệm để điều hành đất nước, lúc đó chánh quyền từ dân tộc được khai sinh. Dân tộc Việt Nam chỉ có thể sống được ấm no và hạnh phúc khi những người trẻ từ dân và vì dân mà đứng ra đảm nhiệm vai trò lãnh đạo đất nước.

Dương Như Nguyện

(Không cho biết tuổi) Từng đoạt giải văn chương phụ nữ toàn quốc nhân lễ Hai Bà Trưng ở Sàigòn năm 1975. Thân phụ là giáo sư Dương Đức Như (quê Sơn Tây) dạy Đại học Văn Khoa. Thân mẫu người Huế. Nguyện là con gái lớn nhất trong gia đình bốn chị em. Thích chính trị, làm luật sư, nhưng cô gái họ Dương cũng ưa ca hát, nhảy múa, văn chương và hội họa.

Đỗ Hùng

Sinh tại Sàigon, 1959. Anh cả trong một gia đình tất cả sáu anh em, bố người Quảng Bình phục vụ trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa, cấp bực trung tá bộ binh, mẹ người Hà Nội làm giáo viên tiểu học tại Sàigòn. Hùng hiện giờ đã lập gia đình chưa có con cái, vợ Hùng tốt nghiệp Cao học Điện tử hiện đang làm việc cho Bộ Quốc Phòng Mỹ (U.S Department of Defense).

Gần đây Đỗ Hùng viết một bài dài "đấu lý" với Đoàn văn Toại và thách Toại tranh luận công khai. Toại chưa trả lời thách thức này, bị mưu sát ở Fresno. Hùng viết trên báo Mỹ phản đối hành vi bạo động, dù không tán đồng quan điểm chính trị của Toại.

TẠI SAO CẢI TỔ NỬA VỜI SẼ THẤT BẠI?

VƯƠNG HỮU BỘT

Nam Tư (Yugoslavia) có thể coi là nước đầu tiên trong khối Cộng Sản đã "cải tổ" kinh tế, nghĩa là giảm bớt chính sách kinh tế chỉ huy kiểu Sô Viết để tự tìm một đường lối riêng. Việc xung đột giữa thống chế Tito và Stalin khiến cho Nam Tư tách ra khỏi khối Sô Viết, tìm một lối đi riêng, có nguyên do vừa chánh trị, vừa kinh tế.

Sau đại chiến thứ hai, khi chế độ Cộng Sản mới thành lập ở Nam Tư, chính sách kinh tế Sô Viết đã được áp dụng. Kế hoạch 5 năm đầu tiên, ban hành năm 1947, rập khuôn theo lối Stalin. Các xí nghiệp đều bị quốc hữu hóa, theo chủ trương chuyên chính vô sản. Nhưng đảng cộng sản Nam Tư đã không chịu coi chính sách quốc hữu hóa kiểu Sô Viết là đúng mức chủ nghĩa Mác. Họ cho rằng khi nhà nước còn nắm trọn quyền, thì thợ thuyền vẫn chưa trở thành chủ nhân của các phương tiện sản xuất; thợ thuyền vẫn chỉ là công nhân lãnh lương bán sức lao động, nghĩa là còn "vong thân." Do đó ở Nam Tư người ta bắt đầu thí nghiệm cho công nhân tham dự vào các quyết định của xí nghiệp từ năm 1949. Việc tham dự được đem thử với 200 nhà máy, ở mỗi nhà máy lập một "hội đồng tư vấn công nhân" do thợ thuyền bầu ra. Năm sau, thể chế trên được chính thức hóa bằng một đạo luật, và mỗi xí nghiệp quốc doanh đều có ủy ban công nhân.

Đây là một thí nghiệm mới mẻ, không những ở khối Cộng Sản, mà được cả các nước Tây phương chú ý. Trong thập niên 1950 môn học về quản trị tại các nước tư bản cũng thảo luận sôi nổi về vấn đề "tham dự," do sự phát triển của trường phái "tương giao nhân bản" (human relation) ở xí nghiệp cũng như trong đại học. Trong giới nghiên cứu và giới quản đốc ở Mỹ, người ta đã nhận thấy rằng yếu tố vật chất không phải là động cơ duy nhất khích lệ con người cố gắng làm việc. Những nhu cầu khác như nhu cầu xã hội, tâm lý, cũng quan trọng như nhu cầu kinh tế. Vì vậy việc "tham dự" (participation) của công nhân trong các quyết định của xí nghiệp, nhất là các quyết định về chính công việc của họ, là một động cơ rất mạnh khiến công nhân gia tăng hiệu năng khi làm việc. Trong một giai đoạn sau 1950, trường phái "quản trị khoa học" máy móc (Taylorism) đã nhường chỗ cho trường phái "Tương giao nhân bản." Chính vì lý do đó các nhà nghiên cứu Mỹ châu cũng theo dõi các thí nghiệm ở Nam Tư đồng thời với các hệ thống xí nghiệp ở Tây Đức, Thụy Điển v.v., trong đó công nhân có tiếng nói trong việc quản trị. (1) Vài chục năm sau những kỳ vọng của trường phái này đã giảm bớt và những lý thuyết về "hệ thống mở" đã thay thế!

Đường lối công nhân tự quản kiểu Nam Tư

Những cải tổ vào thập niên 1950 có tính cách thí nghiệm. Người ta thấy hai khó khăn lớn trong việc tham dự của công nhân. Đó là vai trò của guồng máy làm kế hoạch, và tầm vóc lớn của nhiều xí nghiệp. Thứ nhất, nhà nước vẫn rập theo lối Sô Viết, muốn tập trung việc hoạch định nền kinh tế và đưa ra các kế hoạch tỉ mỉ để chỉ huy các đơn vị sản xuất. Thứ hai, trong các xí nghiệp lớn, số công nhân đông quá khó lòng cùng tham dự vào việc quản trị. Để đối phó với trở ngại thứ nhất, sau hiến pháp mới (năm 1963) những cải tổ định chế từ 1965 làm nhẹ bớt quyền chỉ huy của nhà nước, tức là quyền của trung ương đảng Cộng Sản Nam Tư trong việc quản lý nền kinh tế. Những cải tổ này trên lý thuyết nhắm thực hiện hệ thống 4 D như lời nhà kinh tế Nam Tư Rudolf Bicanic: (2)

Decentralisation (Tản quyền), De-etatisation (giảm can thiệp của guồng máy nhà nước), Depoliticisation (giảm vai trò của chánh trị) và Democratisation (Dân chủ hóa). Theo hệ thống này vai trò của đảng được giảm bớt để không mang chánh trị can thiệp vào các quyết định kinh tế. Vai trò của nhà nước được giảm bớt để các xí nghiệp do công nhân tự quản trị được quyền tự quyết định, đồng thời đóng góp ý kiến vào các kế hoạch ở cấp cao hơn. Do đó cần tản quyền cho các xí nghiệp trong việc họ phối hợp với nhau. Tất cả nằm trong chiều hướng Dân chủ hóa việc quản lý kinh tế.

Hệ thống "tự quản" (self management) đã được hiến pháp năm 1974 ấn định, lấy "Tổ Chức liên hợp cơ bản của công nhân" (Tổ Cơ Bản) làm đơn vị thấp nhất. Mỗi tổ cơ bản là một đơn vị có quyền làm chủ các phương tiện sản xuất của mình, do đó là đơn vị kế toán để tính lời lỗ đem chia cho các thành viên, và được phép tự quyết định về các kế hoạch sản xuất của mình. Trên nguyên tắc, đây là căn bản của nền dân chủ kinh tế, thực hiện giấc mơ của Karl Marx là công nhân làm chủ phương tiện sản xuất. Đó là một bước tiến đi xa hơn chế độ tập quyền kiểu Sô Viết.

Các Tổ Cơ Bản có thể liên kết lại thành những "Tổ Chức Kết Hợp Lao Động" (Tổ Kết Hợp), với các quyền tự quản như của tổ cơ bản. Mỗi tổ kết hợp tương đương với một xí nghiệp trong hệ thống kinh tế khác, như các hợp tác xã sản xuất. Trong các đoạn sau chúng tôi sẽ dùng chữ "xí nghiệp" cho giản dị.

Trong mỗi xí nghiệp (Tổ Kết Hợp) để làm công việc phối hợp các tổ cơ bản sẽ cùng nhau thỏa thuận coi những quyền quyết định nào được chuyển từ Tổ Cơ Bản lên cho tổ kếp hợp chủ trì. Giữa các xí nghiệp cũng ký những thỏa thuận khi cần hợp tác trong việc sản xuất, phân chia quyền lợi (kể cả lời, lỗ) và trách nhiệm đối với nhau khi bên này mua bán với bên kia.

Bên trên các xí nghiệp sẽ có những giao kèo xã hội (social contract) với chính quyền vùng, với đảng Cộng sản vùng, với nghiệp đoàn và tổ chức kinh tế vùng.

Về phương diện quản lý kinh tế, các định chế của hiến pháp 1974 có ý muốn tạo ra một hệ thống dựa trên sự thương thảo và giao kết trong tinh thần dân chủ. Trên bình diện quốc gia, kế hoạch của nhà nước không còn tính cách tập trung và tỉ mỉ như trước, mà chỉ đưa ra những chỉ tiêu hướng dẫn. Những tiêu hướng (indicator) này nhắm cung cấp tin tức và các ưu tiên để các xí nghiệp theo đó mà thương thảo, phối hợp với nhau. Một cải tổ quan trọng từ năm 1965 là mỗi xí nghiệp không những được quyền tự quản về các hoạt động đương tiến hành, mà còn có quyền quyết định bao nhiêu phần tiền lời đem chia, bao nhiêu phần dành lại để tái đầu tư. Số lợi tức để dành đó được sử dụng cho dự án đầu tư nào mà xí nghiệp chọn lựa. Vai trò của nhà nước trung ương như vậy đã giảm rất nhiều.

Xí nghiệp tự quản trên lý thuyết có thể hành sử theo qui tắc "tối đa hóa doanh lợi" (profit maximisation) như trong nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên khung cảnh thị trường cạnh tranh với giá cả tự do lên xuống theo luật cung cầu, đã không được thể hiện đầy đủ ở Nam Tư. Một phần là do sự can thiệp của chánh trị địa phương, một phần là vì bản chất của chế độ tự quản với quyền sở hữu nửa vời. Kết quả là sau mươi năm đầu rất hứa hẹn, cả nền kinh tế sa lầy trong lạm phát, thất nghiệp, và trì trệ.

"... (Ở Nam Tư) Mức sống của người dân theo thống kê chính thức, giảm một phần ba từ 1980 đến 1987. Sự thật chắc còn tệ hơn."

Giá cả và lạm phát

Trong nền kinh tế thị trường giá cả lên xuống theo mức cung cầu của món hàng, cho nên giá cả là tín hiệu cho biết mức khan hiếm của món hàng.

Việc định giá trong nền kinh tế Nam Tư tùy thuộc sự cấu kết giữa các xí nghiệp nhiều hơn. Giá cả của nhập lượng do xí nghiệp này mua của xí nghiệp khác là do giao kèo giữa đôi bên. Giá bán cho người tiêu thụ là do xí nghiệp tự quyết định. Khuynh hướng của các xí nghiệp là tìm cách tăng giá đến tối đa, không quan tâm đến người tiêu thụ, vì không sợ bị cạnh tranh. Nhất là không sợ cạnh tranh với hàng nhập cảng. Tình trạng các vùng tự trị khiến cho sự cạnh tranh giữa các vùng cũng bớt, và xí nghiệp tha hồ định giá. Một hậu quả là tình trạng lạm phát gia tăng.

Tình trạng lạm phát thêm trầm trọng vì hệ thống tín dụng do chính quyền kiểm soát. Ngân hàng có quyền cho các xí nghiệp vay mà không chú trọng đến mức lời. Khi mức lạm phát lên tới 40% hay 60% mà lãi suất ở dưới mức đó, thì trên thực tế ngân hàng đã chịu lỗ, với một lãi suất âm. Để bao cấp và nuôi dưỡng một xí

nghiệp lỗ lã ngân hàng nhà nước có thể chịu lỗ mà cho vay vì lý do chánh trị đối với họ quan trọng hơn. Trong nền kinh tế thị trường ngân hàng chỉ cho vay nếu thấy xí nghiệp có thể thành công. Ở Nam Tư xí nghiệp lỡ đầu tư vào các dự án thất bại, sản năng xuống thấp, không có tiền trả nợ, vẫn có thể được nhà nước bơm tiền thêm vào nuôi. Thiếu một thứ kỷ luật của thị trường tài chánh, quyền lợi và trách nhiệm của các xí nghiệp không được cân bằng. Nhà kinh tế S. Estrin cũng nhận xét rằng phần lớn các xí nghiệp thất bại còn được bao cấp theo lối "chính quyền trung ương hay địa phương thuyết phục một xí nghiệp khá hơn sáp nhập một xí nghiệp kém hiệu năng để tránh khỏi đóng cửa." (3) Như vậy thì trình trạng "kém hiệu năng" cứ được dung túng.

Tình trạng ngân hàng bao cấp bằng cách đổ tiền ra cho vay làm gia tăng lạm phát vì khối tiền tệ tăng lên mà hiệu năng sản xuất không tăng, số hàng hóa không lên kịp số tiền. Một nguyên nhân lạm phát nữa là số nợ vay từ tư bản nước ngoài. Tới năm 1984, Nam Tư nợ 20 tỷ mỹ kim do ngoại quốc cho vay. Tiền đầu tư của ngoại quốc nếu không được sử dụng làm tăng mức sản xuất thì chỉ góp vào lạm phát mà thôi. Đầu năm 1988, thủ tướng Ante Markovic đã nói "Tháng hai vừa qua giá cả tăng đến mức chúng ta sẽ phải đương đầu với nhịp lạm phát 1000 phần trăm một năm." Trong thời gian đó nợ ngoại quốc đã tăng lên đến 26 tỷ Mỹ Kim. (4)

Sở dĩ các xí nghiệp thất bại mà vẫn được tài trợ để cứu giúp là vì nhà nước ở địa phương cũng như trung ương muốn bảo vệ lý thuyết "quyền sở hữu của công nhân" tại các xí nghiệp tự quản. Chính quyền lại phải can thiệp ngay vào giá cả để ngăn chặn lạm phát. Đạo luật về giá cả năm 1980 đã hạn chế tối đa vai trò của thị trường trong việc định giá. Như vậy giá cả không còn là tín hiệu của cung cầu và mức độ khan hiếm nữa, vai trò tin tức kinh tế của nó mất đi.

Tóm lại có hai nguyên do khiến giá cả ở Nam Tư không được tự do và không đóng được vai trò của giá cả trong một nền kinh tế thị trường. Một là giá cả của những nhập lượng quan trọng không do thị trường quyết định mà do các giao kèo giữa các xí nghiệp và chánh quyền thương thảo giống như những cartel (liên kết phi pháp giữa các đại tư bản để "làm giá"). Hai là nhà nước muốn đối phó với nạn lạm phát nên can thiệp quá nhiều vào việc định giá.

Tình trạng trên được nuôi dưỡng vì sự can thiệp của chánh trị vào kinh tế, mặc dù trên lý thuyết nền kinh tế phải được giải tỏa khỏi sự thao túng của chánh trị (Depolitisation).

Chánh trị lấn át kinh tế

Theo hiến pháp, một xí nghiệp tự quản bảo đảm công nhân làm chủ xí nghiệp bằng quyền bỏ phiếu của công nhân để bầu ban quản đốc. Ban quản đốc được bầu lên hai năm một lần, và có quyền tái ứng cử. Theo đúng nguyên tắc đó thì công nhân sẽ lựa chọn ban quản đốc nào phục vụ cho quyền lợi của họ.

Trên thực tế, theo Ulrich Wagner, chỉ có một số cán bộ thay nhau lần lượt nắm quyền điều khiển xí nghiệp (5). Sự tham dự của công nhân chỉ giới hạn đến phạm vi trực tiếp liên quan đến quyền lợi của họ mà thôi. Sự phân chia giai cấp giữa ban quản đốc và công nhân tạo ra một mối tương quan không khác gì của chủ và thợ. Hơn nữa, không phải công nhân nào cũng muốn dự phần vào việc quản trị, đi họp hành, kiểm tra sổ sách v.v.

Đạo luật về "Bảo Vệ Giá Trị của Tài Sản xã hội chủ nghĩa" có mục tiêu lý thuyết là bảo vệ

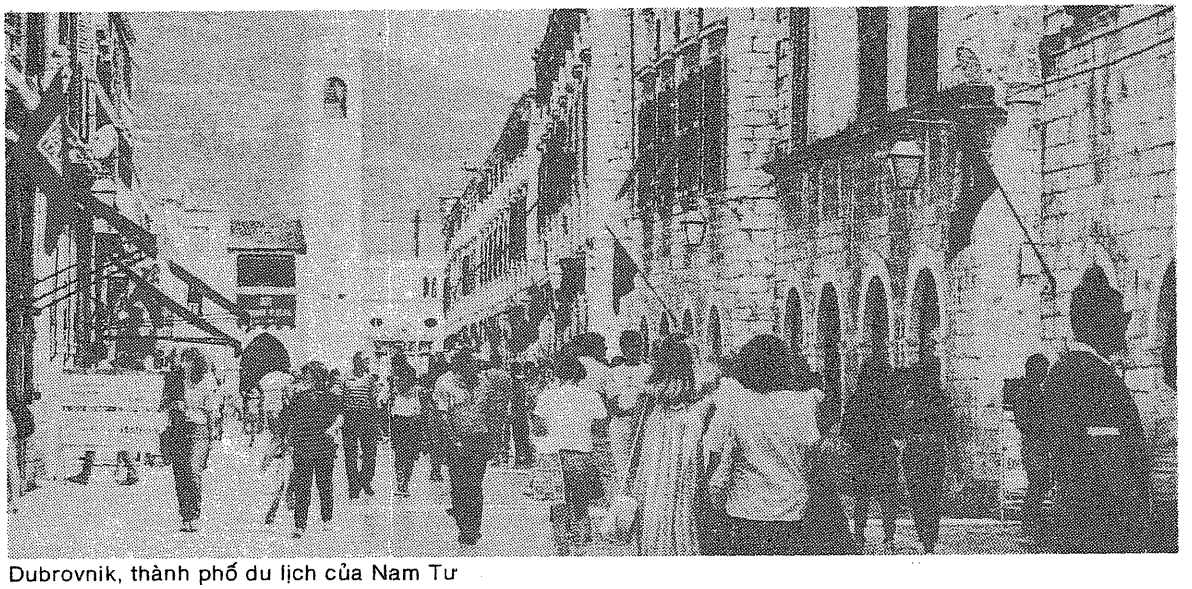

Dubrovnik, thành phố du lịch của Nam Tư

công nhân chống lại sự lạm dụng của ban quản trị do họ bầu ra. Theo đạo luật này thì những quyết định quan trọng của xí nghiệp phải được chính quyền duyệt xét. Trong tình trạng độc đảng thì chính quyền có nghĩa là Liên Đoàn Cộng Sản Nam Tư. Nhân danh việc bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, họ buộc nhân viên ban quản đốc phải có lập trường chánh trị theo đường lối đảng. Tóm lại là đảng Cộng Sản vẫn là chủ nhân tối thượng, các đảng viên nắm giữ các đặc quyền, như M. Djilas mô tả trong cuốn *Giai cấp mới*.

Nhà nước can thiệp vào việc quản lý xí nghiệp cũng do tình trạng nhà nước là chủ nhân của hệ thống bao cấp và tín dụng. Khi nhà nước đứng ra bảo đảm vay nợ cho xí nghiệp thì tất nhiên phải có quyền kiểm soát. Nhưng thường thì việc kiểm soát không ngừng lại ở sự cứu xét thành quả kinh tế. Có một ràng buộc chặt chẽ giữa các ban quản đốc và đảng bộ địa phương. Đảng có quyền bãi chức ban quản đốc bất lực, nhưng không muốn làm mất uy tín và quyền hạn của đảng khi hạ bệ đảng viên.

Tình trạng chánh trị đặc biệt của Nam Tư cũng là một nguyên nhân của những khó khăn kinh tế. Nam Tư là một liên bang có sáu nước cộng hòa dựa trên sắc tộc, và hai vùng tự trị. Những cải tổ có tính cách tản quyền và hệ thống giao kèo xã hội làm sức "ly tâm" mạnh hơn. Miền bắc tương đối phát triển cao, miền nam còn chậm tiến. Giao kèo xã hội là sự liên kết giữa các xí nghiệp với đảng và nhà nước của một vùng. Với lực ly tâm khiến quyền của địa phương mạnh hơn, quyền trung ương giảm đi, tình trạng chênh lệch về kinh tế không được cải thiện. Mỗi vùng cố tự bảo vệ lấy quyền lợi của mình, cho nên cả nước Nam Tư có tám vùng kinh tế riêng. Nhà cầm quyền mỗi vùng đặt ưu tiên cho vùng mình. Thí dụ có một xí nghiệp ở vùng khác đã sản xuất một món hàng rẻ hơn, vùng này vẫn muốn trợ cấp để nuôi một xí nghiệp của mình làm ra cùng một món hàng, dù chi phí quá cao. Chính quyền ở mỗi vùng cũng tìm cách phân bố tài nguyên thiên nhiên ưu tiên cho vùng của mình. Ở trên chúng ta đã nói đến tình trạng giá cả thiếu cạnh tranh vì hàng nhập cảng bị hạn chế. Sự hạn chế giao lưu giữa các vùng cũng làm cho mức cạnh tranh bớt đi nữa, khiến cho mỗi vùng có khuynh hướng "tự túc" về mọi mặt. Kinh nghiệm ở các nước Cộng Sản khác cũng cho thấy thí nghiệm tản quyền thường dẫn tình trạng "sứ quân." Lý do là ở mỗi vùng đảng bộ được nhiều quyền hơn và càng bám giữ lấy, có khi bất chấp quyền lợi chung cả nước hay các vùng bên cạnh. Tản quyền mà không có tự do cạnh tranh của thị trường thì chỉ gây tai hại thêm, vì mỗi đơn vị có quyền sẽ thành một sứ quân.

Lý do xí nghiệp tự quản thất bại

Sự thất bại trong nền kinh tế Nam Tư với chính sách xí nghiệp tự quản đã được quy vào hai nguyên do: chính sách tín dụng sai lầm, và hiện tượng ly tâm do chính sách tản quyền và điều kiện chính trị địa phương. Dấu hiệu của sự thất bại là lạm phát, thất nghiệp và cán cân chi phó thâm thủng với số nợ ngoại quốc ngày một gia tăng. Mức sống của người dân, theo thống kê chính thức, giảm một phần ba từ 1980 đến 1987. Sự thật chắc còn tệ hơn. Nhưng bản chất của hệ thống công nhân tự quản cũng là một nguyên do chánh.

Nói chung, có hai hậu quả tai hại của hệ thống này: thị trường nhân dụng cứng đọng thiếu giao lưu và không có một thị trường tài chánh để đóng vai trò kiểm soát từ ngoài xí nghiệp.

Trên nguyên tắc công nhân làm chủ các phương tiện sản xuất, như máy móc, nhà cửa, đất đai, tức là mọi tích sản của xí nghiệp. Nhưng quyền làm chủ ở đây không giống như quyền tư hữu ở nền kinh tế thị trường. Như đã nói trên công nhân của xí nghiệp ở Nam Tư có quyền *dùng* tài sản của xí nghiệp để sinh lợi và chia nhau số doanh lợi, nhưng không có quyền *sang nhượng* tài sản đó như người có quyền tư hữu. Một công nhân rời bỏ xí nghiệp vì muốn làm việc ở một nơi khác hay chọn một nghề khác thì anh hay chị ta sẽ mất luôn quyền chia lời trong xí nghiệp cũ.

Một hệ quả của tình trạng "làm chủ" đó là mỗi tổ cơ bản hay tổ liên kết không muốn nhận thêm công nhân mới vào làm. Vì thêm công nhân mới tức là lợi nhuận chung phải được đem chia ra nhiều phần hơn. Đây là một lý do khiến các xí nghiệp thường chuộng lối sản xuất dùng máy nhiều hơn dùng sức người (capital intensive production process). Kết quả là nạn thất nghiệp rất cao; từ năm 1965 đã lên tới 20 phần trăm, và tiếp tục gia tăng.

Hệ thống tự quản khiến cho việc tính toán về lợi tức và chi phí khi mướn công nhân mới trở nên khó khăn hơn. Trong một xí nghiệp tư bản người quản đốc có thể tính toán khá dễ dàng lợi nhuận và kinh phí mỗi lần mướn thêm một nhân công, dựa trên sản năng và lương bổng của người thợ. Trong một xí nghiệp tự quản, các "chủ nhân" cũ không thể tính trước được một người mới vô sẽ tốn bao nhiêu kinh phí. Vì kinh phí có cả phần chia của doanh lợi chứ không phải chỉ có lương bổng. Hơn nữa xí nghiệp tự quản không được phép sa thải người công nhân mới mướn vô dù ngay năm sau xí nghiệp lỗ lã. Một khi bước chân vô, anh, chị ta sẽ trở thành cũ, như mọi người. Do đó sự tính

toán lời lỗ khi thâu nhận một người mới rất là khó.

Lẽ tự nhiên để tránh khó khăn và rủi ro các "công nhân - sở hữu chủ" cũ sẽ tự bảo vệ quyền lợi của họ và không muốn thâu nhận thêm người. Để giải quyết tình trạng trên, *Đạo luật lao động kết hợp* năm 1977 đã cho phép xí nghiệp "bán việc làm." Mỗi công dân có thể đóng góp tiền cho một xí nghiệp để lấy một chỗ làm trong một Tổ Cơ Bản. Nhưng một người thất nghiệp khó mà có tiền đi mua việc làm.

Một hệ quả khác của hệ thống tự quản là dù tư nhân được phép kinh doanh nhưng không nhất thiết bành trướng để cạnh tranh với các hợp tác xã tự quản. Một doanh nhân thành công nhưng không thể phát triển vì nếu số công nhân vượt quá một giới hạn, thí dụ năm người, thì cơ sở kinh doanh đó phải biến thành tự quản, nghĩa là chia quyền cho mọi công nhân. Tình trạng này cũng làm mức cạnh tranh giảm đi trong thị trường, vì tư nhân không được phát triển để cạnh tranh với hợp tác xã. Các xí nghiệp thiếu hiệu năng vì vậy có thể vẫn tồn tại và duy trì "độc quyền," thiệt hại cho người tiêu thụ.

Những xí nghiệp đang hoạt động cũng không muốn đầu tư để tạo ra những dự án mới, vì mỗi dự án đó sẽ trở thành một đơn vị độc lập, một tổ cơ bản mới. Các công nhân của xí nghiệp mới sẽ tự quản và chia nhau doanh lợi do vốn đầu tư của xí nghiệp mẹ tạo ra, mà công nhân xí nghiệp mẹ không được chia.

Vì vậy đa số xí nghiệp mới đều do chính quyền ở các cấp tạo ra, cung cấp vốn mở đầu và tài trợ bằng tín dụng. Vốn mở đầu được cung cấp có thể chênh lệch xa nhau, vì vậy nhiều người than phiền về tình trạng bất công trong việc phân bố tài nguyên chung khiến lợi tức chênh lệch.

Sự chênh lệch bất công cũng vì công nhân mỗi xí nghiệp chia lợi nhuận của xí nghiệp mình, chứ không phải chỉ lãnh lương bổng. Vì vậy có thể có hai công nhân cùng có khả năng như nhau, cùng làm một thứ việc, nhưng lương bổng khác xa nhau, chỉ vì làm ở hai xí nghiệp lời, lỗ khác nhau. Không có một thị trường nhân dụng năng động để công nhân cạnh tranh đi tìm và chọn việc. Một xưởng được cấp nhiều vốn hơn, được dùng nhiều máy móc hơn, công nhân trong đó sẽ hưởng nhiều lợi tức hơn một người làm ở xưởng ít máy móc, dùng nhiều lao động. Tình trạng bất công này gây ra xung đột, giữa các xưởng, giữa các vùng. Công nhân nhiều nơi đã đình công, đó là điều mà người ta tưởng công nhân không bao giờ làm khi họ trở thành chủ nhân của phương tiện sản xuất.

Bế tắc về đầu tư và phát triển

Hệ thống công nhân tự quản gây nhiều trở ngại trong việc đầu tư và phát triển nền kinh tế quốc gia.

Trước hết là trong quyết định đầu tư của xí nghiệp. Mỗi xí nghiệp bình thường phải quyết định chia lợi nhuận làm hai phần. Một phần giữ lại để tái đầu tư, bảo trì các phương tiện sản xuất hiện có hay các dự án phát triển mới. Một phần đem chia cho các sở hữu chủ, thí dụ trả cổ tức (dividend) cho các người làm chủ cổ phần của xí nghiệp (trong nền kinh tế thị trường). Ban quản đốc có thể không tăng cổ tức dù lợi nhuận có gia tăng, nếu họ đưa ra những dự án đầu tư tốt, hứa hẹn sự phát triển và lợi nhuận

"Khi quyền hành nằm trong tay một đảng và đảng có thể trùm lấn lên mọi lãnh vực sinh hoạt, thì hiện tượng bao cấp, can thiệp, dung túng tất sẽ xảy ra."

Tóm lại các hiện tượng mô tả trên đây cho thấy không có thị trường nhân dụng giao lưu tự do đã gây ra rất nhiều lộn xộn trong phạm vi một xưởng, cũng như trong phạm vi quốc gia. Nhân công không có tự do đổi việc vì chỗ làm gắn liền với lợi tức, lương bổng gắn liền với tài sản mình đóng vai làm chủ. Trong nền kinh tế thị trường một người có thể làm việc, lãnh lương ở một nơi (bán kỹ năng lao tác) và mua cổ phần làm chủ một phần nhỏ của xí nghiệp khác. Họ có thể đổi việc hay mua, bán cổ phần tùy ý.

Có hai thị trường: thị trường nhân dụng và thị trường tài chánh, tư bản để thực hiện các việc trao đổi trên.

lâu dài trong tương lai. Họ có thể thuyết phục cổ đông nhận cổ tức ít hơn vì nghĩ đến lợi nhuận tương lai hấp dẫn hơn. Nếu cơ hội đầu tư quả thật hấp dẫn, quyết định dành tiền để đầu tư sẽ khiến giá trị của cổ phần tăng lên trên thị trường chứng khoán. Cổ đông nào cần tiền ngay có thể bán bớt cổ phần của mình đi mà hưởng lợi nhờ giá cổ phần lên cao. Cổ đông nào không cần tiền tiêu ngay thì cứ giữ. Nhờ hệ thống cổ phần và thị trường chứng khoán nên quyết định đầu tư không phụ thuộc vào quyết định tiêu thụ của sở hữu chủ xí nghiệp. Trong môn tài chánh học người ta gọi đó là "định lý tách biệt" (seperation theorem). Quyết định đầu tư lấy tiêu chuẩn là lợi suất của dự án đầu

tư có cao hay không. Quyết định đó được tách biệt ra khỏi quyết định tiêu thụ của các sở hữu chủ, họ có thể mỗi người một ý thích khác nhau tùy gia cảnh, tuổi tác, v.v.

Trong trường hợp của xí nghiệp tự quản định lý phân biệt không thể áp dụng, khi một xí nghiệp quyết định đầu tư một phần lợi nhuận thì tập tức phải cắt bớt lợi tức của tất cả các công nhân - sở hữu chủ. Công nhân không thể bán phần sở hữu của họ nếu họ cần tiền tiêu ngay. Nếu phải lựa chọn giữa đầu tư (lợi tức với rủi ro trong tương lai) và chia lời (lợi tức để tiêu thụ chắc chắn bây giờ) thì người công nhân - sở hữu chủ sẽ chọn chia lời ngay nhiều hơn. Lựa chọn đó dựa trên sự cân nhắc một bên là lợi tức chắc chắn hiện tại, với lợi tức tương lai có thể rủi ro. Mà đầu tư bao giờ cũng có đôi chút rủi ro, vì có khi thành công, có khi thất bại.

Sự kiện trên làm trở ngại việc phát minh, sáng chế, đổi phương pháp làm việc, biến chế sản phẩm mới, v.v. Tất cả những vụ đầu tư để canh tân, cải tiến phương pháp sản xuất hay cho ra đời những sản phẩm mới đều có tính cách rủi ro. Ở một nền kinh tế năng động như ở Bắc Mỹ mỗi năm có bao nhiêu sáng chế và phát minh mới, chỉ có khoảng 5, 10 phần trăm thành công còn lại 90,95 phần trăm là thất bại. Nhưng tại sao các xí nghiệp dám đầu tư vào các dự án rủi ro? Một phần có doanh nhân sẵn sàng bỏ vốn vào sáng chế và phát minh, nếu mình không làm sẽ bị qua mặt và đào thải. Một phần nữa là vì người ta có thể mướn thêm người nếu thành công, rồi thải ra bớt nếu thất bại. Nhưng lý do quan trọng hơn là sở hữu chủ của các xí nghiệp có thể mua cổ phần của nhiều công ty khác nhau. Những dự án đầu tư thành công hay thất bại của nhiều công ty, hơn bù kém, không làm cho người chủ các cổ phần thua lỗ hoàn toàn. Chỉ những doanh nhân liều lĩnh mới bỏ hết vốn liếng vào một dự án. Ngoài ra ai cũng thể theo qui tắc phân tán để bớt rủi ro (Risk diversification). Công nhân - sở hữu chủ của xí nghiệp tự quản ở Nam Tư không thể tản bớt rủi ro được. Lợi tức và tất cả tài sản sanh lợi ở trong một xí nghiệp mà thôi. Vì vậy họ phải tìm cách tránh rủi ro đến cùng. Đó là lý do tại sao họ không dám đầu tư cho các phát minh, canh tân lối làm việc, như các xí nghiệp ở một nền kinh tế có thị trường tài chánh và tư bản năng động. Tình trạng này làm mức phát triển của cả nền kinh tế Nam Tư phải chậm chạp hơn trong một nền kinh tế thị trường.

Ngoài ra những công nhân làm ở một xí nghiệp lâu năm sẽ có khuynh hướng bảo vệ cái gì đang có hơn là đầu tư cho tương lai nếu mức lợi suất không hấp dẫn ghê gớm. Trong một nền kinh tế thị trường nếu ban quản đốc thấy kinh phí tư bản (cái giá phải trả khi gây vốn làm ăn) là 15 phần trăm một năm, thì bất cứ dự án nào hứa hẹn trên 15 phần trăm một năm đều đáng đầu tư. Ở nền kinh tế Nam Tư lại khác, vì người công nhân - sở hữu chủ bị gắn liền với xí nghiệp. Nếu họ rời bỏ xí nghiệp thì họ mất luôn lợi nhuận tương lai của các dự án đầu tư hiện tại. Các tác giả Furubotn và Pejovich đã tính ra là, nếu một công nhân dự trù trong một thời gian ngắn sẽ về hưu thì thà rằng anh, chị ta lấy tiền lời đem chia mà bỏ quỹ tiết kiệm còn hơn là để lại cho xí nghiệp đầu tư (6). Họ nêu thí dụ nếu một công nhân dự trù chỉ còn 5 năm sẽ rời bỏ xí nghiệp. Đối với người công nhân này thì giữ tiền lại để đầu tư trong xí nghiệp với mức lời 23 phần trăm một năm cũng chỉ bằng đem chia tiền lời, mang về bỏ quỹ tiết kiệm mà hưởng 5% suốt đời. Những người được bầu vào hội đồng quản trị của xí nghiệp đa số đều là các công nhân thâm niên, lớn tuổi. Tất nhiên họ sẽ chọn chia lời ngay hơn là đầu tư lâu dài.

Thiếu cạnh tranh đích thực của thị trường

Những người phát khởi nền kinh tế xí nghiệp tự quản do công nhân làm chủ đã nghĩ rằng họ vừa bảo vệ được một quy tắc căn bản của chủ nghĩa Marx, vừa tìm được giải đáp cho các khó khăn, trì trệ gây ra vì lối kinh tế chỉ huy kiểu Sô Viết. Nói rõ hơn, họ vẫn theo Marx khi bỏ quyền tư hữu, cho công nhân trực tiếp làm chủ các phương tiện sản xuất. Mặt khác hệ thống tự quản giúp công nhân có động lực hăng hái hơn khi làm việc, có sự kiểm soát của "chủ nhân" trên ban quản đốc và có sự cạnh tranh giữa các xí nghiệp. Đồng thời nhà nước vẫn đóng vai trò phối hợp tối cao. Đó là lý thuyết thì như vậy.

Kinh nghiệm ở Nam Tư trong 40 năm qua cho thấy giấc mộng đó không thành. Một phần là lý do chánh trị. Khi quyền hành nằm trong tay một đảng, và đảng có thể trùm lấn lên mọi lãnh vực sinh hoạt, thì hiện tượng bao cấp, can thiệp, dung túng tất sẽ xảy ra. Sự cạnh tranh không còn khi các xí nghiệp cố kết bảo vệ quyền lợi lẫn nhau, trở thành những cartels. Vì vậy mà lạm phát cứ gia tăng, thất nghiệp cũng gia tăng, nợ ngoại quốc càng ngày càng nhiều, mức sống suy sụp.

Nhưng một yếu tố căn bản khiến nền kinh tế Nam Tư không phát triển như ý muốn là bản chất của quyền sở hữu các xí nghiệp. Rất nhiều căn bệnh kinh tế ở Nam Tư có thể quy về đầu mối là thiếu quyền sở hữu đích thực, không có một thị trường tư bản (capital market) để trao đổi, mua bán quyền sở hữu của các xí nghiệp,

và thị trường nhân dụng bị méo mó lệch lạc. Vì vậy sự cạnh tranh trong thị trường phẩm vật cũng giảm bớt.

Thứ nhất, không có quyền tư hữu thì sự cạnh tranh cũng giảm bớt. Trong nền kinh tế thị trường mỗi xí nghiệp đều có thể bị cạnh tranh nếu có doanh nhân lập ra xí nghiệp mới để nhảy vô thị trường của mình (sanh = entry). Nếu xí nghiệp làm ăn dở thì sẽ sập tiệm, giải tán luôn (tử = exit). Trong một đoạn trên chúng tôi đã nêu thí dụ doanh nhân bỏ vốn lập cơ xưởng rồi không dám phát triển, vì quá năm người thợ thì cơ xưởng trở thành của chung. Ngược lại xí nghiệp có thất bại vẫn được bao cấp. Không có "sinh, tử tự do" thì không đủ cạnh tranh, dễ đưa đến tình trạng thao túng hay độc quyền. Khi xí nghiệp đã an tâm không lo có người mới nhẩy vào cạnh tranh thì họ có thể tăng giá tùy thích. Công nhân ở bên trong mỗi xí nghiệp thì chỉ nhắm bảo vệ sở làm và quyền làm chủ của mình. Khi trao đổi mua bán giữa các xí nghiệp thì cấu kết với nhau, với sự hỗ trợ của đảng ở địa phương.

Không có thị trường tư bản nên không có sự kiểm soát từ bên ngoài. Trong nền kinh tế thị trường nếu một xí nghiệp có tiềm năng cao mà ban quản đốc dở không biết khai thác thì giá cổ phần của xí nghiệp đó sẽ xuống. Người ngoài có thể bỏ tiền ra mua cổ phần rẻ để chiếm quyền đa số và kiểm soát (take over), với mục đích khai thác hết tiềm năng, gia tăng lợi nhuận. Nhờ lợi nhuận cao, giá cổ phần tăng lên họ sẽ kiếm lời. Đó là cách kiểm soát từ bên ngoài nhờ thị trường tư bản (capital market check). Nhưng ở Nam Tư thì khác. Xí nghiệp không muốn và không cần khai thác hết tiềm năng nhưng vẫn không sợ bị ai cạnh tranh. Quyền lợi của cả ban quản đốc lẫn "công nhân - sở hữu chủ" làm cho họ chỉ kiếm lợi nhuận ngắn hạn hơn là kế hoạch lâu dài mà có rủi ro. Công nhân - sở hữu chủ dung túng sự bất lực của ban quản đốc miễn sao bảo vệ chỗ làm cho họ. Cái giá trả cho sự bất lực đó được đổ sang cho cả xã hội: bao cấp, tăng giá, lạm phát và thất nghiệp. (7)

Vì bản chất "sợ rủi ro" quá đáng của hệ thống nên các xí nghiệp ở Nam Tư không phát triển ngoại thương. Bán hàng cho nước ngoài phải cạnh tranh hơn và nhiều rủi ro hơn. Vì vậy họ chỉ chú trọng đến thị trường nội địa và trao đổi với các nước trong khối Comecon. Ngược lại thì nhà nước cũng phải đặt ra các hàng rào ngăn cản hàng nhập cảng, về quan thuế, hối đoái, để bảo vệ cán cân chi phó đã quá thâm thủng. Kết quả là các xí nghiệp Nam Tư không bị hàng nhập cảng cạnh tranh và có thể tiếp tục tình trạng làm việc kém hiệu năng. Cuối cùng người tiêu thụ phải trả cái giá của sự kém hiệu năng đó: hàng xấu, giá cao.

Trên thị trường nhân dụng thì vì công nhân làm chủ nên các xí nghiệp không muốn mướn thêm người, sợ chia quyền làm chủ, như đã nêu ở trên. Cũng lại xã hội phải trả cái giá cho sự lệch lạc đó bằng nạn thất nghiệp trầm trọng. Lý do vì công nhân mới không được cạnh tranh với công nhân đã có sở làm thâm niên.

Vấn đề chính là công nhân trên nguyên tắc là chủ xí nghiệp nhưng họ không đủ quyền hạn cũng như trách nhiệm của người chủ. Quyền sở hữu mà không có trách nhiệm và quyền hạn đầy đủ kèm theo là nguyên nhân gây ra tình trạng méo mó, lệch lạc.

Rất nhiều căn bệnh kinh tế ở Nam Tư có thể quy về đầu mối là thiếu quyền sở hữu đích thực, không có một thị trường tư bản để trao đổi, mua bán quyền sở hữu của các xí nghiệp, và thị trường nhân dụng bị méo mó lệch lạc.

Phải giải quyết vấn đề quyền sở hữu

Hãy nói đến khía cạnh trách nhiệm trước. Người công nhân Nam Tư làm chủ một số phương tiện sản xuất do xã hội trao cho. Để bù lại, đáng lẽ người ta phải bồi hoàn xã hội một số "kinh phí tư bản" (the cost of capital) như chính sách đã được áp dụng ở các nước Đông Âu khác (Hungary và Đông Đức). Công nhân - sở hữu chủ phải chịu trách nhiệm như những người thuê dài hạn (lease) các phương tiện sản xuất. Đáo hạn thì phải tính lời lỗ trả lại cho xã hội, tức là chủ nhân thật của các máy móc, nhà cửa, đồ thiết bị. Nếu trả tiền lời đầy đủ thì giao kèo thuê được triển hạn, nếu không thì trao trả các phương tiện sản xuất để người khác sử dụng. Có như vậy người sử dụng mới có trách nhiệm đối với xã hội, và bắt buộc phải kiểm soát khả năng gây lợi nhuận của xí nghiệp mình. Có trách nhiệm thì trong hệ thống có sự tự kiểm soát.

Quyền sở hữu còn bao hàm một số quyền hạn rõ rệt. Một là quyền dùng các phương tiện sản xuất để sinh lợi. Hai là quyuền sang nhượng phần sở hữu của mình cho người khác. Các công nhân tự quản có

quyền thứ nhất mà không có quyền thứ hai. Tất nhiên họ không thể có quyền thứ hai vì họ chỉ là một thứ người "thuê dài hạn" (thuê vĩnh viễn) các phương tiện sản xuất. Nhưng tại sao quyền thứ hai lại quan trọng, không phải chỉ đối với người công nhân mà thôi, còn cho cả nền kinh tế một nước?

Ở trên chúng ta đã nêu lên một hệ quả tai hại là vấn đề thất nghiệp. Vì quyền làm sở hữu chủ gắn liền với việc làm nên các công nhân không muốn mở rộng cho người mới vào, sợ họ chia phần sở hữu. Ngoài ra, vì các công nhân làm chủ đều như nhau, nên người làm giỏi hay kém, đóng góp nhiều vào việc tăng gia tài sản của xí nghiệp thì cũng chỉ chia một phần đều như nhau trên số tài sản gia tăng đó. Vì vậy tưởng là có động lực thúc đẩy làm việc cho hăng, cho giỏi, nhưng động lực đó cũng bị giới hạn.

Vì chỗ làm và quyền sở hữu gắn liền, nó còn khiến cho công nhân không dễ đổi việc được, nghĩa là thị trường nhân dụng thiếu giao lưu. Thí dụ một người thợ nhuộm làm ở một hăng dệt. Anh hay chị ta càng ngày càng thấy mình có khả năng xuất sắc về hóa học, có thể làm các việc khó hơn, đóng góp bằng sản năng cao hơn. Nhưng nếu anh, chị bỏ hăng dệt thì mất luôn quyền sở hữu ở hăng, mà không chắc đã tìm được việc ở một cơ sở hóa học khác, vì ở cơ sở khác người ta cũng không muốn mướn người mới. Như vậy là cả xã hội mất một nhà hóa học giỏi, mà chỉ giữ được một người thợ nhuộm tầm thường. Cộng lại sản năng lao động bị mất của tất cả những người thợ đó thì cả xã hội bị thiệt thòi biết bao nhiêu. Nhưng chính người thợ nhuộm thì không chắc đã thiệt thòi và có thể còn thỏa mãn với lợi tức của mình. Thí dụ hăng dệt đang kiếm nhiều lời, mà xưởng hoá học còn mới, ít lời. Người thợ bù số lương thợ nhuộm thấp với tiền chia lời nhiều, có thể lợi tức còn cao hơn là làm ở xưởng hóa học, lãnh lương nhiều mà tiền lời thấp. Cả hệ thống công nhân tự quản nuôi dưỡng tình trạng đó. Thị trường nhân dụng bị lệch lạc méo mó là như vậy. Trong một thị trường nhân dụng hữu hiệu thì người thợ tự do tìm việc làm nào giúp anh, chị ta tạo ra sản năng cao nhất, lãnh lương cao nhất. Hãng xưởng trả lương cao cho người thợ nào chứng tỏ được sản năng cao. Ngoài ra nếu người thợ có tài sản, mua cổ phần làm chủ các xí nghiệp hay gởi quỹ tiết kiệm, lợi tức do tài sản mang lại tách biệt khỏi sở làm và lương bổng. Cả hai thị trường nhân dụng và thị trường tài chánh, tư bản giúp phân bố tài nguyên có hiệu quả tốt hơn.

Ở trên chúng ta đã nhận xét rằng hệ thống công nhân tự quản khiến các xí nghiệp tìm cách tránh các vụ đầu tư có rủi ro. Muốn phát minh, sáng chế, thí nghiệm, thì phải chấp nhận những rủi ro có tính toán (calculated risk). Hệ thống công nhân tự quản khiến tư nhân không còn quyền sở hữu hoàn toàn khi lập một dự án đầu tư lớn, vì dự án lớn thì phải đông công nhân, phải biến thành tự quản. Vì không có quyền sở hữu hoàn toàn nên không ai dám chấp nhận rủi ro khi đầu tư.

Thí dụ một doanh nhân có sáng kiến đáng đầu tư, nếu thành công thì lợi gấp hai, ba chục lần vốn bỏ ra, nếu thất bại thì mất hết. Tính mức độ rủi ro thì xác suất để thành công chỉ có một phần, còn chín phần là có thể thất bại. Trong một nền kinh tế thị trường doanh nhân trên có thể bỏ vốn nhà, kêu gọi bà con, bạn bè góp vốn và "đánh cá" trên dự án đầy rủi ro đó. Nếu đánh cá rất nhiều lần như vậy, tính ra một lần ăn, chín lần thua, vẫn còn hy vọng lời vô số kể? Doanh nhân trên có thể kêu gọi mọi người hùn vốn với mình, vì ai cũng có thể tính toán ra như vậy.

Một quản đốc ở một xí nghiệp tự quản có muốn dấn thân vào những dự án đầu tư như trên không? Vài lần thất bại là chính người quản đốc mất luôn địa vị, của cải. Mà nếu thành công thì đem chia cho tất cả công nhân đều nhau. Cùng lắm vị quản đốc được gắn huy chương và tặng chức anh hùng lao động, chứ không được hưởng nhiều.

Tính chất năng động của nền kinh tế thị trường khiến nhiều người dám dấn thân vào các dự án rủi ro: sản phẩm mới, cách chế tạo mới, cách phân phối hàng hóa mới v.v. Nhờ thế mà cả nền kinh tế tiến triển.

Tóm lại xí nghiệp ở Nam Tư khó phát triển. Tư doanh thì không thể mở rộng đến mức phải mướn trên trăm người thợ. Hợp tác xã tự quản thì không muốn mướn thêm công nhân. Khi đầu tư thì nhắm vào các nghiệp vụ có lời ngắn hạn và chắc chắn, tránh các dự án dài hạn dù có thể lợi về lâu dài. Để chữa chạy căn bệnh sau cùng này các xí nghiệp tự quản ở Nam Tư đã tìm ra biện pháp là áp dụng hệ thống "con ông cháu cha" (nepotism). Khi mướn thợ mới thì ưu tiên cho vợ, con, anh chị em, của những người thợ cũ. Làm vậy cũng tốt, vì người công nhân - sở hữu chủ có thể chấp thuận các dự án đầu tư có lời dài hạn để con em mình sẽ hưởng. Nhưng rõ ràng là duy trì một tình trạng bất công.

Muốn giải quyết những căn bệnh trên chỉ có cách là xác định rõ rệt quyền sở hữu. Người công nhân "làm chủ" các phương tiện sản xuất, thì phải có quyền sang nhượng quyền sở hữu của họ, và chịu trách nhiệm trên số vốn mà họ đóng góp, lời ăn, lỗ chịu.

Bài học Nam Tư

Hệ thống xí nghiệp do công nhân tự làm chủ là một bước

tiến so với hệ thống kinh tế chỉ huy tập quyền kiểu Sô Viết. Không còn một thứ kế hoạch tỉ mỉ và cứng nhắc áp đặt từ trung ương. Không có bộ máy thư lại nặng nề làm tê liệt các đơn vị kinh tế ở dưới. Các xí nghiệp có nhiều quyền quyết định, phù hợp với mức cung cầu hơn, giải quyết được phần nào vấn đề "tin tức kinh tế." Công nhân có động lực mạnh hơn trong việc làm, giải quyết được phần nào vấn đề tự kiểm soát trong mỗi xí nghiệp.

Nhưng nền kinh tế Nam Tư vẫn trì trệ với các căn bệnh trầm kha. Đầu năm 1988 tân thủ tướng Ante Markovic phải công bố một loạt các biện pháp "giải tỏa" (deregulation) cho nền kinh tế để đối phó với nạn thất nghiệp và mức lạm phát 1000 phần trăm (giá cả tăng gấp 10 trong một năm). Markovic nói: "Cần phải giải tỏa -- thâu hồi các luật lệ làm thị trường bị kiềm chế. Hãy giải tỏa các lãnh vực không cần phải do nhà nước quy định, mọi lãnh vực trong thị trường phẩm vật, thị trường tư bản, và nhân dụng. Giải tỏa phải được coi là một diễn trình thường trực."

Nói như vậy là nhà cầm quyền ở Nam Tư cũng nhận thực tính chất "đổi mới nửa vời" của 40 năm thi hành chính sách xí nghiệp tự quản, và nay muốn đẩy cuộc đổi mới đi xa hơn. Những đổi mới kinh tế ở các xứ Cộng Sản đều nhắm đưa thêm yếu tố thị trường vào và giảm bớt yếu tố chỉ huy trong nền kinh tế.

Như các đoạn trên đã nhận xét, một bế tắc trong hệ thống xí nghiệp tự quản là quyền sở hữu của công nhân chỉ có tánh cách nửa vời: được dùng và hưởng lợi trên các phương tiện sản xuất mà không được sang nhượng. Quyền hưởng lợi không đi kèm trách nhiệm đầy đủ và bị gắn liền với chỗ làm việc.

Chỉ một "khâu" đó bị bế tắc đã gây nên hậu quả tai hại trong các "khâu" khác: nhân dụng, đầu tư, phát triển đều sai hỏng, lệch lạc. Việc tản quyền cho các vùng không mang lại ích lợi vì, ở mỗi vùng, đảng và nhà nước nắm quá nhiều quyền, dễ dàng dung túng, cấu kết khiến mức độ cạnh tranh giảm đi. Trên cả nước thị trường không bị sản phẩm nhập cảng cạnh tranh. Mỗi vùng lại đặt ra các luật lệ tự bảo vệ vùng mình, ngăn cản sự cạnh tranh từ các vùng khác, gây tình trạng sứ quân kinh tế.

Hệ thống ngân hàng đáng lẽ phải đóng vai trò "kiểm soát từ bên ngoài." Ngân hàng tư thường chỉ cho xí nghiệp vay tiền nếu họ chứng tỏ được là sẽ làm ra tiền đủ sức trả vốn và lời. Nhưng ở Nam Tư, vì lý do ý thức hệ, đảng cần phải bảo vệ xí nghiệp do công nhân làm chủ. Ngân hàng lại do nhà nước điều khiển, vì vậy họ tha hồ bao cấp, dung túng sự bất lực, làm hại chung cho xã hội.

Muốn đổi mới thêm nền kinh tế Nam Tư đã có đề nghị phải xác định quyền làm chủ thật sự của công nhân (8). Mỗi công nhân tùy mức thâm niên được phát một số cổ phần của xí nghiệp. Công nhân nào thích để dành tiền nhiều hơn (thí dụ người chưa lập gia đình) có quyền góp thêm vốn (mua thêm cổ phần), hay cho xí nghiệp vay với mức lời cố định (mua trái khoán). Người góp vốn có thể chịu rủi ro, có thể ăn nhiều mà cũng có thể lỗ. Người cho vay thì hưởng mức lời thấp nhưng an toàn. Như vậy giữa công nhân trẻ giảm bớt được xung đột quyền lợi. Người già có thể muốn cho vay ngắn hạn, lấy lời chắc chắn. Người trẻ muốn phiêu lưu sẽ góp vốn, phát triển, chịu rủi ro, nhưng có thể hưởng lợi lâu dài. Quyền bầu cử, quyết định phải đi đôi với số vốn góp của mỗi người.

Muốn cho "quyền sở hữu" và "việc làm" tách biệt, các công nhân phải có quyền sang nhượng cổ phần hay trái khoán của họ. Muốn vậy phải có thị trường tư bản để trao đổi các chứng khoán. Nhờ có thị trường chứng khoán ai cũng được tham dự, công nhân có thể "tản bớt rủi ro" (risk diversification), nhờ thế các xí nghiệp nào cũng dám dấn thân vào các dự án đầu tư rủi ro nhưng hứa hẹn doanh lợi cao. Ngoài ra tư nhân phải được tự do gây vốn, hay vay nợ trên thị trường tài chánh để lập xí nghiệp mới.

Muốn được như vậy hệ thống ngân hàng cũng phải tuân theo các quy luật kinh tế chứ không tùy thuộc nhu cầu chánh trị. Các biện pháp kiểm soát và điều hợp của nhà nước cũng phải nhắm bảo vệ tính cách cạnh tranh của thị trường chứ không phải là làm mất luôn yếu tố cạnh tranh. Hàng rào kinh tế giữa các vùng phải được bãi bỏ, tiến dần đến việc

"... mấu chốt của việc đổi mới là cải tổ chính trị, tức là đặt vấn đề vai trò của đảng Cộng Sản Nam Tư... bắt đầu bằng việc bãi bỏ độc quyền của đảng Cộng Sản, thay đổi định chế chính trị, tiến tới một xã hội đa nguyên. Cảnh sát và quân đội phải độc lập với các thế lực chính trị. Sau đó mới tiến đến được những cải tổ về kinh tế, giáo dục, văn hóa."

KOSTA CAVOSKI

Viện Khoa Học Xã Hội Belgrade, Nam Tư

bãi bỏ hàng rào đối với hàng nhập cảng.

Tất cả những thay đổi trên đòi hỏi đảng Cộng Sản phải tự giảm bớt quyền hành của họ. Cởi trói kinh tế bao giờ cũng ẩn chứa sự cởi trói chánh trị. Người dân có tiền và có tự do mua bán trên một thị trường cạnh tranh có nghĩa là ít nhất họ được "bỏ phiếu bằng đồng tiền" của họ. Vì vậy một chế độ độc tài thường tìm cách giảm bớt mức quan trọng của tiền tệ và vai trò của giá cả. Hạn chế tiêu thụ bằng sổ cung cấp thực phẩm sẽ khiến cho người có tiền nhiều hơn cũng vô dụng. Cửa hàng đặc biệt dành cho một giai cấp khiến cho đồng tiền trong tay quan trên có giá trị hơn đồng tiền trong tay người dân thường. Giảm bớt giá trị trao đổi của tiền tệ là giảm bớt quyền lựa chọn của người tiêu thụ, khiến người dân lệ thuộc vào các chính sách, chỉ thị, nghị quyết hơn.

Theo giáo sư Kosta Cavoski thuộc Viện khoa học xã hội ở Belgrade, Nam Tư, thì mấu chốt của việc đổi mới là cải tổ chánh trị, tức là đặt vấn đề vai trò của đảng Cộng Sản Nam Tư (9). Trong những năm qua đảng nắm quyền trực tiếp ngay trong việc công nhân bầu hội đồng quản trị, bổ nhiệm ban quản đốc, và quyết định về đầu tư. Vì vậy ông đề nghị muốn cải tổ thì phải bắt đầu bằng việc bãi bỏ độc quyền của đảng Cộng Sản, thay đổi định chế chánh trị tiến tới một xã hội đa nguyên. Cảnh sát và quân đội phải độc lập với các thế lực chánh trị. Sau đó mới tiến đến được những cải tổ về kinh tế, giáo dục, văn hóa. Với những đề nghị đó, giáo sư Cavoski cũng tỏ ra hồ nghi, không tin rằng đảng Cộng Sản đang ở thế cưỡi trên lưng cọp lại sẵn sàng rút êm.

VƯƠNG HỮU BỘT

CHÚ THÍCH:

1. Pryor F.L. "Producer cooperatives: a reader's guide," *Annals of Public and Cooperative Economy,* tháng 4-1983, liệt kê hơn 120 bài nghiên cứu.

2. Bicanic, R., *Economic Policy in Socialist Yugoslavia,* Cambridge, 1973.

3. Estrin S., *Self management: Economic Theory and Yugoslav Practice,* Cambridge, 1983, trang 88.

4. Bản tin Reuter, 18 tháng 3 năm 1988.

5. Wagner, U. "The Target System of a Self-managed Enterprise and its Influence on Employment and Employment Policy," trong cuốn *Studien zum Marketsozialismus* do Chr. Watrin biên tập. Trích dẫn do Alfred Schuler, *Does Market Socialism Work?,* CRCE, 1988, trang 45.

6. E.G. Furubotn, S.A. Pejovich, "Property rights and the behavior of the firm in a socialist state: the example of Yugoslavia," *Zeitschrift fur Nazionalekonomie,* tháng 12 năm 1970, trang 431-454.

7. H. Lydal trong *Yugoslav Socialism: Theory and Practice,* Oxford: Clarendon Press, 1984, đã nhận xét rằng khi số cầu của một món hàng tăng thì xí nghiệp tự quản sẽ tăng giá đến tối đa và giảm số sản xuất để tạo tình trạng khan hiếm (thay vì phát triển, muốn thêm nhân công để sản xuất nhiều hơn). Đó là quyết định thuận lý đối với quyền lợi của các côngnhân - sở hữu chủ.

8. Thí dụ A. Bajt, năm 1982 đã đặt vấn đề "một số câu hỏi về quyền sở hữu xã hội" (*Pregled* số 72, trang 11-12).

9. K. Cavoski, *Comment* trong Jan Winiecki, *Gorbachev's Way Out?,* CRCE, London, 1988, trang 41-48.

VÕ PHIẾN TOÀN TẬP

○ TÙY BÚT I	hết
○ TÙY BÚT II	$15.00
○ TRUYỆN NGẮN I	$13.00
○ TRUYỆN NGẮN II	$14.00
○ TIỂU LUẬN	$14.00
○ TẠP LUẬN	$14.00
○ TIỂU THUYẾT II	$15.00
○ VĂN HỌC MIỀN NAM	
□ TỔNG QUAN (tái bản)	$14.00
□ THƠ	sẽ in
□ TRUYỆN I	sẽ in
□ TRUYỆN II	sẽ in
□ KÝ, BÚT, KỊCH	sẽ in
○ TIỂU THUYẾT I	sẽ in
○ TẠP BÚT	sẽ in

Ngoài Hoa Kỳ mỗi cuốn thêm 1MK

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
(714)832-8445

Hoàng Khởi Phong

Nói chuyện với nhà văn Hoàng Khởi Phong

'NHÀ VĂN, NHIÊU ĐÓ ĐỦ RỒI!'

NGUYỄN MẠNH TRINH *thực hiện*

NGUYỄN MẠNH TRINH: Anh Hoàng Khởi Phong, anh là ai? thi sĩ? văn sĩ? Người thực hiện tuyển tập? người hoạt động chính trị? Một người lính trong QLVNCH? Hay là tất cả?

HOÀNG KHỞI PHONG: Không đợi khi anh hỏi tôi mới nhớ, tôi đã tự vấn nhiều lần về tôi. Thuở nhỏ khi còn học tiểu học ở ngoài Bắc tôi biết tôi là học trò giỏi của một ông thầy giáo già đúng cách lương sư. Mỗi sáng đi học, mỗi trưa đi về, tôi theo cái bóng của thầy tôi, tôi ôm chồng vở của lớp tôi về cho thầy chấm bài tại nhà. Do đó tôi bị bạn bè cùng lớp nghi kỵ cho là tôi nịnh thầy để được điểm cao. Chỉ tới khi thi tiểu học, tôi đậu đầu hội đồng thi của tỉnh Quảng Yên, mới gột được tiếng xấu này. Khi gột được nó thì quanh tôi không còn ai là bạn cũ. Năm 54 đã nổ ra; cũng nhờ đó tôi tập được tính tự chủ, cứ làm điều mình thích không cần để ý đến dị nghị bên ngoài. Khi tôi trở thành một học sinh Trung học đệ nhị cấp của trường Chu văn An, tôi không còn là học trò giỏi nữa, tôi là học trò lười, phá phách, hư hỏng, năm nào cũng ra hội đồng kỷ luật và giỗ kỵ nào của gia tộc tôi đều được mang ra làm một thí dụ xấu. Nhưng tôi biết chắc tôi không phải là một người xấu,tôi chỉ thích làm những cái gì người khác không dám làm hay bị cấm đoán. Năm 20 tuổi, tôi tình cờ vào lính cũng như năm 12 tuổi di cư, tình cờ ở Cô nhi viện một năm trước khi về lại với gia đình. Từ đó tới nay tôi ngã từ những sự tình cờ này sang những sự tình cờ khác, tôi muốn làm người lính tốt tình cờ tôi nghĩ đến làm thơ, sang Mỹ rồi rất ít khi được sống thực với điều mình nghĩ, cái hồn thơ không có đất sống, tôi quay sang viết văn cũng tình cờ như đôi lần dính dấp tới lãnh vực chính trị, tôi làm một số tuyển tập cũng tình cờ như khi viết quyển sách Ngày N+. Duy chỉ có một điều tôi là ai cũng

được, tôi muốn làm một người tốt. Đây không phải là một điều tình cờ mà là một chuỗi cố gắng dài. Tôi tự biết thêm một điều: không một ai hoàn toàn tốt, nên tôi càng cố gắng sống thành thực và bớt xấu đi. Là ai cũng không quan trọng. Cách là ai thế nào mới quan trọng?

NMT: Anh có thể kể những đụng chạm với chiến tranh, với chết chóc trong đời sống ở hậu cứ của anh? Và liên cảm nào, từ bè bạn, đồng đội hay những kẻ thù chiến bại nằm trong trại giam để anh viết những bài thơ trong những tập thơ kể trên?

HKP: Trong đời binh nghiệp của tôi gần mười ba năm, tôi có mặt ở đủ bốn vùng chiến thuật, chi tiết hơn nữa thì tôi làm việc ở mười lăm tỉnh, một hải đảo, có nhiều chỗ tôi đổi tới ba lần như Pleiku năm 65 ở một tháng, năm 70 trở lại hơn một năm, rồi năm 75 trở về trong hai tháng thì xẩy ra vụ di tản. Biên Hòa tôi cũng ở hai kỳ, năm 64 và năm 69, Vũng Tầu cũng hai dạo một lần thụ huấn và một lần làm huấn luyện viên. Phần lớn những thuyên chuyển của tôi đều là bị phạt, có khi vô kỷ luật thật, có khi thì không chịu làm một cái bánh xe của một guồng máy.

Tôi là lính chuyên môn - khôi hài hơn một chút tôi lấy hình ảnh của một người tiểu ẩn là ẩn mình trong thâm sơn cùng cốc, kẻ trung ẩn náu mình nơi phố thị, kẻ đại ẩn nương mình trong triều đình thì tôi là kẻ đại trốn lính, trốn tới độ chuyên bắt người khác đi lính. Nếu tôi nói tôi đánh giặc ghê lắm thì quý ông Cao Xuân Huy (TQLC), Nguyễn Ý Thuần (BĐQ), Định Nguyên (TQLC), Nguyên Vũ, Khánh Trường (ND) sẽ cười tôi. Nhưng quả thật nếu phải gần kẻ thù Cộng Sản (trước 75) thì mấy ông vừa kể không có ông nào bằng tôi. Tôi có tới sáu năm phục vụ tại các Trại Tù binh. Do sự gần gũi với họ tôi có dịp quan sát người lính của cả hai phía. Những binh sĩ của tôi tại các trại Tù Binh Phú Quốc, Qui Nhơn, Biên Hòa làm cho tôi mơ hồ nghĩ đến cái kết quả hiện nay. Quân đội miền Nam mỗi lúc mỗi mất đi cái thuần chất chuyên nghiệp và bị thẩm thấu bởi chính trị, bởi tệ trạng bè phái, tham nhũng... Lại còn cái Tổng cục chiến tranh chính trị, cái cục tâm lý chiến gì nữa mới kinh hãi, đôi lúc nó làm tôi... buồn cười xấu hổ và phẫn nộ (nếu có vị nào trong binh chủng này thắc mắc tôi xin được trả lời). Còn những kẻ trong hàng rào, họ không phải chỉ được chúng ta vẽ lại nét ngu ngốc cái nồi ngồi trên cái cốc, hay nói ngọng "nàm nụng, lói náo." Giờ này chúng ta diễu họ mà không biết chúng ta là ai? đang làm gì? ở đâu? vì sao mà ra nông nỗi này thì cay quá. Đằng sau cái ngu dốt đó họ là một khối vững chắc, họ là những cái máy người, gật và lắc do sự ưng thuận hay không của một vài người. Họ có những âu lo riêng tư như chúng ta, nhưng họ phản ứng trước một sự kiện thì đồng bộ. Đây không phải là sự đoàn kết, nó là sự cưỡng bách muôn người như một. Tôi xót xa cho họ, tôi đau buồn cho tôi và các binh sĩ của tôi, tôi hồi hộp chờ đợi một điều tồi tệ. Tôi không ngờ điều tồi tệ này lớn đến độ kinh hoàng như năm 75. Do đó những bài thơ tôi viết tôi chống cả hai phía. Tôi không đồng ý chữ phản chiến anh gán cho tôi, tôi không phải là mẫu người hùng mũ đỏ, mũ xanh, nhưng dứt khoát tôi không hèn, tôi không là một sĩ quan gương mẫu, nhưng tôi cũng không phải là một sĩ quan hèn nhát nhắm mắt vâng lệnh thượng cấp, tôi là một người lính có cơ hội suy nghĩ về mình, về địch, tôi cố gắng chống trả cho hiện tại, nhưng tôi mơ ước tương lai sẽ có những người chỉ huy đúng nghĩa có tài, có đức. Nếu chúng ta đứng vững được mười năm nữa, tôi nghĩ là có thể chúng ta không ngồi đây, và những kẻ lưu vong phải là đám lãnh đạo của miền Bắc và chỗ họ tới sẽ là Bắc Kinh, Tây Bá Lợi Á... nếu chúng ta không đuổi được họ (lịch sử cận đại chưa có một trường hợp nào mà lực lượng dân tộc đuổi được bọn Cộng Sản ra khỏi vùng đất đã bị nhuộm đỏ) thì mình cũng không đến nỗi ngồi đây lái xe hơi tốt, mặc quần áo đẹp xong rồi cười sằng sặc lên về vụ cái nồi ngồi trên cái cốc. Cứ đồng ý là kẻ địch của chúng ta ngu đi, thế mà chúng ta ngồi đây. Giả dụ nó thông minh... bằng chúng ta, chắc là giờ này chúng ta đang ở trên mặt trăng nói chuyện văn với chú... Cuội rồi.

"... Tôi là ai cũng được, tôi muốn làm một người tốt."

NMT: Anh có ý nghĩ gì về Thơ văn có "lửa." Ngọn lửa ấy do môi trường bên ngoài hay xô đẩy nội tâm bên trong tạo ra. Nói một cách thành thật và rất chủ quan, thơ văn anh có "lửa" không?

HKP: Theo tôi ngọn lửa đó phải do những thúc đẩy nội tâm mà có, tôi nhớ hồi còn nhỏ, cha tôi vắng nhà. Trong những câu chuyện của người lớn, của các anh chị tôi, tôi biết cha tôi ở đâu đó trong vùng rừng núi Việt Bắc. Tôi mê bản nhạc "Đàn chim Việt" của Văn Cao vì câu: Nhớ ai trên núi đồi Yên Thế. Tôi tưởng tượng ra cha tôi và nơi ông ở rồi điều ông làm. Tôi ghét không phải chỉ người Pháp, bởi vì trong đầu một đứa trẻ nào đã phân biệt được Pháp, Đức, Anh..., do đó sau này khi viết về những người Mỹ tham chiến ở Việt Nam tôi

viết một đoạn: "... *ôi những con cú mắt mèo - Và bầy quạ có lông vàng óng ả - Đang bay lượn trên đầu chúng ta - Làm tinh thần phá sản - Cho bọn cáo cầy nịnh hót phô trương...*" Cũng trong đầu óc ngây thơ của đứa trẻ chưa đầy mười tuổi, tôi ghét bọn tây lai, và không thể không ghét những người đã tạo ra những đứa trẻ hai giòng máu này. Cho tới bây giờ tôi chưa bao giờ đi nhẩy bởi lẽ ngày đó tôi thấy mấy vũ nữ của cái tiệm nhẩy duy nhất trong tỉnh Hải Dương mỗi tối đú đởn với lính Pháp, Lê Dương, Tây đen rạch mặt... và dường như người trong phố tôi ở không một ai không dè bỉu. Bây giờ tôi hiểu biết hơn, tôi không còn ghét những người hai giòng máu, không thù ghét nhẩy đầm nhưng tôi vẫn không thể thích. Một cách thành thật, khiêm tốn và rất... chủ quan, tôi xác nhận thơ, văn tôi có lửa. Nhưng có một điều anh cần biết, ngọn lửa đó hôm nay không có cơ hội phát tiết ra ngoài nên nó đốt bên trong tôi âm ỉ, nó làm tôi nhiều lúc muốn điên, nó hành tôi bã người, nó làm tôi tê dại đi. Bây giờ tôi thèm biết bao một giòng suối mát ở quê nhà. Vả lại văn chương không nhất thiết là cứ phải có lửa, song tập quán suy nghĩ của tôi không đổi được, nó đã ăn sâu vào trong não tủy. Trên bốn mươi rồi mấy ai có thể đổi được chính mình.

NMT: Có "lửa" và có "lòng", hai chữ ấy có ý nghĩa gần nhau không? Nếu viết vì những lý do nào khác, phục vụ những mục tiêu nào khác, có thành văn chương được không? Theo anh?

HKP: Có "lửa" rồi lại có "lòng" hai chữ ấy là hai mặt của một loại văn chương mà tôi nghĩ một cách hơi phiến diện thì tạm gọi là "giòng ngược", "Giòng xuôi" mang nhiều tính chất ủy mị, lãng mạn và chấp nhận trong khi cái "giòng ngược" mà tôi bơi lội trong đó nó chất chứa những tiếng gào thét phản kháng, phẫn nộ và sôi nổi bởi những bất công, những sai lầm, những ác độc của xã hội tôi đang sống. Đây không phải là "Tắt lửa lòng" của Nguyễn Công Hoan, cho dù là một Nguyễn Công Hoan của gần nửa thế kỷ trước chứ không phải một Nguyễn Công Hoan nhà văn của giáo điều Cộng Sản sau này. Loại văn chương có "lửa" này, nếu viết dở thì thưa anh nó là một loại văn chương truyền đơn, khẩu hiệu. Mà đã là truyền đơn, khẩu hiệu thì không thể là văn chương, còn viết hay thì đôi lúc lại không cần phải có lửa. Docteur Jivago của Pasternak là một ví dụ, nó lãng mạn, u hoài, đầy chất thơ nhưng nó cũng chống Cộng kinh hoàng. Cũng giống như làm thơ lục bát dễ nhưng làm hay khó lắm, còn làm dở thì nó là vè. Đó là kiểu thơ khi ông Thiệu ban bố "Luật Người Cày Có Ruộng" có lần tôi thấy một câu thơ giăng cùng các nơi: "... Ruộng nay đã cấp đồng đều. Lại còn cho mượn thật nhiều tiền vay." Câu lục bát này không ngửi được.

NMT: Người ta nói nhiều đến phản chiến trong văn chương. Nhưng cũng có nhiều loại phản chiến. Như phản chiến nhân danh con người hay phản chiến thiên cộng. Bây giờ, nhìn lại thời kỳ văn chương trước, anh có nhận xét gì về những điều đề cập ở trên?

HKP: Trước tiên tôi không thích chữ phản chiến, và lại càng không thích nói tới văn chương phản chiến. Lấy ví dụ nhạc của Trịnh Công Sơn chẳng hạn, cái mà chúng ta gọi là phản chiến trong nhạc Trịnh Công Sơn có rất nhiều nhân tính, nó nói lên cái thân phận bèo bọt của con người trong chiến tranh, mà đã là con người thì ở đâu cũng thế, ai cũng thích một đời sống yên ổn không chết chóc. Như vậy nếu nhạc của Trịnh Công Sơn có làm hao hụt tinh thần chiến đấu của chúng ta trong miền Nam thì nó cũng làm cho bọn Cộng Sản hao hụt tinh thần chiến đấu như vậy. Vấn đề là miền Nam chúng ta không vận dụng đúng mức cái chất nhạc u uất này, đẩy mạnh sang bên kia bờ Bến Hải, trải nó ra giống như những tờ truyền đơn trên đường mòn Hồ Chí Minh. Chẳng những thế chúng ta còn đẩy Trịnh Công Sơn mỗi ngày một xa chúng ta, nên tôi không lạ nếu năm 75 anh ta ngã hẳn vào tay Cộng Sản. Văn chương nó phải phản ảnh được cái thời của nó, ngoài ra nó còn tùy ở cảm quan của mỗi người. Chúng ta có hàng ngàn cây bút chống Cộng, nhưng có lẽ những tác phẩm chống Cộng của chúng ta chưa đủ tới, chưa thật hay. Có dạo các nhà văn có vẻ chê bai các tác phẩm có tính cách chống Cộng, ít ai chịu viết về đề tài này, các nhà văn của miền Nam chọn những đề tài viết làm sao bán sách cho chạy, rất ít người chịu đưa cây bút của mình vào vấn đề sinh tử của quốc gia, của dân tộc. Cả một rừng sách, truyện thử hỏi có bao nhiêu quyển vẫn chống Cộng mà vẫn văn chương, vẫn hay. Cứ viết thật hay đã rồi mới nói tới ảnh hưởng của nó được. Phản chiến hay không tôi cho là do cảm nhận của mỗi người, không thể dùng số đông mà áp đặt điều này, điều khác lên một nhà văn, nhà thơ được.

NMT: Thời trước 1975, anh có sinh hoạt với nhóm văn nghệ nào?

Tôi liên hệ đến nhà xuất bản Đại Nam văn hiến của Thế Phong trong bước đầu làm quen với chữ nghĩa, đâu khoảng hai, ba năm rồi vì quân ngũ bôn ba, nên không còn liên hệ đến việc làm của nhà xuất bản này. Vả lại Thế Phong và tôi mỗi ngày mỗi xa nhau không phải do khoảng cách địa lý mà do sự suy nghĩ của tôi mỗi ngày mỗi thay đổi theo hoàn cảnh bên ngoài. Từ đó tôi chỉ giao thiệp với bằng hữu qua tư cách cá nhân chứ không phải vì phe nhóm. Tôi có rất nhiều bạn làm văn nghệ từ

Huế đổ xuống tới Cà Mâu. Theo tôi sinh hoạt văn học không phải là sinh hoạt phe nhóm, cần có bạn để chia xẻ những suy nghĩ có lợi cho sáng tác. Nhưng khi viết cần phải độc lập và nếu cần cô đơn cũng không sao.

NMT: Sau năm 1975, với nhà xuất bản Bố Cái, in sách, làm tuyển tập, anh có kỷ niệm và suy nghĩ nào về thời kỳ này?

HKP: Với nhà xuất bản Bố Cái trước tiên phải nói tới Hoàng Chính Nghĩa, đây mới là nhân vật chính. Tôi chỉ phụ với Nghĩa thôi. Cũng qua Nghĩa tôi kết được một số bạn khác. Kỷ niệm về Bố Cái thì quá nhiều, tôi giữ nó trong lòng những vui, buồn, được, mất. Nó chỉ có giá trị với chính tôi, viết ra đây e rằng không ích gì, hãy coi đây là một hồ sơ đóng lại.

tôi trong mười năm liền, khi thì đánh mạt chược mỗi cuối tuần, đánh bài liền trong ba năm như vậy một hôm thấy mình chẳng ra thể thống gì tôi bỏ, tôi đi cắm trại, đi Mễ cũng cả hai năm liền, thấy Mễ không phải là chốn cũ dẫu có nghèo đói. Tôi mở quán cà phê Hải Âu, rốt cuộc cái quán đó cho tôi thấy rõ hơn về tình bạn. Chính nơi đây tôi thấy thế nào là người bạn chân chính và người bạn giả hiệu vì lợi nhuận. Chính nơi đây tôi thấy được giá trị của đồng bạc với mỗi hạng người. Chính nơi đây tôi thấy những người chân thật và những người dối trá, những người giả hình và những người ngụy tín. Và cũng nơi đây, tôi biết thêm một điều, hoặc là tôi thôi không suy nghĩ, không cầm bút để làm một anh thương lái chính

"...loại văn chương có "lửa" nếu viết dở thì nó là loại văn chương truyền đơn, khẩu hiệu. Mà đã là truyền đơn khẩu hiệu thì không phải là văn chương..."

NMT: Bây giờ, anh có rất nhiều hoạt động văn chương. Nguyên do nào thúc đẩy anh có những sinh động như thế sau một thời gian trì trệ?

HKP: Câu chuyện tôi viết lại có nhiều nguyên nhân. Mười năm không viết từ 1978-1988. Có mắt không muốn trông, có tai không muốn nghe. Muốn hay không muốn mọi việc vẫn đập vào mắt mình, vẫn phang vào tai mình. Ngọn "lửa" ở trong thì cứ mỗi ngày mỗi âm ỉ. Nếu không viết lại một ngày kia trông mặt trong gương soi e mình không nhận ra chính mình. Mình mà không nhận ra mình thì làm sao người nhận ra mình? Vả lại khi anh "cố" quên một người nào, một điều gì là ta sai ngay từ chữ "cố" rồi. Ta càng cố quên bao nhiêu thì chính cái đó nó mạnh, nó chi phối ta bấy nhiêu, tôi cố quên hiệu, sẽ có xe đẹp, có quần áo tốt và nhiều thứ khác nữa. Nếu tôi vẫn muốn suy nghĩ, thao thức mà không làm gì cả thì chính tôi, tôi cũng là một tên ngụy tín, giả hình và dối trá. Làm một tên ngụy tín, giả hình mười năm đủ rồi. Do đó tôi quay lại với cây bút cũ.

Nguyên nhân thứ hai: Cách đây ba năm ông cụ tôi mất, rồi sau đó trước hôm mãn đại tang ba ngày, bà cụ tôi theo sau, tôi là một đứa con bất hiếu, khi gần bố mẹ lúc còn nhỏ dại, tôi là một mối bận tâm lớn cho cha tôi, là một phiền não cho mẹ tôi, khi tạm đủ lông đủ cánh với đời thì đời mở ra nhiều ngả, ngả nào cũng bắt mắt, ngả nào cũng có lôi cuốn, giục giã. Tôi xa nhà từ năm mười tám tuổi, lêu lổng đến năm hai mươi lăm tuổi mới về nhà, tưởng làm vương, làm tướng gì? Té ra cũng chỉ làm quan hai, cũng chỉ đến lót đường cho người. Tháng Tư năm 1975, cha tôi nói tôi phải trốn, bất kỳ là đi đâu, và phải học. Trốn thì đã xong, còn học lại thì sau rốt cũng được nghề thợ tiện. Bây giờ tôi muốn viết lại, chẳng qua cũng chỉ là một cách báo hiếu quá muộn màng mà thôi.

NMT: Khi anh cầm bút anh có nghĩ mình vẫn là người lính của QLVNCH dù ở quê nhà thập niên 1960,1970, hay ở xứ người 1975, 1989.

HKP: Khi tôi cầm bút tôi nghĩ tới những "nhà văn" đúng nghĩa, khi tôi cầm súng, tôi nghĩ tới những "người lính" chính hiệu. Tôi cho là tư cách "nhà văn" nó bao gồm mọi tư cách khác của cá nhân tôi. Nếu những nhà văn có thời đi lính được gọi là "nhà văn quân đội" thì giả dụ có một nhà văn hồi trước ở Việt Nam đạp xích lô, và tác phẩm của ông ta viết về giới xích lô, ba gác, vác thuê, gánh mướn ta có gọi nhà vặn đó là "nhà văn xích lô" không? Rồi một người nào đó làm cảnh sát viết văn ta có gọi họ là "nhà văn cảnh sát" không? Bây giờ tôi làm thợ tiện. Anh có gọi tôi là "nhà văn thợ tiện" không? Nhà văn, nhiêu đó đủ rồi. Tôi có thời là lính, có lúc tôi viết về đời quân ngũ của tôi, vì đó là một thời khoảng đáng nhớ trong đời tôi "Ở lính" tới 13 năm thì cũng có một phần nào đó cái chất lính nó nhập vào cốt, nhưng không phải vì thế mà bây giờ tôi vẫn tự coi là một quân nhân. Tôi là một *cựu* quân nhân QLVNCH cái này đúng. Tôi là một quân nhân QLVNCH, cái này sai.

Nếu chỉ nghĩ mình còn là một quân nhân tuy có "sai" nhưng vẫn còn có thể chấp nhận được, giờ này vẫn muốn người khác công nhận mình vẫn là lính, vẫn là cấp tướng, cấp tá, vẫn muốn được gọi bằng cấp bậc cũ thì không thể chấp nhận được.

Còn một điều nữa cần xét tới khi còn là tướng, là tá, anh có làm đủ bổn phận, trách nhiệm của mình không? Cái mũ kết sĩ quan có một cái khiên, trong cái khiên này tôi nhớ ở giữa là phù hiệu quân đội, trên đó có một hàng chữ: QUỐC GIA DANH DỰ TRÁCH NHIỆM. Đó là ba tín niệm của một sĩ quan phải đội ở trên đầu. Khi còn tại chức anh đội lên đầu mấy chữ đó hay anh ngồi lên mấy chữ đó?

NMT: Viết về những ngày tàn cuộc chiến Việt Nam, qua "Ngẩng mặt nhìn trăng sáng" và "Ngày N+..." anh có mục đích gì? Vì dằn vặt của ký ức? Hay muốn từ những sự kiện ấy để hướng tầm nhìn và dự phóng tương lai dân tộc Việt Nam (không hiểu câu này có to tát và ngoại hàm không?)

HKP: Về câu hỏi này tôi nghĩ nhà văn Cao Xuân Huy đã trả lời tương đối đủ. Dẫu anh Cao Xuân Huy có phủ nhận tư cách nhà văn, cách phủ nhận rất mạnh, nhưng tôi cho "nhà văn" cái này tự mình nhận hay không nhận chỉ có một giá trị tương đối. Cậu hỏi dành cho tôi, dường như lớn hơn câu anh đã hỏi anh Cao Xuân Huy, do đó tôi bổ túc thêm: Tôi là một nhà văn sống vào cái khoảng có những thay đổi lớn của lịch sử, trong cái tầm nhìn hạn hẹp của tôi, tôi thuật lại những thay đổi này. Mục đích chính của tôi không lớn như anh đặt trong câu hỏi. Nó khiêm nhường hơn, tôi mong cống hiến cho những thế hệ sau tôi một phần nhỏ của SỰ THẬT, những nhà văn khác cống hiến những phần của họ và đặc biệt những nhà văn chân chính ở phía bên kia (phía Cộng Sản, họ có nhiều loại nhà văn) cũng sẽ cống hiến những phần SỰ THẬT khác do vị trí của họ đối với lịch sử khác với vị trí của tôi, cũng như những nhà văn khác của miền Nam. Khi thế hệ chúng ta nằm xuống, qua sách vở, chúng ta để lại, những thế hệ sau có cơ hội được ráp nối những phần nhỏ SỰ THẬT này để có một SỰ THẬT trọn vẹn của một giai đoạn lịch sử, họ sẽ thấy những phần nào ĐÚNG, phần nào SAI, và họ sẽ có những dữ kiện để chu tất bổn phận của họ với giai đoạn lịch sử của họ.

NMT: Viết đối với anh có phải là một nhu cầu cần thiết? Hay chỉ là một việc làm cợt đùa cho qua ngày ở xứ người?

HKP: Thiệt ra chính tôi, tôi cũng không biết rõ điều này. Có lúc tôi cảm thấy tôi đáng bị "bỏ" vào thùng rác, do đó tôi đậy tôi kỹ trong mười năm liền, cách đây mấy tháng trong số Xuân Văn học, năm Kỷ Tỵ, trả lời một cuộc phỏng vấn chung của anh, tôi có nói tới lúc làm nhà xuất bản Bố Cái, tôi nhìn thấy sách tôi bầy bán ở những cái kệ trong các chợ Việt Nam. Nó được bầy bán bên cạnh mắm tôm, nước mắm. Có thể với một số người nào đó, văn chương tôi làm mắm tôm nặng mùi thêm, cho dù như vậy đi, tôi cũng xấu hổ và thu sách về, vì văn chương tôi có dở tôi cũng không nỡ thấy nó ở chỗ đó, cái đó có thể là sĩ khí, cũng có thể là sĩ diện hão nhưng dường như có nhiều người khéo làm ăn, xoay xở có tiền và dùng phương tiện để mua một cái danh hão. Danh hão nào dễ mua cho bằng "nhà văn, nhà thơ." Viết xem chừng cũng dễ, có tiền in sách ra, mời bạn bè đến ra mắt. Có buổi ra mắt có ăn, có dạ vũ, được ăn, được phát biểu trước đám đông đôi khi còn có chụp hình đăng báo mấy ai mà không thích. Cái này xem ra nặng mùi hơn mắm tôm. Lại thêm mấy ông "đàn anh văn nghệ" ông nào khó tính và tưởng rằng mình ôm được cái "chiếu văn học" di tản giữ khư khư, đuổi những người viết mới như đuổi tà, có ông lại quá dễ tính, mang "chiếu văn học" ra "ấn" mọi người ngồi xuống, mấy ông dễ tính này cứ sờ vào ai là người đó thành nhà thơ hay nhà văn. Việc lạm phát các nhà văn, nhà thơ đã làm cho văn chương dễ bị phá sản. Đó là lý do tôi thấy mình cũng không nên "léo hánh" tới chữ nghĩa, nhưng tôi cũng không cho việc viết là một nhu cầu cần thiết. Điều quan trọng là mình viết cái gì, và quan trọng hơn nữa là phải viết cho tới, cũng như phải giữ được cái liêm sĩ tối thiểu của người cầm bút. Cái liêm sỉ tối thiểu này hạn hẹp trong việc cầm bút mà thôi, tôi không đòi hỏi nhà văn phải là nhà đạo đức, nhưng tôi đòi hỏi một nhà văn không thể vì một mối lợi mà bẻ quẹo ngòi bút của mình, cũng không thể vì phe nhóm mà chụp mũ người này, ca tụng người khác.

NMT: Nhà văn Nguyễn Mộng Giác có nhận xét anh là người đi chênh vênh giữa hành động và suy tưởng, giữa lý thuyết và thực tế, mong tạo được một guồng máy khác với guồng máy hiện nay và khao khát hành động.

Với cách thế soi gương nhìn lại chính mình, anh có ý nghĩ gì? Và có thể giải thích cho độc giả biết?

HKP: Tôi với anh Nguyễn Mộng Giác chơi với nhau qua Nguyễn Bắc Sơn đến nay cũng đã trên dưới hai mươi năm. Tôi có thói quen chơi với bạn và không giấu diếm điều gì, do đó qua thơ văn của tôi, qua cách giao thiệp của tôi với một số người khác không phải là văn nghệ, anh Giác có một lúc nào đó sợ tôi xao lãng việc viết lách, và sa chân vào con đường hoạt động chính trị. Quả tình tôi có sinh hoạt với một nhóm, trong nhóm này hiện nay ở đây có cả vợ chồng Cao Xuân Huy, và ngay như tập thơ thứ hai của tôi với tên "Phục hồi quyền chức làm người" đây chính là bài thơ tôi viết về ngày 1-11-63, những đề tài của tập thơ này phần lớn liên quan đến thời cuộc, là những suy nghĩ của anh em chúng tôi trong lãnh vực chính trị và cách mạng. Tôi chống miền Bắc cật lực, nhưng tôi cũng không hoàn toàn bằng lòng với miền Nam, lúc đó tôi rất trẻ 25, 26 tuổi và

mơ đội đá, vá trời. Chúng tôi học tập mê say, những mong có một lúc nào đó khi đã đủ lông, đủ cánh và trong hoàn cảnh thuận tiện chúng tôi sẽ tìm cách xuất đầu lộ diện. Thật tình tôi thấy chính quyền miền Nam mỗi lúc mỗi xa cái chính nghĩa dân tộc, do đó trong thâm tâm tôi, tôi mong có một sự thay đổi lớn, và nếu có sự thay đổi guồng máy này, chắc chắn tôi sẽ tham dự với hết trí óc của tôi và trọn trái tim tôi. Để thực hiện điều này tôi sửa soạn tâm lý chính tôi và tôi hiểu dấn thân vào lãnh vực này sẽ có ngày ở tù như bỡn. Tôi không bao giờ hối tiếc về những đêm không ngủ trải dài trong các ngõ hẻm tối tăm ở nhà các bạn tôi khi tôi phục vụ ở Trại Tù Binh Biên Hòa. Hầu như chiều nào tôi cũng về Saigon và chỉ về lại trại khi đã quá nửa đêm. Những hôm sáng trăng trên đường về ngang qua nghĩa trang Quân Đội, tôi không thể không buồn khi thấy pho tượng Tiếc Thương của điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu. Đôi lúc tôi nghĩ tôi là bạn thân của pho tượng này. Bây giờ nghĩ lại tôi cho là nhận xét của Nguyễn Mộng Giác có phần nào đúng khi viết tôi là người đi chênh vênh giữa hành động và suy tưởng, giữa lý thuyết và thực tế. Và ngay cả bây giờ tôi cũng biết vẫn chưa có sự cải thiện nào với nhận xét trên của người bạn văn 20 năm giao tình gần gũi ấy. Nếu có tiếc chăng là tại sao tôi chưa một lần dấn thân đích thực? Nơi đây bây giờ dấn thân trong lãnh vực chính trị này đôi lúc làm cho tôi... buồn cười. Tôi biết có những nhân vật có chân trong năm, sáu đoàn thể, chỉ có mặt thôi đủ rồi, nơi đây có những trò chích máu ăn thề, máu thì chích được chưa đầy một giọt, thề thì ăn toàn là cao lương mỹ vị. Bây giờ tôi hết còn muốn dấn thân, nhưng những suy nghĩ thì không bỏ được. Nghĩ về giai đoạn này tôi chép ra đây vài đoạn thơ trong tập Phục hồi quyền chức làm người.

"... Và vì vậy chúng ta phải dấn thân
Để đốn ngã những tên chủ chốt
Là bọn thầy tu làm chính trị
Bọn chính khách ma cô
Bọn trí thức giả hình
Bọn bác sĩ con buôn
Bọn luật sư dẫn mối...
Và bọn giáo sư chỉ điểm
Anh không thể thống kê cho các em
Những hố hang anh đã gặp trên đường
Suốt những năm trường đi trong bóng tối.
Bởi các anh là thế hệ Trường Sơn
Thật vững vàng như núi
Thật hùng vĩ như rừng
Các anh đã nhen nhúm được từ trong bóng tối
Một ngọn lửa sáng lên như niềm tin
Ngọn lửa cháy mỗi lúc một to.
Soi tỏ khuôn mặt các anh thêm rạng rỡ.
Đã đến lúc trân trọng mời thế hệ các em.
Những người thua anh dưới trên mười tuổi
Những người tới sau Trường Sơn
Là Trường kỳ trong Cách Mạng
Nói với Thế hệ Trường Kỳ

Thoại Châu (trường Bồ Đề) cả hai đều mất chỗ dạy bạn bè đùa cả hai "mất dậy" là vì tôi.

NMT: Tác phẩm nào của anh mà anh "yêu" nhất? Lý do để có sự cảm giác ấy?

Tôi chỉ có những kỷ niệm với những cuốn sách đã viết. Có một điều kỳ lạ là dường như tôi chỉ phát giác được những khiếm khuyết, những sai lầm, những sơ sót sau khi sách đã in ra. Do đó tác phẩm mà tôi "yêu" nhất sẽ mãi mãi là quyển sắp tới.

NMT: Hình như anh là người rất quá khích, "ghét ai thì ghét từ con dán ở trong nhà người ấy trở đi." Thế mà, anh lại có nhiều bạn hữu. Đó có phải là điều trái ngược thú vị và hơi buồn cười. Một lần nữa, như một cách soi gương, anh có thể cho vài ý kiến?

HKP: Tôi có nhiều bạn hữu không có gì là lạ, bởi vì một ông bạn tôi có nói về tôi là một thằng: "Vui từ ngoài cửa vui đi - Buồn từ ngã bẩy ngã ba buồn về." Nghĩa là tôi ít khi ở trong nhà, thích đàn đúm, đặc biệt là bạn trai, nhất là những người có dính đến chữ nghĩa. Chơi với bạn tôi nghĩ là mình kém bạn ở điều gì, và hơn bạn điều gì. Kém thì học, hơn thì chỉ. Học và chỉ trong tình thân và tương kính lẫn nhau. Tôi thấy ai cũng có chỗ hơn tôi để học. Dường như trong đời tôi chỉ ghét có vài người, chưa đủ ngón của một bàn tay. Về những người tôi ghét trước tiên tôi phải biết họ, có giao thiệp rồi mà tìm mãi không thấy một điểm nào khả dĩ để mình học hỏi được, chỉ toàn điểm xấu không thì làm sao mà yêu được. Đúng, tôi có nói đã ghét ai thì ghét tới con dán nhà đó, bởi vì có tới hàng triệu căn nhà để ở hà tất phải chui vào cái nhà đáng ghét đó.

"Làm một tên ngụy tín, giả hình mười năm đủ rồi. Do đó tôi quay lại với cây bút cũ."

Đoạn thơ này có một kỷ niệm giữa tôi, Kim Tuấn và Cao Thoại Châu, năm 72 tại trường Trung học tư thục Minh Đức ở Pleiku làm lễ phát giải văn chương cho học sinh của trường này. Kỳ thi này cả Kim Tuấn và Cao Thoại Châu đều có chân trong ban giám khảo, hôm phát giải có tổ chức một buổi đọc thơ, tôi được mời lên và đọc cả bài thơ dài sáu trang này, ngày hôm sau Kim Tuấn (trường Minh Đức) và Cao

Mới đây tôi hiểu được một điều: "Ghét thế chứ ghét nữa cũng chẳng ăn cái giải gì, hơi sức nào mà ghét cho mệt." Bây giờ tôi yêu con dán trong cái nhà đó được rồi, dần dần tôi sẽ yêu tới con chuột nhà đó, trước khi có thể yêu cái người đáng ghét đó.Anh không thấy kỳ khi đang ghét đổi ra yêu hay sao? Như vậy là thỏa hiệp, là không có lập trường. Thay đổi như thế các cụ bảo là đổi đời xui lắm, mà tôi thì đã xui nhiều rồi, không nên chơi dại. Vả lại yêu, ghét là chuyện thường ở đời. Chỉ sợ mình ghét người tốt thì mình là súc vật, còn ghét người xấu (nhất là người xấu này không phải cả nước công nhận thì cũng 3/4 nước công nhận thì còn oan nỗi gì?) thì cũng tốt thôi.

NMT: Anh có để ý đến những sinh hoạt chính trị bây giờ? Nếu có, anh nghĩ sao về những điều sẽ làm thay đổi thời thế hôm nay?

HKP: Chúng ta là những kẻ chạy trốn tổ quốc của mình bởi không thể chịu nổi cái khung cảnh mà 2000 năm trước Khổng Tử gọi là... "hà chính ư mãnh hổ." Chúng ta chọn lựa tự do, cho dù tự do chỉ là những ý niệm vô cùng trừu tượng và trong thực tế ngay cả ở nước Mỹ này cũng chỉ có giá trị tương đối. Chúng ta phải bỏ chốn phải bỏ và tới nơi phải tới. Chỗ phải bỏ mới gần là địa ngục, chỗ phải tới không phải là thiên đường. Do đó phần đông chúng ta ở đây mà hồn nơi khác. Những người nào đã tìm thấy thiên đường ở đây thì không còn gì để nói, còn những ai đột nhiên một buổi sáng tỉnh dậy thấy hoa đào nở ở góc vườn mà quặn đau nhớ tới những cành mai vàng ở chốn cũ, thấy những cơn mưa rào gõ vào kính xe, bỗng thấy ẩn hiện những đứa trẻ tắm mưa cởi truồng chạy luông tuồng trong con ngõ hẹp, nửa khuya thức giấc chập chờn như nghe tiếng rao quà ban đêm, và mỗi năm tới ngày 30-4 không muốn tham gia bất cứ một cuộc hội họp nào, cứ lủi thủi trong căn phòng hẹp, hay leo lên xe tìm đến một chỗ vắng người, để thổn thức cùng đất trời cây cỏ. Những người đó không thể không nghĩ đến chính trị. Bước vào vấn đề này là chúng ta bước vào một mớ chỉ rối. Dường như chúng ta có cả ngàn tổ chức và đoàn thể chống Cộng. Tôi tự hỏi tại sao nhiều vậy? Tôi chưa thấy một tổ chức nào đánh được kẻ thù một quả đích đáng, nhưng tôi thấy có nhiều đoàn thể bị đoàn thể khác đánh cho đến độ tan tành, nhừ tử, chưa bao giờ chúng ta có nhiều nhân sĩ mặc đồ lớn, xuất hiện ở mọi chốn quan hôn, tang, tế và chờ dịp lên máy vi âm phát biểu. Có nhiều khi tôi thấy những chiếc cờ được may lên áo dài, được vẽ vào cà vạt. Một lần trong hội chợ ở Pomona do ông Đoàn Triệu Hưng tổ chức tôi thấy một phụ nữ Mỹ phốp pháp mặc áo dài vàng có ba sọc đỏ chạy chéo ở trên ngực, bà ta ôm một con chó nhỏ đi ve vẩy trong hội chợ, và có một ông ca sĩ còn vẽ cờ lên trán đi biểu tình. Phải lá cờ đó tôi đã nhiều lần đưa tay lên vành mũ, ngước nhìn nó bay lượn giữa trời xanh, lá cờ đã phủ lên quan tài cả triệu người trong suốt 20 năm trận chiến, nếu thật sự nó ngự trị trong lòng ta thì không cần phải vẽ lên cà vạt, lên trán, lên áo dài. Tôi nghe các bạn tôi sang sau kể lại có nhiều sĩ quan QLVNCH thà chết chứ không chịu lấy cờ may quần đùi. Đối với người Mỹ họ có thể dùng cờ để may xì líp, nhưng chúng ta thì không thể làm như vậy được. Tôi có đi quá xa câu hỏi của anh không?

Hãy trở lại với mớ chỉ rối. Tôi chưa bao giờ thấy nhiều lãnh tụ như hiện nay. Nếu lịch sử đã có một thời thập nhị sứ quân thì hiện nay chúng ta đang ở vào thời bách sứ quân, thiên sứ quân, vạn sứ quân, chỉ tiếc rằng các sứ quân hôm nay đã hiếm tài lại ít đức. Tôi nói có bằng chứng. Mỗi sứ quân nổi lên, hàng chục sứ quân khác hịch tội. Rõ ràng là chúng ta đang lạm phát lãnh tụ, hãy cứ lấy một con số khiêm nhường, trong hàng trăm lãnh tụ đang bí bí mật mật, đang hô hào, đang diễn thuyết có bao nhiêu người thực sự chống Cộng? Khi tôi đặt nghi vấn như vậy tôi biết rất rõ có nhiều người chống Cộng vì sợ người đời quên mất cái địa vị cũ của mình, hoặc giả chống Cộng đối với một số người có khi là vấn đề business, thậm chí có người chống Cộng chỉ vì muốn có cái danh để dễ chiếm được lòng người đẹp?!! Chả lẽ mang danh là thợ tiện, thợ điện hoặc ngon hơn nữa kỹ sư kỹ siếc đâu có bảnh bằng một thủ lãnh chống Cộng cùng mình. Lấy ví dụ cụ thể vấn đề bang giao giữa Mỹ và Việt Cộng chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới tất cả mọi người, kể cả những người chống Cộng hay không chống Cộng, kể cả những người hoạt động chính trị hay không hoạt động chính trị. Nếu chúng ta chống việc này thì tại sao chống? Nếu chúng ta cổ võ thì tại sao cổ võ? Thực tế cho thấy việc đó sẽ xảy ra không sớm thì muộn? Các đoàn thể và tổ chức chống Cộng đã nghĩ tới điều này chưa? Để chống lại việc này chúng ta sẽ phải làm cái gì? Các hội đoàn sẽ phải phối hợp với nhau ra làm sao? Lúc này ai bảo được ai??

NMT: Anh có dự trù nào cho tương lai? Viết vài cuốn sách? Thực hiện những sinh hoạt văn hóa khác?

HKP: Lúc nào tôi cũng mơ ước viết một tác phẩm khác hay hơn tác phẩm trước. Ngoài điều này ra, một tờ báo tử tế, cho dù có lỗ cũng nên làm.

NMT: Anh có nghĩ đã có những hiện tượng báo hiệu những biến cố văn nghệ sẽ có ở hải ngoại trong trận chiến ở mặt trận văn hóa hôm nay?

HKP: Nếu chúng ta để ý một chút thì sẽ thấy có hai vấn đề chúng ta làm tùy hứng, tùy tâm của mỗi người nhưng với

Cộng Sản thì đó là hai vấn đề vô cùng lớn: Đó là thể thao và văn nghệ. Phía quốc gia nói riêng và tư bản nói chung chúng ta viết cái gì chúng ta thích, hay là độc giả thích, chúng ta tham gia trò chơi thể thao có thể là vì lòng yêu thể thao trước, sau đó tới tiền và danh vọng. Phía Cộng Sản họ coi thể thao và văn nghệ là *propaganda,* trên lãnh vực thể thao người lực sĩ Cộng Sản sẽ tham dự thế vận hội không phải với tinh thần của Thế Vận hội kiểu De Courtney:Sự quan trọng là có mặt. Họ đến tham dự với lòng hăm hở phải kéo được quốc kỳ của họ trên thao trường, quốc ca của họ phải được vang lên nơi sân cỏ do đó có nhiều nữ lực sĩ của Nga, Đông Đức, Lỗ, Tiệp... mà các dìu dắt viên cả Tây Phương nghi là đàn ông cải trang, hay là giải phẫu đổi giống, rồi dùng kích thích tố... Trên lãnh vực văn nghệ cũng vậy, các quốc gia Cộng Sản tổ chức những đoàn vũ, những đoàn kịch, những ban nhạc cổ điển đi lưu diễn khắp nơi cốt để nói lên cái hay, cái đẹp, cái khỏe, cái mạnh của Cộng Sản. Do đó không phải chỉ bây giờ mới có những biến cố văn nghệ kiểu Ngụy Ngữ, Lê Lựu. Trước đây chúng ta có vụ Vũ Hạnh, sau 30-4 ta thấy được hàng vài chục những khuôn mặt khác trên mọi bộ môn vo ve như ong vỡ tổ. Cộng Sản làm công việc của họ, còn chúng ta làm công việc của chúng ta. Cái khó là chúng ta ở ngoài sáng, họ ở trong bóng tối. Cái khó là hàng ngũ chúng ta không chặt. Thiệt ra thì chúng ta làm gì có hàng ngũ, chúng ta có quá nhiều người chỉ sợ không chống Cộng là không kiếm ăn được do đó nhìn đâu cũng thấy Cộng Sản, hở một tí là bị chụp mũ rồi, riết rồi tôi thấy người nào vừa mới thò ra chỉ độ một thời gian ngắn là bị năm bẩy cái mũ chụp vào đầu. Nhiều lúc tôi buồn cười là điểm danh lại mười người thì tám người bị chụp mũ Cộng Sản.

"Nhà văn, nhiêu đó đủ rồi."

Sao mà nhiều Cộng Sản đến thế, như vậy bọn nó tốt đấy chứ. Những lá thư nặc danh, những truyền đơn giải khắp chốn đôi khi chỉ vì những lý do cá nhân, như hễ cứ ghét ai, muốn hại ai thì cứ đổ chữ Cộng Sản lên đầu là chắc ăn, riết rồi không ai tin ai, bởi vì ai ai cũng đã hơn một lần bị chụp mũ. Riết rồi quần chúng cũng chán cái trò "đổ bệnh cho trâu" (1) cũng chẳng còn tin. Nhưng có điều chắc chắn là hàng ngũ chúng ta vì vậy cứ mỗi ngày mỗi lỏng.

Không phải những biến cố văn nghệ đó sẽ có, mà là đã có và sẽ còn có nhiều nữa, chúng ta ở ngoài sáng đấm đá nhau, cấu xé nhau, phỉ nhổ nhau, bọn chó má Cộng Sản nằm vùng trong bóng tối bụm miệng cười hả hê, khi xoa bên này, khi nắn bên kia, lúc thì đổ dầu vào lửa. Nếu chúng ta phải viết những tác phẩm mà trong đó thế nào cũng phải cài cho được một vài câu sặc mùi chống Cộng có khi hết sức rẻ tiền như Đ.M bọn Cộng Sản. Thế nhưng chúng ta quên một điều có khi bọn nằm vùng chống Cộng hăng hơn ai hết, chúng chống Cộng đã hăng mà chúng ly gián chúng ta còn hăng gấp mười. Chống Cộng bằng mồm thì chúng ta đã chống cả mấy chục năm nay rồi và bây giờ chúng ta ngồi đây, nhưng cái đà ly gián này nói như nhà văn Nguyễn Ý Thuần là mình đâu có đủ phi thuyền để chạy lên hành tinh khác. Đó là tôi chưa kể tới những kẻ cả vú lấp miệng em, dùng việc chống Cộng như một tấm áo giáp, chiêu bài, che đậy cái con người bẩn thỉu của họ, cũng như tạo cho họ một cái thế bề mặt để buôn bán bên trong.

Về việc này tôi muốn mượn lời một cô bé con của một nhà văn bị chụp mũ là Cộng Sản, cô bé đó nói với tôi như thế này: "Chú, sao người lớn kỳ quá, hồi ở Việt Nam bố cháu bị bọn Cộng Sản nay bắt làm tờ khai, mai bắt làm tờ khai, thẩm vấn lên xuống vì bị bọn 30-4 đổ tội làm CIA, bây giờ qua đây thì bị đổ là Cộng Sản. Bọn cháu chán người lớn lắm rồi. Riết rồi cháu hết muốn làm người Việt Nam luôn." Tâm trạng này hiện nay cũng đang lan sang người lớn. Lý do có phức tạp hơn, nhưng dẫu sao thì hiện tượng đó đã có và tôi nhớ dường như Max hoặc Lenin đã nói câu này. "Sau cùng chính bọn tư bản sẽ bán dây thừng cho chúng ta để treo cổ chúng..." Nếu chúng ta tiếp tục suy nghĩ và hành động như cũ thì chúng ta sẽ bán dây thừng cho bọn Cộng Sản hoặc là chúng ta dự trữ sẵn dây thừng để tự xử lấy. Đằng nào cũng là sợi dây thừng mà thôi.

NGUYỄN MẠNH TRINH
thực hiện

Trích trong NHÀ VĂN NÓI VỚI CHÚNG TA sắp xuất bản

(1) Đổ bệnh cho trâu: Thành ngữ này để diễn tả việc ngày xưa không có thuốc để chữa bệnh hoa liễu, có người nghĩ đến chuyện làm bậy với trâu để chuyển bớt bệnh sang cho... trâu.

Nhã Ca và Marianne Eyre,
tổng thư ký văn bút Thụy Điển.
Stockholm 6. 1989.

THĂM NUÔI TÙ, 1978

NHÃ CA

Hồi 1963, Sớm Mai vừa biết bò thì bố bị bắt. Phật giáo tranh đấu. Nửa đêm, mật vụ tới nhà bịt mắt dẫn đi. Hai mẹ con bồng bế nhớn nhác, chầu chực khắp nơi, mấy tháng sau mới dò ra chỗ nhốt. Vào Tổng nha cảnh sát, phải đứng xa gần trăm thước, nhìn đoàn tù trong sân lố nhố, chỉ biết có dơ tay làm dấu. Chưa lo kịp thăm nuôi thì đảo chính, Từ về.

"Thấy rõ em với con hôm thăm không?"

"Thấy. Nhận được ổ mì thịt với gói thuốc, cò Đô dúi cho."

Cò Văn Đô là thông tín viên chuyên lấy tin cò bóp cho báo chí thời ấy.

"Em thấy người ta gửi quà nhiều lắm. Không biết làm sao. Kếu với Long phải trốn ra sống ngoài bến xe. Cơm phải ăn nhờ anh chị Đông. Trong tù, ăn uống thế nào?"

"Ôi. Chả việc gì phải lo. Canh thịt mỡ cả thùng. Cá lác kho cả thúng. Cơm nước ngày nào cũng thừa mứa đổ đi. Không thấy anh mập ra à?"

Ấy là tù thời Cộng Hòa.

Mười ba năm sau, đến lượt Hưng Chấn vừa chập chững tập đi, cả bố lẫn mẹ nếm mùi tù Cộng sản. Canh đại dương, có nghĩa là nước muối. Cơm chia, xâu xé nhau từng muỗng. Lũ con thơ nhịn miệng nuôi bố mẹ, giỏ quà bằng nắm tay. Bây giờ, tôi hiểu phải nuôi tù thế nào.

Chiều ba mươi tết, nhà cửa trống trơn. Bà chị chồng tới, ngó lên bàn thờ, hoảng hồn, về xách lại hai giỏ đồ ăn đầy ắp. Bà con, bạn bè cứu trợ tới tấp. Sáng mùng hai, lên Già Lam lạy Phật. Chiều, Hòa Thượng Trí Thủ bắt thầy Hải chở lại tận nhà một bị tương chao, trái cây: Ôn sai chở tới để chị đi thăm anh.

Toàn, một thanh niên đi tù vì vượt biên với nhóm họa sĩ Trần Văn Tây, biệt kích Mai Bá Trác, vừa từ T.20 ra, đến nhà:

"Em sống với anh và anh Song ở phòng 6C một. Ủa, chị không biết anh Song? Phan Văn Song giám đốc BGI đấy, chị. Ối, chị đừng lo. Ba anh em

huy hoàng. Bà vợ anh Song là người Pháp, đang làm bí thư cho lãnh sự Pháp ở Saigon, thăm nuôi bằng xe xanh xăng cát. Xì gà. Xô cô la. Chẳng thiếu gì đâu. Anh Song lo cho anh dữ lắm, còn bảo bà vợ phải lại thăm chị. Bà ấy yêu cầu em dẫn đi."

Bà vợ người Pháp xinh đẹp của anh Song tới nhà. Một tây, một ta xì xồ bàn chuyện nuôi hai ông chồng tù. Đang đóng vai thông ngôn, Toàn chợt kêu lớn:

"À. Em nghĩ ra rồi. Còn một món thiếu. Để em ra tay lo cho hai ông."

Một chai cô nhắc. Một trái dừa non. Một ống tiêm. Hút ra. Bơm vô. Ruột dừa biến thành rượu. Cẩn thận trét kín mũi chích nơi trái dừa, Toàn khoái trá thở ra:

"Rồi. Chị nhớ củ kiệu tôm khô nhé. Hai ông, đêm sẽ chun vô mùng, tha hồ. Cô nhắc có mùi dừa. Tuyệt diệu."

Toàn và Bẩy, một cậu em khác, đảm nhiệm phần khuân vác. Thêm một giỏ bánh mì vịt quay, gửi sang phòng nữ, đề tên chị Hai Hăng Rết, nhờ mời bạn tù cũ.

Mùng sáu tết, xong được lần thăm nuôi đầu tiên.

Không. Chưa thăm. Chỉ mới nuôi. Thăm, còn phải chờ thêm hai tháng sau, khi khóa học chính trị kết thúc, mặt mũi Mười Kết tươi rói:

"Thế nào, chị Nhã Ca? Tranh lấy lại rồi. Hộ khẩu xong rồi. Chị an tâm tin tưởng rồi chứ?"

"Chưa."

"Tại sao? Chị còn đòi gì nữa? Tôi thật không hiểu."

"Anh về hỏi bà Mười Kết coi. Nếu bà ấy ở hoàn cảnh của tôi hiện nay, liệu bà ấy đã yên tâm chưa."

Vẻ mặt tươi rói chuyển động, thành đăm chiêu, thông cảm.

"Các đồng chí lãnh đạo chả nói với chị rồi là gì. Chỉ một thời gian ngắn thôi, anh ấy sẽ về. Chính anh chị, nhất là chị, sẽ tự quyết định lấy ngày về của anh ấy. Chị tích cực chứng tỏ sự an tâm tin tưởng sớm ngày nào, anh Từ sẽ về sớm ngày ấy."

Hòn đá ném xuống nước không chịu xủi tăm. Ném nữa.

"Thế này, chị Nhã Ca ạ. Các cháu chưa có dịp nào được gặp mặt anh, phải không? Thôi, chị sửa soạn kỳ thăm tới, cho các cháu thăm gặp anh một bữa. Chị cứ thuật lại lời tôi cho anh nghe, coi ý anh thế nào."

*

"Hai đứa hôn Ba đi. Hát cho Ba nghe nào. Hát cái bài ở lớp khăn quàng đỏ ấy. Có chú cán bộ nghe nữa kìa. Hát cho hay, chú khen."

Sớm Mai đẩy hai em tới bố, rồi quay sang phía gã công an giám sát cuộc thăm gặp, cười nịnh. Gã cai ngục quen mặt, ngồi sau bàn giám thị, nhìn ra:

"À. Chị Vân. Các cháu đây hả. Chị về địa phương thế nào, tốt chứ?"

"Dạ. Tốt lắm."

"Ừ. Hát đi. Các cháu. Hát bài *'Đêm qua em mơ gặp bác Hồ'* hả?"

Ngay trước bàn giám thị, hai dãy băng gỗ đối diện kê sát tường, vợ chồng nhìn nhau cách ba thước. Hôn bố xong, Lu dạn hơn em, bắt giọng trước:

A. Bê a ba. Bé viết chữ Ba
Ba ngó nè ba, con viết chữ ba đẹp quá
La lá la lá la lá
A. A sắc á. Bé tô chữ má
Má coi nè má. Con tô chữ má
Tươi như cành hoa là là la la
Má a Ba. Má a Ba. Cùng một vần A.
Má a Ba. Má a Ba. Là một bài ca
La lá la la. La lá la la...

Hát đủ hai vòng. Nghiêng đầu. Nắm tay. Chỉ trỏ. Bị chị bắt diễn tập kỹ ở nhà từ trước, Lu Ti hát được đúng lời, làm đúng được mọi động tác, nhưng mặt mày nhợt nhạt, quên mất phần diễn tả. Tác giả bài ca kiêm đạo diễn, Sớm Mai luôn miệng nhắc em:

"Cười đi. Cười nào, Lu. Cười kìa, Ti."

Chỉ có tiếng cười to của gã giám thị. Rồi nụ cười bố mẹ nhìn nhau. Hai ca sỹ tý hon sợ quá, không sao nhếch mép nổi.

"Lu Ti của Ba giỏi lắm. Nhớ ngoan, học giỏi nữa. Cho má vui. Các con còn bài hát nào nữa?"

Lu, Ti lí nhí trong miệng không nghe rõ. Sớm Mai phải thay em, trả lời bố:

"Các em ngoan giỏi cả, ba ạ. Em Nô với con vẫn tập đàn. Ni học giỏi. Em Ti biết đọc, biết viết rồi. Lu còn biết vẽ nữa. Bài 'Cùng một vần A', các em hát khi học đánh vần. Con sẽ còn tập cho các em nhiều bài hát nữa."

"Ba rất vui vì con biết phụ với mẹ, thay ba thương yêu dậy dỗ các em. Các con học giỏi, có nhiều bài hát hay, gia đình mình sẽ càng sớm đoàn tụ. Kìa, Ni với Toe..."

"Con bồng em Toe sang thăm Ba đi."

Toe rời mẹ, để con chị 8 tuổi bồng sang bố. Mặt mũi đã lành lặn trở lại, cục kẹo hối lộ sẵn trong miệng, Toe để cho bố ôm.

"Anh hên hơn em nhiều. Hôm em về, chưa đụng được đến người nó, nó đã ré lên khóc như cháy nhà."

"Kỳ nuôi vừa rồi, quà gửi nhiều quá. Đừng gửi vậy nữa. Dành sức lo cho các con trước. Đời sống mới. Mấy mẹ con còn phải cố gắng nhiều. Rán đừng làm phiền bà con, bạn bè cũ. Nhớ chấp hành các luật lệ mới. Xử sự xứng đáng. Nhà cửa thế nào rồi?"

Chuyện nhà cũ, nhà mới, bên nội, bên ngoại. Mười lăm phút gặp mặt như chớp mắt, chẳng thể nói gì trước mặt gã cai ngục. Đã tới giờ đứng dậy.

"Em và các con thay bố kính thăm Ông. Kính thăm Nội, Ngoại, các bác. Cháu Ti Na, cháu về Huế, nói chú Từ kính thăm Ba Má."

Ti Na đứng cạnh Sớm Mai, cùng 14 tuổi, đang thút thít khóc. Cháu là con gái ông anh ruột ngoài Huế, vừa vào thăm, nhất định đòi theo đi thăm chú. Cùng 14 tuổi như Sớm Mai, suốt buổi thăm, cháu chỉ ngồi khóc, mặt mũi méo xẹo. Nhìn mặt từng đứa con, Từ hỏi:

"Nô đâu? Sao không vào thăm bố?"

"Hà đi vắng. Ngoại mệt, phải để con ở lại phụ Ngoại trông nhà."

Tôi nói dối. Nô là cháu trai Phương Đông, em kế Sớm Mai, 11 tuổi. Thằng nhỏ giờ này chắc vẫn còn quanh quẩn ngoài cổng trại chờ mẹ ra. Khi làm giấy tờ thăm gặp, dẫy nhà tôn phía ngoài đầy người. Một vệ binh nạt: 'Chị kia. Ai cho chị bước vào? Lộn xộn cúp thăm nuôi.' Bộp. Một hòn đá ném trúng hai gã vệ binh. Một tên khác chạy ra nắm cổ thằng nhỏ hỏi con nhà ai. Bẩy đi theo, bảo nhỏ tôi 'Chị để em, chị để em', rồi chạy lại dàn xếp với vệ binh, dẫn Nô đi mất, ra vẻ hai chú cháu không dính gì tới đám thăm gặp này.

*

* *

Hai tháng một lần, có ngày nuôi tù. Lần nuôi thứ ba, 30 tháng Tám, 1977. Nô đã được giảng giải, hiểu ra, hứa không phá nữa, ngoan ngoãn phụ với mẹ chuyển đồ, đăng ký giấy tờ nuôi.

"Chị Trần Thị Thu Vân."

"Có."

"Báo chị biết, anh Vĩnh đã chuyển trại."

"Chồng tôi đã bị đưa đi đâu?"

"Chị cứ về nhà đợi. Sẽ có thư báo. Đi lao động tốt thôi. Làm gì mà chị hốt hoảng vậy?"

Không chỉ mình Từ. Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, Mặc Thu, Vũ Quốc Thông, Phạm Huy Cơ, Trịnh Viết Thành, Phạm Thái Thủy, Nguyễn Viết Khánh, Hồ Văn Đồng... Cả trăm tên người. Cũng không chỉ mình tôi. Khu nhà nuôi tù của T.20 náo loạn. Các bà vợ thấy chồng biến mất, quăng cả giỏ xách, tụ vào một góc. Trại tù phải cho một cán bộ có hạng ra tập họp, ngon ngọt giải thích, hứa hẹn. Gã kết luận:

"Đi lao động cải tạo tức là được tạo cho cơ hội tốt, để có thể sớm thành người tiến bộ, mau chóng trở về với gia đình. A. Có chị Nhã Ca kìa. Chị ấy đã học tập cải tạo tiến bộ, hiểu rõ chính sách khoan hồng nhân đạo của Đảng và nhà nước. Các chị cứ hỏi chị Nhã Ca là biết."

Mãi năm giờ sáng xe mới chạy nổi. Ba chục bà, hơn trăm cái giỏ xách đủ loại. Bác tài ước lượng: hai tấn. Toàn đã nếm cơm tù, phê: Toàn 'món chiến lược' đấy. Bọn thanh niên tháp tùng, phụ xếp đồ đạc, bị la ó túi bụi.

"Đừng ném. Nhẹ với. Thôi rồi. Hũ thịt kho."

"Bể. Bể. Chai nước mắm. Khổ ơi là khổ."

"Í cha. Cái gì nhúc nhích. Cha mẹ ơi, con gà. Sao bà lại mang gà sống đi làm gì?"

Cứ vậy. Giỏ xách rơi. Chai hũ bể. Gà vịt kêu. Chuyến xe đò thuê bao thành cái bếp hỗn độn, nồng nặc đủ thứ mùi vị, đầy tiếng xuýt xoa, cười nói.

Bà Vũ Quốc Thông -- người mẹ, người chị lớn của cả xe -- luôn miệng truyền kinh nghiệm.

"Ấy, đi đường xa, thức ăn phải bỏ vô keo nhựa, hũ nhựa. Còn phải bao ny lông cho chắc. Nước mắm, xì dầu phải quấn mấy lớp giấy ngoài. Đâu phải gần như hồi ở sở công an, ở T 20, mang tới là mấy ông khui ra xài liền. Mấy ngày đường, hơn 800 cây số, lên đèo xuống lũng. Nội cái xe nó hầm, nó xóc, không cẩn thận, tới nơi là vất đi."

Đoàn tù từ T. 20 bị đưa đi đầy đúng rằm tháng Bẩy âm lịch, ngày cúng cô hồn các đảng. Ba tuần sau, gia đình nhận thư. Bà Vũ lại nhà: Làm thế nào bây giờ, bà Nhã? Phải đi thăm các ông ấy ngay. Cái rừng núi Gia Lai -- Kông Tum này, nội sương lam chướng khí cũng đủ chết rồi. Lại còn đói, còn rét. Không nhanh là không gặp được nữa. Thư ông ấy chỉ đường xá thế nào? À. Cùng K một, trại Gia Trung. Họ ở một chỗ. Từ Qui Nhơn, theo đường 19 về hướng Pleiku. Vượt đèo Mang Giang, dừng ở cột cây số 125. Từ đây, có đường đất quẹo bên mặt dẫn vào trại. Sẽ phải đi bộ bốn cây số. Đừng mang nặng. Coi chừng xe đò tới vào ban đêm, rất khó xoay trở. Sẽ phải ngủ lại ở nhà thăm nuôi một đêm. Nhớ mang áo ấm, cả cho em nữa. Lạnh lắm...

Từ bao giờ, mặt bà Vũ đã đầm đìa nước mắt. Xa xôi khó khăn thế, thời buổi này, bao nhiêu gia đình, làm sao đi nổi. Bà Nhã ạ, bà với tôi phải cùng lo thôi. Mình thuê bao hẳn một chuyến xe đò. Lần đầu, phải vậy mới chắc ăn. Xem bọn mình có những ai nào. Bà Cơ, bà Hoa, bà Tiềm, cô Thu... Còn bên cánh nhà văn nhà báo của bà nữa. Bà tìm xe, ghi tên các bà, thu tiền...

Ông Phạm Huy Cơ là bác sỹ, giầu có, nguyên ứng cử viên Tổng Thống. Bà Hoa, gia đình họ Phạm vua xà lan tầu biển. Cô Thu, ông Lễ là phó chủ tịch hội đồng kinh tế quốc gia. Phía gia đình bọn nhà văn, sức nào mà đòi thuê bao xe. Chị Doãn Quốc Sỹ đang bệnh không thuốc thang. Chị Mặc Thu, cả lũ cháu ngoại phải ăn cháo. Làm sao thu với góp? Ô hay, bà Nhã. Có ai bắt bà thu góp cho đủ đâu. Được bao nhiêu thì được. Cứ ghi tên đi. Nhà nào không góp nổi cũng cứ đi. Thiếu bao nhiêu, tôi bù.

Mua một vé xe đò, còn bể đầu sứt trán, đủ thứ giấy tờ. Thuê bao cả một chuyến xe lớn, đi về mấy ngày trời, đâu phải chuyện dễ. Hai cậu em Toàn và Bẩy lo việc lùng kiếm xe. Ngày nào bà Vũ cũng lui tới ba bốn lần: Có chưa? Xong chưa? Bao nhiêu cũng được mà. Cán bộ quản lý xe? Thì móc. Thì ngoặc. Nó đòi nhiêu cho nhiêu. Tôi bù

được mà. Bà Nhã ơi, các ông ấy đang chết đói chết rét trên rừng kìa. Ở đó mà tính với toán.

Tài xế được bao ăn uống phủ phê dọc đường. Mà đâu chỉ bác tài. Vợ bác ta. Ba lơ phụ. Chưa hết, thuê bao cũng bất kể, giữa đường cứ thả cửa rước khách.

"Chật quá rồi. Bác tài ơi."

"Ngàn năm một thuở mà. Các bà các cô thông cảm cho gỡ gạc tí ti. Ai đời, xe mình, mình lái. Máy móc vỏ ruột hư bỏ tiền túi ra sửa hết trơn. Vậy mà mỗi chuyến chỉ được có bẩy ghế."

Chuyến xe hơn ba mươi người, nêm thành bẩy chục. Dọc đường, xì bánh cả chục lần. Cứ lên đèo là chết máy, cả xe phải xuống đẩy.

Leo dốc hết hơi. Mấy bà phát sùng, rủa:

"Chết máy gì mà chết. Nó làm bộ bắt cả xe đẩy. Qua ngọn đèo, đỡ bao nhiêu là xăng."

"Quân dã man, ăn cướp."

"Sao mà chúng nó tham thế." Bà Vũ than, giọng khản đặc.

"Thì thời của kẻ cướp mà."

"Tội nghiệp bác tài mà, má. Bác ta chỉ là thứ cướp tép riu thôi, còn có lòng dám đưa mình tới trại cải tạo. Mấy bác tài khác là lắc đầu chối hết. Chỉ có bác ta. Má đừng than nữa, má ạ."

Đêm. Mưa. Đẩy được xe lên đỉnh đèo, kiệt lực. Tôi phải an ủi bà Vũ vậy. Tôi gọi bà bằng má từ đó.

Tài xế không dám đổ đèo ban khuya. Nghe nói phía dốc đèo thường có cướp võ trang chặn xe. Đỉnh đèo thì nghe đâu có cọp. Bác tài xế bê tới cục đá lớn, chận bánh xe:

"Thôi, ngủ đỡ trên đèo một đêm đi, các bà ạ. Cọp dù sao cũng còn lành hơn người. Quá lắm chỉ sơi vài ba mạng."

Nụ cười xinh đẹp của chị Nguyễn Sỹ Tế nhợt nhạt.

"Ôi, thây kệ. Túm vô một đống đi, mấy bà. Cho cọp nó tha hết, càng khỏe."

Mưa lâm râm thôi. Vợ con tài xế, bà Cơ và lũ trẻ con ngủ ngồi trên xe. Bà Vũ, dù trưởng lão, vẫn kéo tiểu thư My xuống xe, dồn cục với chị em. Áo mưa trùm. Vải nhựa căng, trải. Già trẻ xúm xít trong mái tạm. Chị Mặc Thu, chị Tế, chị Trịnh Viết Thành...ai nấy đã lặng lẽ, nhưng cánh trẻ: Thu, Dung, Thu Lan, Thanh vẫn còn sức cựa quậy, pha trò.

Sáng, xe đổ dốc. Quốc lộ một, trùng điệp rừng núi. Trưa, đỉnh đèo An Khê có bến dừng, quán xá.

"Tất cả, phải ăn uống cho lại sức chứ. Tôi mời. Vào đi, chị. Vào đi, cháu, vào. Vào."

Suốt chuyến xe, từ miếng ăn miếng uống, thiếu gì cũng bà Vũ. Nhiều năm sau, tan tác khốn khổ hơn, bà sẽ vẫn là bà mẹ, bà chị lớn chu đáo với mọi người như vậy.

Từ Qui Nhơn rẽ sang đường 19. Những cây dừa cụt đầu. Những khung nhà cháy nám, trơ xương. Dấu vết cuộc chiến thảm hại cũ nhan nhản. Quận Lệ Trung, đất Tây Sơn nghèo khổ, nhớn nhác, nhưng đỉnh đèo Mang Giang vẫn cao ngất mây xanh. Mang Giang, tiếng người Thượng Ba Na, có nghĩa là cổng trời. Hèn chi.

Sáu giờ chiều, từ cổng trời hạ giới. Bắt đầu nhìn những cột cây số bên đường.

"Cây số 125 đây à. Thấy gì đâu. Kìa, bác tài nói, chỗ bụi tre. Đó, cứ theo đường đất này, đi miết vô là trại. Họ không cho xe đò vô đâu. Biết lúc nào mới ra được mà đón. Từ khúc này, về Pleiku dễ hơn. Xe đợi ở bến xe Pleiku."

Giỏ xách đổ một núi bên đường. Xe dọt, vẫn đầy nhóc hành khách.

Vai đeo. Đầu đội. Tay xách. Chẳng biết bằng cách nào, nhà nghèo nhất cũng bới xách theo dăm ba chục ký lô. Tha từng chặng. Bỏ đó. Trở lui tha tiếp. Cứ vậy, leo đèo vượt suối, rồi cũng vẫn tới được.

"Ở đó mà ba bốn. Sáu bẩy cây số là ít."

"Còn hên. Không mưa. Quần quật vậy mà không có giọt mồ hôi nào. Lạnh thật."

"Vậy mà có người vẫn ấm đấy, chị Nhã. Coi người đẹp của thầy Lễ này. Mới bén thấy hơi, má đã đỏ rực."

Dung chạy. Thu đuổi. Vẫn còn cười được. Anh Mai Văn Lễ có thời là khoa trưởng đại học luật khoa Huế.

Nhà thăm gặp K1. Bảng hiệu gắn trên cổng. Mái lá. Vách đất tô vôi. Khẩu hiệu lớn xanh đỏ: "đời đời nhớ ơn Bác Hồ vỹ đại" Phòng thăm gặp. Phòng cán bộ. Phía sau, một gian có xạp nằm. Tất cả trống trơn. Họ đâu hết, tù và cai tù? Nhìn coi. Họ đang bị chôn lấp ở đâu, trong sương giá rừng núi. Sau khi nghiên cứu bản nội qui chỉ dẫn thăm gặp, Bẩy tìm thấy cái kẻng treo một bên chái bếp ngoài sân sau. Bà Vũ ra lệnh đánh kẻng gọi.

Trời xụp tối lúc nào không hay. Cả nửa giờ sau, từ phía trên dốc xa, mới thấy có ánh lửa bò xuống. Một người đàn ông quần áo xanh xám xuất hiện.

"Tôi cũng tù thôi."

Tay xách ngọn đèn bão, anh ta nói vậy. Giọng Quảng. Xã trưởng cũ. Tù sớm hơn miền trong. Anh ta là loại tù tự giác, được tin cậy cho đi một mình, phụ trách công việc nhà thăm nuôi.

"Không biết. Không biết. Các bà hỏi cán bộ. Tôi cũng tù như mấy ông ấy thôi."

Hỏi gì cũng chừng đó. Củi nước, hai ngọn đèn dầu được chỉ dẫn. Thâu đơn để vào trình. Bà Vũ đích thân đưa anh ta ra cửa. Người tù lặng lẽ biến mất vào đêm tối.

Cái lạnh rừng núi bắt đầu ngấm vào da, vào xương. Cả tháng rồi, tù Saigon lên thình lình, lấy đâu ra áo ấm? Bên đống lửa, bà Vũ ghé vào tai tôi:

"Giờ này các ông ấy biết có bọn mình lên rồi."

"Má tin hắn ta? Coi chừng, báo cáo à."

"Bánh tét. Thuốc lá. Tiền. Trám kín rồi. Còn hẹn 'mai tiếp' nữa. Làm sao mở miệng

được?"

Hai ngày đường lây lất, thêm một đêm chẳng ai ngủ nghê gì. Vậy mà mới sáng ra, bà nào cũng thỏi son, hộp phấn. Vừa chỉnh chang lại nụ cười ánh mắt, vừa chọc phá nhau cho qua giờ.

Một hồi kẻng rền rĩ từ phía xa. Cả đám ào ra sân. Sương giá đã tan bớt. Xuống xa nữa, dòng suối lớn có cầu sắt bắc qua. Bên kia dốc đồi, thấp thoáng những ruộng rau xanh. Xa thật xa, lẫn trong cây, những mái tôn, mái ngói. "Thấy không cô. Họ kìa." Chị Mặc Thu nghẹn giọng, thì thầm. Nơi dốc đồi xa, có đoàn người mầu xám di động. Nhiều đoàn nữa. Phải rồi. Kẻng tập họp, lao động khổ sai. Họ đấy, những người tù đang biến dạng trong rừng núi.

"Trời ơi, các bà. Sao dám xuống tới đây? Đi lên. Lên mau. Cán bộ mà thấy là không còn thăm gặp gì nữa."

Một giọng la hoảng hốt từ trên cầu. Người tù đêm qua. Trên vai anh ta có gánh nước.

Đổ nước vào cái thùng sắt lớn có đề chữ 'nước uống' kê ở hành lang nhà thăm nuôi, anh ta dặn:

"Sốt rét, tả lỵ đó. Mấy bà nhớ đun cho thật sôi."

Nhìn đống giỏ xách la liệt ở nhà trong, anh ta lại luôn miệng kêu trời:

"Các bà đem gì nhiều dữ vậy. Mỗi người chỉ được nhận từ ba đến năm ký lô thôi. Thăm gặp chỉ có mười lăm phút. Phòng thăm nhỏ, một lượt thăm, chỉ có chỗ cho 5 người. Các bà lên một lúc đông thế này, phải thăm làm nhiều đợt. Nội chờ cán bộ dẫn ra trại vô trại cũng hết ngày rồi. Giờ thăm chắc rút còn năm mười phút là nhiều.

"Sao lại ba ký? Sao lại năm ký?"

"Có bảng nội qui thăm gặp kìa. Yêu cầu đọc kỹ rồi chấp hành. Chỉ được lui tới từ khu dành cho thân nhân tới bếp, không được tự tiện lên phòng thăm, không được qua lại chỗ cán bộ ngồi làm việc, khi chưa có lệnh. Cần tắm giặt, phải đi đường thẳng ra khúc suối phía sau. Không được tới gần cầu, gần đường. Tiêu tiểu có mái lá phía kia. Hố xí hai ngăn, phải giữ đúng qui cách: tiêu riêng, tiểu riêng. Nữa. Mấy con gà, dàn bầu dàn bí, rau trái đều là của cán bộ. Mất một con, một trái là mấy bà làm khổ tụi tôi đấy. Không chỉ mình tôi đâu. Mọi người thăm gặp sẽ lãnh đủ. Thôi, các bà vào nhà sau hết đi. Cán bộ sắp sửa ra."

Bà Vũ rên lên bên tai tôi:

"Tiên sư cha nó. Vẫn cái nòi phỉnh gạt. Phòng thăm gặp. Nội qui. Nếp sống văn hóa mới. Nội một cái vách đất, hai ba cái khẩu hiệu. Cái nào cũng có chữ 'vỹ đại'. Bà ngó mà coi. Giàn bầu, giàn bí. Bồn hoa, cột cờ. Cắt tỉa như vườn ông lớn. Tù làm cả đấy."

Giọng bà chợt cuống quít, run rẩy:

"Vô. Vô trong hết đi. Mấy ông ra rồi kìa. Vô dùm tôi đi. Nó thấy mình lô nhô là nó cúp. Khổ. Coi mấy ông, sao mà thảm quá vậy trời."

"Thu Lan ơi, bố kìa, Thủy kìa."

Toán đầu, cánh nhà văn chỉ mới có anh Mặc Thu và Phạm Thái Thủy. Ông Vũ cũng chưa thấy. Anh Mặc Thu, vẫn bộ râu cước tiên phong đạo cốt như tôi từng thấy trong chuyến xe bắt chó dại sang T20 hôm nào, tinh quái liếc mắt về phía các bà, mỉm cười.

Người tù coi nhà thăm nuôi nói đúng: gặp 10 phút, nhận 5 ký. Quay trở vào, nụ cười bà nào bà nấy méo xẹo. Chị Mặc Thu túm lấy tôi:

"Sao lại vậy nhỉ? Chính sách gì vậy, cô Nhã?"

Bà Vũ gắt nhỏ:

"Chính với sách gì. Chúng muốn họ chết đói."

Bỗng có màn long trọng. Người tù coi nhà thăm nuôi vào yêu cầu tất cả ra phòng ngoài. 'Cán bộ giáo dục' muốn nói chuyện.

Một gã áo vàng loắt choắt, mặt non choẹt, lóng ngóng rời cái bàn nhỏ đứng dậy: 'Nghe nói rằng thì là các chị đây thuộc diện gia đình văn nghệ sỹ phản động. Tôi thay mặt Ban giám thị và hội đồng cán bộ động viên các chị rằng thì là...' Sau cả năm mười phút 'rằng thì là mà, mà rằng thì là', mặt mũi gã đỏ gay, có vẻ sắp kiệt lực. Không ai vỗ tay. Đến mục coi giấy tờ thăm, Độ, cháu trai của anh chị Nguyễn Sỹ Tế lãnh đủ:

"Anh học nội qui chưa? Học nếp sống văn hóa mới chưa? Ai cho phép đứng trước cán bộ mà không bỏ kính xuống? Còn ngoan cố hả? Giáo dục của các anh các chị để đâu? Tóc tai vậy hả? Anh đi thăm nuôi gia đình nào?"

Gã dơ tay muốn bạt tai. Độ lùi lại.

"Bỏ kính xuống. Bỏ xuống. Xin lỗi cán bộ ngay đi. Xin cán bộ tha lỗi, em nó ngớ ngẩn, dại dột... Dạ, không phải đâu. Em nó là cháu nhà bà kia, chỉ theo phụ thôi. Bà ấy vừa được thăm xong rồi..."

Nhờ bà Vũ kịp thời năn nỉ. Độ thoát nạn. Mặt hầm hầm, mũi gã cán bộ vẫn còn hầm hầm. May sao, toán thăm gặp thứ hai cũng vừa tới. Anh Tế, sơ mi trắng chững chạc, dẫn đầu. Ông Vũ, áo tù xanh xám, tay xách cái giỏ. Anh Sỹ, vẫn bộ bà ba đen như hồi ở Sở công an. Thêm một bộ đồ tù: anh Lễ. Từ đi sau cùng. Kính cận đâu mất rồi, không thấy mang. Đã lãnh bài học như Độ? Có thoát nổi cái tát tai không?

Tội nghiệp cháu Độ, chỉ vì cái kính cận thị, sợ liên lụy tới việc cho thăm gặp, chỉ dám lấp ló phía xa nhìn bố.

Nghiêm ngặt hơn cả ở T.20. Hai dẫy băng dài cách nhau thêm một mặt bàn rộng cả hai thước, ghép bằng những thanh gỗ nhớp nháp, kín mít. Chỉ 5 ông, nhưng hàng băng dành cho thân nhân đông nghẹt, nhà nào cũng hai ba người đi. Hai gã cán bộ, thêm anh tù tự giác nữa, giám sát cuộc thăm gặp.

Chào hỏi. Người này. Người kia. Nhà cửa. Con cái. Chưa kịp nhớ ra những điều cần nói, đã có lệnh đứng dậy kiểm quà thăm. Quà thăm mỗi người xếp lên bàn. Cán bộ chỉ từng người, từng gói. Năm ký lô. Gói này. Gói này bỏ lại. Anh kia, có thôi không?

Vậy mà nụ cười vẫn không ngừng trên môi mọi người. Không phải chỉ là cười gượng. Một giây phút nào đó, bất chấp mọi thứ, hình như vẫn có một niềm vui lạ lùng chợt ào tới. Tíu tít. Ngây ngất.

Mỗi ông một xách nhỏ gọn ghẽ, ra khỏi phòng thăm. Các bà túa theo. Uy quyền cai tù, nhà tù lúc này không đáng bận tâm nữa. Từng cặp đi cạnh nhau ra sân. Gió. Nắng.

"Kính cận đâu mất rồi?"

"Anh cất trong trại."

"Có bị gì không?"

"Bị gì? À. Không đâu. Anh biết rồi. Cất luôn cho khỏe. Chả có gì để phải mang kính nhìn."

"Sao lại chả có gì? Còn em mà. Không muốn nhìn nữa sao?"

"Em à. Em không phải để nhìn."

Ôm vai. Một nụ hôn trên trán. Một lời thì thầm.

"Anh kia. Anh làm cái gì vậy?"

Tiếng quát giật giọng. Lại cậu bé 'cán bộ giáo dục'. Tức cười thật. Sao khi quát tháo hắn không phải đánh vật với mấy tiếng 'rằng thì là mà'.

"Anh học 36 điều nội qui chưa? Thuộc 18 điều lệnh nếp sống văn hóa mới chưa? Anh vi phạm nội qui, không được nhận quà nữa. Bỏ xuống. Vào hàng ngay. Về trại."

Chúng tôi đang đứng ngay cạnh cái cột cờ, có bồn cỏ cắt xén hoa mỹ. Từ tươi cười, nhẹ nhàng đặt cái túi 5 ký lô ngay ngắn dưới chân tôi.

"Không sao đâu. Vui nhé."

Vui thật. Kìa, nắng chấp chóa trên các lùm cây. Các ông ấy đang lên dốc. Họ vui vẻ quá. Lại có lệnh tập họp. Hai gã cán bộ cùng mở máy quát tháo, giảng dạy nếp sống văn hóa mới. Giờ này, chắc ông ấy đang mỉm cười. Sẽ còn cười lâu. Không thứ gì có thể dập tắt nụ cười ấy.

Chị Trịnh Viết Thành, Dung mãi sáng hôm sau mới tới phiên được thăm gặp. Tất cả, lại phải ngủ nhà thăm nuôi một đêm nữa.

"Lạ cái mụ Nhã. Hai thằng ôn dịch quát tháo. Bà già năn nỉ dùm gẫy cả lưỡi mà mụ thì cứ nhăn răng ra cười. Người ta thăm xong, rầu thúi ruột. Mụ thì tươi như hoa. Thật có tý hơi trai như thài lài..."

Chị Tế chọc. Thêm bà Vũ phụ họa:

"Chuyến đi này, chỉ Nhã Ca là có lời. Lời lớn. Còn mấy bà già này lỗ nặng."

Sáng hôm sau, trong khi chị Thành, Dung thăm gặp, bà Vũ kêu tôi:

"Túi quà của ông ấy hôm qua đâu? Mang ra đây. Dộng thêm vào chai nước mắm. Gói lạp xưởng nữa. Lẹ lên. Tý nữa nó sẽ cho cầm luôn vào trại. Ông ấy sẽ nhận. Phải thu xếp chứ cứ cười không mà xong à. Vẫn còn rộng. Bỏ thêm hộp sữa nữa. A, số cái ông này, thật vừa lời đơn lại lời kép."

Không còn cái nôn nả khi vào. Đường ra, nặng nhọc hơn gấp bội. Bà Vũ tự tay để lại những gói đồ ăn rải rác bên đường, hy vọng những người tù đi qua sẽ nhặt được. Mọi người ít nhiều đều theo gương bà.

Xe từ Pleiku về lại được Qui Nhơn đã hơn mười giờ tối. Ba bốn khách sạn, chỗ nào cũng thấy có công an xuất hiện hạch hỏi, không đâu dám chứa. Chị Tế hỏi thăm đường xá rồi đích thân ra lệnh.

"Theo tôi. Bọn mình chắc chắn sẽ có chỗ đàng hoàng."

Nơi chị Tế tìm tới là một đền lên đồng ngay trong thành phố. Thì ra, tuy là giai nhân nổi tiếng một thời ở các dạ vũ, nữ vận động viên quốc gia môn bắn súng, từng đi đây đó thi tài với quốc tế, chị Tế vẫn cứ là đệ tử của bà chúa Thượng Ngàn.

Cúi đầu vái khi qua điện thờ đầy tranh tượng các ông hoàng bà chúa, cả bọn có được chỗ ăn ngủ thoải mái.

Đêm sau nữa, nghỉ thêm ở Nha Trang. Nhà vị thông gia của bà Vũ. Xe tới sớm. Gia chủ tiếp đãi cả đoàn thăm nuôi như thượng khách. Thời thế vẫn chưa rờ tay tới được ngôi biệt thự bề thế này. Bữa ăn tối sang trọng, ấm cúng. Mọi người còn kịp kéo nhau đi dạo thăm phố biển.

Năm đêm, sáu ngày. In hệt một cuộc hành hương hay cắm trại. Chuyến thăm nuôi đầu tiên cũng là chuyến đi đông vui nhất. Ngay đêm ngủ ngoài gió mưa trên đỉnh đèo, vẫn còn thấy hơi ấm. Con đường còn phải đi, với từng người, càng về sau sẽ càng vất vả, cay đắng, đơn độc hơn.

Những người cùng chuyến xe cũ, bây giờ ra sao rồi?

Nhiều người vẫn ở lại quê hương. Có người đã mù lòa, què quặt, tan nát, điên dại. Có người chết trên rừng, ngoài biển. Cũng có người thư thái, an nhàn. Bà Cơ, bà Hoa, gia đình rời đất nước sớm. Cháu Thanh vượt biển sang được Úc. Cháu Độ sang được Mỹ. Dung, người đẹp nghiệp đoàn ký giả năm nào nghe đâu đang ở Đức. Bà Vũ quốc Thông, tháng Tám - 1988, đầu chít khăn trắng, tay bưng bình tro cốt ông Vũ, lên máy bay rời bỏ đất nước.

"Chỉ là chuyện mấy bà. Có gì mà dài dòng."

"Kệ. Cứ dài. Đã sao nào."

Tự hỏi. Tự đáp. Nghĩ đâu, gõ đó. Tôi viết những trang này, nhớ từng khuôn mặt. Tất cả, chúng ta vẫn nhớ mình, nhớ nhau, biết ơn và yêu quí bà Vũ, người mẹ người chị của chuyến xe năm xưa.

Phải thế không, các chị, các em, các cháu.

NHÃ CA

(Trích hồi ký: Nơi này nơi kia)

Huỳnh Sanh Thông: Từ đâu có ngôn ngữ?

Câu hỏi "ngôn ngữ có từ bao giờ? tại sao?" làm cho mọi người say mê tìm hiểu: Các nhà ngữ học, các nhà nhân chủng, các thi sĩ. Huỳnh Sanh Thông không thuộc vào ba loại người trên. Nhưng ông vừa đưa ra một giả thuyết có thể làm cả ba loại người trên phải suy nghĩ, tìm tòi, say sưa không kém, trong nhiều năm tới.

Nhà học giả Việt Nam hiện làm việc ở đại học Yale này cho rằng tất cả các tiếng nói của loài người bắt đầu bằng tiếng gọi *má* của các em bé đòi "tí" mẹ. Chính trong mối tương quan hàng ngày giữa mẹ và con đã làm nảy sinh những tiếng một vần, giản dị: mẹ, má, mụ, bụ, mặt, mắt, mũi, môi, mép.... Sau đó ngôn ngữ được phát triển lên vì loài người bị đụng chạm và ám ảnh bởi loài rắn, trăn, thằn lằn, thuồng luồng, rồng, long...

Huỳnh Sanh Thông là học giả đầu tiên người Việt đã được Mac Arthur Foundation (một quỹ văn hóa tư do gia đình cố đại tướng Mac Arthur lập ra) tặng 355,000MK "genius awards" (học bổng nghiên cứu) để cho người thụ nhận có thể bỏ ra năm, ba năm tự do nghiên cứu, không cần một điều kiện ràng buộc nào. Từ nhiều năm qua ông Thông đã sưu tập được hơn 700 tiếng thuộc các ngôn ngữ: Việt, Anh, Trung Hoa, Pháp, Quiche, Đức... phù hợp với cơ cấu mà ông nêu ra. Ông đã sơ thảo một bài gởi cho các người cùng quan tâm đến vấn đề trên trước khi hoàn tất một bản văn đầy đủ hơn. Tuy nhiên ông cũng có dịp trình bày giả thuyết sơ khởi này trong khuôn khổ đại học Yale. Ông nói rằng Má, Mẹ chắc phải là tiếng nói đầu tiên của con người; không cần phải là thiên tài, lãnh giải Nobel, mới tìm ra như vậy. Tiếng Nói là một chuyện rất quan trọng, không thể để mặc cho các nhà ngữ học tìm hiểu.

Một giáo sư ngữ học ở Yale, ông Studdert-Kennedy nhận xét rằng lý thuyết của ông Thông rất lý thú; nhưng không có cách nào chứng minh theo phương pháp khoa học được. Nó rất phù hợp với trực giác của chúng ta, và có tính cách nghệ thuật hơn là khoa học. Ông Studdert-Kennedy không khỏi công nhận rằng các dẫn chứng của ông Thông rất hay, lôi cuốn, ai cũng phải thích thú.

Các nhà ngữ học Việt Nam nghĩ sao? Các vị Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Khắc Kham, Mai Liệu, Nguyễn Ngọc Bích, Phạm Văn Hải..., xin cho biết ý kiến! (ĐT)

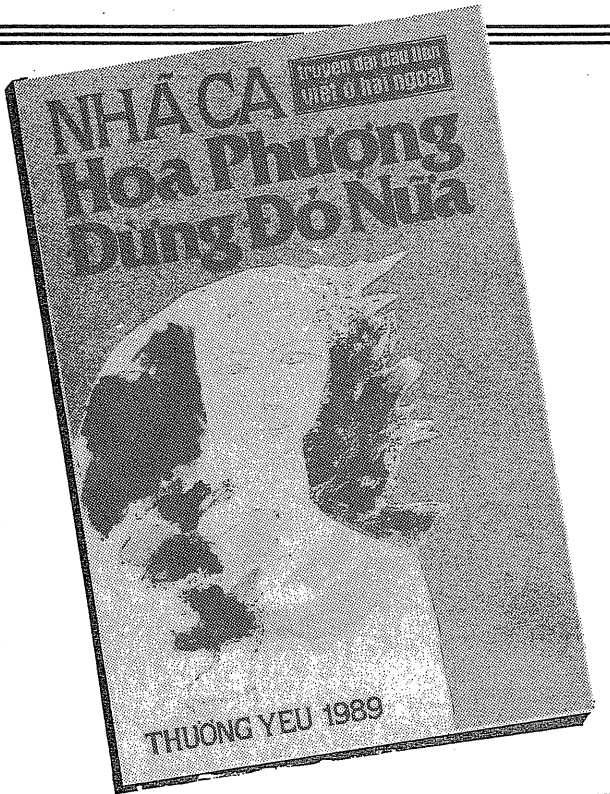

...Sau 1975, Nhã Ca không viết gì nữa. Nhưng bà vẫn nói: 'Tôi giữ tất cả trong lòng. Một ngày nào đó, tôi sẽ viết.'

TOM HANSSON

(báo *Svenska Dagbladet*, Thụy Điển 19. 04. 1987)

Chú Tom qui mến của các cháu, Điều Tom loan báo dùm khi chúng ta gặp nhau ở Sàigòn hai năm trước đây, đã thành sự thật. Tôi đang viết với lòng biết ơn...

NHÃ CA

Thụy Điển, 1989

Đang
Phát Hành
Khắp Nơi

Tưởng tượng

thơ

KHÁNH TRƯỜNG

Nếu tưởng tượng nỗi buồn như quần áo ướt
có thể hong khô trên rào kẽm quanh nhà
nếu tưởng tượng tình yêu như mền màn chăn gối
xài lâu lâu mang tẩy giặt dôi lần
nếu tưởng tượng cuộc đời như hành tiêu muối ớt
gia giảm ít nhiều khi cần phải ăn ngon
nếu tưởng tượng mỗi ngày thức dậy
không bill, tiền, điện, rác... linh tinh
không mới, cũ chiếc xe đang sử dụng
không nhỏ hẹp, cao to ngôi nhà đang ở
không hoang mang trương mục đầy, vơi
không anh hùng mã thượng
không hèn hạ tiểu nhân
không quỷ quyệt mưu mô
không trượng phu hào phóng
không gì hết!
ngoài loay hoay ăn ngủ...

Nếu tưởng tượng trần gian như mặt bàn mặt ghế
bóng lộn
vuông, tròn
không méo lệch, vẹo xiêu
không sông hồ đồi núi thấp cao
không mưa nắng thu đông xuân hạ
không hoa đẹp trái ngon
không hùm beo, nấm độc
không gì hết!
ngoài đất đai hiu quạnh...

Nếu tưởng tượng con người đồng dạng như nhau
không vàng đen trắng đỏ
không tóc quăn tóc thẳng mũi thấp mũi cao
không hoa kỳ pháp anh đức nhật
không cộng sản tự do tư bản vô thần
không hoa thịnh đốn
không mát cơ va
không bắc kinh miên lào phi châu ả rập...
không giới tuyến
không chiến tranh
không thù hằn khủng bố
không chiến lược toàn cầu
không đồng chí anh em thắm thiết
không gì hết!
ngoài hình nhân khuôn đúc...

Nếu tưởng tượng
và tiếp tục tưởng tượng...

Thì em ơi!
hãy nói thật dùm anh
- ta sống để làm gì?

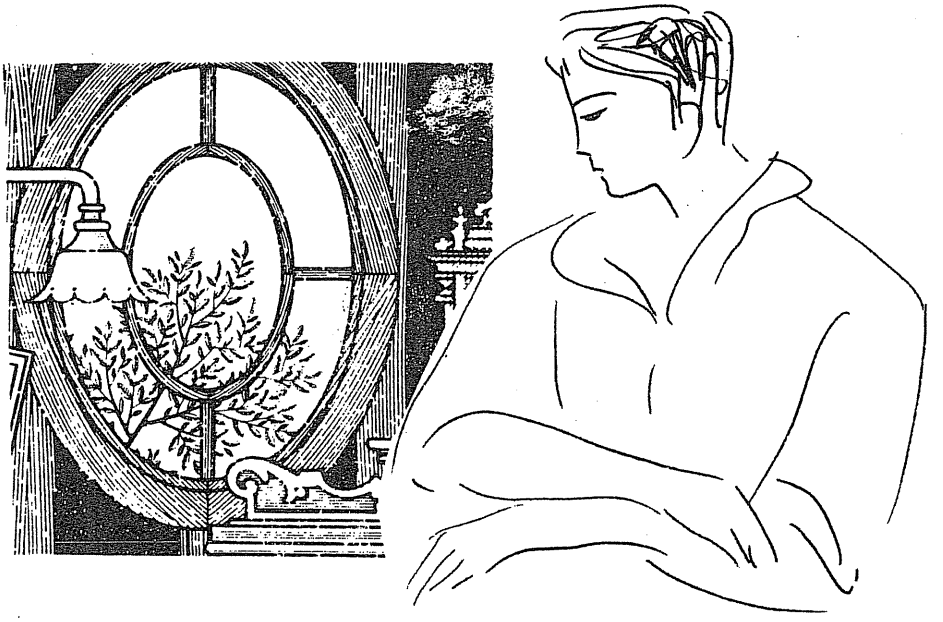

RƯỢU CỦA NGƯỜI SAY

TRÂN SA

Gã đàn ông ngồi thu lu trước cửa tiệm bán quần áo, bên cạnh những giá móc trước đó treo đầy những cái áo thun, quần kaki, jean. Con đường chính của Phố Tàu đã bắt đầu thưa người. Lối đi vương vãi những trái cam, mận ung thối, những rau cải dập nát và đủ thứ rác rến thải ra từ những siêu thị sắp đến giờ đóng cửa.

Người chủ tiệm quần áo lúi húi đóng cửa. Sau khi khóa cửa, ông ta lắc lắc xâu chìa khóa trên tay, cúi nhìn gã đàn ông tóc dài chấm vai. Những lọn tóc của gã từ nhiều tháng không tắm tết cục vào nhau, áo quần của gã cũng bẩn thỉu như vậy, không còn phân biệt được là màu gì.

"Sao không đi kiếm cái gì ăn cho rồi, ông nội? Còn tiền không?"

Gã đàn ông nhoẻn miệng cười, không ngước lên. Đầu gã gật gù theo âm thanh lập lại.

"Kiếm cái gì ăn cho rồi... Kiếm cái gì ăn..."

Người chủ tiệm quần áo lục túi lấy một tờ giấy bạc nhét vào tay gã, kèm theo vài điếu thuốc.

"Đừng ngồi đây nữa, ông nội. Tiệm hoa đóng cửa lâu rồi."

Ông ta cười vang lên, rảo bước ra đường. Gã đàn ông mân mê tờ giấy bạc trên tay, nhắc lại câu nói.

"Tiệm hoa đóng cửa..."

Vài công nhân làm việc từ siêu thị kế bên khòm lưng đẩy những thùng hàng cao ngất qua mặt gã đàn ông, cất tiếng trêu cợt khi nghe gã ngớ ngẩn nói chuyện một mình.

"Ờ đúng rồi. Tiệm hoa đóng cửa rồi. Về đi cha!"

"Nó có nhà đâu mà về..."

Gã đàn ông bật cười rúc rúc trong cổ họng. Gã nhét tấm giấy bạc trong túi, đứng lên nhìn qua tiệm hoa đã tắt đèn tối om bên kia đường. Môi gã vẫn mấp máy như đọc thần chú.

"Tiệm hoa đóng cửa. Có nhà đâu mà về..."

Gã băng qua đường đứng nhìn trân trối lên tấm biển kẻ rất mỹ thuật, chữ trắng mỏng, viền nét xám nhạt trên nền màu đất nâu. "Memories Florist," gã đọc lui đọc tới, với một phát âm rõ ràng, chính xác.

. Đây là tiệm hoa duy nhất của cả khu vực chợ Tàu. Chủ nhân là một người đàn bà đẹp khoảng ba mươi tuổi, người Hoa đến từ Hongkong. Ban ngày, gã đàn ông ngồi thường trực phía trước tiệm hoa, chăm chăm nhìn xuyên qua khung kính rộng trưng bày đủ loại hoa lụa và hoa nhiệt đới nhập cảng. Gã quan sát từng khách hàng ra vào, nhìn những bó hoa, chậu kiểng trên tay khách và cười rúc rích trong cổ họng một mình. Gã có thể ngồi hàng giờ như thể không biết mỏi mệt là gì, từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều. Cho đến khi khuôn mặt lạnh lùng, nghiêm trang của nữ chủ nhân hiện ra ở ngưỡng cửa gã sẽ lập tức nhổm dậy nhanh như một con sóc dại với vẻ vừa sợ hãi vừa mừng rỡ. Gã sẽ lắp bắp nói với nàng những câu nói gì đó mà nàng không bao giờ hiểu, rồi gã vừa đi giật lùi vừa cười rúc rích cách kỳ quặc. Thoạt đầu người đàn bà rất ngạc nhiên, e ngại với thái độ lạ lùng của gã. Riết rồi hành động bất thường nhưng vô hại của gã chỉ làm nàng buồn cười. Nàng chỉ liếc

nhìn gã trong nửa giây, miệng thoáng cười, rồi lại tiếp tục làm việc như thể không có gã đang hiện diện một cách kiên nhẫn trước cửa tiệm, hàng ngày. Khi nàng quay lưng đi, gã thập thò nhìn theo, hai bàn tay cáu bẩn đưa lên như muốn níu lại. Đột nhiên (cái đột nhiên lập đi lập lại hàng trăm lần thành thử không còn ai thấy là đột nhiên nữa cả), gã quì mọp xuống, hôn lấy hôn để mặt đất bẩn thỉu như thể đang làm lễ tạ ơn trong một thứ tôn giáo kỳ hoặc nào đó.

Có lần gã được một người tốt bụng đưa vào bịnh viện tâm thần, nhưng chỉ vài tháng sau gã lại xuất hiện. Lại ngồi chồm hổm trước tiệm hoa nhìn vào. Lại lắp bắp những câu nói cũ (người nữ chủ nhân chỉ nói tiếng Hoa và Anh, chưa bao giờ bận tâm hỏi cho ra gã muốn nói điều gì). Người xung quanh quá bận rộn với việc buôn bán hàng ngày. Chẳng ai còn thắc mắc làm thế nào mà gã vẫn sống được với những thức ăn moi bới từ thùng rác, những đêm ngủ co ro trong trạm chờ xe buýt hoặc trên những lưới sắt thông hơi dọc trên vỉa đường trong mùa Đông lạnh cóng xứ này.

Ngắm nghía tấm bảng hiệu một hồi, gã đàn ông lù đù đi vào một tiệm tạp hóa. Gã mua một bao thuốc lá với tờ giấy bạc ban nãy rồi lại lom khom trở ra. Một chiếc xe buýt trờ lại thả khách. Gã bước lên, hỏi người tài xế:

"Xe này có đi về phía Tây không?"

*

* *

Người thanh niên ấy còn rất trẻ, chỉ khoảng hai mươi bốn hai mươi lăm. Anh mặc áo sơ mi trắng bỏ vào quần màu xanh lam. Người anh cao quá khổ, lại rất gầy, trông lỏng khỏng, lênh khênh. Anh đi bộ đã mấy tiếng đồng hồ, vẫn dáng đi lầm lũi như bị một sức hút vô hình trước mặt hút tới, hút tới.

Trời giống như sẽ mưa và buổi tối chầm chậm đến. Cái màu đỏ cam ở cuối chân trời đã rực lên một cách huy hoàng man rợ -- khi anh đi ngang chiếc cầu bắt qua một lũng sâu đầy cỏ dại um tùm -- bây giờ đã biến mất, nhường chỗ cho màu xám mênh mông phủ chụp xuống.

Từng người một từ phía sau lưng anh cố gắng đi thật nhanh, vượt ra khỏi anh và nhìn lại với cái nhìn hoặc tò mò, thương hại hoặc riễu cợt. Anh ngước nhìn lại họ với đôi mắt sợ hãi, van vỉ như của một con thú bị dồn đến đường cùng.

Một đứa bé đi xe đạp dừng lại, chống chân lên trên lề đường ngập ngừng hỏi anh với giọng trong trẻo ngây thơ.

"Xin lỗi, ông cho tôi hỏi... Ông viết cái gì sau lưng áo của ông thế?"

Đôi mắt người thanh niên sáng rực lên trong một vài giây. Thứ ánh sáng làm đứa bé cảm thấy kỳ cục và kinh hoảng. Anh trả lời thành khẩn:

"Tôi viết: Thượng Đế, cứu con với!"

Đứa bé nhún vai ra vẻ thất vọng rồi cong lưng đạp vút đi.

Một chiếc xe đổ dốc ngược chiều. Người thanh niên lạng quạng chạy băng qua đường lộ, hai ống chân liêu khều, lảo đảo. Anh dừng lại ngay trước mặt chiếc xe, giang hai cánh tay ra. Mắt anh nhắm nghiền, và một mặt trời nóng cháy, rực đỏ đổ ào xuống mọi thần kinh cảm giác của anh.

Chiếc xe lách vội vàng qua một bên cùng tiếng bánh xe chà xát nghiến rít xuống mặt đường. Gã đàn ông da đen nhảo ra khỏi xe, hùng hổ:

"Muốn chết sao hả? Đồ ngốc?"

Người thanh niên lắp bắp không thành tiếng. Mặt anh tái xanh và mồ hôi vã đầy trán. Anh đi giật lùi mấy bước rồi quay ngoắt người bỏ chạy. Anh kinh hoàng nghe thấy tiếng chân gã da đen thình thịch nện đuổi phía sau lưng anh, và nhiều tiếng chân khác nữa... Tiếng la hét hò reo vang dậy dồn tới như một đợt sóng khổng lồ hung hãn. Anh *nhìn thấy* rất nhiều khuôn mặt chờn vờn phía sau: những người anh đã gặp và cả những người lạ mặt. Họ đồng thanh hét la nhưng anh nghe rõ ràng từng câu một.

"Bắt lấy nó! Bắt lấy nó!:

"Không thể để nó sống!"

"Không thể để nó chết!"

"Đừng cho nó bỏ chạy ra khỏi đây!"

"Nó không được ở nơi này!"

"Nó là một trong đám đông: Nó phải suy nghĩ ý nghĩ của đám đông! Phải hành động theo hành động của đám đông!"

"Hãy vẽ một vòng tròn. Cho nó chạy quanh trong cái vòng tròn đó."

Người thanh niên chúi mũi chạy về hướng Tây.

*

* *

Chiếc xe hơi màu vàng ngà, cũ kỹ, rỉ sét dừng lại trước một tiệm bán rượu. Nó gầm lên một tiếng nhỏ, ngắn rồi rung bần bật trước khi im lặng hẳn. Bàn tay ốm, xương xẩu, tô móng màu tím nhạt xoay chìa khóa ra khỏi ổ, bỏ xâu chìa khóa vào cái ví tay màu hồng rồi mở cửa xe.

Đôi chân dài, thuôn, mang vớ mỏng màu trắng? Áo đầm màu hồng. Giày mũi nhọn, cao gót làm dáng đi của người mang hơi khấp khểnh vụng về.

Trời xẩm tối, nắng nặng và xám đục. Cây cối im sững lầm lì xanh đậm. Vài con chim bay chuyền từ cành cây này qua vòm lá kia như thể đang chơi trốn tìm.

Đôi môi đánh son màu cánh sen mỉm cười thân thiện với một bà lão lụm cụm đang chờ xe vắng bớt để qua đường.

"Cháu giúp đưa bà qua đường nhé?"

Bà lão giận dữ, vùng vằng khi bàn tay tô móng màu tím nhạt đỡ nhẹ cánh tay khẳng khiu của bà. Đôi mắt bà chứa đầy sự ghê tởm, phòng thủ. Bà

né người qua một bên, lưng khòm hẳn xuống, cổ lắc lư. Hai ống chân mảnh khảnh, yếu ớt vận chuyển cả thân thể nhăn nheo khô rúm. Bộ áo quần may bằng vải ca rô hai màu đen và nâu theo thời trang cách đây khoảng sáu mươi năm, vẫn còn mới tinh như vừa mới lấy ra từ một cái rương lâu nay cất giấu kỹ càng.

Người mặc áo màu hồng lủi thủi theo sau lưng bà lão. Y đứng nhìn theo bà một hồi lâu rồi rẽ vào tiệm rượu. Y chậm chạp đi dọc theo những kệ rượu sắp theo thứ tự, ngón tay trỏ lướt qua những chai ưa ý với niềm lưỡng lự. Lấy một chai ôm trước ngực, y lửng thửng đi lại quầy tính tiền.

"Tối nay tôi đến dự tiệc ở nhà một người bạn." Y gợi chuyện với nụ cười tươi tắn.

Người thâu ngân có da mặt ửng đỏ và bộ râu rậm bao quanh hàm hơi giật mình khi ngước lên. Hắn nhún vai, nhướng mày.

"Vậy sao?"

"Tôi sẽ không uống quá nhiều. Trong rượu có chất gì đó làm người ta chán đời, buồn rầu, phải không ạ?"

Người thâu ngân bấm máy tính. Hắn có vẻ không thích nói chuyện với y một tí nào.

"Tôi sợ bị khủng hoảng lắm ông à. Tôi yêu cuộc sống và con người. Nhưng hình như tất cả đều ghét bỏ tôi. Sáng nay tôi vừa bị cho nghỉ việc nữa rồi."

Người thâu ngân có vẻ khó chịu bực dọc. Hắn chồm người về phía trước, gọi lớn: "Người kế tiếp," sau khi quăng mấy đồng xu thối lại xuống quầy, mắt cụp xuống. Người mặc áo hồng cẩn thận lấy những đồng xu bỏ vào ví, chào người thâu ngân rồi yểu điệu đi ra cửa.

Y mở cửa xe, để chai rượu xuống mặt nệm bên phải rồi ngồi thừ trước tay lái. Y lắng nghe tiếng chim kêu từng loạt ngắn phía trên cây. Âm thanh trong, mỏng, và sắc. Y cố gắng tưởng tượng những lời rất vui tươi và thân mật lũ chim đang trao đổi với nhau.

Y kéo gương chiếu hậu sụp xuống, ngắm khuôn mặt mình trong đó. Lớp phấn trắng thật dày vẫn không che được những chân râu nằm ẩn dưới da.

Y thở dài, nổ máy xe. Chiếc kim quay từ từ cho thấy xăng chỉ còn dưới nửa bình. Y kéo gương chiếu hậu về vị trí cũ rồi nhấn ga, đi về phía Tây.

*

Nơi chiếc cột điện trước mặt khoảng sân rộng của hãng mổ bò ở phía Tây thành phố có dán một mảnh giấy với hàng chữ đề "Về hướng này" và một mũi tên tô đậm. Những cột điện quanh quẩn cũng có những tấm giấy y hệt như thế. Rải rác trên vệ đường có vài tấm bị gió cuốn nằm lăn lóc, run phần phật trên cỏ cháy úa.

Ông già dán xong những tấm giấy thì chui vào căn hầm của một căn nhà gỗ mục nát nằm giữa bốn bề cỏ hoang. Những chiếc hoa cúc dại tàn đã mấy hôm để lại một màu nâu xác xơ trơ trụi.

Ông ngồi dựa ngửa trên chiếc ghế bành ố cũ, đọc những mẩu báo có tin và hình những sinh viên và công nhân Trung Quốc biểu tình ở Bắc Kinh. Mấy tuần nay, đi đâu ông cũng mang theo những mẩu tin này để đọc đi đọc lại những lúc rảnh. Ông đã đọc gần như thuộc lòng tất cả những dữ kiện, diễn biến, và lần nào ông cũng rít lên nguyền rủa.

"Các người thấy chưa? Các người không thể cướp mãi Tự Do của đồng loại! Budapest, Prague, Bắc Kinh... và còn nhiều nơi nữa sẽ đòi lại tự do của họ dù với bằng máu, cái chết. Đừng điên rồ, ngu xuẩn tham quyền cố vị. Đừng đem súng đạn ra thách thức và hăm dọa nữa. Nếu tự do không thể đòi lại được bằng nhân quyền thì không còn lựa chọn nào nữa ngoài chiến tranh. Các người sẽ bị hủy diệt: thể xác các người sẽ không có mộ bia, linh hồn các người sẽ vất vưởng không có chỗ về. Tên các người sẽ bị nguyền rủa, khinh bỉ đời này qua đời khác.

Sự thất bại của chủ nghĩa không tưởng các người đang thờ lạy đã được chứng minh quá rõ ràng bằng nghèo đói, chậm tiến, phẫn uất, thù ghét, khắp mọi nơi. Hãy trả lại! Trả lại Tự Do các ngươi đã cướp đoạt trong sự sống mỗi con người.

Trả lại! Chúng ta đang đòi... Người sống lẫn kẽ chết..."

Ông ứa nước mắt, nhìn đăm đăm vào tấm ảnh đen trắng lộng kính để trên mặt một chiếc tủ nhỏ ở góc hầm: Hình ảnh của vợ và các con ông. Tất cả bất động, lặng lẽ, chăm chú nhìn ông với cái nhìn đã dừng lại vĩnh viễn ở một khoảng không gian, một điểm thời gian ở ngoài sự sống. Ông thiểu não đi đến gần tấm ảnh, đưa những ngón tay run rẩy lên chạm nhẹ lên mặt mũi, thân thể của những người trong ảnh, rồi thắp thêm ba cây nhang, cắm vào chén gạo để trước mặt.

BLUE SKY TRAVEL

9061 Bolsa Ave, Suite 201
Westminster, CA 92683

Tel: (714) 895-5411 / 895-6153

GIÁ VÉ THẤP NHẤT

Ông lê chân trở lại chiếc ghế bành, hai bàn tay chấp lại ép bên má. Hai tròng mắt lờ đờ khép lại chậm chạp. Căn hầm tối lờ mờ, lặng im không một tiếng động. Mùi gỗ mục âm ẩm và nhang khói quyện nhau.

Ông ngủ thiếp đi và thấy lại chiếc ghe nhỏ trôi bập bềnh trong một đại dương xanh ngắt. Một cuộn sóng khổng lồ tung lên và khi ông chưa kịp vươn tay, chiếc ghe đã bỗng dưng mất biến trong khối màu xanh mênh mông ngập mắt. Ông nghe tiếng vợ con kêu cứu kinh hoàng nhưng không biết phát xuất từ nơi nào, phía nào. Ông ú ớ vùng vẫy nhưng tay chân đều đã như bị đè nghiến, trói chặt. Tiếng kêu cứu âm u, nhỏ dần như còn vọng lên từ đáy biển sâu hút.

*

* *

Ông già vẫn còn ngủ mê trên chiếc ghế bành cũ kỹ, hai bàn tay chấp lại, ép một bên má. Một giọt nước mắt rơi xuống từ cơn ác mộng đã khô đi một nửa trên gò má hốc hác, nhăn nheo bị che phủ hoàn toàn trong bóng tối.

Cánh cửa căn hầm bỗng mở ra nhè nhẹ. Tiếng chân khập khểnh lại ở chính giữa căn hầm. Cây diêm đánh xòe lên soi mờ mờ một bàn tay tô móng màu tím nhạt.

Một ngọn nến được thắp lên tỏa ánh sáng hiu hắt, rồi một ngọn nữa, một ngọn nữa.

Bàn tay tô móng màu tím nhạt lấy từ ví ra một chiếc khăn giấy thấm nhẹ giọt nước mắt trên má ông già. Giọng lầm thầm như cầu kinh.

"Tội chưa. Khóc cả trong giấc ngủ..."

Một giọng nói khàn đục vang lên sau cánh cửa.

"Tao tưởng tao là người đến sớm nhất. Té ra mày đã ở đây rồi!"

Người kia gắt lên với giọng hờn giận.

"Đã bảo không được mày tao như thế!"

"Tao quên!.. Tao có mang thuốc lá lại nè..."

"Suỵt. Nói nho nhỏ. Ông già đang ngủ đấy. Tôi mang rượu mạnh đến. Thế là đủ bộ rồi."

Ông già cựa mình, ngồi thẳng lên. Đôi mắt chớp chớp làm quen với ánh sáng.

"Tôi dậy rồi. Có cả rượu kia à?"

"Bác thức lúc nào thế?"

"Từ lúc ai đấy lau nước mắt cho tôi. Còn một người nữa đâu? Chưa đến à?"

Một người thanh niên tung cửa bước vào mang theo ngọn gió xô dạt những lửa nến âm u.

"Cháu đây..."

Người mặc áo hồng kêu lên.

"Xem mặt mày anh kìa..."

Người thanh niên đưa tay lên chặn ngực thở dốc:

"Em gặp một thằng bé con. Ban đầu em tưởng đó là hiện thân của đức Phật hay Chúa Giêsu. Nhưng nó không hiểu được những gì em viết trên lưng áo cả.

"Đâu? Em xoay lại xem..."

"Chị có đọc được không? Nếu chị đọc và hiểu được thì chị đúng là Phật Bà Quan Âm rồi... Chị phải cứu em!"

"*Thượng Đế, cứu con với?* Tôi không hiểu gì hết!"

"Vậy chị không phải là Phật Bà sao?"

Người mặc áo hồng cúi mặt.

"Nếu tôi là Phật thì tôi không khổ sở như thế này. Mỗi ngày, có một con sâu trong đầu tôi cựa quậy, la hét. Nó bảo tôi hãy chết đi, hãy tự sát đi. Đừng sống nữa.Đáng lẽ tôi cũng không nên được sinh ra đời nữa đấy. Nó nguyền rủa cha tôi, mẹ tôi và cái phút giây tăm tối nào đó tôi đã được hình thành.Đời sống này không dành cho tôi. Chỉ dành cho kẻ mạnh. Những kẻ yếu đuối, lạc loài như tôi không có chỗ dung thân. Con sâu ấy bảo tôi hãy chạy trốn ra khỏi trái đất, đừng bao giờ trở về. Tôi nói tôi vẫn còn muốn sống, tôi vẫn yêu con người, tôi chưa muốn ra đi. Nó cười gằn, nó nhổ nước bọt vào trong não tôi, nói rằng hãy nhìn vào mắt đồng loại mi sẽ thấy sự ghê tởm, thù ghét lấp lánh trong mắt họ.

Chiều nay một bà cụ hất tay tôi ra khi tôi muốn đưa bà qua đường. Bà cụ gầy quá, già quá, thịt da bà gần như đã sắp tan biến đi. Tôi sợ bà sẽ tan biến đi và tôi sẽ không bao giờ gặp lại bà nữa. Tôi chạm vào tay bà. Tôi muốn đưa bà đi một cách an toàn và không một chiếc xe nào vô ý làm vỡ đau những chiếc xương ốm yếu của bà. Nhưng bà đã hất tay tôi ra. Và trời ôi, trong mắt bà rõ ràng là sự ghê tởm, thù ghét lấp lánh như dao sắc rạch nát tim tôi ra..!

Tôi vào tiệm rượu để mua chai rượu này đây. Người thu ngân có da mặt đỏ và hàm râu rậm làm tôi nhớ đến hình ảnh ông già Noel. Hồi nhỏ, đêm giáng sinh nào tôi cũng thức khuya chờ ông già Noel đến tặng quà nhưng lúc nào ông cũng quên tôi cả. Tôi không giận ông ấy đâu.

Bởi vì trên đời có bao nhiêu là trẻ con, nếu tôi không được quà thì ắt có những đứa trẻ khác sẽ được! Tôi nhớ lại những ý nghĩ thời tuổi nhỏ mà quên đi cái hất tay của bà cụ ban nãy. Tôi nói chuyện với người thâu ngân nhưng ông ta thật là lạnh nhạt. Khi tôi chào ông ta để đi ra, ánh mắt của ông làm tôi kinh hãi! Y hệt cái nhìn của bà cụ già, đôi mắt ông ta chứa đầy ghê tởm và thù nghịch. Ánh mắt đeo dính lấy tôi suốt trên đường đi. Lòng tôi nặng nề, buồn bã. Họ thù ghét tôi chỉ vì nhìn thấy cái khác biệt giữa tôi và họ? Bởi vì tôi dám có ước muốn và hành động khác với họ, mặc dù ước muốn và hành động kia không mảy may tổn hại gì đến họ cả? Nhưng còn cái giống nhau giữa tôi và họ thì sao? Máu của tôi cũng đỏ như máu họ, tim của tôi cũng đập y hệt tim họ, những cảm xúc vui buồn giận hờn yêu mến của tôi cũng y như cảm xúc của họ vậy? Tôi cũng là người như họ kia mà? Tôi nghĩ mãi.., và cuối cùng tôi

hiểu ra. Họ tỏ thái độ và bản năng của đám đông! Hãy nhìn vào những đứa trẻ con thì thấy rõ. Mỗi đứa trẻ đứng riêng lẻ thì vẫn chỉ là một đứa trẻ con hiền lành và yếu đuối. Nhưng nếu chúng đứng chung lại thành một đám, đối diện với một đứa trẻ lẻ loi khác, thì đám trẻ con đông đảo kia có có thể trở thành ngông nghênh, hống hách, độc ác. Đứa trẻ lẻ loi kia sẽ bị uy hiếp, trêu chọc, hành hạ, cho đến khi nào nó chịu đầu hàng và gia nhập vào đám đông. Rồi thì đám trẻ kia sẽ lại đi tìm một nạn nhân mới để tiếp tục trò chơi mạnh được yếu thua. Một trò chơi không mang ý nghĩa gì hết. Có thể gọi là hèn mạt nữa. Nhưng đám trẻ vẫn say mê vì chúng thấy rằng chỉ trong sức mạnh của tập thể, chúng mới là một cái gì quan trọng. Tách rời ra, mỗi cá nhân đều ngang hàng nhau cả. Và chúng không có can đảm chịu đựng sự ngang hàng, chúng luôn luôn muốn *hơn*, muốn thắng thế..."

Người mặc áo không dừng lại, rót rượu ra ly. Những ngón tay y hơi run rẩy.

"Tôi là đứa trẻ lẻ loi ấy mà thôi..."

Gã đàn ông chồm tới với bao thuốc lá.

"Hút một điếu thuốc đi, trong khi chờ đợi đám trẻ trưởng thành..!"

Người thanh niên bỗng reo lên.

"Anh để tóc dài giống như chúa Giêsu vậy... Anh là chúa Giêsu phải không?"

Gã đàn ông lắc đầu.

"Nếu tôi là chúa Giêsu thì đời tôi không gắn liền với đàn bà như thế này. Tôi sẽ không lê lết ở khu chợ Tàu ngày này qua tháng nọ như vậy. Để xem... dễ có năm sáu năm rồi đó, kể từ ngày tiệm hoa ấy khai trương. Trước đó, tôi sống như kẻ chết. Đúng ra, tôi đã chết theo cái chết của vợ tôi. Tôi rời Việt Nam đúng hai năm, bảy tháng thì nghe tin vợ tôi qua đời. Xe đò chở nàng từ Khánh Sơn về Nha Trang bị lật. Trước đó một tháng tôi còn nhận thư nàng kể đủ thứ chuyện về ngôi trường trên núi và những đứa trẻ ngây ngộ đáng yêu miền thượng. Trong lá thư của nàng có ép một cánh hoa lan màu tím. Ô tôi còn nhớ nét chữ nàng như in. Cái dấu ngã ẻo lả và những chữ t, chữ g phóng túng và nghịch ngợm. Nét chữ của nàng in trong đầu tôi như được khắc, như được viết thẳng vào bộ não của tôi chứ không phải viết trên những tờ thư màu trắng, màu hồng. Và khuôn mặt, nhân dáng, tiếng nói của nàng nữa, tôi rên xiết van xin được quên đi, trong những đêm những ngày quằn quại trong khổ sở tuyệt vọng tận cùng. Nhưng làm sao mà quên! Trong giấc ngủ cũng như khi tỉnh thức, nàng luôn luôn hiện ra trước mặt tôi. Nàng về trong những giấc mộng, mặc lại chiếc áo dài màu trắng in những bông cúc tím, có khi tươi cười âu yếm, có khi hờn dỗi nũng nịu, có khi lạnh lùng xa vắng. Có lúc nàng nói không bao giờ xa tôi, có lúc nàng nói dương gian và âm cảnh suốt kiếp này vĩnh biệt. Ngay cả lúc không ngủ tôi cũng nhìn thấy nàng. Nàng đứng bên ngoài cửa sổ nhìn vào hoặc đang đứng ngay cạnh giường tôi nhìn xuống. Đôi mắt u uẩn trách móc. Đôi môi cười rờn rợn âu sầu. Chỉ có khác là trong mộng nàng có vẻ thực hơn, tôi có thể nghe tiếng nàng cười nói y như ngày xưa hai đứa bên nhau! Bên ngoài mộng nàng lại vô cùng hư ảo, chỉ một cái đưa tay muốn chạm vào là nàng đã lung linh tan biến, như khói như sương. Trong mộng nàng là người, ngoài mộng nàng là bóng. Tôi không còn phân biệt được đâu là mộng, đâu là thực, đâu là bóng, đâu là người, đâu là ngày, đâu là đêm. Có khi tôi van lạy nàng trở về, có khi tôi nài nỉ nàng hãy yên nghỉ vĩnh viễn trong mồ sâu.

Tôi, không còn sống bình thường nữa. Tôi sống với một

hồn ma. Tôi đã chết. Hai ba năm như thế. Cho đến ngày tôi đi ngang qua một tiệm hoa mới khai trương trong chợ Tàu và nhìn thấy nàng trở lại, bằng xương, bằng thịt.

Nàng đang đứng phía sau chiếc cửa gương. Có đổi khác phần nào. Mái tóc đã cắt ngắn. Thân người có vẻ đẫy đà hơn. Khuôn mặt già dặn, chững chạc hơn. Nhưng đúng là nàng! Tôi nhìn bàn tay nàng đang tưới nước thêm vào một chậu hoa lan và toàn thân tôi run lên vì xúc động. Ở ngón trỏ của bàn tay bên mặt vẫn là chiếc nhẫn nạm ngọc thạch mà ngày xưa nàng hay đeo. Tôi đứng nhìn nàng trân trối cho đến khi nàng ngước lên và mỉm cười.

Nàng không nhận ra tôi. Nàng không hiểu bất cứ những gì tôi nói. Nàng chỉ mỉm cười lửng lơ xa cách. Nàng đã sống lại với linh hồn của một người đàn bà khác. Dù sao đó cũng là một phép lạ. Tôi bỏ hết tất cả để về sống như là một tên hành khất diên dại ở chợ Tàu, chỉ để được nhìn thấy nàng mỗi ngày. Và mỗi ngày, tôi lạy tạ trời đất đã mang người chết trở về với cõi sống. Nàng hiển lộ, hiện hữu trong cuộc sống của tôi, chứ không còn là bóng hình hư ảo khói sương! Nàng cho tôi được nôn nao, chờ đợi hàng ngày. Chờ đợi tiệm hoa mở cửa nhìn nàng, nàng đứng phía sau tấm cửa gương chăm chú cắm hoa, tỉa lá hay tươi cười trò chuyện với khách hàng. Chờ đợi nhìn nàng đi qua, mặt hơi ngẩng cao và đôi môi thoáng cười khi liếc nhìn tôi. Khốn khổ nhất là khi tiệm đóng cửa. Đèn đã tắt. Nàng đã ra về. Tôi buồn quẩn quại không biết phải làm gì cho hết chiều, qua đêm. Tôi đi lang thang, hay ngồi co quắp trước cửa tiệm hoa chờ đợi. Đêm trống rỗng, sâu hút, lạnh lẽo, hoang vu đến mức kinh hoàng!"

Gã nâng ly rượu lên.

"Uống cho tình yêu của tôi, sự kết hợp nghiệt ngã giữa đam mê và thống khổ."

Ông già thở dài.

"Dù sao anh vẫn còn cảm xúc trong tình yêu bi thảm và nghiệt ngã ấy. Tôi thì không còn gì cả. Mọi cảm xúc đều đã chết khô, tàn rụi. Chỉ còn lại niềm oán hận. Tôi oán hận tất cả những kẻ đã gây ra cuộc chiến tranh phi lý trên đất nước mình. Một cuộc chiến phi nhân ngu xuẩn và thảm khốc nhất trong lịch sử loài người. Không biết bao nhiêu máu đã đổ, không biết bao nhiêu xương đã phơi. Bao nhiêu sanh mạng đã chết oan khốc cho một thứ chủ nghĩa điên rồ dựng xây trên ảo tưởng. Mấy chục năm tàn sát nhau, bây giờ tìm được những gì? Không có gì cả! Cả một dân tộc oằn vai quằn quại sống trong nghèo khổ, ngu dốt, bức bách. Ôi Trung Hoa, ôi Pháp, ôi Mỹ, ôi Nga, ôi Việt Nam hai miền, ôi Cộng Sản và Tư Bản tất cả đã tiếp tay giáng xuống đời người một đại nạn kinh khiếp là dường nào. Ở trên dân tộc chúng ta, con người sinh ra là để chết oan, để bị nghèo đói, để chịu tù đày.

Con người sinh ra chỉ để nhận chịu những hình phạt ấy sao? Tôi, gia đình tôi và cả dân tộc của tôi? Đứa con trai lớn của tôi chết trong lúc chiến đấu chống lại cộng sản. Đứa con trai thứ hai bị cộng sản cầm tù. Mỉa mai hơn, đứa con thứ ba của tôi lại chết trong lúc bị bắt buộc làm bộ đội chiến đấu cho cộng sản Campuchia. Tài sản gầy dựng suốt nửa đời vất vả làm lụng của vợ chồng tôi thì lại bị tịch biên. Chiến tranh máu me. Không còn chừa cho chúng tôi một con đường nào để đi cả. Sống là một sự đày đọa khủng khiếp trên một đất nước đã biến thành địa ngục của dương thế. Kinh sợ cho tương lai các con nhỏ, vợ chồng tôi gom góp tất cả những của tiền còn lại làm một chuyến đi tìm tự do trong tuyệt vọng.

Tôi mất tất cả những người thân yêu duy nhất trong chuyến đi ấy. Vợ tôi, hai đứa con nhỏ của tôi gởi xác trong đáy biển. Tôi đem xác tôi gửi miền đất xa lạ này, chờ chết. Chờ kết thúc một kiếp người mà khổ đau và tai ương là bản án chung thân."

Tất cả mọi người đột nhiên im bặt, nhìn ra ngoài cửa sổ. Một lằn sét vừa lóe lên ngoằn nghèo như muốn bổ tung không gian ra làm hai cùng với tiếng sấm thịnh nộ long trời lở đất. Những ngọn nến chao đảo. Bên ngoài tối mù mịt. Mọi hệ thống điện trong thành phố đều tắt ngấm.

Mưa bắt đầu rơi xuống. Từng giọt mưa đập rời rạc nặng nề xuống mái vách căn nhà rồi bất chợt cùng đổ ào xuống như thác lũ.

Ông già đứng dậy, chậm chạp khép lại cánh cửa sổ.

Người thanh niên cất tiếng nói lạc lõng.

"Tôi có cảm giác Thượng Đế đang nổi giận vì tội lỗi của nhân loại. Nhân loại là một, là đứa con của Thượng Đế, con của những đấng linh hiển có tên hoặc không có tên, của vũ trụ trời đất gió mưa cát bụi... Tất cả đã hà hơi vào tấm thân vô tri của nhân loại biến nó thành từng mảnh nhỏ có tri giác và sự sống, đặt tên cho chúng là con người, bảo rằng các con hãy cùng nhau ra đi, tìm Hạnh Phúc, mỗi người thời hạn một trăm năm.

Nhân loại, những đứa trẻ sinh non trong một trái đất được hình thành vội vã, đã không được đấng tạo thành hướng dẫn bằng cách nào sẽ tìm ra Hạnh Phúc. Chúng lang thang, lạc lối, hoang mang và khởi sự chia rẽ, hiềm khích, xung đột, chém giết nhau vì những dị biệt trong nhận thức và quan niệm về Hạnh Phúc. Mỗi người, mỗi nhóm tự giành phần đúng cho nhận thức về Hạnh Phúc của mình -- những nhận thức chúng đã đơn độc nhặt lượm được từ một khe núi, một góc rừng, một rãnh nước nào đó bằng với ảo giác. Chúng lập phe nhóm, tạo ra

những qui luật hẹp hòi khe khắc nhất, đặt ra những chủ nghĩa điên rồ nhất, xử dụng bạo lực tàn nhẫn nhất để đối phó hành hạ lẫn nhau.

Mê man trong ảo giác, đắm chìm trong ích kỷ, ngụp lặn giữa tham lam, nhân loại đã đi đến chỗ thống khổ nhau, phản bội nhau và hủy diệt nhau. Chúng quên rằng chúng là MỘT, là CON NGƯỜI.

Sự điên loạn, phân hóa, độc ác của chúng đã giúp chúng tìm thấy hận thù và đau khổ. Nhưng mà, nẻo về Hạnh Phúc vẫn xa xăm."

Người mặc áo hồng bứt rứt.

"Đôi khi tôi ước gì mình sinh ra vào thế kỷ sau. Có lẽ sự sống sẽ khác hơn, đẹp hơn."

Gã đàn ông mơ màng.

"Một thế kỷ mà tình yêu không có phân ly, không kết hợp cùng đau khổ..."

Ông già phấn khởi.

"Không chiến tranh, không bạo lực..."

Người thanh niên quả quyết:

"Điều đó còn tùy vào thế hệ nhân loại kế tiếp. Họ có nhận ra họ lạc đường chăng, họ có hiểu những gì họ đang tin tưởng là ảo giác chăng. Còn nếu họ vẫn như là những người đi trước, thì đừng trông mong gì vào Hạnh Phúc của đời sau. Phần tôi, tôi vẫn phải đi tìm Thượng Đế để kêu nài cứu giúp..."

"Thượng Đế ở đâu?"

"Ở trong mỗi trái tim người! Không phải tôi đang tìm hỏi từng người đấy sao..."

Giữa bầu trời sương lam là mặt trời vừa lên, một cái dĩa vàng sáng rực. Màu vàng tươi ngây thơ, hiền hòa như một đứa trẻ. Ở bên phải cái dĩa vàng, một con chim vỗ cánh bay lượng vòng quanh như chào mừng trước khi mất hút ra khỏi tầm nhìn.

Ông già vừa thức giấc sau một giấc ngủ dài. Bên cánh cửa mở toang, ông đứng sửng sốt nhìn mặt trời lên sáng hôm nay như đang chứng kiến một kỳ tích của vũ trụ.

Cái dĩa tròn, màu vàng tươi hiền hòa ngây thơ kia là sự sống của toàn thể sinh vật trong trái đất? Không có nó, con người sẽ chết, thông minh sáng tạo sẽ chết, lãng mạn thơ mộng sẽ chết, yêu thương sẽ chết?

Mười phút sau, mặt trời bắt đầu biểu dương hào quang của nó. Ánh sáng càng lúc càng chói lòa và khắp không gian rực nắng. Cuối cùng thì mặt trời đã trưởng thành, quyền năng, uy nghi, mạnh mẽ.

Ông già có cảm tưởng vừa nhìn thấy mặt trời lần đầu tiên trong suốt cuộc đời. Niềm vui lâu nay không biết tới vỡ òa khắp thần trí xác thân mà ông chưa kịp hiểu nguyên do. Ông bước ra sân. Trận mưa đêm qua có lẽ khá lớn làm đất mịn màng mát rượi ở phía dưới chân. Bên cạnh những đóa cúc dại đã tàn úa là những chiếc búp non đang chờ đợi nở thành hoa. Đám cỏ xanh hớn hở, khỏe mạnh đang vượt đất vươn lên. Chiếc sân bao ngày qua hoang tàn, sáng hôm nay dường như có gì mới khác.

Như mọi hôm, ông thay áo và đi dạo sau khi điểm tâm bằng hai lát bánh mì nướng và một ly trà thơm mùi hoa nhài. Ông chọn những con đường có nhiều lá cây và vắng xe, đi thật chậm. Ông cố nhớ lại chi tiết giấc mơ đêm qua. Một tiệc rượu kỳ dị với những con người kỳ lạ. Ông mơ hồ, hình như ông đã gặp họ một vài lần đâu đó trên những con đường ông đi qua. Gã hành khất rách rưới dơ bẩn lảng vãng trước tiệm hoa ở Chợ Tàu, tên đàn ông ăn bận như phụ nữ ở trước tiệm rượu Y, người thanh niên rối loạn tâm trí trước bệnh viện Z. Những người mà trong mắt đồng loại không có chút giá trị nào đã về tụ họp trong giấc mơ ông như những người bạn thân thiết nhất. Chân thành nhất. Mỗi người đem đến một mảnh đời, phơi bày tỏ lộ những gì sâu kín nhất của tâm tư. Những khổ đau, đam mê, tuyệt vọng, và mơ ước.

Họ đến với mình? Hay mình chính là họ? Ông nhớ câu nói của gã thanh niên trong giấc mơ "Nhân loại là MỘT" và bỗng thấy hoang mang.

Vài ba đứa trẻ trước một sân nhà đang chơi đùa với nhau ríu rít như một đàn chim. Ông đứng lại nhìn vào với một cảm giác âu yếm chua xót khi nhớ lại bầy con của mình từ những năm đã xưa xa. Đám trẻ con im bặt khi nhìn thấy ông, chúng nhìn nhau rồi đột nhiên chạy ào ra đường. Một cậu bé khoảng năm tuổi thỏ thẻ kêu:

"Ông ơi... Cho cháu biết bức vẽ nào ông thích nhất?"

Ông già ngạc nhiên.

"Các cháu thi vẽ đó à?"

"Không. Các cháu chỉ vẽ chơi thôi. Nhưng cháu mới vẽ bức tranh này không giống những bức vẽ kia. Anh chị cháu nói sẽ chẳng ai thích cả!"

Ông già cầm những bức vẽ bằng sáp màu bên trong. Ông bỗng thấy choáng váng. Một sự choáng váng ngây ngất như vừa uống vào một ly rượu quí. Giữa những bức vẽ có mũi tên xuyên qua trái tim và vài giọt máu nhỏ xuống là một bức vẽ tuyệt đẹp: Một mũi tên chỉ về hướng trái tim và dòng chữ: Đi về hướng này, cạnh đó là những bông hoa cúc vàng nhảy múa dưới những tia nắng mặt trời.

TRẦN SA

NGÀY CÀNG NHIỀU CÂY VIẾT MỸ GỐC Á BƯỚC VÀO DÒNG VĂN HỌC CHÍNH CỦA HOA KỲ

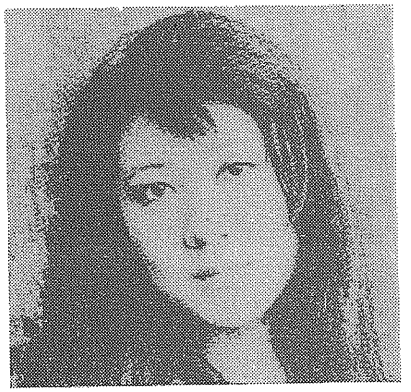

Thi sĩ Garrett Hongo, trái, là ứng viên Giải thưởng Văn chương Pulitzer; Cynthia Kadohata thành công rực rỡ với tiểu thuyết đầu tay của mình.

Maxine Hong Kingston.

David Hwang.

Nữ sĩ Amy Tan: "Dẫu sao, những thành công về tài chánh của các văn thi phẩm cũng khích lệ các cây viết mới."

Trong buổi đầu của cuộc Cách Mạng Văn Hóa tại Trung Cộng, Mao Trạch Đông đã thúc giục các văn nghệ sĩ Trung Hoa hãy tạo nên những văn nghệ phẩm tuyệt tác để phục vụ phong trào "trăm hoa đua nở" do ông đề xướng.

Tại Hoa Kỳ, một thế hệ sau, các nhà văn, nhà thơ Mỹ gốc Á châu đã làm cho cuộc cách mạng văn hóa riêng của họ trở nên sung mãn. Khởi đi từ những thi sĩ mờ nhạt để rồi tiến tới địa vị của các tiểu thuyết gia nổi danh, các nhà văn, nhà thơ Mỹ gốc Á Châu bỗng dưng chuyển mình thành một "văn hóa chi bảo", đó là theo ý kiến của các học giả, nhà văn và các chuyên viên về xuất bản sách.

Elaine Kim, khoa trưởng phân khoa Văn chương và Khoa học ở Đại học Berkeley, California và tác giả của một cuốn sách về văn học Mỹ-Á đã phát biểu: "Họ đang tự khẳng định mình và đang tạo nên những ngôn ngữ nghệ thuật hấp dẫn." "Chúng tôi đang chiếm được một chỗ đứng tại Mỹ quốc," nhà soạn kịch David Henry Hwang tuyên bố. "Chúng tôi đang viết lại lịch sử của mình."

Sau đây là đặc trưng của khuynh hướng văn học mới nầy tại Mỹ quốc:

* Mới đây, có ít nhất bảy tiểu thuyết lớn và tuyển tập truyện ngắn do các tác giả Mỹ gốc Á viết và đã được xuất bản: Cuốn bán chạy nhất là "The Joy Luck Club" của Amy Tan, "Tripmaster Monkey" của Maxine Hong Kingston, "The Floating World" của Cynthia

Kadohata, "The Chinaman Pacific & Frisco R.R. Co.", "The Coffin Tree" của Wendy Law-Yvone, "Seventeen Syllables" của Hisaye Yamamoto và "Family Ressemblances" của Lowry Pei. Vào mùa thu nầy còn có thêm hai quyển nữa sẽ có mặt trên các giá sách tại các thư quán: cuốn "The Incorporation of Eric Chung" của Steven Lo và cuốn "Rebel a Without a Clue" của một cây viết mới 19 tuổi là Holly Uyemoto.

* Bốn thi sĩ Mỹ gốc Á châu đã đạt được các giải thưởng toàn quốc có uy tín, từ giải Lamont Poetry Prize tới giải Yale Series of Younger Poets. Hai thi sĩ đang lên - Garrett Hongo và Li-Young Lee - sẽ được giới thiệu trong loạt chương trình thi ca PBS do Bill Moyers khởi xướng vào cuối tháng nầy.

* Những hí viện tại các đô thị đang cho trình diễn nhiều tác phẩm của các nhà soạn kinh Mỹ gốc Á Châu nhiều hơn bất cứ thời kỳ nào trong lịch sử. Hào hứng nhất là sự thành công của vở "M. Butterfly" của Hwang là một vở kịch Broadway ăn khách mà năm ngoái đã đoạt một giải Tony Award. Mục điểm sách trong tạp chí Time, số gần đây nhất, đã làm rùm beng lên là Hwang có thể sẽ trở thành một kịch tác gia tài ba nhất Mỹ quốc kể từ sau Authur Miller, và "còn có thể là kịch tác gia hạng nhất."

* Có ít nhất bốn thi văn tuyển của các tác giả Mỹ gốc Á Châu hiện đang bày bán hoặc đang được hoàn chỉnh. Các thi văn tuyển nầy - Beacon Pren, New American Library, Grunfield Review Press and Calyx Press tung ra - tập chú vào các sáng tác của các cây viết từ giới sinh viên đại học chưa có tiếng tăm cho đến giới các tác giả trứ danh cở Hong Kingston.

Chuyện mưa nắng

NHỮNG NGƯỜI XẤU SỐ

Phải, điều thiện dễ biết, mà khó làm. Vậy, điều ác khó biết, mà dễ làm.

Khó biết, vì muốn biết phải biết từ giáo dục, qua kinh nghiệm, do tự kiểm. Dễ làm, vì chỉ việc tuân theo bản năng và cảm tính.

Điều xấu hiện nay lộ rõ trước mắt nhân loại, từ những chế độ tự nhận theo chủ nghĩa nhân ái nhất: chủ nghĩa cộng sản. Mặt bên kia của những chế độ ấy, là nghệ thuật tập trung quyền lực. Nghệ thuật này lấy cơ bản là triệt để *giác ngộ quyền lợi giai cấp.*

Chính quyền phải có quyền lực. Nhưng quyền lực phải luân phiên đổi thể, nếu không thành chuyên chính vĩnh viễn. Vĩnh viễn là trái tự nhiên.

Giai cấp cán bộ thừa hành đã được hình thành. Cán bộ Chính, nhân vật trong "Những Thiên Đường Mù" của Dương Thu Hương, là khuôn mặt điển hình, sản phẩm của chế độ.

Những người ấy được huấn luyện để nói những điều tốt, hợp lý luận; nhưng âm bản xấu của nô lệ căn tính lộ rõ: gay gắt, vị kỷ, sợ sệt, gian trá...

Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Nguyễn Cơ Thạch...không đáng kể. Họ đến, già, rồi chết.

Những cán bộ tên Chính, sẽ còn mãi. Sức mạnh của chính quyền Việt Nam hiện tại được củng cố theo hình kim tự tháp bằng những viên đá như thế. Họ không chỉ có một, mười, hay mười ngàn người...

*
* *

Đà tiến bộ của nhân loại làm những cá tính ấy hiển hiện là cuồng tín, là vô luân.

Trước kẻ điên cuồng nộ, phải chăng lòng thương mới là vũ khí? Những người ấy, quả là những người xấu số nhất.

Xấu số hơn cả nạn nhân của họ nữa.

TAM TRƯƠNG

THƯA ÔNG CHỦ NHIỆM

DINO BUZZATI
NGUYỄN KHANH dịch

Thưa Ông Chủ Nhiệm,

Bây giờ tất cả mọi việc xin tùy thuộc vào ông, tùy thuộc vào sự quyết định và phán xét của ông để những lời tôi đang đau đớn viết ra đây hoặc sẽ cứu tôi, hoặc sẽ dìm tôi xuống tận bùn đen, làm cho tôi mất hết cả danh dự, tiếng tăm, không bao giờ có thể ngóc đầu lên được nữa.

Câu chuyện tôi sắp thưa với ông rất dài, ngay chính tôi cũng chẳng hiểu mình đã làm thế nào để có thể giữ được bí mật này cho mãi tới ngày hôm nay. Gia đình bè bạn, ngay cả các đồng nghiệp của tôi cũng chẳng bao giờ nghi ngờ gì tôi cả, cho dù chuyện này bắt đầu từ nhiều năm trước.

Ngược dòng thời gian, khoảng ba mươi năm về trước, lúc ấy tôi chỉ là một anh ký giả tầm thường đi săn tin cho tờ báo của ông. Tôi cần cù, siêng năng làm việc với tất cả thiện chí sẵn có, nhưng tôi vẫn không phải là một anh phóng viên xuất sắc. Mỗi buổi tối khi đưa cho ông xếp phòng tin tức những bản tin do tôi viết tường thuật các vụ trộm cắp, lễ lạc, tai nạn xe cộ xảy ra trong ngày v.v..., tôi đau xót đứng nhìn những *đứa con tinh thần* của mình bị hành hạ mà chẳng một ai thương xót. Có lúc thì bị cắt cả đoạn, lúc bị đục cả câu, lúc họ bỏ chữ này, lúc thêm chữ nọ. Đủ cả!!!

Cho dù có đau khổ thật, nhưng tôi cũng phải lấy công tâm mà nói là tôi biết ông trưởng phòng tin của báo nhà chẳng có ác ý gì với tôi cả, mà trái lại nữa là đằng khác. Vả lại phải thưa thật với ông là trước kia cũng như bây giờ, tôi chẳng viết được một cái gì ra hồn cả. Tôi không bị tống cổ ra khỏi tòa báo chắc vì nhờ cái tính siêng năng của tôi, chịu khó chạy chỗ này chỗ nọ để thu thập tin tức xảy ra trong thành phố đấy thôi.

Tuy vậy, trong thâm tâm, tôi vẫn nuôi một tham vọng lớn: trở thành một nhà báo hoặc một nhà văn thật nổi tiếng. Mỗi lần thấy một anh đồng nghiệp ít tuổi hơn mình có bài đăng trên báo hoặc thằng bạn nào xuất bản được một quyển sách, thì sự thèm khát và lòng ghen tị lại nổi ầm ầm lên trong tâm tư của tôi - nhất là khi thấy những bài báo hoặc quyển sách đó được mọi người chào đón, xúm lại ca tụng.

Cũng xin thưa thật với ông là thỉnh thoảng, tôi cũng cầm bút định viết một vài bài tiểu luận, làm thơ, sáng tác truyện ngắn... Nhưng lần nào cũng như lần nào, chỉ mới viết được đôi ba dòng là tôi buông bút. Thất vọng! Tôi đọc lại, biết ngay là bài mình viết *không ngửi* được, và tôi đâm ra chán nản, bực dọc hơn trước. Nhưng cũng may là bực dọc, chán nản này rồi cũng chỉ thoáng qua và tôi lại vùi đầu vào công việc để tìm quên, cố gắng nghĩ đến chuyện khác, bỏ lại sau lưng giấc mộng trở thành một nhà văn cỡ lớn. Cuộc đời cứ thế mà trôi qua, bình thản lắm ông ạ?

Cho đến một hôm, có một người đàn ông lạ mặt đến tìm gặp tôi tại tòa báo. Ông ta tuổi khoảng chừng bốn mươi, dáng người nhỏ bé, hơi đẫy đà một tí, mặt mũi cũng chẳng có gì để gọi là sáng sủa, mà trái lại còn có vẻ lù đù nữa là đằng khác. Nhưng bù lại, ông ta được cái dễ dãi, xuề xòa, nhất là cái tính nhún nhường nổi bật lên không thể chê vào đâu được. Ông ta tự giới thiệu với tôi tên là Ileano Bissat, hiện đang cư ngụ ở Trente và là bác của một thằng bạn học cũ của tôi ngày xưa. Có gia đình - vợ hai con, - trước đây ông làm nghề gác dan cho một kho chứa hàng nhưng bịnh hoạn sao đó thành ra phải nghỉ việc, bây giờ túng quẫn quá mà chẳng biết xoay sở vào đâu.

Nghe ông ta kể xong lý lịch và tình trạng gia đình, tôi mới hỏi:

"Thế cháu giúp được gì cho bác?"

Ông cố thu mình cho thật nhỏ lại, rụt rè đáp:

"Tôi có chuyện này muốn nói với cậu. Chả giấu gì cậu, tôi có tật thích viết lách, truyện dài, truyện ngắn, thơ phú... đủ cả. Thằng Henri (tức anh bạn học cũ của tôi) có đọc qua, nó bảo là không đến nỗi nào và đề nghị tôi lên đây tìm cậu. Cậu làm việc cho một tờ báo lớn, quen biết nhiều lại có thế lực, như vậy cậu có thể..."

Tôi vội vã ngắt lời:

"Cháu á? Lạy Chúa tôi, bộ bác tưởng cháu kinh đến như vậy hay sao? Bác có biết trong tòa soạn cháu là một người thuộc vào hạng có cũng được không có cũng chẳng sao hay không? Vả lại, tờ báo này đâu có chịu đăng tải những tác phẩm của những người không nổi tiếng trong văn giới."

"Nhưng cậu..."

Tôi bực mình cắt ngang lời ông ta:

"Tôi không phải là nhà văn, bác nghe rõ chưa? Tôi chỉ là một anh ký giả hạng bét. Tại sao bác lại nghĩ kỳ cục vậy?"

Trong lúc tôi trả lời câu này, *con người văn chương trong thân xác của tôi* chắc thất vọng lắm, bằng chứng là nó đâm cho tôi một cú đau nhói ở mạn sườn. Còn ông bác của thằng bạn tôi mỉm cười, chậm rãi bảo:

"Nhưng chắc là cậu cũng thích được ký tên cậu dưới tác phẩm văn chương chứ?"

"Đương nhiên, cái đó khỏi phải nói. Nhưng tôi đâu có tác phẩm nào đâu mà bác bảo ký với không ký!"

"Cậu nói vậy," hắn trả lời tôi. "Cậu còn trẻ, có tài, tương lai đang mở rộng cửa chờ đón, sao cậu lại tự đánh giá mình kém thế. Nhưng thôi tôi biết cậu đang bận, để mai mốt mình nói chuyện nhiều hơn. Bây giờ tôi xin phép đi về. À, nhân tiện, cậu cho tôi để lại mấy cái truyện vớ vẩn này ở đây được không? Khi nào rảnh, xin cậu ghé mắt đọc thử hộ xem tôi viết thế nào, nếu không thì cũng chẳng sao."

"Có lẽ cháu phải nói rõ lại cho bác hiểu. Không phải là cháu không muốn giúp bác, nhưng cháu không có quyền hạn gì cả, bác ạ!"

"Biết đâu chừng?" Vừa nói, ông vừa đi lùi ra ngoài cửa và không quên cúi đầu chào tôi." Biết đâu chừng có lúc cậu lại giúp được tôi. Nhiều khi chỉ tình cờ mà cũng nên chuyện đấy. Nếu rảnh, cậu nhớ để mắt chú ý đến hộ, tôi nghĩ chắc cũng không phí nhiều thì giờ của cậu đâu."

*

Ông ta bỏ đi, để lại trên bàn làm việc của tôi một chồng bản thảo to tướng. Tôi sẽ mở ra đọc ngay? Xin ông đừng nghĩ thế mà lầm to, ông ạ. Tôi mang về nhà vứt lên chiếc tủ để đầy sách vở và đủ mọi thứ giấy má linh tinh, bỏ mặc như thế khoảng gần hai tháng.

Phải nói thật với ông là tôi quên béng đi chuyện đó, không hề nghĩ gì đến chồng bản thảo mang về vứt xó đó cả. Cho đến một buổi tối thao thức mãi không ngủ được, tôi lại chợt nảy ra ý định dựng thử một chuyện xem sao. Lúc ấy phải thưa thật với ông là tôi chẳng có một tí ti ý tưởng gì ở trong đầu, nhưng khổ nỗi là tham vọng trở thành nhà văn lúc nào cũng theo sát tôi như bóng với hình.

Tôi ngồi dậy, kéo hộc tủ ra tìm giấy bút. Không còn một tờ giấy nào cả. Tôi chợt nhớ ra trên chiếc tủ đựng sách tôi còn một quyển vở mới dùng được mấy trang. Tôi đứng lên tìm, làm đổ tung tóe một chồng giấy tờ trên sàn nhà, khiến tôi phải cúi xuống nhặt.

Có phải là tình cờ không? Trong lúc cúi gập người nhặt chồng giấy tờ, mắt tôi bỗng thấy một tờ giấy đánh máy từ trong chiếc phong bì cứng rớt ra. Tôi cầm lên, đọc một dòng, hai dòng. Nỗi ngạc nhiên khiến tôi phải ngưng lại, nhưng chỉ trong giây lát thôi, trước khi tôi ngấu nghiến đọc cho hết. Hết tờ này, tôi tìm tờ tiếp theo và lại đọc, rồi đọc nốt tất cả những tờ còn lại. Đọc không kịp thở.

Thưa ông chủ nhiệm, đó là một cái truyện của thằng cha Bissat. Lúc đó, tôi bỗng dưng cảm thấy ghen tức với ông ta - một nỗi ghen tức mà đến bây giờ đã ba mươi năm qua - tôi vẫn chưa thể quên được. Chúa ơi, sao lại có thể như thế được cơ chứ? Một cái truyện vừa lạ, vừa mới lại hay nữa mới chết chứ. Có thể người khác đọc sẽ thấy nó chẳng lạ gì, chẳng mới gì và chẳng hay gì cả, nhưng với tôi thì khác hẳn. Nó *giống hệt* như cái truyện mà tôi đã từng ước ao sẽ có ngày dựng được, đọc nó tôi có cảm tưởng thấy được chính tôi ở trong truyện. Nó giống cái truyện của tôi lắm, y chang những điều mà tôi mơ ước sẽ viết ra nhưng không có tài để thực hiện. Đúng là khung cảnh của tôi, tâm trạng của tôi. Chúa ơi, tôi thích cái truyện đến tưởng như mình có thể chết ngay vì nó được.

Tôi có thán phục cái tên tác giả của cái truyện này không? Không, nhất định không. Tôi điên lên vì tức giận thì có. Điên lên vì thấy một thằng cha *chẳng ra gì* thực hiện được điều *tôi đã ước mơ* từ thủa bé, và nếu mà tập truyện này lại được xuất bản, thì rõ ràng là nó giết chết cả đời tôi chứ còn gì nữa. Ông ta sẽ là người đầu tiên bước chân vào cái địa hạt kỳ ảo của giới làm văn chương, nơi tôi vẫn hằng ước ao được góp mặt và biết đâu chừng, mở ra một con đường văn học mới. Nhưng bây giờ thì trễ quá rồi, giả thử tôi có viết được một tác phẩm nào xuất sắc đi chăng nữa thì người đọc cũng coi tôi chẳng ra gì, gọi tôi là thằng ăn cắp, thằng đi "thuỗng" lối viết, lối dựng truyện của kẻ khác.

Ông ta không để lại địa chỉ nên tôi chẳng biết phải tìm ông ở đâu, đành phải đợi ngày ông ta trở lại mới được. Và nếu ông ta có trở lại thì nhất định tôi phải bảo cho ông biết *những điều ông viết là những điều tôi đã có ý định viết làm từ khuya rồi.*

Cả một tháng sau, tôi mới gặp lại ông ta. Lần này, ông ta còn lịch sự, nhã nhặn hơn kỳ trước nhiều. Ông hỏi tôi:

"Không biết cậu đã đọc mấy cái truyện tôi để lại chưa?"

Tôi trả lời trống không:

"Đã đọc rồi."

Nói xong, tôi chợt thấy mình do dự không biết có nên nói cho ông ta biết những điều tôi dự định sẽ nói hay không. Ông ta hỏi tiếp:

"Thế cậu có cảm tưởng ra sao?"

"Cũng... được. Nhưng tờ báo không chịu đăng đâu."

"Vì tôi không phải là người có tên tuổi phải không cậu?"

Tôi nói như đinh đóng cột:

"Cái đó là cái chắc."

Ông ta nghĩ ngợi một lúc khá lâu, rồi nói:

"Xin cậu cứ nói thật cho tôi biết. Giả sử những truyện tôi đưa cho cậu là của cậu viết chứ không phải là của tôi, liệu báo nhà có đăng không? Tôi nghĩ cậu là nhà báo, chắc cậu phải biết..."

"Làm sao có thể biết được chuyện họ có đăng hay không đăng. Đồng ý là ông chủ nhiệm của tôi là người cởi mở, kiến thức rộng, nhưng..."

Nghe tôi nói thế, bộ mặt của ông ta sáng rực lên. Ông nhanh nhẩu nói:

"Vậy tại sao mình không thử xem."

"Thử gì?"

"Cậu này, tôi nói thật với cậu: Tôi hiện đang túng lắm, lại chẳng có tham vọng gì cả. Viết văn đối với tôi chỉ là trò tiêu khiển giết thì giờ vậy đó mà. Tôi nói thế mong cậu hiểu cho và giúp hộ, tôi sẵn sàng đưa hết cho cậu đấy."

"Bác nói vậy nghĩa là làm sao?" Tôi hỏi.

"Nghĩa là tôi đưa tất cả cho cậu chứ còn làm sao nữa. Của cậu tất cả đấy, cậu muốn dùng nó vào việc gì xin cậu cứ tự nhiên. *Tôi viết, nhưng cậu là tác giả.* Cậu còn trẻ, tôi thì đã già rồi, hơn cậu cả hai chục tuổi chứ ít ỏi gì. Cậu cũng biết ở đời, chẳng ai thích giới thiệu bọn già như tôi đâu. Ngược lại người trẻ như cậu mà xuất hiện thì sẽ được giới cầm bút, giới phê bình chú ý ngay. Cậu nghe theo đề nghị của tôi đi, chắc chắn *mình* sẽ thành công mà.

Tôi dịu giọng:

"Ừm..., ngại quá. Như vậy là lường gạt, lợi dụng rồi chứ còn gì nữa?"

"Ô hay, sao lại nói đến chuyện lợi dụng? Tôi với cậu bán món hàng, cậu có cái nhãn hiệu, tôi có hàng, bán xong chúng ta chia chác sòng phẳng. Điều quan trọng nhất là những gì tôi viết được cậu chiếu cố đến đi bán hộ. Cả hai đều có lợi cả chứ có ai lợi dụng ai đâu."

"Chắc không thể làm được đâu. Làm thế nguy hiểm quá, nếu công việc bại lộ thì chết cháu. Đó là chưa kể đến chuyện các bản thảo bác đưa đăng hết rồi trong tay cháu lại chẳng có cái chuyện nào nữa cả thì ăn nói làm sao với người ta?"

"Cậu cứ lo lắng thái quá! Tôi sẽ ở ngay bên cạnh cậu, cậu cần gì tôi cung cấp ngay chứ có gì mà sợ. Cậu cứ nhìn thẳng vào mặt tôi, xem tôi có phải là thằng đi lừa thầy phản bạn không? Tôi biết là cậu sợ tôi lừa gạt cậu chứ gì? Lạy Chúa tôi, tôi phải làm sao cho cậu tin bây giờ?"

"Thế nhỡ bác bị bệnh thì sao?"

"Có gì khó. Khi nào tôi ốm thì cậu... cũng ốm chứ có gì đâu."

"Nhỡ một mai nhà báo gửi cháu đi ngoại quốc viết bài, thì phải giải quyết thế nào?"

"Dễ quá! Lúc đó, tôi cũng đi ngoại quốc với cậu vậy."

"Ai trả tiền? Cháu phải tốn cho bác à?"

"Chắc... phải vậy quá. Chẳng lẽ... Nhưng cậu đừng ngại, tôi dễ tính lắm, không đòi hỏi gì khiến cho cậu bực mình đâu."

*

* *

Chúng tôi tiếp tục bàn cãi một hồi lâu, trước khi tôi đồng ý đặt bút ký tên trong bản giao kèo phó thác số phận của mình trong tay một người lạ mặt. Ông ta có thể dùng bản giao kèo này để làm tiêu tan sự nghiệp và cuộc đời của tôi. Nhưng lúc đó, tôi bị cám dỗ quá mất rồi, thành thử tôi đâu có sợ gì. Tôi bị cám dỗ vì cái truyện tuyệt vời của ông ta, và vì cái bã danh vọng lúc nào luẩn quẩn ở trong đầu.

Điều khoản được ghi trong bản giao kèo khá giản dị. Ông ta cam kết với tôi bốn điều: *thứ nhất* sẽ viết tất cả những gì tôi đặt hàng, đề tên tôi là tác giả; *thứ hai* sẽ đi theo tôi để giúp tôi viết bài cho tờ báo; *thứ ba* sẽ giữ kín chuyện này không để lộ cho bất cứ ai biết và *thứ tư*, sẽ không viết gì cho chính mình hoặc cho một người thứ ba. Về phần tôi, tôi chỉ phải cam kết có *một* điều duy nhất: chia cho ông ta tám mươi phần trăm số tiền kiếm được.

Sau đó, tôi đi vào gặp ông xếp và xin ông đọc thử một cái truyện tôi *vừa mới viết.* Ông chẳng thèm liếc qua, lại nhìn tôi với một vẻ mặt lạ lùng hơi soi mói một tý - trước khi bỏ cái truyện ngắn vào trong ngăn kéo. Tôi đứng dậy đi ra vì trước đó cũng đã dự đoán mình sẽ được đón tiếp như thế nào rồi, không thể nào chờ đợi phép lạ được. Nhưng cái truyện của tôi đưa hay lắm, thành ra tôi hy vọng tràn trề sẽ có ngày đạt được kết quả.

Bốn hôm sau, *truyện ngắn của tôi* xuất hiện ngay ở trang ba - trang văn học nghệ thuật của tờ báo - trước sự ngạc nhiên của chính tôi cũng như của các bạn đồng nghiệp. Phải gọi đó là một chấn động trong làng thì đúng hơn. Tôi say sưa với những lời khen tặng của mọi người, làm ra vẻ ta đây đáng được hưởng những lời tán tụng như thế lắm chứ. Một sự kiện khác nữa là thay vì sau đó phải thấy hối hận và hổ thẹn, tôi lại đâm ra thích mới chết chứ! Đã vậy, tôi lại còn tự bảo chính mình rằng tôi đích thực là tác giả của truyện ngắn vừa được đăng và không thể ngờ mình lại *lộng giả thành chân* sớm đến thế.

Tiếp theo đó, một loạt truyện ngắn khác được đăng tải trước khi một quyển truyện dài thật xuất sắc được trình làng. Bỗng dưng, tôi trở thành một *hiện tượng văn học.* Mọi người đều muốn chụp ảnh với tôi, muốn phỏng vấn nói chuyện với tôi. Lúc đó tôi chợt khám phá ra mình có khả năng nói dối vào hạng thượng thừa.

Về phần Bissat, ông ta giữ đúng tất cả những điều khoản đã được ký trong bản giao kèo. Khi tôi xài hết những bản thảo truyện ngắn, ông đưa tiếp ngay theo đó một lô truyện ngắn khác, viết không thua gì những truyện ngắn đã được đăng. Ông âm thầm làm người đứng trong bóng tối như đã hứa

hẹn trước, không ganh tị, không làm gì trái với *bản hợp đồng văn chương* của cả hai. Cũng phải thưa thêm với ông là trong thời gian đó, chung quanh tôi có lắm đứa thối mồm đi nghị, nghi ngờ này nọ, nhưng rồi cuối cùng sự nghi ngờ cũng phải biến mất qua loạt truyện vừa ngắn, vừa dài được đăng tải trên mặt báo. Tôi trở thành một nhà văn nổi tiếng, không còn là một anh ký giả quèn đi săn tin xe cán chó nữa, mà trở thành một nhà văn chuyên nghiệp chỉ viết bài cho các tạp chí văn học nghệ thuật mà thôi.

Cũng trong thời gian ấy, vợ chồng ông ta có thêm ba đứa con, và dĩ nhiên, rất nhiều tiền - *tiền tôi kiếm được chia cho ông ta.* - Vợ chồng ông ta tậu một ngôi biệt thự ở ngay cạnh bờ biển, trước cửa nhà đậu ngay một chiếc xe hơi mới cất chỉ. Đối với tôi, lúc nào ông ta cũng lễ độ, nhã nhặn như lần mới gặp đầu tiên. Chẳng bao giờ tôi nghe ông nói hoặc nhắc nhở đến cái danh hão mà nhờ ông tôi đang có cả. Chỉ có một điều là lúc nào ông ta cũng cần tiền và ông chẳng ngần ngại gì khi bòn rút tôi đến tận xương tủy cả.

Về tiền nhuận bút của tôi, tờ báo luôn luôn giữ kín không tiết lộ ra ngoài. Nhưng một phần vì tôi nổi danh, phần khác vì tờ báo là một cơ quan thương mại lớn, kẻ ra người vào đông như kiến, nên chuyện dù có kín đến mấy rồi cũng bị hở. Mọi người ai ai cũng biết hàng tháng tôi lãnh cả một bó bạc to tổ bố, nhưng chẳng hiểu tại sao không thấy tôi chơi xe thể thao, không có đào trẻ đẹp mặc áo choàng, cổ và tay đeo đầy kim cương, không mua du thuyền, không nuôi ngựa đua v.v... không ai hiểu tôi đã làm gì với số bạc kếch xù đó cả, thành thử họ đoán mò tôi là một thằng hà tiện hoặc bần tiện, có tiền mà chẳng dám - hoặc không biết tiêu. Tôi đã tìm đủ mọi cách để giải thích cho bè bạn, anh em hiểu nhưng vẫn chưa được.

Thưa ông chủ nhiệm,

Đại loại, câu chuyện chỉ có thế và bây giờ tôi xin phép ông để được đi thẳng vào vấn đề. Bissat đã cam đoan với tôi rằng ông ta không thèm danh vọng, điều đó quả có đúng, thành ra tôi không hề lo sợ là ông ta sẽ phản bội tôi, đưa câu chuyện này ra trước ánh sáng. Nhưng đau đớn thay, không thèm danh thì ông ta lại thèm tiền, lúc nào cũng nói đến chuyện tiền và cần tiền. Khổ nỗi là nào phải có một mình ông ta đâu, mà mụ vợ và lũ con của ông ta cũng nói đến chuyện cần tiền nữa. Phải nói ông ta, cả gia đình ông là một cái túi tham không đáy: tôi giao cho ông ta tám mươi phần trăm tiền nhuận bút như đã ghi trong cái *giao kèo văn chương* ác nghiệt, mà ông ta vẫn than là không đủ. Vì ông ta mà tôi nợ nần như chúa chổm, nhưng lúc nào ông ta cũng nhỏ nhẹ, khiêm tốn một cách giả dối với tôi, khiến cho tôi thấy tởm.

Cách đây khoảng hai tuần lễ, tôi và ông ta bất đồng ý kiến với nhau lần đầu tiên sau hơn ba mươi năm trời *làm việc* chung. Ông ta đòi tôi phải đưa thêm một số tiền phụ trội khá lớn, không hề ghi trong giao kèo. Tôi từ chối, nhất định không chịu. Ông ta không nói gì cả, cũng chẳng tỏ một cử chỉ đe dọa nào là ông sẽ tố cáo hết mọi chuyện cho thiên hạ nghe. Ông ta chỉ ngưng không giao bài cho tôi nữa. Cái lão độc thật ông ạ: không thèm viết một chữ chứ đừng nói một dòng. Lão không viết, tôi lấy gì để đưa cho tòa báo đây? Thành ra cả nửa tháng nay, độc giả có đọc được cái gì của *tôi viết* đâu?

Chính vì thế mà hôm nay tôi đành mạo muội viết lá thư này gửi đến ông để thưa mọi chuyện và mong đợi sẽ được ông rộng lòng tha thứ. Chẳng lẽ ông lại bỏ mặc xác tôi, để cho sự nghiệp của tôi tan thành mây khói hay sao? Dù sao chăng nữa, cũng xin ông hiểu cho tôi là kẻ từ bao nhiêu năm nay hết lòng tận tụy với tờ báo, cố gắng bằng đủ mọi cách cho dù hay hoặc dở, đúng hoặc sai, để làm tăng thêm uy tín cho báo nhà. Chắc ông vẫn nhớ những lần truyện của tôi xuất hiện trên báo nhà tựa như những ánh sao rực rỡ, phá vỡ tất cả những nhày nhụa ở trần thế chứ ạ?

Tôi xin ông hiểu cho hoàn cảnh của tôi hiện nay để cố giúp tôi thoát khỏi ngõ bí này. Tôi van ông, xin ông đề nghị hộ một giải pháp nào để cứu vãn tình thế cho tôi, như tăng lương cho tôi thêm vài chục ngàn bạc mỗi tháng. Hoặc ông thấy tăng lương cho tôi không được, xin ông cho tôi vay tạm một ít tiền vậy, khoảng một vài triệu bạc gì đó. Bạc triệu đối với tờ báo có lẽ chẳng đáng là bao nhiêu, nhưng với tôi hiện giờ thì quả là quan trọng lắm.

Nhưng biết đâu chừng ông lại là người hoàn toàn không giống với người mà tôi đã nghĩ từ trước tới nay. Có thể ông đang mừng rỡ khi đọc lá thư này, coi đó là một cơ hội tốt để ông đá tôi văng ra khỏi tòa soạn. Không hiểu ông có biết là ngay lúc này ông có quyền cho tôi đi chỗ khác chơi mà không phải trả một xu tiền bồi thường lao động hay không? Muốn làm như vậy, ông chỉ việc đăng lá thư này lên trên mặt báo, ở ngay trang văn học nghệ thuật là đã quá đủ.

Thật lòng, tôi không hề nghĩ ông sẽ làm như thế đâu. Xưa nay, ông vẫn được ca tụng là người tốt bụng, từ tâm, không bao giờ ông nỡ nhẫn tâm dìm người khác xuống bùn nhơ, cho dù đó là kẻ phạm tội tày trời không thể nào tha thứ được như tôi chẳng hạn. Vả lại, tờ báo của ông đâu thừa chỗ để đăng những lá thư kỳ quặc như thế này.

Về phần tôi, tôi biết nói gì hơn nữa với ông bây giờ? Tôi biết tôi viết văn như cục cứt. Tôi không biết viết văn, tôi không phải là nhà văn, tôi không phải là một người cầm bút, tôi không phải là tác giả của những tác phẩm tuyệt vời được đăng tải và ca ngợi trước đây. Kẻ khác viết, tôi chỉ là người ký tên và đóng vai trò tác giả thôi ông ạ! Nhưng có một điều tôi biết rõ: cho dù ông bỗng dưng trở nên độc ác, muốn giết cả cuộc đời của tôi, ông cũng sẽ không bao giờ cho đăng bức thư này lên mặt báo cả. Vì làm thế, chắc báo nhà sẽ bị giảm uy tín đi rất nhiều, ông chủ nhiệm nhỉ.

DINO BUZZATI
NGUYỄN KHANH dịch

NHÀ VĂN GEORGES SIMENON KHÔNG CÒN NỮA

Georges Simenon
Tác giả của 500 triệu bản đã bán

GENEVA (AP) Nhà văn người Bỉ Georges Simenon, 86 tuổi, tác giả "Thanh Tra Maigret" rất ăn khách đồng thời sản xuất hàng loạt các tiểu thuyết đã bán ra đến 500 triệu bản khắp thế giới, nay đã qua đời.

Ông Simenon đã chết trong khi đang ngủ tại nhà ở Lausanne, Thụy Sĩ.

Sức khỏe của ông Simenon đã sa sút trong năm qua và ông đã phải ngồi xe lăn.

Tiếng tăm của ông có được là nhờ hơn 200 cuốn tiểu thuyết kể cả 80 cuốn xoay quanh nhân vật Thanh tra Maigret của Ba Lê, một viên thám tử cố tìm hiểu các kẻ tội phạm hơn là kết tội họ.

Sách của ông đã được dịch ra 55 thứ tiếng, kể cả tiếng Tàu, tiếng Arménie và tiếng Do Thái mới. Tài tử Charles Laughton và diễn viên người Đức Heinz Ruehmann là hai trong số những người đã sắm vai Maigret trong chừng 50 cuốn phim phóng tác theo truyện của ông.

Một diễn viên Pháp, Jean Richard, từng đóng vai Maigret trong hàng tá phim truyền hình, nói: "Theo tôi, ông cũng là tác giả Pháp nổi tiếng nhất không ai sánh nổi. Ông chính là một Balzac mới."

Tổng thống Pháp Francois Mitterrand cho rằng các sách của Simenon "sẽ luôn là bạn đường của bao thế hệ độc giả trên mọi lục địa."

Các tiểu thuyết của Simenon là món ăn tinh thần quan trọng tại Nga Sô.

Mặc dầu nổi tiếng nhờ cuốn "Thanh tra Maigret," nhà văn Simenon cho biết ông vẫn ưa chuộng khoảng 132 tiểu thuyết khác thường là tập chú vào những trạng huống đen tối của các nhân vật trong cơn khủng hoảng.

Các truyện ký ông viết hồi 1981 đều được gọi là "Hồi Ký." Gợi hứng từ vụ con gái ông, Marie Jo, tự tử năm 1978 lúc mới 25 tuổi, câu chuyện giông bảo nầy bao trùm nỗi tuyệt vọng và niềm hạnh phúc, tình yêu và tình dục, cuộc sống xa hoa và nỗi nhớ nhà.

Ông Simenon cho biết gần trọn cuộc đời của ông "đã bị ám ảnh bởi một dục tính nhiệt cuồng" và công bố rằng ông đã ăn nằm với một vạn đàn bà "để tìm sự thật" về tình dục của người khác phái.

Ông đã xuất bản 21 cuốn trong bộ truyện "Viết chính tả" là những ghi chú về các tư tưởng và hồi ức được thu băng trong thời gian tám năm khi ông bị bệnh lảng tai làm đảo lộn cảm giác quân bình nơi ông.

Ông Simenon cũng còn viết chừng 300 tiểu thuyết huê tình rẻ tiền dưới các bút hiệu khác nhau và hơn một ngàn bài đăng trên báo về các cuộc du lịch của ông.

Ông Simenon sinh ngày 13 tháng Hai năm 1903 tại Liege, Bỉ quốc.

Ông bỏ học năm 16 tuổi, đến tập sự tại một lò bánh mì và làm thư ký cho một tiệm sách trước khi làm phóng viên tin tức cho một tờ báo địa phương. Nghề nầy đã chấm dứt sau khi ông viết một truyện châm biếm về các cấp trên của mình cũng như gia đình ông, trong đó có ông chú giàu có của ông, và ông nầy từ đó không thèm nói chuyện với tác giả nữa.

Sau Đệ Nhị Thế chiến, Simenon ở mấy năm tại Hoa Kỳ và Gia Nã Đại. Tại đây, ông ly dị người vợ đầu tiên gốc Pháp đã sống với ông 27 năm trời tên là Regine, và cưới một cô gái Gia Nã Đại là Denise Quimet. Họ cùng đến ở tại Thụy Sĩ và tới năm 1969 thì ly thân nhưng không hề ly dị.

Ông Simenon cho biết ông chỉ tìm thấy hạnh phúc trọn vẹn sau khi ông gặp Teresa, cô hầu phòng gốc Venise của vợ ông, nhỏ hơn ông 20 tuổi. Đôi uyên ương dọn về ở một nông trại đầy đủ tiện nghi ở Lausanna.

Sở mai táng Lausanne cho biết tác giả Simenon đã được hỏa táng, và chỉ có những người thân trong gia đình hiện diện chứng kiến mà thôi.

Ông Simenon để lại ba con trai. Tài sản ông ước lượng có tới hàng trăn triệu Mỹ kim (VP)

KIỆT TẤN

BẠCH THỬ CÔ NƯƠNG

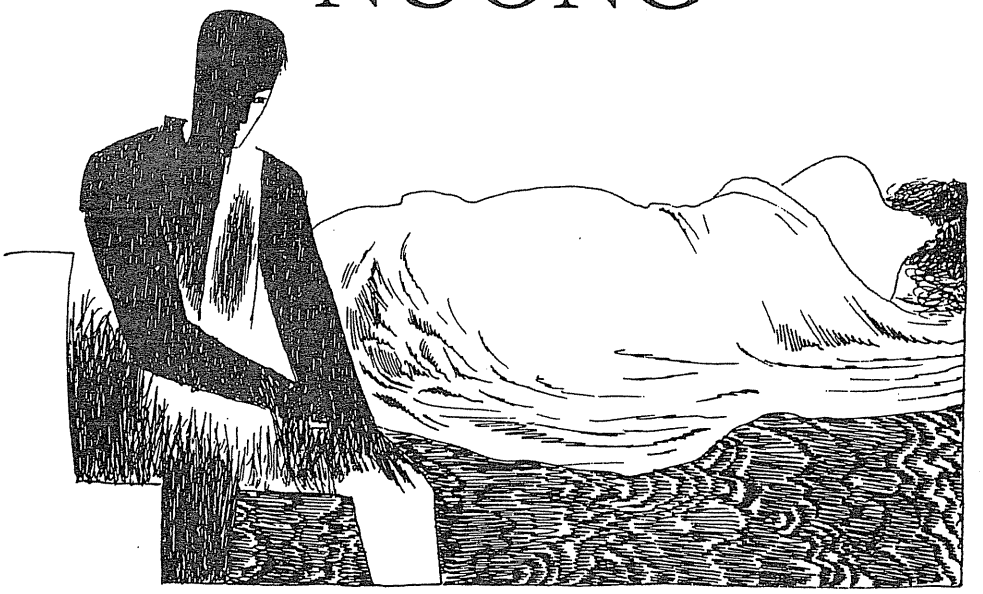

Cuối xuân ta lại tìm qua
tiểu thư chi mộ thềm hoa dại tàn
sớm thu ta đánh dò sang
bên đường cổ mộ lại vàng cúc hoa

Phạm Thiên Thư

Từ nhà Nguyễn Đình Toàn bước ra, tôi vươn vai hít thật sâu nhiều lần không khí mát rượi của buổi tối. Tôi thở hắt ra thật dài để tống khứ ra khỏi buồng phổi mình cái khí trời quếnh đầy khói thuốc của sòng phé hồi hộp. Nhà Toàn ở sau đài phát thanh Sàigòn, mát mẻ, yên tĩnh. Chúng tôi có cái lệ cuối tuần họp mặt nhau tại đây cho vui -- rút xì phé chỉ là một cái cớ. Có mặt rất nhiều tài tử như Trác, Cung, An, Hoàng, Hương, Tuấn... Có bia, có cháo gà, có khô mực nướng, có tiếng lao nhao bàn tán, kết tẩy, phỏng đoán. Mười lần thì tôi cạn láng hết tám chín, nhưng mua vui cũng được một vài trống canh. Lần này tôi đứt chến là một điều hết sức tự nhiên. Tôi lửng thửng bước ra khỏi xóm.

Tôi thả rểu trên đường Hồng Thập Tự, Đinh Tiên Hoàng, Cường Để, Gia Long... Đêm tối thân mật như một người tình. Xòe tay ve vuốt màn đêm. Lá bàng khô xào xạc dưới bước đi. Lá me nhỏ rụng hoài lững lơ không tới mặt đất. Ánh sáng lù mù tỏa ra từ các ngọn đèn đường cao vút căng những mạng nhện chụp bắt bóng đêm. Bóng đêm đồng lõa với các yêu nữ đứng ngấp nghé ở các góc đường. Trong khoảng tranh tối tranh sáng các nàng cố gắng vẽ một nụ cười rù quến trên hàm răng cẩm thạch. Tôi tiếp tục bước đi, trong bụng thấy đói cồn cào. Tôi chợt định được hướng đi cho những bước chân quờ quạng của mình. Tôi tiến về nhà hàng Kim Hoa trên đường Lê Lợi.

Tôi đẩy cửa tiệm ăn bước vào, tiến về phía chiếc bàn ăn sau gốc cột tròn, chỗ ngồi quen thuộc của tôi, một chỗ yên tĩnh. Chợt bắt gặp một bóng dáng quen thuộc: Bạch Thử Cô Nương! Nhìn lưng áo trắng và mái tóc từ phía sau tôi cũng đoán được tình nương của tôi. Tôi bước tới kéo ghế ngồi đối diện với nàng. Nàng ngửng lên ngó tôi mỉm cười:

"Dữ không. Tới giờ này anh mới đến."

Tôi ngạc nhiên.

"Sao em biết anh ra đây mà ngồi đợi."

"Anh mới hỏi kỳ cục. Anh hẹn em ra đây, bộ anh quên rồi sao?"

Tôi vỗ trán:

"Thôi anh nhớ ra rồi. Lúc này anh thiệt lãng trí. Anh xin lỗi em. Em ra đây chờ anh lâu chưa?"

"Có hơn mười lăm phút. Tưởng anh hẹn lèo nữa rồi chớ."

"Cho anh xin lỗi. Em đừng giận anh."

"Hơi sức đâu mà giận anh hoài cho thêm mệt. Gì chớ cái mức bê bối của anh đâu có giới hạn. Anh đã làm gì cuộc đời anh bữa hôm nay?"

Tôi xuống nước giả lả:

"Thôi mà! Cho anh van em, *du tha cho mi.* Em hỏi làm gì một câu hốc búa như vậy? Hồi đó em dễ tánh bao nhiêu thì bây giờ em khó tánh bấy nhiêu."

Thiệt vậy. Hồi mới quen nhau nàng đâu có thắc mắc về lối sống dật dờ của tôi. Tôi gặp nàng ở vũ trường Văn Cảnh, nơi có Phạm Đình Chương điều khiển ban nhạc. Nàng nói nàng tên Bạch. Một đặc điểm, nàng luôn luôn mặc áo dài trắng như nữ sinh. Mặt mũi nàng thơ ngây và xinh xắn. Hai đàng nói chuyện có vẻ tâm đồng ý hiệp. Tôi uống Remy Martin với Chương mềm môi. Trời sa trận mưa ào ạt cuối mùa. Tôi và Chương cố gắng nói *mưa cuối mùa* mà đã líu lưỡi: mươi cúa mùa, mưa muối cười, cươi múa mùa, cua mười mười, mưa cưới mùa... Và hai đứa ó ra cười như hai thằng điên.

Đêm đó tôi theo nàng về nhà gần khu nghĩa địa Mạc Đĩnh Chi. Nàng hỏi ngoài đời tôi làm gì. Tôi nói tôi làm nghề "cà nhỏng chống xâm lăng". Tôi hỏi gốc gác nàng. Nàng nói nàng đang còn đi học thì ba má nàng bị chiến tranh cướp mất. Quê nàng ở Thủ Đức. Nàng trơ trọi trên đời nên đành khép thân làm vũ nữ để sinh nhai.

Nói xong hai bên bèn cùng nhau gần gũi...

Tôi mệt lăn ra ngủ. Đến khoảng ba giờ sáng tôi khát nước thức dậy định đi tìm nước uống. Chợt phát hiện một con chuột bạch nằm trên gối cạnh bên mình. Còn nàng Bạch ở đâu không thấy bóng. Tôi giả đò như không biết nhắm mắt lại ngủ chập chờn. Khi tỉnh giấc thì mặt trời đã mọc. Bước xuống giường thấy nàng đang ngồi chải tóc trước bàn điểm trang. Nàng

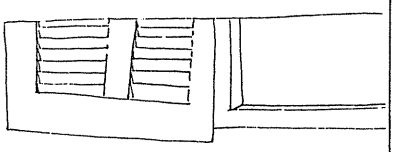

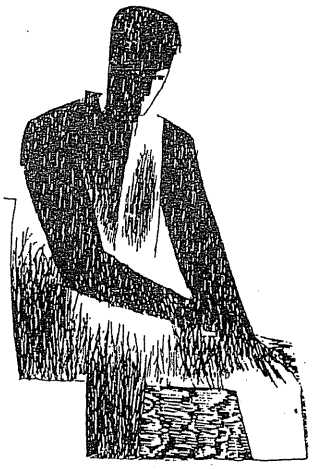

hát nho nhỏ "*Khi đã yêu thì mơ mộng nhiều. Mơ ngày mai pháo nhuộm đường vui...*" Thấy tôi nàng hỏi anh ngủ ngon không. Tôi đáp tôi ngủ ngon, còn em? Nàng đáp chưa bao giờ nàng ngủ một giấc ngon như vậy và nàng mơ một giấc mơ kỳ lạ. Tôi hỏi nàng mơ thấy gì. Nàng đáp nàng mơ thấy mình hóa thành một con chuột trắng nằm trong lòng bàn tay tôi. Tôi giật mình e sợ nàng phát hiện điều tôi muốn dấu. Nhưng tôi không thể không tự hỏi nàng nằm mơ hay tôi nằm mơ. Hay tôi đã đi lạc vào giấc mơ của nàng hồi nào không hay biết.

Buổi chiều tôi lò mò lên Thủ Đức để dọ hỏi tông tích nàng. Khi tôi nhắc tới Bạch Cô Nương, một bà già có vẻ thành thạo dắt tôi tới một ngôi nhà gạch cao cẳng bỏ trống, cạnh bên nhà có một ngôi mộ nhỏ hoang phế tiêu điều. *Gò chiều ùn bụi sương lên, hỏi ra mới biết nơi yên cành vàng. Bên mồ chồn cáo đùn hang, chim kêu như lảnh tiếng nàng ngân nga...* Tôi hỏi thêm về gia đình nàng, bây giờ ra sao. Bà lão cũng không biết gì hơn ngoài ngôi nhà hoang phế. Trở về Sàigòn tôi tiếp tục giao du với nàng như không có chuyện gì xảy ra. Tôi chấp nhận nàng như đã chấp nhận nhiều thứ khác mà tôi tưởng là tôi không thể nào chấp nhận. Thời buổi nhiễu nhương, giặc giã bốn phía rầm rầm, biết tính sao bây giờ! Nàng như một bóng mát cho tôi giữa sa mạc lửa sắt. Cho tới lúc gần đây nàng đâm ra gắt gỏng và đặt cho tôi nhiều câu hỏi nhức đầu. Chẳng hạn như tôi yêu nàng bằng thể xác hay bằng linh hồn. Tôi nói điều đó nào có quan trọng gì. Nàng nói điều đó quan trọng lắm chứ vì nàng không thể yêu một người vô ý thức. Tôi hỏi nàng làm tình với tôi hay làm tình với cái ý thức khốn kiếp của tôi. Nàng nói anh đừng có đánh lạc hướng vấn đề, sống vô ý thức thì thà sống như một con chuột lắc còn hơn. Câu nói của nàng khiến tôi đâm ra thù ghét tôi.

Không phải tôi không công nhận nàng có lý. Nhưng nếu sống một ngày ý thức 24 giờ trên 24 giờ và tiếp tục sống như vậy ngày này qua ngày khác trên quê hương giặc giả triền miên này thì chỉ còn có nước thất họng.

Tôi còn đang phân vân thì nàng lên tiếng:

"Bộ anh không biết nước mình đang ly loạn hay sao?"

"Cuộc loạn ly đó nào phải đâu do anh tạo ra. Chiến tranh..."

Nàng cướp lời tôi:

"Đâu phải vì lý do anh không tạo ra mà anh được quyền miễn tham dự. Như ba má em đó, hai người đâu có tạo ra cuộc chiến tranh này mà rồi cũng bỏ mạng vì cuộc chiến."

Tôi đuối lý. Tôi tìm cách hướng câu chuyện về một nẻo khác:

"Tối hôm nay trời trong và mát mẻ, anh muốn cùng em đi dạo chơi được không?"

"Nhưng em còn phải đi làm."

"Tối nào mà em chẳng đi làm. Em đi làm thêm một tối hay bỏ bớt một tối cũng đâu có chết ai mà

em lo quá vậy?"

"Nhưng mà cuối tuần có nhiều khách quen, em phải..."

"Thì cho họ nhịn khiêu vũ với em một bữa, chết chóc ai."

Coi bộ nàng xiêu lòng. Tôi gọi tính tiền. Thanh toán xong tôi bước qua dời ghế cho nàng đứng dậy. Tôi dìu nàng ra khỏi quán. Hai đứa thả bộ trên đường Pasteur rồi quẹo qua đường Gia Long. Thương những vòm lá me nhỏ trên con đường nầy. Ánh sáng vừa phải cho những người yêu nhau. Tôi vịn vòng eo nàng, nàng tựa đầu lên vai tôi. Nàng không có mùi son phấn ngọt ngào như các vũ nữ khác. Tóc nàng thơm thoang thoảng hương vị *Mais Oui*, nhẹ nhàng, kín đáo, học sinh. Tôi hôn nhẹ lên mái tóc nàng hỏi nhỏ:

"Em có yêu anh không?"

Nàng ngước nhìn tôi như trách móc:

"Cái anh này mới hỏi thiệt là vớ vẩn! Thế còn anh, anh có yêu em không?"

Tới phiên tôi lúng túng trả lời lập lửng:

"Yêu em?... Ờ thì anh tin là cũng có yêu..."

"Anh tin tưởng ở tình yêu thiệt sao?"

"Anh có biết tình yêu nó ra sao đâu mà tin tưởng với lại không tin tưởng."

"Vậy sao anh dám nói rằng yêu em?"

"Anh nghĩ là tại thói quen. Nói đúng ra có lẽ anh tìm cách trốn chạy trong tình yêu của em giữa cuộc phong ba thường nhật nơi đây."

Gió lay lắc, vòm me thả bươm bướm nhỏ li ti. Hai đứa quẹo ở đường Cường Để, con đường có nhiều bóng tối hơn ánh sáng. Chợt nàng lên tiếng:

"À... em hỏi thiệt anh điều này."

Nàng ngập ngừng. Tôi gạn hỏi:

"Điều gì? Em muốn hỏi anh điều gì?"

"Anh... anh có tin các truyện *Liêu Trai Chí Dị* hay không?"

Tôi giựt mình. Không biết nàng có đọc được nét ngạc nhiên trên gương mặt tôi trong bóng tối. Điều tôi định khêu gợi với nàng thì nàng đã lên tiếng trước. Tôi cố phớt tỉnh:

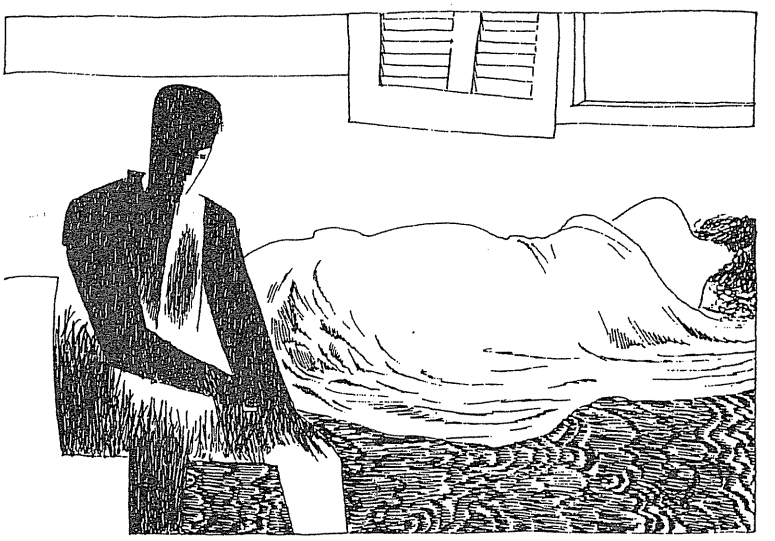

"Anh tin chớ sao không."

Tới phiên nàng ngạc nhiên:

"Anh tin là truyện Liêu Trai có thiệt hay sao?"

"Điều gì mình tin nó có thì nó hiển hiện. Mình tin nó không có thì nó sẽ không hiển hiện. Nó tùy thuộc ở cái tâm của mình. Cũng như tôn giáo, cũng như truyện ma quỉ thánh thần, mọi sự đều tùy duyên ở đức tin hết thảy."

Nàng vòng một tay ngang lưng tôi:

"Vì sao anh tin anh cắt nghĩa cho em nghe thử."

"Cắt nghĩa làm sao được mà cắt nghĩa. Nếu cắt nghĩa được thì nó là sự thiệt hiển nhiên, đâu cần em tin mới có. Chẳng hạn chuyện nguyên tử. Khi người ta làm nổ được hạch nhân thì thuyết tương đối của Einstein là một sự hiển nhiên, nó đâu cần gì ai tin tưởng nó mới đúng."

"Nhưng đó là chuyện khoa học. Còn chuyện Liêu Trai nó dính líu tới luân hồi, nó đâu phải là một khoa vật lý."

"Bởi vậy nó mới càng cần tới đức tin nhiều hơn nữa. Khi một người, mười người, một trăm người, một triệu người, một tỉ người tin tưởng một hiện tượng nào đó sẽ xảy ra. Nếu em tin có luân hồi thì mỗi đêm em đều luân hồi qua giấc mơ, một luân hồi ngắn hạn trộn lẫn buồn vui, mừng rỡ hay kinh hoàng."

Nàng ngửng mặt lên cho tôi hôn nhẹ môi nàng, tay kia nàng luồn vào ngực áo tôi mơn trớn:

"Giả tỉ bây giờ em nói với anh là em do hồ ly tu luyện lâu năm hiện thành hình người thì anh nghĩ sao?"

"Thì anh tin em là hồ ly tinh chớ anh không có nghĩ gì ráo."

"Anh không lo sợ cho tánh mạng của anh sao?"

"Chẳng những anh không lo sợ cho tính mạng mình mà anh còn tình nguyện hiến hết cho hồ ly tinh rồi ngã ra chết tốt."

"Anh không hối hận hoặc ăn năn sao?"

"Không. Chết như vậy còn sung sướng hơn và diễm phúc hơn là nhiều lối chết khác thì còn ức hiếp gì mà ăn năn?"

Tôi cúi hôn lên đôi môi mật ngọt của nàng. Nàng hưởng ứng. Hai đứa dừng lại trong bóng tối ôm nhau. Nàng nói:

"Em không phải là hồ ly tinh mà em là một con chuột bạch. Anh tin không?"

Tôi gật đầu:

"Em nói sao thì anh tin vậy. Khỏi cần thắc mắc."

"Mà tại sao hai đứa mình gặp gỡ

Chắc bên nhà hoa bưởi lại đơm bông

đêm lặng xuống những màu trăng đã chết
hồn anh treo trong ráng đỏ năm xưa
nghe xa xôi như từ lần gặp mặt
cả cuộc đời vẫn sáng nắng chiều mưa

anh về muộn hiên nhà đêm mưa giọt
cửa nhà em chừ đóng kín không ngờ
ai qua đó nghe điệu buồn lối nhịp
những khung trời những thương nhớ bâng quơ

rồi sau đó tháng ngày anh đi biệt
chắc bên nhà hoa bưởi lại đơm bông
tháng giêng mưa giọt hồn anh rét
một nỗi lòng chao con nước trôi sông

thương và nhớ trời ơi đau đứt ruột
anh ra đi mẹ dặn cúng quên rồi
em gánh thêm nỗi buồn ra chợ bán
để muôn đời hoang dại với trăng suông

HUỲNH LIỄU NGẠN

---

nhau anh biết không?"

"Không. Anh đang chờ nghe em kể tiếp."

Hai đứa tiếp tục sánh bước. Nàng nói:

"Khi xưa hai đứa mình cùng học chung một trường, em là trai còn anh là gái. Hai đứa yêu nhau tha thiết. Nhưng rồi chiến tranh xảy ra. Em gia nhập quân đội và bị tử thương. Anh đưa em ra tới tận huyệt mồ và nguyện sống độc thân như vậy để chịu tang em. Nhưng chỉ được vài tháng sau thì anh vì buồn rầu mà thác theo em. Cũng bởi sự gắn bó đó mà kiếp này anh và em lại gặp gỡ nhau, nhưng nghiệp chướng em còn nặng vì khi đi lính em có giết người nên đầu thai làm bạch thử có thể hiện thành hình người."

Nàng dừng bước lại ôm cứng lấy tôi. Gió từ bến sông thốc lên xô lá khô chạy trên mặt đường xào xạc. Nàng nói:

"Chuyện tình của anh và em lâm ly như vậy đó, anh có tin hay không?"

Nàng ngửa đầu ra sau, phơi da cổ trắng ngần như một con thú thuận tình khuất phục. Tôi hôn lên vành tai nàng thì thầm:

"Hỡi con bạch thử yêu dấu của anh!"

Tôi ghì siết nàng trong vòng tay âu yếm của tôi. Tôi nói:

"Không chừng thế giới của em còn đẹp đẽ hơn là thế giới của loài người nữa là đằng khác."

"Anh tưởng vậy chứ thế giới của em cũng đầy những dị biệt, dị chủng, những quyền lợi khác biệt và tranh chấp nội bộ. Nào là chuột bạch, chuột đồng, chuột thành phố, chuột cống, chuột lắc, chuột chũi, vân vân. Giống em có lệ họp mặt nhau vào đêm trăng rằm. Để hôm nào em đưa anh tới dự thính chơi cho biết, anh chịu không?"

"Đi với em thì tới đâu anh cũng tới. Nhưng trong lúc chờ đợi anh thèm được nghe ngón đàn tranh của em. *Giữa đêm lòng bỗng hoang vu, gối chăn nghe cũng tình cờ quan san. Bước thu chừng sớm lìa ngàn, nhớ giây nguyệt lạnh cung đàn thương hoa...*"

"Sống ở thời đại kỹ nghệ và nguyên tử này mà anh vẫn cứ còn lãng mạn, lạ thiệt!"

"Chính vào những thời kỳ nghiệt ngã nhứt người ta mới cần tới lãng mạn hơn bao giờ hết đó em."

"Nhưng mà anh, anh thuộc nòi lãng mạn kinh niên."

"Rằng quen mất nết đi rồi, tẻ vui thôi cũng tính trời biết sao!"

Gió từ mé sông Sàigòn lại thổi lên vận thành con trốt xoáy tròn lá bàng khô quyện lấy nhau đùa giỡn. Sực nhớ bây giờ là mùa thu.

KIỆT TẤN
(trích NGHE MƯA sắp xuất bản)

* Thơ trong bài này mượn của Kiều, Đinh Hùng và Phạm Thiên Thư

TRUYỆN CÁI BÀN

LÊ MỸ HƯƠNG

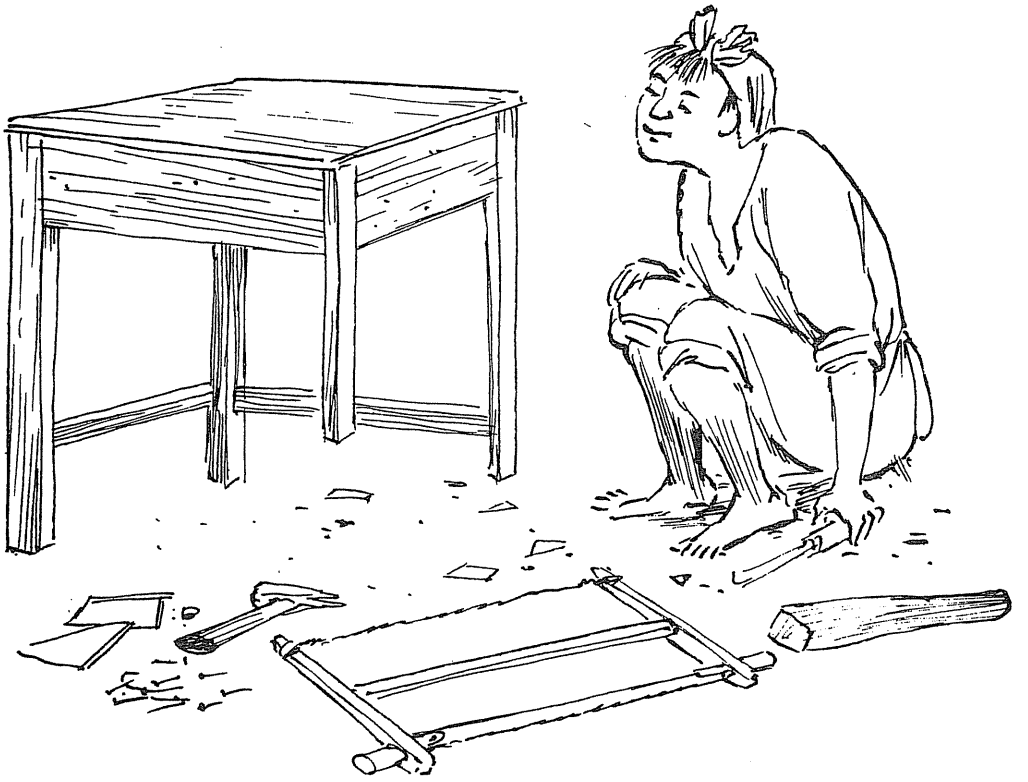

Nhà Năm Dô mới mát mặt được chừng đôi năm nay nhờ nghề mổ lợn bán xóm. Nhà ai có heo biếng ăn, heo nái sề hết đẻ, heo nòi kiệt sức Năm Dô mua cả. Giá mười đồng chỉ trả một. Nhưng khi ra thịt xong thì bán mười. Bác gánh đi khắp làng rao rất to.

"Ai thịt... heo không? Tiếng heo cố rống to hóa thành tiếng *héo*."

Xóm làng nghe thịt héo thì biết là thịt của Năm Dô, không ai buồn để ý. Nhưng cũng có lắm người muốn ăn thịt heo mà sợ tốn tiền nhiều, không chịu vô chợ mua thịt của Chệt bán ở thớt đàng hoàng trong nhà lồng, nên mua thịt của Năm Dô.

Hễ ai gọi thì nhất định sẽ mua. Năm Dô rao to mà lại dẻo mồm giải thích cho khách hàng. Ai chê thịt heo nái dai nhai như cao su, nhai rụng cả răng mà nuốt còn mắc cổ thì y bảo: Muốn nó mau rục thì lấy đu đủ non bỏ vào hầm chung, hết một lượt củi sẽ mềm mụp như chuối nấu. Còn kho hoặc xào thì bỏ khóm vào nó sẽ thơm nức mũi!

Ai chê thịt heo nòi hôi khó ngửi thì Năm Dô bày cách ướp sả và tẩm chút rượu rừng thì sẽ bán mùi hết!

Nói chung ai chê kiểu nào Năm Dô đều cũng có cách lướt qua hết và cuối cùng khách hàng quen hay lạ cũng mua của y một xâu không lớn thì nhỏ. Nếu đem thịt về làm như y bảo mà không kết quả, lần sau gặp y, y sẽ cười trừ và cắt biếu một miếng thịt "héo" khác cầm trên tay nặng bằng cái lá.

Bằng cách đó Năm Dô làm giàu, không tới cỡ hội đồng cai tổng nhưng có tiền cho vay. Tuy có tiền cho vay, Năm Dô vẫn hành nghề cũ. Năm Dô cất nhà nền đúc, lợp ngói như những nhà giàu có máu mặt khác. Nhà cửa làm xong, Năm Dô nghĩ tới sắm bàn

ghế trong nhà. Ở trong vùng không có hiệu bán bàn ghế. Năm Dô định lên tận trên tỉnh mua một bộ ghế gì đó để trang trí phòng khách. Nhưng có người cao kiến mách cho Năm Dô kêu thợ đến đóng tại nhà đúng theo thước tấc và kiểu cách ấn định. Ngoài ra gỗ bìa gỗ chéo còn dùng được vào khối việc khác.

Năm Dô nghe bùi tai bèn mua gỗ và gọi thợ.

Đó là ông Thợ Mười, tuổi trên năm mươi, người đã làm cái nhà này cũng là thợ cái chỉ huy cả chục thợ con trong việc dựng sườn mộc cho đình làng.

Năm Dô có người anh là Tư Đáo, một tay bán trời không mời Thiên Lôi, trong xóm ai nghe nói tới tên cũng le lưỡi lắc đầu. Thấy thằng em làm ăn khấm khá, Tư Đáo những muốn học đòi nghề bán thịt, nhưng liệu bề khó cạnh tranh nên rẽ sang nghề cờ bạc cũng lại là một kiểu gian lận có thể bán cả trời.

Tư Đáo đánh tứ sắc luôn luôn giấu rác, nhưng không tới "hố", còn đánh đề thì y luôn luôn làm cái mà cái hộp quẹt đựng lá đề nghe đồn là có hai ngăn, thế nên y luôn luôn vùa bạc.

Nghe Năm Dô sắp đóng bàn y bảo Năm Dô phải đi coi ngày không khéo nhằm ngày sát chủ thì tiêu hết cơ nghiệp.

Năm Dô nói thẳng với ông anh:

"Mấy thằng cha thầy coi ngày không có thằng nào có được cái quần dài để che bộ đồ lòng. Thằng nào thằng nấy rách như tổ địa. Với lại nếu mình mần ăn khá nó bảo là mình nhờ nó coi ngày mà phất lên, còn mình có lụn bại thì nó ngó lơ, mình phàn nàn thì nó bảo là tại ông bà mình kiếp trước vụng tu. Tôi nhứt định không phí cho nó một đồng điếu."

Bị bác việc coi ngày, Tư Đáo khuyên em nên đối đãi cho tốt với ông Thợ Mười vì hễ thợ mộc khi làm nhà hoặc đóng bàn ghế cho ai thì họ đều *ếm* cả. Nếu chủ nhà tốt thì thợ ếm cho chủ nhà làm ăn hưng chấn, còn nếu chủ nhà coi thường họ thì họ sẽ ếm cho tàn mạc cả đời không ngóc đầu lên được..

Năm Dô cũng lại gạt ngang luôn. Y bảo thợ cũng là thứ người làm mướn chứ cao sang gì. Y nói:

"Khi làm cái nhà này tôi cho họ ăn toàn thịt heo nái heo nọc bán ế, họ ăn họ khen quá cỡ. Tôi có thấy họ ếm đối gì đâu!"

"Thịt heo nái heo nọc vẫn là thịt, cho nên họ ếm tốt cho chú mày đó. Hơn nữa ông thợ là người lối xóm nên ông ta chỉ ếm cho có lệ thôi chứ không để nặng tay" -- Rồi để chinh phục thằng em, Tư Đáo kể -- "Có một ông nhà giàu cất một ngôi nhà rất lớn. Ông ta mướn thợ mộc thợ hồ đủ thứ. Bà vợ có tánh hà tiện nên bữa cơm nào cũng muối quẹt mắm kho. Khá chút nữa thì rau luộc. Khi nào có làm gà thì chỉ cho ăn thịt còn gan mề thì không dọn ra. Như vậy là tỏ vẻ bất kính với thợ. Ông thợ cái rất căm chủ nhà, nên đã ếm một lá bùa ác trong cây đòn dông chính của ngôi nhà. Khi xong việc các ông thợ chào từ giã thì bà chủ nhà chạy ra trao cho mỗi ông thợ một gói quà trong đó đựng nào gạo nếp nào bánh trái. Đặc biệt có một gói nhỏ bà ta mở ra cho coi thì thấy toàn là mề và gan gà bà muối lâu ngày nên đã thành mắm. Bà nói: Trong khi tôi đãi các ông thịt cá thì tôi nhớ tới vợ con các ông ở nhà không biết ấm lạnh ra sao nên mỗi lần mần gà tôi đều giữ lại các món gan mề, nay nhờ các ông đem về cho thê nhi ở tại gia. Nói rằng tôi không thể đến để cảm ơn các bà được, chỉ có chút quà mọn gởi các ông cầm tay...

Nghe bà chủ nhà nói, ông thợ cái biết mình hiểu lầm và thù bậy nhưng lỡ ếm ác rồi làm sao xoay bùa trở lại? Ông vốn có bùa lỗ ban bèn dậm chân, trỏ tay lên cây đòn dông chính và thổi một hơi phép. Túc thì nghe kèo cột trong nhà đều chuyển răng rắc hồi lâu mới dứt. Ông chủ nhà sợ quá không biết chuyện gì lạ vậy. Ông thợ cái bảo là ông thấy một lũ quỉ tới định phá phách ngôi tân gia đòi ăn của cúng nên ông đuổi chúng đi. Sự thực là ông đã chuyển lá bùa từ *ác* ra *lành*. Về sau ông bà chủ nhà làm ăn luôn luôn gặp may.

Năm Dô nghe xong câu chuyện cũng gạt phắt luôn:

"Đó là chuyện mấy thằng cha thợ muốn ăn đồ lòng gà nên đặt chuyện."

Gỗ của Năm Dô là gỗ khối, phải sả ra thì mới đóng bàn ghế gì thì đóng. Ông thợ Mười phải dùng tới cưa mập. Răng cưa lởm chởm như răng cá mập. Có lẽ vì vậy người đời đặt cho nó cái tên đó, chứ thân hình nó dài nhằn ốm nhách đâu có giống cái bồ lúa hoặc cái bao gạo mà bảo nó mập. Tôi nghiệp nó mang tiếng oan suốt đời.

Ông Thợ Mười cần một người để giúp sức. Chẳng có ai dùng cưa mập *ênh* một mình bao giờ. Cũng may, Tư Đáo đi qua. Ông Mười gọi vào. Tư Đáo vừa đúc chếnh tứ sắc hồi hừng sáng, vừa ngáp dài vừa đứng dậy lầm bầm: "Tổ không đãi ta nữa rồi!" Chưa biết gầy sòng tới ở đầu nào, còn về nhà thì sợ vợ nhằn, bèn thả rều kiếm bữa sáng. Dù gì cũng ruột thịt. Y đi qua nhà Năm Dô, chưa vào thì ông Thợ Mười đã gọi vào. Tư Mô đẩy kéo cưa mập, giúp ông thợ Mười. Tạm làm thợ đề thợ vịn có cơm ăn bữa sáng, sau sẽ tính.

Tư Đáo đã xót ruột vì nhịn đói suốt đêm. Chủ nhà chơi không điệu, lấy xâu thì quơ sạch đĩa còn cháo lao thì không thí cho tí nào. Tư Đáo ngồi dưới đất. Nhiệm vụ của y là kéo xuống đẩy lên, y không phải chịu trách nhiệm về mạch cưa. Điều này có ông Thợ Mười lo. Hễ lưỡi cưa ăn bậy, hư hỏng khối,gỗ thì ông Thợ cái đền chứ không phải y. Tuy có khỏe nhưng ngồi dưới bị mạt cưa bay lên đầu.

Y vừa đẩy vừa lẩm bẩm:

"Mẹ nó, người ta nói vậy mà đúng ông Mười ạ!"

"Nói cái gì?"

" Nhứt đéo nhì kéo cưa!"

"Chú mới kéo mấy cái đã kêu trời, tôi "kéo" cả đời thì sao?"

Tuy than nhưng Tư Đáo vẫn ở nán giúp sả xong khối gỗ. Kịp lúc Năm Dô gánh thịt về. Bữa nay ế quá. Đám hàng xáo đã sáng mắt sáng mũi ra rồi hay sao mà không chịu mua thịt của y như mọi lần nữa. Ông bà nào cũng cầm miếng

thịt lên hửi hửi rồi ném xuống.

Về nhà thấy ông thợ Mười đang lui cui làm việc, Năm Dô nói ngay:

"Còn mấy xâu thịt ngon, người ta nài mua dữ quá, nhưng tôi sực nhớ chưa đặt cái lễ "giỗ gỗ" nên để dành đem về. Lễ xong, biếu luôn ông Thợ đem về nhà nhậu chơi lấy gân mai đến làm tiếp."

Tư Đáo dọt miệng nói:

"Đó thấy chưa, chú mày để dành thịt cũng như gan mề cho thợ chớ gì. Trước tôi bảo, làm bộ không nghe."

Năm Dô không nói không rằng. Ông Thợ Mười thấy cái bụng tốt của Năm Dô mà ê hề, nhưng ông cũng ừ hử cho qua. Ông kéo gỗ đặt lên bàn bào, bắt đầu bào láng.

Trong bếp xào thịt thơm nực mũi, Tư Đáo chạy ra chạy vào làm đốc công.

"Chút xíu nữa mình nhậu lai rai nghe ông Mười!"

Chủ nhà chưa lên mâm lên bát mà mồm Tư Đáo đã thở nặc mùi rượu.

Y vỗ vỗ lưng ông Thợ Mười, vừa nói vừa ngâm:

"*Má ơi, con muốn lấy ông thợ bà...oo. Ổng khom ổng đẩy cái nào cũng sâu hut ha!...*"

"Vậy chớ không phải *Má ơi con muốn lấy ông tứ sắc bài cào. Chiếu nào nó cũng chà cũng lết, đồng nào cũng tiêu* hay sao?" -- Ông Thợ Mười ứng khẩu đáp lại.

Tư Đáo cười hề hề và biến đi:

"Cờ bạc là nghề phong lưu nhất ông Mười ạ! Mới nghèo đó rồi lại giàu liền. Mấy hơi!"

Ông Mười đang tính mẽ mực để đục lỗ thì Tư Đáo lẫn Năm Dô đi ra. Tư Đáo xoa tay:

"Khoan đã ông Mười! Hôm trước chú nó định đóng một cái bàn để ở phòng khách."

"Ừ, chú Năm có vẽ kiểu ra ni tấc cho tôi rồi."

"Đâu ông đưa cho tui coi."

"Chú Năm cất chớ tôi đâu có giữ."

Năm Dô nói:

"Tôi quệt quệt mấy lần vậy chớ có vẽ gì. Ông Mười biết mà. Cái bàn tròn có bốn chân. Ông Mười khéo tay chạy chỉ mấy cái chân coi cho huê mỹ một chút. *Đó là cái vật vô tri vô giác, đâu biết khóc biết cười gì* (2) mà đổ nhiều công cho nó."

Ông Thợ Mười nheo mắt qua cặp kính lão, cười hóm hỉnh.

"*Ý, đừng coi nó là vô tri vô giác. Lắm khi người ta đến ngồi nói chuyện nó biết nghe đó. (3)*Và ai giần đũa giần chén nó cũng biết đau mà méo mặt đó, còn ai uống rượu nó cũng thèm nó cũng dám uống rượu ngó nữa chớ!"

Cả ba cùng cười. Tư Đáo tiếp:

"Hôm trước thì chú Năm nó định đóng một cái bàn để ở phòng khách, nhưng tôi nhìn sớ gỗ tốt quá thì tôi nảy ra ý nghĩ nên đóng một cái bàn thờ! Hồi trước nó nghèo rớt mồng tơi, cho nên nó lấy cái ghế nhổ mạ làm bàn thờ ông bà, lấy hộp làm lư hương. Thôi, cũng được ông bà không bắt lỗi bắt phải gì. Nhưng bây giờ nó có máu mặt rồi, nó phải đóng một cái bàn thờ coi cho được. Tôi khuyên nó vậy. Và nó đã nghe lời tôi. Đây là lần độc nhất nó nghe lời tôi. Thiệt là ít khi! Cũng như trong bài cào đót ba *chộ* đót ba vậy!"

Năm Dô giải thích thêm.

"Cái bàn thờ thì nhất định phải cao hơn cái bàn thường. Chỗ mình thờ ông bà phải kính cẩn. Đừng cho trẻ nít vói tới! Chân nó phải dài, nọ kia... À mà nó phải có cửa, có nhiều ngăn kéo nữa, ngăn thì mình đựng giấy vàng bạc, ngăn thì đựng nhan, đèn cầy."

"Ngăn thì để đựng bộ bài cào với bả me của tui nữa chớ!" -- Tư Đáo cười chêm vào rồi tiếp -- "Nè ông Thợ lấy hết sức bình sanh đóng một cái cho thiệt tốt để đám thợ con hết dám đọ tài với ông và bà con lấy kiểu nghe!"

Thế là ông Thợ Mười phải soạn cây lại. Chân bàn thờ thì dài, dài hơn chân bàn thường hai tấc rưỡi để trẻ con không vói tới lấy bánh trái cúng trên đó. Rồi lại phải đóng ngăn trên ngăn dưới... đúng là một cái bàn để chà mạc chược. Rắc rối hơn đóng một cái bàn nhiều!

Tuy vậy, ông Thợ Mười vẫn đục đẽo, bào chuốt, liên miên. Gặp cây cẩm lai mung đen cứng như sắt. Bào đục kê vào, chỉ đi vài nước là phải mài giũa. Chủ nhà nào cũng vậy, hễ thấy thợ mộc đi mài đồ nghề thì ghét lắm, vì họ cho đó là cái kiểu kéo cưa ăn tiền: Sáng vô, mài cưa mài đục, ăn cơm xong, mài đục giũa cưa, xế chiều thì mài bào, mài búa mỗi ngày ba lần còn thì giờ đâu mà làm việc! "Kẻ tay ngang có biết đâu đồ nghề mà không bén thì không làm cái gì khéo được. Đó là thành kiến sai lầm. Cho hay không dễ gì đánh đổ

được một thành kiến cố cựu trong lòng người ta được."

Nhờ thánh thần đẩy tiếp, nên thay vì sáu tuần mới xong, chỉ trong ba ngày, ông Thợ Mười đã hoàn thành bộ sườn cái bàn thờ có hai ngăn. Nó là tủ thì không phải hẳn là tủ vì nó còn lòi ra bốn chân lòng không như người mặc áo bà ba không có quần. Còn bảo là bàn thì lại bàn gì cao vậy? Bàn thờ thì cao chứ không có ngăn, chỉ có tủ thờ mới có ngăn và hai cánh mở ra đóng vào hoặc một cánh bên hông. Nhưng mà, kệ họ, họ muốn kêu cái gì thì cứ mà kêu.

Bây giờ chỉ còn ráp lại với nhau tất cả các khúc cây phải gió làm mẻ hết cả đục, cùn hết cả bào của ông kia. Nó hại đồ nghề của ông không kém gì làm một cái nhà ba căn.

Nhưng mà kìa cái bàn thờ ráp xong sao nó không đứng ngay ngắn! Nó xẹo qua một bên. Ông Thợ Mười lấy thước đo. Bốn chân đều cao bằng nhau. Ông xem lại từng cái mộng. Tất cả đều ăn triển vào ngàm rất khít khao. Ông không tìm thấy chỗ nào hở hang. Nhát đục của ông rất sắc. Đến nỗi miệng cột, kèo, trính của đình ông còn xẻ không sai một ly mà.

Ông đẩy qua xê lại, cái bàn vẫn cứ gập ghềnh. Ông mọp xuống nom tới nom lui thì thấy chỉ có ba chân chạm đất còn chân mặt phía trước thì kên khỏi mặt đất chừng nửa lóng tay.

Nửa lóng tay trên một khổ thịt sả bề dọc thì bất cân còn thấy sự nặng nhẹ, chứ nửa lóng tay trên một cái chân bàn cao một một thước rưỡi thì nếu cắt đi, đâu có thấy dài ngắn. Vả lại có thấy thì cũng không hại gì. Ta có cách giải thích cho Năm Dô. Nghĩ vậy ông Thợ Mười lật cái bàn nằm ngang bốn chân chòi ra như con lợn bị trói rồi dùng cưa lá liễu cắt nhanh những nhát rất sắc. Ông buông cưa ngó quanh xem có ai thấy không. Thợ mà cắt kiểu này thì mất hết tiếng tăm.

Ông lật đật đỡ chiếc bàn đứng lên. Nhưng kìa, nó vẫn không ổn định trên bốn chân của nó như những cái bàn khác. Vẫn chỉ ba chân đứng còn chân trái phía sau thì rút lên như mắc kinh phong. Không tính toán gì hết, ông lại ngả chiếc bàn xuống tề phăng đi một lát ở hai chân cao. Rồi lại lật lên. Cái bàn vẫn cứ không chịu đứng đủ bốn chân xuống đất như thiên định. Ông lại xén, lại thiến... tiếp.

Do nhiều lần đè xuống lật lên, mộng và ngàm bị hở. Ông hơi nóng mắt, trách thầm mình bị tổ trác. Ông xách búa đóng lia lịa. Vì hơi mạnh tay ông làm nứt một cạnh vuông ở chân ghế bên trái phía trước. Thế mới nguy!

Nhưng nếu chỉ có một vết đó thôi thì cũng không đến nỗi. Ông còn làm nứt cả một lỗ đục ở trên đầu chân bên phải phía sau. Thế là có chuyện to. Nhưng cái quan trọng nhất là cái bàn vẫn không chịu đứng đủ bốn chân làm như mặt đất này là mảnh than hầm, nên nó phải rút một chân lên cho khỏi nóng.

Phút nguy nan đã đến. Năm Dô gánh thịt về. Bữa nay càng ế tợn. Một cái sỏ lợn nằm ở thúng sau nhe răng như cười chế diễu ông thợ cái. Ở thúng sau một bộ sườn phơi ra nhầy nhụa lớp máu khô lớp máu tươi. Năm Dô hớn hở:

"Bữa nay tôi để hết chỗ thịt này ăn mừng cái bàn mới!"

Ông thợ đang vần ngửa cái bàn, bốn chân chổng lên trời như con lợn bị trói rùn ngửa cổ chờ chọc tiết. Lần này ông không dám cắt nữa, ông lấy giấy nhám ông cà.

"Ông làm gì kỳ vậy ông thợ!" -- Năm Dô buông gánh thịt đi vào trợn mắt ngó.

"À, chú Năm, chú mới về hả? Tôi oánh giấy nhám bốn cái chân cho láng."

Năm Dô nóng ruột muốn xem cái bàn mới, bèn cùng ông thợ lật nó dậy. Năm Dô đi quanh, thấy chỗ thì nứt chỗ thì tét, Năm Dô kêu lên từng chập.

"Ủa sao kỳ cục vậy nè ông thợ?" -- Vừa nói Năm Dô đi kiếm cây thước.

"Gì mà kỳ cục?"

"Sao cái bàn thấp chủm vậy?" -- Năm Dô vừa nói vừa đo chiều cao.

"Thấp thì mình kê nó nên chớ gì mà lo! Người muốn cao phải mang guốc còn bàn thì phải kê!"

Năm Dô lắc lắc cái bàn. Lụp cụp lụp cụp. Năm Dô vừa dòm xuống đất vừa kêu:

"Sao nó đứng có ba chân vầy nè!"

Ông thợ điếng hồn, miệng tai đặc cứng. May sao Tổ khai khẩu cho ông:

"Tại cái nền nhà của chú nó nghiêng! Chớ bàn gì bàn lại đứng có ba chân?"

Năm Dô đứng ngớ ra giây lâu rồi chắt lưỡi:

"Vậy mà lâu nay tôi đâu có dè cái nền nhà của tôi nó nghiêng!"

Ông Thợ Mười túng thế, sợ bị chủ nhà quở trách và bắt đền nên đổ thừa.

Chẳng ngờ Năm Dô lại tin. Ừ mà biết đâu cái nền nhà nghiêng thật.

"Thằng cha nào xây nền cho chú vậy?"

"Bác Bảy Thợ Hồ chứ thằng nào!"

"Thằng hại chú rồi!"

Chiều hôm nay là anh hùng hội. Năm Dô mời nhiều người đến nhậu chơi nhân dịp khoe cái bàn thờ. Trong số khách có Bảy Thợ Hồ. Ngoài ra không thể vắng mặt ông anh ruột.

Ông thợ Mười lôi Năm Dô ra sân bảo ngó lên nóc nhà ngói đỏ chóe và nói:

"Chú coi kia có phải đầu xông nhà phía mặt trời mọc gục xuống còn phía mặt trời lặn chổng lên không? Rõ ràng là cái nền nhà nghiêng thấy rõ mà."

Năm Dô chỉ giỏi nghề bán thịt "héo" còn ngoài ra ai nói gì cũng gật dễ dàng. Nay nghe ông thợ Mười nói thì quả tình y trông thấy cái nóc nhà như muốn trút xuống tới nơi rồi.

Vừa đến đó thì Bảy Thợ Hồ hớn hở bước vô sân. Năm Dô nói ngay:

"Mẹ, cái nhà nó nghiêng, bác Bảy!"

"Đó là chuyện *búa* Mười đâu phải chuyện cái *bay* (4) Hồ!"

"Đâu phải vậy bác! Đằng này cái nền nhà nó nghiêng, bác ạ!"

Tư Đáo cũng vừa lò dò đi tới sẵn sàng nhập tiệc, cái miệng bô bô:

"Bữa nay có cả ông Mộc lẫn ông Hồ, chú nó thiệt khéo mời khách!" -- Tư Đáo không gọi mấy ông thợ nghiêm chỉnh mà cứ nói phang ngang như đồng niên kỷ với mình.

Năm Dô nói:

"Cái nền nhà nó nghiêng anh Tư ạ!"

Tư Đáo giật mình:

"Bộ chú nhậu ba ngù ở đâu rồi hay sao mà ăn nói kỳ cục vậy?"

Năm Dô bèn đem chuyện cái bàn thờ đứng hụt chân cho Tư Đáo và ông thợ Hồ nghe. Nghe xong thợ Hồ quả quyết:

"Tôi đã gần ngày xuống lỗ rồi. Tôi làm nghề thợ trên năm mươi năm. Cái nền nhà nào do tôi xây cũng còn đứng y nguyên! Cho bằng cất cụt giò Trương Nhứt Túc (5) rồi đổ bậy!"

Ông Thợ Mười nghe hai tiếng "cất cụt" bèn trợn mắt:

"Tôi thì chưa gần ngày xuống lổ nhưng cả cái đình tôi còn dựng nổi, bàn gì lại có bàn hụt chân. Cho bằng "đẽo đá" non nên xây cái nền nghiêng triền rồi đổ thừa ẩu!"

Ông thợ Hồ bị đáp lễ bằng hai tiếng "đẽo đá" nhưng cố nuốt giận, cười mũi:

"Cái bàn của ông đóng đó, nửa bàn nửa tủ, thiệt là kiểu mới hết chỗ chê! Sao chưa thấy ông thợ khéo đóng một cái để trong đình cho bà con coi và lấy kiểu?"

"Đóng cho bà con lấy kiểu thì được rồi, sợ mấy thằng đui "lấy bậy" hư cái ki...êểu!"

Ông thợ Hồ nói tiếng "kiểu" bình thường nhưng đó là tên của con dâu ông ta, mà lâu nay thiên hạ lại đang xầm xì chuyện giữa "ông già chồng và nàng dâu", ông thợ Mười bèn túm lấy đó mà phản công một cách khoái trá.

Ông thợ Hồ tưởng bị đạp văng xuống hố bèn nhảy tưng lên, nom sát mặt thợ Mộc:

"Mày nói ai đui? Có mày lọt tròng nên không thấy mất tao còn trơ trơ đây hả?"

"Trơ trơ mà lấy... kiểu bậy bạ có ngày ăn dao phay!"

Thấy câu chuyện đi vào lý sự cùn, ngoài ra còn sợ bữa tiệc tan mất nên Tư Đáo xoa tay can gián:

"Bác Bảy và Bác Mười bớt nóng đi, nghe cháu nói chút này! Hai bác từ trước tới giờ vẫn ăn ở với nhau như bát nước đầy. Hồ trước Mộc sau, hễ bác Bảy xây nền xong thì bác Mười tới dựng sườn nhà, cái nhà của thằng em tôi đây cũng nhờ hai bác làm nhưng có lẽ tổ không đãi nên bàn thì thọt, còn nền nhà thì nghiêng. Chuyện đã dĩ lỡ vậy rồi, không phải tại hai bác mà tại Tổ của hai bác!"

Nghe cách giảng hòa ba phải của Tư Đáo ông Mộc lẫn ông Hồ như cắt cụt được cục đá đeo trên lưng nhưng vẫn còn cượng lý. Thợ Hồ trỏ mặt thợ Mộc:

"Tại thằng Mộc ẩu, không phải tại tôi!"

"Tại thằng Hồ đui không phải tại Tổ trác!" Thợ Mộc gạt tay Thợ Hồ và chĩa trả lại.

Và cứ thế, hai ông thợ hảo hạng tỏ tình với nhau càng lúc càng thân thiện.

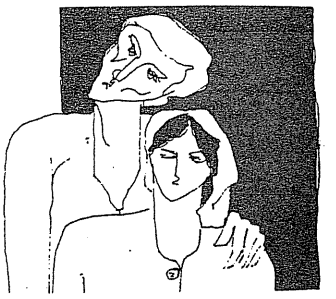

Chỉ tội nghiệp mụ Năm Dô. Mụ ra đứng trước cửa như coi tuồng. Đến đây thì mụ ôm mặt khóc. Vừa khóc vừa rên trong tiếng nấc:

"Mộc ơi là Mộc, Hồ ơi là Hồ... ồ ồ rồ rồ...

Ngó ra sân, mụ thấy chồng đứng giữa hai ông thợ cái huênh tay huênh chân kịch liệt, còn dưới đất thì cái sỏ lợn nhe răng cười trời. Mụ bụm miệng, trở lộn vô. Mụ ói rột rột...

Thấy vợ ói, Năm Dô bỏ mặc cho hai vị trưởng thượng, chạy đuổi theo vợ, lấp bấp:

"Bộ... bà ăn thịt... thịt héo nhà hả?"

LÊ MỸ HƯƠNG
5/8/89

(1) Tới "hố" phải đền tiền
(2,3) giật tạm từ cái bàn của VHQ -- Thế Kỷ 21 số 1
(4) Đồ nghề của thợ hồ.
(5) Tên một ông Tiên cà thọt trong truyện Đông Du Bát Tiên.

NƠI KHÔNG CÓ TRĂNG SAO

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

Hấn ngồi phía sau yên đưa hai tay đang ôm eo lên vỗ vào vai ông già tóc sói lưa thưa, nói tới rồi tới rồi cha. Chiếc xe đạp coi bộ thắng không ăn, quờ quạng một lúc mới đứng hẳn bên lề sau khi tránh mấy cái chai lít đựng xăng sắp hàng dọc ngó mù mờ khó thấy. Khoảng cách những cột trụ đèn đường trồng có hơi xa làm con đường không mấy sáng, nhà cửa hai bên thì dấu mặt lung linh ánh đèn dầu chỗ thấp chỗ tiết kiệm, mà cửa sổ ở đó mở ra hứng gió thoạt trông như những cặp mắt đỏ ngầu dõi theo sinh hoạt phía ngoài có vẻ luôn chứa nhiều ám chướng tội lỗi.

Ông già nhận tiền công rồi quày quả đạp xe trở lui. Hấn khạc ra một đống đờm, nhổ tự tiện trước mặt một thằng bé đứng ép người bên gốc cây lâu lâu ngửa miệng hô đuổi theo một chiếc gắn máy chạy cà giựt khét rẹt mùi máy nổ: "Xăng không anh hai. Bảo đảm không pha đồ dổm. Xăng rẻ là xe rẳng..."

Hấn băng qua đường, đi khơi khơi giữa mặt lộ còn hâm hấp nóng và buộc những chiếc xe dáo dác xuôi ngược chạy không có thứ lớp trật tự phải lòn lách né tránh. "Đ.M. muốn chết hả cha nội?" Hấn chửi thề lại. "Ừ. Có sao không? Cà chớn ông uýnh thấy mẹ bây giờ."

Hấn ghé lại bên một cái ghế đẩu có đứa con gái nhỏ, ốm và lép như con khô mực ngồi ngủ gục:

"Bán hàng quái đản vậy Thu? Tụi nó đi Honda xẹt ngang dớt một cái là có nước may miệng lại đó cưng."

"Ủa, anh Chiến. Vào thăm chị Xuân sao?"

"Ừa. Lấy anh ít điếu Vàm Cỏ coi."

Đứa con gái chừng như qua cơn buồn ngủ. Sự lanh lợi lại trở về với dáng điệu, mở nắp cái thùng giấy kê trên một cái ghế đẩu khác, thò tay vào và mò đúng ngay bon loại thuốc được đòi hỏi.

"Đừng đưa thứ dổm nghe cưng. Lóng rày tức ngực lắm đó."

Nói xong, hấn lại biểu diễn cái màn khạc nhổ. Rồi trả tiền. Rồi đánh diêm thắp thuốc. Giữa những tiếng huyên náo của đủ mọi thứ tiếng động hỗn độn có ngoài lòng đường liên tục dấy lên, nghe loáng thoáng từ mấy cái loa sắt treo ở đâu đó giọng ca buốt lạnh hát một bài nhạc mới rè rè cất lên tiếng được tiếng mất. Hấn khởi sự đi vô hẻm tối, miệng huýt gió theo chấp vá. Em còn nhớ hay em đã quên. Hình như đó là nhạc xanh? Vàng thì đã héo úa chết đi. Đỏ thì nghe là một cực hình, điếc con ráy. Nên xanh hiện hữu để trám chỗ phủ dụ?

Con hẻm tối đen như đêm ba mươi ở dưới tuyền đài âm phủ. Cách mạng sáng suốt không tin vô câu bóng tối là đồng lõa với tội ác, nên mặc tình cho bà con quen ăn bám vô bọn tư bản đế quốc biết đời là gì! (đen như mõm chó chém cha cái sự đời?). Hấn rít một hơi thuốc. Làm như cố tình hút thuốc kiểu đó thì đường đi sẽ được sáng tỏ hơn một đôi chút nhờ đốm lửa trên môi soi đường chỉ lối để khỏi lầm lạc. Một ngày nào đó nhà nước sẽ sáng tạo ra loại nhạc trắng cho coi. Chân hấn vấp phải một cục đá. Đau điếng. Ông nội mày!

Hấn tới được nơi muốn tới. Mở trạc những hạt nút, vừa gõ cửa vừa phe phẩy hai vạt áo nồng mùi. Bên trong có tiếng động lục cục lạc cạc hồi lâu. Người thiếu nữ mặc bộ đồ trắng nhờ nhợ đứng giữa hai cánh cửa mở thò đầu ra. Bóng tối chẳng được "cải thiện" chút nào vì cây đèn dầu hôi sau lưng cô ta vốn

không lớn, lại nữa cô ta đã án ngữ cái thứ ánh sáng lu câm kia nên nó nại có chi mà hất ra thềm đen nổi. Vậy nhưng đâu có trở ngại việc nhận diện. Mũi cô ta đã bắt mùi, cái mùi có lẽ rất đặc thù đang rần rụa xông tới từ phía hắn.

"Lâu vậy đó? Làm người ta trông."

"Ê rề à. Phải chạy mánh cả ngày thiếu đường đứt hơi mới xong."

"Khá không?"

"Tàm tạm."

Hắn lách người vô. Cởi áo ném dưới chân giường rồi ngồi xuống đó làm bộ thở dốc. Chỉ thiếu cái lưỡi lè ra ngoài là hệt một con chó nằm dưới đất của một trưa hè nắng chang chang làm dễ khát nước. Cô thiếu nữ đóng cửa lại, đến bàn gỗ đặt giữa nhà rót cho hắn ly trà nguội lạnh từ cái bình tráng men có vẽ ba ông Phúc Lộc Thọ với cây tùng bách và một con nai. Cái vòi bị bể một miếng nhỏ, nước sủi bọt trong ly dâng lên từ từ. Nghe xè xè như ai đái giữa khuya. Bóng cô ta hắt lên cửa, làm phình to đen đúa dị dạng, trong khi thân thể cô ta tuy có hơi đẫy đà nhưng thực sự không mập tròn một cách quá đáng. Ôm bằng hai tay rất vừa vặn êm ái vào lòng, từng nghe cô ấy thỏ thẻ: tại hợp với bột mì.

Hắn đón ly nước, ngửa cổ uống luôn cả xác trà vào họng không thèm dở trò khạc nhổ trước mặt người đẹp. Cô gái nhận lại cái ly, trở lại bàn kéo cái ghế ngồi dựa người lui cui vén tóc, rũ rũ như để cho hơi nóng hâm hấp nhột nhạt có ở cổ sẽ bay đi.

Hắn moi túi quần, đếm những tờ bạc nhàu nát. Mặt cau lại giống như người làm ở ngân khố luôn đau khổ vì hít lấy những hôi hám của đồng tiền thiên hạ dơ bẩn ở trong tay.

"Được một xín hai. Con mẹ gì mặt rỗ mè bán thuốc Tây ở chợ Tân định đó..."

"Con Sáu."

"Ừ. Con Sáu. Bả chê áo mưa của Đông Đức dạo này không được tín dụng cho lắm."

"Xì. Nói ngon hông. Bộ họ cắc cớ lấy kim đâm thủng rồi cho vô bao xuất khẩu hay sao chớ. Sợ không có mà xài chớ ở đó bày đặt chê bai."

"Nói hiệu gì của Nhật đó bán mới ngon lành."

"Bộ nghe lời ba xạo của bả sao?"

"Đâu có. Dứt khoát phải đi khảo giá một vòng cái đã chớ. Tới đường Nguyễn Thông gặp ông nội gì tướng thật cô hồn đó..."

"Ai hơi đâu mà nhớ cho hết."

"Cái thằng từng tới đây một hai lần đó mà. Mặt có cái sẹo hay vỗ ngực khoe khoang ta đây từng *đục* một hơi bốn thằng bộ đội chạy tóe khói..."

"Anh Chín."

"Phải. Chín. Mẹ, tên tuổi toàn cả con số mà nhớ cũng không xong! Đại ca Chín chơi đẹp vớt hết mà giá cũng khá cao."

"Lấy tiền mãi lộ chưa đây?"

"Chỉ mới trả cho xe thồ với chi tiêu cà phê thuốc lá. Nhưng mà thôi, không lấy đâu."

"Chuyện gì nữa đây?"

Hắn thấy trên gối có để cây quạt xếp. Với tay nhặt lên và rảy một cái rẹt. Quạt phành phạch vào người với đôi mắt long lanh.

"Chuyện gì đâu. Hồi nãy nhanh tay dấu bớt một cái áo mưa, giờ ưa thử xem Đông Đức làm có tốt không."

"Đồ quỷ. Đến sớm cho cam. Giờ khuya lơ khuya lắc chắc không xong."

"Có hẹn ai sao?"

"Không hẹn, nhưng có linh tính..."

"Thằng nào vậy? Chặt nó bao nhiêu, xem thử thằng này gồng mình nổi không."

"Tối mai đi. Làm gì "khẩn trương "vậy cha?"

Hắn xếp quạt lại, vất xuống giường điệu bộ bức rức nóng nảy.

"*Khẩn trương* như vậy đó, đừng dội nước lạnh vô sự hồ hởi của người ta."

"Con Thu gần dọn hàng trở vào rồi. Mai đi mà. Nói biết nghe."

Cô thiếu nữ đứng dậy, nhét tiền vô trong bụng, nơi sợi giây lưng quần siết cứng thịt có ngấn. Cô ta đến vò đầu vuốt má hắn làm như đó là cục cưng rất dễ bảo. Hắn vòng tay đan ngón ôm lưng cô ta để cà cái mặt rít rát mồ hôi vào ngực cô gái.

"Thương lắm đó. Không thì Chiến này hơi sức đâu mà đi *mãi* đồ giúp. Hát tuồng phụ bạc đón gió trở cờ là mệt với tui đó nghe bà."

"Biết rồi. Cứ nói hoài. Mai đến sớm tụi mình đi uống cà phê nghe."

"Nhất trí... Ê, bộ đuổi khéo hả?"

Hắn cắn vào đâu đó khiến cô gái dẫy nẫy.

"Đau thấy mồ."

"Xì, mặc áo giáp rồi giả bộ rên."

"Quỷ sứ. Ngộ nhỡ như làm lủng rách cái "xú" của tui thì tiền đâu mà đền chớ. Thời buổi này thấp đuốc tìm không ra cái thứ hai đâu cha nội."

"Nói ác ôn, làm như người ta có răng nhọn giống ma cà rồng khát máu.

Cô gái xô hắn ra, nắn sửa lại những chỗ xộc xệch trên người. Tới bàn rót nước uống.

"Thôi về đi cha. Có ra ngoài đường nhắn con Thu vô ngủ cho rồi."

"Này. Sắn dịp hỏi luôn, chị em gì quái đản vậy? Dạo này nhìn nó gió thổi nhẹ cũng bay được luôn a."

"Bị cái tạng người nó vậy, mắc mớ chi vô chuyện chị em?"

"Mà cũng lạ thiệt. Cái mặt nó bà mụ bất lộn hay sao, chẳng giống bà lấy một li."

"Hỏi cắc cớ gì đâu không. Ba tui chết từ khuya rồi; còn ba nó thì vẫn lởn vởn ở đâu đó."

"Ủa. Đang diễn tuồng bí mật đời em hay tuồng hồn ma bóng quế đó?

"Thôi, dẹp đi cha nội. Cứ ở đó chàng ràng hoài. Mai nghe, giờ buồn ngủ chết tía luôn."

Người con gái há miệng ngáp thật, không nói láo. Hắn nhìn thấy những cái răng sâu dơ bẩn nằm hàng loạt trong miệng cô ta và lòng dạ cũng tự nhiên hết hứng thú chuyện kì kèo đòi trả công. Một đứa con gái không mấy thơm tho đứng hả họng ra tay dụi nước mắt sống bệ rạc bên ánh đèn dầu tù mù nóng bức khiến tô vẽ làm đậm thêm nét xấu xa thiệt mất cảm hứng lần đầu tiên hắn chợt phát giác. Sách vở thời trước nói,

ban đêm nhà ngói cũng như nhà tranh là một điều hết sức tầm bậy. Bằng chứng là bây giờ nhà nước cúp điện, vẫn nhắm mắt vậy chứ cũng biết được anh nào tư bản anh nào vô sản liền. Hấn có được cách mạng giáo dục đâu mà cũng sáng mắt sáng lòng như ai. Tay đập mạnh vào bên sườn, nơi chỗ một con muỗi đang đâm vòi hút máu. Sau tiếng động kêu cái chát, hấn gỡ gạc:

"Đưa ít đồng đi xe nào. Còn ra làm ly nước mía cho mát mẻ cuộc đời."

"Bộ tính mai không đi uống cà phê với người ta nữa sao?"

Hấn gãi gãi chỗ ngứa, nhờ con muỗi cảnh tỉnh:

"Việc gì làm được hôm nay chớ để qua hôm sau. Nó mốc thiu lên rồi mất công hối tiếc."

"Bày đặt làm phách, giờ cũng ngửa tay đòi tiền. Đồ cái thứ cạn tình cạn nghĩa."

Hấn lầm bầm điều gì chẳng rõ, nên coi như chưa hề tỏ thái độ bực dọc lộ liễu. Nếu Xuân không có đường giây mối lái buôn này bán nọ hẳn hấn sẽ mắng chửi cô ta một vài tiếng cho ra vẻ đàn ông oai phong. Cứ nghĩ đường còn dài, một con đường mòn phồn thịnh mánh mung nuôi sống con người, nằm bên lề con đường xã hội chủ nghĩa khô rốc xác xơ, nên hấn đành nhịn chín bỏ làm mười. Nhét ít tờ giấy bạc có ngôi sao với hai bó lúa ôm tròn làm dấu hiệu cầu chứng của nhà nước vô túi quần, xô cửa ọp ẹp đi ra.

Đêm đã vào khuya. Con hẻm trở ra vẫn lại hoàn tối đen như khi đi vô. Hấn nhổ một búng nước miếng đặc quánh. Lạ thật! Cơ thể như có triệu chứng bị trục trặc một bộ phận nào đó bên trong. Hấn nhún vai không thắc mắc thêm, chỉ cảm thấy chán ghét cái đời sống này một cách kỳ cục. Đầu óc hấn ít khi bận tâm những chuyện xa xôi, loanh quanh chỉ trong một ý nghĩ là làm sao ngày kiếm ra hai bữa cơm dằn bụng để sống. Thế là đã đủ chóng mặt rồi. Và sống dật dờ như thế này để làm gì thì hấn không tự mình lý giải nổi. Hấn liên tưởng một cách cải lương rằng, đời hấn cũng tựa

như số mạng của con hẽm tội nghiệp này. Luôn ngập chìm trong bóng tối và luôn chứa đầy những mấp mô ổ gà trầy vi tróc vảy mà người ta chung quanh, chẳng ai đoái hoài ngó ngàng tới, sửa sang đôi chút cho nó đỡ phải mang thêm cái tên quái đản khác: đường mòn HCM. Chính Xuân có lần đã từ chối không chịu đi ra đầu ngõ mua giúp hấn một ổ bánh mì dầu lúc đó mới khoảng chín mười giờ tối. Cô ta viện dẫn lý do, bởi hôm ấy cô đã lỡ mặc quần xa-tanh đen còn khá tốt." Vì một ổ bánh mì chan nước xì-dầu không đáng giá của ông mà khiến tui phải hy sinh cái quần để ăn diện sao?". Khi đó hấn đực mặt ra vì lối nói năng xa vời không hiện thực của Xuân. Bị cô ta mắng yêu: "Ông cà chớn ơi, có nghĩa là trong bóng tối tui sẽ bị một hai tên quỷ sứ nào đó nhảy ra đè tui xuống để cướp lột cái quần đen. Cầm khúc bánh mì thời đại chỉ lớn bằng trái chuối với phần dưới cơ thể xếch-xi nghịch tặc kiểu như vậy thì ông sẽ nuốt không trôi đâu!"

Hấn lại khạc nhổ đờm dãi xuống đất. Liếm môi, chu miệng hút gió. Em còn nhớ hay em đã quên. Nữa. Lại chừng đó bài bản điệp khúc. Quên hết ráo những bản tình ca mùi mẫn. Cũng may nhờ vào một đoạn huýt gió đó mà hấn an toàn, xém chút nữa bị cái bóng đen cỡi xe đạp từ đâu vụt tới húc thẳng vào người. Tên đạp xe lách đại qua một bên để tránh cái vật nhờ nhợ phát ra âm nhạc kia. Hấn hét lên. Bộ tính giết người không gươm dao sao cha nội? Mẹ, thời trước đi xe mà không gắn đèn thì cảnh sát công lộ múm về bót cho muỗi nó tha đi. Hấn hài lòng khi chẳng nghe bóng đen kia trả lời trả vốn. Đi sát vào bờ tường của một căn nhà nào đó vạch quần đứng đái. Hấn ngửi được ở chỗ dừng chân kia rất nồng mùi nước tiểu. Sao mà tình cờ đứng lại ngay chóc. Hấn cười thầm, nếu có cái bật lửa để thắp sáng hẳn hấn sẽ đọc thấy hàng chữ viết trước mặt: đây là nhà có người ở, yêu cầu cấm đái. Thông thường những chữ cấm đoán đều có cớ để mọc lên ở những nơi tương tự như vậy. Đống rác nào mà không có cắm tấm bảng: yêu cầu giữ vệ sinh chung? Nghĩ tới chuyện bật lửa hấn thấy thèm hơi khói của thuốc lá. Nghĩ tới việc hút thuốc hấn lại sực nhớ ra là đã đãng trí bỏ quên cái áo trên giường Xuân. Hèn gì đêm nay trời có vẻ mát hây hây dễ chịu.

Hấn kéo quần lên, vừa gài khuy vừa trở lui nhà cô gái tối nay bỗng trở chứng bất tử. Dầu gì, được ôm một đứa khác phái để ngủ mộng lành, điều ấy cũng có những sung sướng khá vĩ đại. Không có gì quý hơn độc lập hạnh phúc là một sai

lầm, hiểu theo cái nghĩa nào đó. Phải có đôi có cặp hú hí quên đời, chớ độc lập côi cút mình ên thì hạnh phúc con mẹ gì được! Sẵn có cớ quên áo, thử trở lại kèo nài ỉ ôi cô ta lần nữa coi sao. Đừng thắp đèn nghe cưng. Dầu hôi đang vùn vụt lên giá ngoài thị trường, hãy cần kiệm liêm chính dần dần cho vô khuôn khổ. Hãy để bóng tối ngập ngụa chôn sống đôi ta. Cưng cứ hình dung anh Chiến ở trên là dũng sĩ của thời đại mới và anh cũng sẽ mường tượng cưng thoi thóp phía dưới đang mang nhan sắc diễm kiều của một cô diễn viên trong đoàn văn công từng đi hát hò tận Liên xô, Ba Lan anh em vô sản một nhà chuyên chính.

Hấn dò dẫm tới đúng căn nhà có cánh cửa gỗ luôn đóng chặt cài then bên trong. Đèn dầu vẫn chưa chịu thổi tắt, sáng từng đường dọc qua kẽ hở vuông cửa ráp nối từng miếng ván. Hấn tính đập cửa nhưng có cái gì vừa dấy lên làm tay thu lại tần ngần lưỡng lự. Hình như tiếng động của một chiếc xe đạp vừa ngã xuống? Đúng thế. Vài vòng quay của bánh xe, cái ổ líp kêu lách tách chưa kịp ngưng đọng. Tiếng Xuân hầm hè:

"Đừng có dọa dẫm con này. Có ngon ông ra đồn thưa tui đi, coi thử tui có bị hốt vô trại giáo dục cải tạo phục hồi đạo đức phẩm hạnh quái quỉ gì đó không cho biết."

"Đến giờ này mà vẫn còn ngoan cố. Sao cô cứ ưa nghe tôi nói nặng lời vậy? Cái hợp đồng đó có mất mát thiệt hại gì cho cô đâu?"

Giọng một người đàn ông gióng lên, trầm đục trong cổ. Ông ta như cố nén ở một giới hạn phát âm vừa đủ nghe, càng nhỏ càng tốt. Có thể Xuân biết đó là yếu điểm của đối phương nên nói có hơi to, mong người đàn ông phải lép vế nhường nhịn:

"Hừ, thiệt hại với mất mát. Ông gieo máu lửa làm khổ má tui cả đời còn chưa đủ sao?"

"Tôi giao cho cô chiếc xe đạp này. Đã bằng lòng chưa?"

"Đừng đụng tới người tui... Nó có đáng giá là bao. Tui hỏi ông? Bán chiếc xe đi cũng không đủ đền

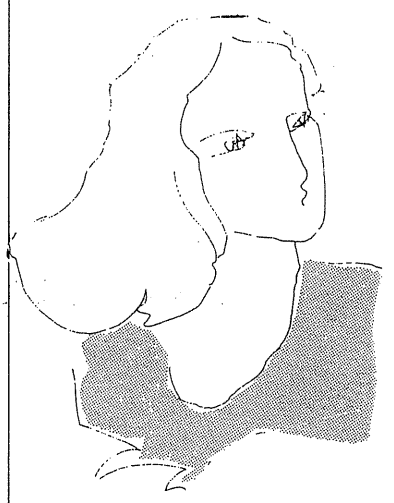

đáp những gì tui tốn công tốn của nuôi con Thu cho tới lớn sầm đầu như bây giờ."

"Vậy chứ Xuân còn đòi chi nữa?"

"Không đòi gì ráo. Ông là người sao không có chút tình cảm nào hết. Con Thu là máu mủ của ông thì tui mong ông nhận nuôi nó giùm tui một tay chớ."

"Thì có ai bảo không nuôi đâu."

"Ông muốn tui hết lên không? Đồ cha già dê mắc dịch. Con Thu nó trở vô cho nó mở con mắt lòi tròng ra, những là tía tui ngon lành đi theo Cách mạng..."

"Tôi cho tiền nó đi chỗ khác chơi rồi. Còn đủ thời giờ đó Xuân. Hãy chìu tôi một lần đi mà."

"Tôi ghê tởm ông. Tui thương má tui vì hoàn cảnh lúc đó đã bị ông cưỡng hiếp. Cái bộ đồ bộ đội trên người ông không còn làm ai cũng sợ như xưa đâu..."

Xuân ú ớ không nói hết. Tiếng ly thủy tinh bị vỡ rớt xuống nền nhà. Tiếng chòi đạp, vật lộn, rên thở của đầu mình tứ chi. Và cái giường tre lay chuyển trở trăn dau khổ kêu cót két dần vặt như "gió đưa bụi trúc la đà, tiếng chuông Thiên Mụ..." Hấn nghe rõ ràng như có tiếng chuông được dộng từng dùi kêu boong boong trong đầu hối thúc cấp bách. Hấn dùng hết sức lấy đà đạp mạnh cánh cửa. Sững ra một giây. Đâu có được bồi dưỡng xúp gà bổ khỏe, ăn cơm độn trường kỳ mà hấn cũng còn mạnh như điên. Một miếng gỗ long đinh bổ ngã xuống đất tạo thành vũng sáng nhìn thấy được người đàn ông hoảng hốt đứng bật dậy, vùng lên chẳng hồ hởi.Mặt ông ta láo liên ngó tới hấn lạ lùng như thể ngắm một loài thú kỳ dị khó coi ở trên rừng rú. Hấn chửi thề. Có lời thôi thúc sâu thẳm nào réo gọi. Tới luôn bác tài. Vung tay múa chân như người đồng nhập, hấn nhảy lại đánh đấm vào ông già mặc đồ cứt ngựa nhăn nhó eo xèo. Lại chửi thề. "Dám quờ quạng đụng tới con ghệ của tui sao cha nội." Gã bộ đội gạt đỡ một hồi rồi tìm cách chạy đâm đầu ra cửa. "Biết điều đó, xớn xác ở lại tui vặt hết lông."

Hấn nhìn tới Xuân thăm chừng. Y phục cô ta chưa chi mà muốn tơi bời hoa lá. Hàng nút áo bị giựt tung ra. Con mắt hấn chiếu cố vào và long lanh ướt át trở lại.

"Hú vía chưa? Ai nói thằng này bạc tình bạc nghĩa? Bây giờ tính sao cho đẹp lòng anh đây?"

Người con gái cười nhẹ với đầu tóc rối bung. Ở giây phút tai qua nạn khỏi đó, ở nụ cười không hở môi đó, hấn khám phá cô ta có mang một nét đẹp khá hấp dẫn. Không, phải dứt khoát tư tưởng là cô ta ngon lành. Thì sờ sờ ra đó chớ xa xôi chi, cũng vì vóc vạc kia mà cô ta suýt chút nữa phải bỏ mạng sa trường vì ông bộ đội cương ẩu một hai cứ đòi giải phóng. Thằng cha dượng ghẻ mất nết của cô ta hẳn đã chạy ra tới ngoài đường lớn rồi. Có khi nào vừa đi ông vừa buồn đời tập nói lái lại chữ giải phóng?

"Chẳng biết khứa có trở lui để trả thù mình không?"

Hấn bận nhìn tới chiếc xe đạp Phượng Hoàng cân nhắc tính toán trong đầu nên không nghe lọt câu nói của Xuân.

"Hả? Mệt thấy bà. Có vậy mới thấy thằng Chín nói phét. Đánh đuổi được một tên bộ đội là đã khờ người chớ ở đó xạo ke đục những bốn thằng chạy tóe khói."

Xuân bước ra lỗ trống của cánh cửa, nhìn dáo dác. Đêm vẫn quánh đặc một màu đen. Cái màu thật hắc ám lạ lùng chưa từng thấy.

HỒ ĐINH NGHIÊM
tháng 6-89

NGỌN CỎ

NGUYỄN THIẾU NHẪN

Mặc dù hai người cùng học chung một lớp Anh văn như một ngôn ngữ thứ hai ở Vùng 5 và lớp Hướng dẫn Văn hóa mới ở Vùng 7 và hai người ngồi cạnh nhau nhưng mãi tới tháng thứ hai câu chuyện làm quen mới bắt đầu. Hôm đó hai người học lớp Hướng dẫn Văn hóa mới ở Vùng 7. Phụ trách lớp là anh chàng người Phi mà chàng đặt biệt danh là *Phi cộng*. Số là khi *circle* của họ bắt đầu khai giảng được nửa tháng thì có tin chính phủ của nữ Tổng Thống Aquino đồng ý về đề nghị ngưng bắn của phe Quân đội Tân Nhân dân. Và trong những ngày hưu chiến này một số binh lính của quân đội Tân Nhân dân đã vác súng đi lênh khênh ở các chợ Vùng 5. Được hỏi ý kiến về việc này, người thầy giáo còn rất trẻ đã trả lời:

"Có những người trong bọn họ trước là bạn học với tôi ở Đại học. Tôi nghĩ họ là những người hoạt động... cách mạng, họ chống lại một chế độ tham nhũng, bất công thối nát. Tôi không tin họ là những người hoạt động cho cộng sản."

Bằng một hiểu biết thấu đáo chàng đã trình bày với người thầy giáo Phi về sự hình thành của tổ chức Giải phóng quân của Việt Nam từ thời họ chỉ là cái bóng ma trên bán đảo Đông Dương, đến lúc những thi sĩ của họ với lời réo gọi "*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/Mà lòng phơi phới dậy tương lai.*" Và cuối cùng, chàng kết luận, đề nghị người thầy giáo Phi "xét lại thái độ bởi vì, như anh đã biết miền Nam Việt Nam cuối cùng đã lọt vào tay Việt cộng. Và đất nước chúng tôi đầy rẫy ngục tù."

Người thầy giáo Phi nhún vai, tỏ vẻ không tin. Chàng cười, tiếp: "Tôi chỉ muốn chia xẻ với anh những kinh nghiệm đau thương về Cộng sản thế thôi. Khi Phi cộng tràn ngập đất nước này, chắc chắn họ sẽ có sự đối xử đặc biệt với anh, bởi vì anh đã là người làm việc cho Mỹ."

Người thầy giáo Phi nhún vai:

"Thôi đề nghị chúng ta không nói chuyện... chính trị. Bởi vì chuyện chính trị *dirty* lắm."

Tự dưng chàng thấy mình nổi giận:

"Xin lỗi anh có một điều anh không biết là người Cộng sản không quan niệm sinh mệnh xã hội, tôn giáo, văn hóa nằm ngoài sinh mệnh chính trị."

Người *phụ giáo* là bạn đồng tù với chàng nói:

"Anh ta không hiểu gì về người Cộng sản đâu. Từ từ chúng ta sẽ tìm cách trình bày cho anh ta biết."

Chàng buông thõng:

"Nếu tất cả mọi người như ông giáo này rồi ra Phi Luật Tân sẽ cùng chung số phận như Việt Nam. Có khi tôi cần gặp người điều khiển chương trình học để trình bày về ý kiến của quý vị giáo sư thiên cộng này."

Sau đó, không hiểu trong giờ ra chơi, người phụ giáo trình bày như thế nào đó. Cuối giờ học người thầy giáo đã gặp chàng và tỏ ý xin lỗi. Chàng biết anh ta sợ mất việc hơn là tin tưởng những ý kiến của chàng về cộng sản. Mà thôi, cần gì. Chỉ còn bốn tháng nữa là đã mản khóa học.

Từ đó về sau người thầy giáo cố tránh nói tới chuyện chính trị. Thế nên hôm nay khi người thầy giáo đang nói về chuyện... *mướn nhà ở Mỹ*, chàng lơ đảng nhìn về phía chùa Việt Nam, ngôi chùa nằm dưới bóng mát của một cây xoài cổ thụ. Trên tàng lá xanh thẩm hình như có lấm tấm hoa trắng. Chàng chợt thấy lòng mình rộn một niềm vui: Bây giờ là đang bắt đầu mùa xoài.

Chàng bỗng giật mình khi nàng đưa quyển vở qua bàn mình. Trên trang giấy trắng có câu hỏi:

"Sao mà lại ghét cộng sản dữ vậy?"

Chàng ngần ngừ một lúc rồi ghi câu trả lời trên giấy:

"Tại vì cộng sản mà bây giờ

tôi phải xa quê hương nhớ... vợ hiền."

Quyển vở lại được đưa qua, đưa lại với những câu hỏi và câu trả lời:

"Vậy là anh độc thân... tại chỗ. Nga cũng vậy: Đi O.D.P."

"Không hẳn là như vậy, tôi *O.D. ghe* có dẫn theo được đứa con trai năm tuổi."

"Nga cũng vậy, con gái ba tuổi rưỡi."

"Cái gì Nga?"

"Đào Thanh Nga. Họ Đào, tên giống như cô đào cải lương Thanh Nga, cô đào nghe nói là bị Việt Cộng giết chết để dằn mặt đám nghệ sĩ miền Nam. Đám tang của cô người đi đưa đám còn đông hơn đám tang chủ tịch nước Tôn Đức Thắng. Anh có biết không?"

"Không biết, chỉ có nghe nói, tại vì lúc đó đang ở tù."

"Vậy sao?"

"Sao hôm nay... không mặc áo tím?"

Câu hỏi có vẻ thân mật về chi tiết áo quần hình như có làm nàng bối rối một chút. Quyển vở được đưa qua với ánh mắt vui vui của người đàn bà:

"Gì mà để ý tới cả chuyện ăn mặc quần áo của đàn bà con gái. Có hai cái áo để thay đổi. Hôm qua quên ủi, không muốn mặc áo nhăn nhíu ra đường, mặc áo cũ sợ người ta chê... hôi nách."

Cứ chuyện trên trời, dưới đất như vậy mà hết giờ hồi nào không hay.

Hôm nay có lớp Anh văn như một ngôn ngữ thứ hai ở Vùng 5. Cô giáo trẻ người Phi có tên là Lora Hoa Trắng đặt câu hỏi: "Anh (hay chị) thích màu gì? Lý do?" Người trả lời thích màu trắng, kẻ màu xanh, người nâu, kẻ vàng, có người thích cả màu cầu vồng. Nàng thì dĩ nhiên là nàng trả lời thích màu tím. Và lý do là vì cuộc đời nàng buồn quá. Chàng như bị lây buồn vì câu trả lời của nàng. Nên lúc cô giáo hỏi đến ý kiến của chàng, chàng không nghe, cô ta phải lặp đi lặp lại hai ba lần chàng mới sực tỉnh. Chàng trả lời là cũng yêu màu tím. Cô giáo trêu chàng:

"Lý do cũng như của chị Nga?"

Chàng:

"Khác hơn, tôi yêu màu tím vì tôi yêu những cuộc đời buồn, những mối tình buồn."

Và chàng đọc luôn mấy câu thơ: *Hoa trắng thôi cài lên áo tím/ Từ ngày binh lửa cháy quê hương/ Khói bom che lấp chân trời cũ/ Che cả người thương, nóc giáo đường.*" Và chàng trong lúc diễn tả những mối tình bi thảm trong cuộc chiến vệ quốc chống Pháp với đoạn kết: "*Nhưng không chết người trai khói lửa/ Mà chết người gái nhỏ hậu phương* thì cô giáo có vẻ cảm động. Và nàng, dĩ nhiên cảm động lắm.

Tan học, chàng và nàng vừa ra tới đường để đón xe buýt, thì chiếc buýt đã đầy nhóc dân tị nạn chẳng cách nào chen chân lên được. Nàng đề nghị đi bộ. Những tàng lá xoài xanh thẩm che kín ánh sáng mặt trời. Những bông hoa trắng lấm tấm trên cao. Nàng quần lụa đen, áo tím đi chầm chậm. Dáng đi tha thướt của người đàn bà làm chàng nhớ quay quắt người vợ đang còn ở bên kia biển. Đang đi, chợt thấy chàng dừng lại, nàng cũng dừng lại:

"Ông định dở trò gì đây?"

Chàng cười cười:

"Tôi muốn nhìn dáng đi của cô mà."

Nàng cười khúc khích:

"Thôi đi ông, đừng có làm chuyện dị òm. Khi không rồi ngồi nhìn người ta đi. Hay là lại nhớ bà xã. Chắc chị ở nhà cũng thích mặc áo tím."

Chàng lắc đầu:

"Không, cô ấy chỉ thích mặc áo bà ba trắng. Cô ấy không thích màu tím nhưng cuộc đời vẫn buồn. Chúng tôi lấy nhau cuối năm 1974, kế đó là tháng Tư tai họa. Nàng ở vậy chờ tôi sau năm năm tù được thả về vì bệnh gần chết. Khi có đứa con thứ hai thì tôi lại bị bắt giam trở lại vì người ta bảo tôi là *thành phần nguy hiểm cho chế độ*. Sau hai năm tôi lại được thả ra. Và bây giờ chúng tôi lại xa nhau."

Sự xuất hiện của nhân vật thứ ba là vợ chàng làm câu chuyện giữa hai người trở nên ngượng ngập. Họ càng ngượng ngập hơn khi Thảo, cô gái học chung lớp đi ngang qua nói: "Hai ông bà yêu màu tím... *tình* dễ sợ."

Nàng dứ dừ nắm tay với người con gái:

"Quỉ em nghe Thảo. Chị với anh ấy đâu có gì."

Vị mục sư người Mỹ nói tiếng Việt rất trôi chảy và mấy cô gái Mỹ trong Hội thánh Tin lành đang sơn phết căn nhà bị cháy tháng trước, vẫy tay chào lúc họ đi ngang qua.

Hai người chia tay nhau ở đài kỷ niệm Việt Nam.

*

Thấm thoát đã mãn *circle*. Họ đang ở vào những ngày chờ danh sách chuyến bay vào Mỹ. Nàng đi theo chương trình Ra Đi Có Trật Tự nên nàng có danh sách sớm hơn chàng một tuần. Nàng sẽ về sum họp với đứa con hiện ở một thành phố thuộc tiểu bang California. Chàng vì là thành phần *O.D. ghe* lại không có bà con thân nhân ở Mỹ nên được bảo trợ về định cư ở một thành phố thuộc một tiểu bang ở miền Trung Tây.

Hôm đưa nàng và đứa con gái lên xe buýt rời Bataan ra trại chuyển tiếp, họ cho nhau địa chỉ nơi mà họ sắp tới và hứa sẽ viết thư cho nhau. Lúc chia tay họ hôn nhau bên cạnh gốc mít có tấm bản với hàng chữ: *Một phút mặc niệm Việt Nam trước khi đi định cư.*" Mặc kệ tiếng cười khúc khích của Thảo với câu nói: "Vậy mà ông bà nói không có gì: hôn nhau mùi mẫn vậy mà không có gì." Nàng không nói gì, vít đầu chàng hôn tiếp. Và nói trong hơi thở: "Em sẽ nhớ tới anh luôn."

*

Với sự giúp đỡ tận tình của vợ chồng người Mỹ bảo trợ và

Lục bát Trần Mộng Tú

Ca dao

Bởi chàng cay đắng như gừng
Em xin làm muối để đừng xa nhau
Có chàng muối cũng ngọt ngào
Thơ như quế xạ ướp vào đời yên
Bên chàng tỉnh ngát hương sen
Thơ như lạch, suối chẩy len giữa lòng
Có chàng tình đậm mật ong
Thơ vàng tơ kén đem hong mỗi ngày
Bên chàng tỉnh cất men say
Thơ như ngàn cánh vạc bay trong hồn
Bây giờ hai đứa hai thôn
Em đem thơ ủ phấn son dợi chàng

Ở đây

Ở đây mưa trắng không gian
Mưa vùi dập núi mưa tan tác dời
Gió về chẳng có định nơi
Thổi vào hoang tịch mảnh đời tha hương
Ở đây tình lạc trong sương
Nên em buộc áo giữa đường giữ anh

Hội Nhà Thờ chàng dần dần ổn định cuộc sống của mình nơi quê hương mới. Tuyết giá miền Trung Tây bắt đầu tan cùng lúc nỗi nhớ thương quay quắc vợ con ray rứt hồn chàng. Chàng quyết định trở lại trường học để kiếm thêm chút ít Anh Văn vốn đã chẳng bao nhiêu lại bị bào mòn trong những năm tháng tù đày. Cũng có đôi lúc chàng nhớ tới nàng. Nhớ tới nụ hôn đầu tiên và cũng là cuối cùng. Chàng có ý định viết cho nàng một bức thư, nhưng không hiểu nghĩ sao chàng lại thôi. Chàng nghĩ biết đâu cứ như vậy nó lại đẹp. Cũng có đôi lúc chàng thắc mắc tại sao lúc quen nhau nàng chẳng bao giờ nói về mình. Sao nàng lại đi đoàn tụ với đứa con? Chồng nàng đâu? Cuộc sống mới với những khó khăn chồng chất làm chàng quên nàng.

Lá trên những cây phong, những cây không biết tên gọi, bắt đầu vàng úa báo hiệu mùa Thu đang tới cũng là lúc chàng nhận được thư của nàng.

"Anh, em không trách về việc anh đã không viết thư cho em; Bởi, em biết anh đâu có chỗ đứng nào cho em trong lòng anh. Em viết thư này cho anh trong lúc vô cùng tuyệt vọng. Mặc dù xung quanh em vẫn dẫy đầy những thợ săn người như ở bên Bataan. Những thợ săn người ở đây còn thiện nghệ hơn nhiều.

Đó là những người đàn ông đã thành công ở đây. Họ đã ăn nên làm ra, họ đã có nhà cửa, xe hơi đắt giá, job tốt. Một vài người giới thiệu với em là lãnh tụ tổ chức này nọ. Có người là bác sĩ, kỹ sư. Có người có vợ con, có người độc thân. Tất cả đều săn đuổi em. Mà sao em vẫn thấy lòng mình như băng giá. Họ bắt đầu nói xấu em. Em chỉ mỉm cười cay đắng chịu đựng. Trong lúc ấy em lại nghĩ tới anh. Và em tự hỏi tại sao những kẻ có lòng cuộc đời lại hay gặp những điều ngang trái. Giá anh đề nghị chung sống với em chắc em không từ chối dù biết là vợ con anh còn ở Việt Nam. Mà sao anh chẳng bao giờ tán tỉnh, săn đuổi em? Đọc tới đây anh đừng có cười bảo là: "Nga đừng có hỏi cái chuyện kỳ cục. Tôi còn có bổn phận với vợ con tôi" Chắc anh ngạc nhiên sao lúc quen nhau em chẳng bao giờ kể về em. Và anh, có lẽ vì lịch sự anh cũng chẳng bao giờ hỏi em về những điều đó. Lẽ ra em cũng chẳng nên kể lể với anh làm gì. Nhưng không hiểu tại sao em lại tin anh. Và em nghĩ anh sẽ hiểu em, thương em khi biết sự thực đời em. Anh có tin người chồng đầu tiên của em là một người Mỹ? Anh ấy là bạn với ông anh em. Trong một party tổ chức lễ khao lon của ông anh, em đã gặp Bob. Định mệnh nào xui khiến em đã trao thân gửi xác cho người phi công ngoại quốc? Trong lúc chúng em xúc

tiến thủ tục để làm lễ cưới thì anh ấy chết trong một phi vụ. Kết quả đêm ân ái là đứa con lai. Ba em xấu hổ. Ông quyết định đưa em đi Đà Lạt để phá thai. Nhưng mẹ em năn nỉ mãi. Em cắn răng chịu đựng nuôi con trong sự khinh khi của giòng họ, bạn bè. Mà có cần gì, phải không anh? Đâu có ai muốn bôi tro, trát trấu lên mặt mình. Rồi đến ngày mất nước, ba em, anh em lần lượt vào tù. Chuyện tù đày em nghĩ là anh đã quá rành. Sau tám chín năm bị giam cầm, ba em, anh em trở về thân tàn, ma dại.

Trong thời gian này, em gặp lại Tuấn, cùng ở tù chung với ông anh em. Tuấn đến nhà chơi. Trước em là bạn học anh ấy hồi thời trung học. Nay thì cùng một lứa bên trời lận đận. *Anh ấy ngỏ ý muốn cưới em. Ba mẹ em bằng lòng. Khi đứa con gái ra đời cũng là lúc em nhận được thư của anh ấy báo tin* "là phải làm một cái gì đó." *Đó là bức thư cuối cùng em nhận được. Em lại cắn răng xuôi ngược nuôi con. Lúc chính phủ Hoa Kỳ ký kết với Việt Cộng một thỏa hiệp về việc nhận định cư các con lai, em đã xúc tiến các thủ tục. Và sau bao năm chờ đợi em đã đến Phi và gặp anh -- như anh đã biết.*

Qua đây em mới thấy mình bơ vơ quá. Ở bên nhà, dù sao cũng còn có ba mẹ khuyên lơn, an ủi. Ở đây một thân, một mình. Có cái em tự an ủi là vì tương lai của hai đứa con. Em thì kể như đã bỏ đi rồi.

Nhưng mà anh ơi, số mệnh khắc nghiệt không ngừng theo đuổi em. Hai tháng trước đứa con gái ba tuổi rưỡi bị chứng leukemia *phải mang vào bệnh viện. Sau nhiều lần tiếp máu đã bỏ em mà đi. Em đã ngất xỉu khi được bác sĩ báo hung tin. Sau khi chôn cất cháu, em đã đóng cửa nằm nhà cả một tháng trời. Những người quen biết tìm cách khuyên giải, an ủi. Cũng có người thực lòng yêu thương em, muốn chắp nối với em. Mà lòng em sao giờ nguội lạnh quá, em chẳng còn thiết sống. Mới đây, em có nhận được thư mẹ em báo cho biết là anh Tuấn đã bị chính quyền Việt Cộng đem ra xét xử và kết tội tử hình vì hoạt động âm mưu lật đổ chính quyền.*

Anh ơi! Lúc nào em cũng cố gắng vươn lên như ngọn cỏ kia dẫu bị xe qua nghiến nát tang thương vẫn không ngừng vươn lên trở lại. *Em sẽ gửi lá thư này cho anh trên đường đi tới trung tâm cải huấn để thăm thằng Dick -- đứa con lai của em. Nó bị giữ lại trung tâm này vì bị tình nghi dính líu vào một băng đảng cướp của giết người.*

Em tự hỏi không biết em còn có đủ sức lực và nghị lực vươn lên cho tới bao giờ?"

Chàng đánh rơi bức thư lúc nào không hay biết. Những chiếc lá vàng đang rơi lả tả trên mặt đường. Chiếc lá biến thành người đàn bà áo tím xỏa tóc đi trong gió chiều. Một chiếc xe lửa băng băng vụt lao qua nghiến nát người đàn bà áo tím.

Người đàn bà áo tím trở thành ngọn cỏ nằm chơ vơ trên con đường sắt lạnh chạy về vô tận.

Trước mắt chàng vô số những ngọn cỏ.

NGUYỄN THIẾU NHẪN
8-1989

Một đại học cộng đồng ở Cali mở lớp tiếng Việt và Văn hóa Việt

Lần đầu tiên một lớp dạy Việt ngữ và văn hóa Việt có tín chỉ (credit) đại học được thực hiện tại đại học cộng đồng Golden West ở thị xã Huntington Beach.

Lớp học này được liệt kê trong schedule của mùa Thu năm nay với tên Vietnamese 280, có giá trị 4 tín chỉ, và họp mặt mỗi tuần hai lần từ 7 đến 9 giờ tối thứ Ba và thứ Năm.

Giáo sư Bùi Vĩnh Phúc, sẽ dạy lớp này, cho biết hội đồng quản trị trường Golden West đã nhận ra nhu cầu thực hiện một lớp về văn hóa và ngôn ngữ Việt vì sinh viên Việt ghi danh ở trường này rất đông. Do đó, sau khi liên lạc với một số giáo sư Việt Nam trong Hội Ái Hữu Cựu Giáo Chức tại hải ngoại, để hỏi ý kiến, ban quản trị đại học Golden West đã mời giáo sư Phúc dạy lớp Vietnamese 280.

Giáo sư Phúc dự định dùng sách ngôn ngữ học của Nguyễn Đăng Liêm cùng với một số tài liệu khác làm căn bản cho lớp này. Tuy nhiên, ông cho biết sẽ không hoàn toàn theo cuốn sách vừa kể mà còn dùng rất nhiều bản tin tức cũng như các bài điểm sách đã đăng trong các báo của cộng đồng Việt Nam để vừa giảng dạy, vừa giới thiệu văn hóa Việt. Vì lớp này có sự tham dự của sinh viên Mỹ, nên ông Phúc sẽ giảng bài bằng tiếng Mỹ, hoặc "vừa Việt vừa Mỹ" ông cho biết.

Được hỏi là lớp Vietnamese 280 có thể so sánh với trình độ Việt văn lớp mấy theo hệ thống giáo dục Việt Nam Cộng Hòa trước đây, ông Phúc đáp, "Rất khó nói nếu so với hệ thống Việt Nam. Theo tôi nghĩ lớp này rất tốt cho những sinh viên Việt lớn lên bên này trau giồi khả năng đọc và viết tiếng Việt."

Ở Việt Nam trước 1975, giáo sư Phúc tốt nghiệp cử nhân Xã Hội Học và đã từng dạy Việt Văn tại Trung học Nguyễn Bá Tòng ở Gia Định và Sàigòn. Sang Hoa Kỳ vào năm 1978, ông tốt nghiệp cử nhân Văn Chương Pháp và Ngôn Ngữ Học. Sau đó, ông lấy tiếp các bằng cao học Ngôn Ngữ Học và dạy ESL. Ông từng dạy ESL (English as a Second Language) tại đại học Long Beach vào năm 1985. Hiện ông là phối hợp viên chương trình của Regional Center of Orange County, một cơ quan phân phối ngân khoản tài trợ của liên bang và tiểu bang cho các tổ chức cung cấp dịch vụ cho các bệnh nhân chậm phát triển

Khoa học và Thế kỷ 21

Bài thứ ba

'Đời sống không phải là những mảnh nhỏ rời rạc được sắp xếp lại ...'

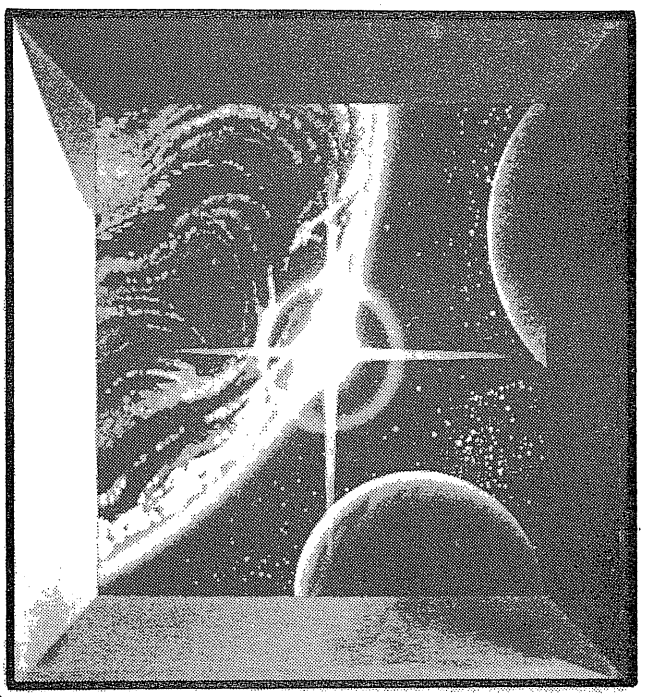

NGUYÊN PHONG

Căn bản của thuyết "Paradigm shift" là sự thay đổi từ Đối Tượng (Object) đến sự Liên hệ (Relationship.) Thay vì coi một vật, một hiện tượng như một đối tượng riêng rẽ để nghiên cứu, người ta cố gắng tìm hiểu sự liên hệ giữa nó và những vật khác. Thay vì sử dụng óc phân tích cắt xén mọi vật ra từng mảnh nhỏ để nghiên cứu người ta sử dụng óc tổng quan để nhận thức tổng quát mọi vấn đề liên quan mật thiết đến nhau.

Gregory Bateson viết trong cuốn "Step into an ecology mind": Sự liên hệ là căn bản của tất cả mọi định nghĩa. Đời sống không phải là những mảnh nhỏ rời rạc được sắp xếp lại nhưng là sự liên hệ mật thiết giữa những sinh vật với nhau. Hiểu được sự liên hệ này là hiểu được đời sống. Tư tưởng con người sở dĩ bị phân hóa vì sự phân loại thiển cận, lệch lạc, chuyên môn hóa vào các chi tiết nhỏ nhặt bất toàn, rời rạc rồi sắp đặt thành những hệ thống lý luận không thực tế. Lý Luận (Logic) là những điều được sử dụng một cách hiệu quả cho các hoạt động kỹ thuật nhưng nó không có một giá trị gì đối với đời sống. Loài vật không cần lý luận nhưng vẫn sống, cỏ cây hoa lá không cần lý luận nhưng vẫn đẹp, sự sống không cần lý luận vẫn tiếp diễn nhưng con người vì say mê lý luận nên đã quên đi sự sống tuyệt vời, họ để trí óc hướng dẫn vào một cái vòng lẩn quẩn rồi cứ quanh quẩn trong phạm trù trí thức này, không sao thoát ra ngoài được."

Theo Bateson thì lý luận không thể giải thích được đời sống vì đời sống là những chu kỳ thay đổi diễn tiến theo hình tròn (Circular) trong khi luận lý chỉ là dụng cụ được sử dụng để giải thích các hệ thống sắp đặt theo đường thẳng (linear.)

Bateson cho rằng sự mù quáng của khoa học đã đưa xã hội con người vào một "đà quay của bánh xe văn minh" nhưng bánh xe này đã quay quá nhanh và con người không thể kiểm soát được nó nữa. Ông viết: "Có hai hình thức khoa

học, khoa học để hiểu biết (Science for understanding) và khoa học để khiển dụng (Science for manipulation.) Mục đích của hình thức đầu là minh triết (Wisdom) khi mục đích của hình thức sau là quyền lực (Power.) Trong cuộc cách mạng khoa học của thế kỷ 17, mục đích của khoa học đã chuyển từ minh triết qua quyền lực vì "Kiến thức là một thứ quyền lực." Thay vì nghiên cứu vào chiều sâu để đạt đến minh triết, khoa học đã phát triển trên chiều rộng để đạt đến quyền lực. Nền văn minh Tây phương dựa trên căn bản này đã đề cao giá trị của kiến thức khoa học và sau đó đề cao các sản phẩm mà khoa học mang lại, các lý thuyết về xã hội, kinh tế, chính trị đều dựa trên căn bản và lý luận khoa học này. Sự sai lầm từ căn bản đã đưa đến tình trạng một xã hội văn minh về vật chất, đầy bất công và hỗn loạn cùng cực như ngày nay. Khoa học được sử dụng để lợi dụng, khai thác các tài nguyên thiên nhiên và từ sự lạm dụng thiên nhiên, người ta đã lạm dụng đến con người.

Bateson đề nghị: "Khi người ta ý thức sự liên quan giữa con người với con người, giữa con người và thiên nhiên, giữa tất cả mọi sinh vật với nhau. Khi người ta không còn nhìn nhau dưới hình thức chủ thể và đối tượng nhưng hiểu rằng tất cả đều liên hệ chặt chẽ trong một trật tự chung thì tất cả mọi sự có thể được giải quyết ổn thỏa trong tinh thần nhân bản."

Ảnh hưởng của lý thuyết "Paradigm shift" đã chi phối nhiều đến các lãnh vực khác. Một trong những kinh tế gia chịu ảnh hưởng của lý thuyết này là E.F. Schumacher mà tờ *The Guardian* tại Anh đã gọi là nhà kinh tế của thế kỷ 21.

Schumacher viết: "Tại sao người ta lại coi trọng những lý thuyết kinh tế của Hoa Kỳ? Tại sao các quốc gia khác đều ít nhiều muốn rập khuôn theo nền kinh tế này? Một nền kinh tế tiêu thụ 40% sản lượng của thế giới để phục vụ cho 6% dân số thế giới không thể gọi là hiệu quả được mà phải gọi là một sự bất công."

Shumacher cho rằng nền kinh tế hiện nay bắt nguồn từ những lý thuyết của thế kỷ 19, đặt căn bản trên những hệ thống giá trị đã lỗi thời không thể áp dụng để giải quyết các vấn đề khó khăn hiện tại. Các lý thuyết kinh tế này đều dựa trên căn bản phân tích, kế toán, thống kê với lý luận cứng nhắc, không thực tế. Ông cảnh cáo về sự bành trướng kinh tế để thu lợi tối đa của nền kinh tế Hoa Kỳ và Nhật Bản đang đưa thế giới vào một cuộc khủng hoảng mới. Ông cũng chỉ trích hệ thống kinh tế của khối Cộng Sản là cứng nhắc, không tự nhiên, một hệ thống sẽ phá hoại tất cả mọi căn bản xã hội và làm hư hỏng con người.

Schumacher chủ trương sự phát triển kinh tế phải được xây dựng trên một lãnh vực hợp lý, dựa trên những điều kiện nhân bản. "Một nền kinh tế *Không bạo động* thay vì cạnh tranh lại hợp tác, thay vì lãng phí các tài nguyên thiên nhiên thì lại bảo tồn nó qua việc sử dụng các sản phẩm có thể *tái sử dụng*".

Schumacher viết "Kinh tế đã trở thành một cái mặt nạ của chính trị, công cụ của một thiểu số để mưu cầu quyền lợi và quyền lực. Tất cả lý thuyết kinh tế thiếu tính chất nhân bản không bao giờ thành công mà chỉ phá hủy xã hội. Khi một xã hội bị băng hoại về kinh tế, con người sẽ hư hỏng và điều này sẽ đem lại các hậu quả vô cùng tai hại vì đây là một diễn tiến không thể chữa được nữa (irreversible.) Hiện nay thế giới đang bị kẹp giữa hai lý thuyết kinh tế đối nghịch, cả hai đều muốn tái lập sự quân bình trong xã hội nhưng vì cả hai đều đặt căn bản trên những hệ thống giá trị cổ hủ, lỗi thời nên nó sẽ không thể giải quyết các vấn đề ngày nay. Nó chỉ là những vá víu tạm thời, nhưng bưng bít bên ngoài để kéo dài thời gian trước khi sụp đổ."

Để giải quyết tình trạng kinh tế ngày nay, Schumacher đã đề nghị một lý thuyết kinh tế mà ông gọi là nền kinh tế nhân bản (Economic with a human face). Ông trình bày rõ ràng lý thuyết này trong cuốn *Small is beautiful,* một cuốn sách kinh tế đang được coi như sách "gối đầu giường" của các kinh tế gia hiện nay. Lý thuyết của ông giản dị nhưng thực tế, ông kêu gọi sự xét lại toàn thể hệ thống giá trị vẫn có từ trước đến nay để thay đổi nó một cách hợp lý. Ông kết luận: "Một hệ thống giá trị mới đặt căn bản trên con người sẽ giải quyết rất nhiều khó khăn hiện tại, thay vì kiếm lợi tối đa thì người ta làm sao để mưu cầu hạnh phúc cho con người. Do đó thay vì chủ trương những gì lớn lao, vĩ đại, chú trọng về lượng thì lý thuyết kinh tế này kêu gọi việc thực thi từng bước nhỏ bé, khiêm tốn và chú trọng về phẩm chất vì *Small is beautiful.*"

Ông viết tiếp: "Một nền kinh tế thiên về phẩm, với các giá trị nhân bản sẽ giúp thế giới tiến đến một giai đoạn văn minh thực sự đúng với ý nghĩa của danh từ văn minh."

Thoạt nghe người ta sẽ nghĩ lý thuyết của Schumacher quá lý tưởng và không thực tế nhưng trái lại nó hết sức thực tế vì nó đã vạch ra một hệ thống ước lệ mới với các định luật rõ rệt, các chính sách có thể áp dụng cho mọi quốc gia, mọi hoàn cảnh. Cuốn sách *Small is beautiful* của ông hiện được khối Thị trường chung Âu Châu nghiên cứu cặn kẽ để áp dụng cho chính sách kinh tế trong thời gian sắp đến. Dĩ nhiên muốn áp dụng người ta sẽ phải thay đổi toàn bộ giá trị đang có nhưng Schumacher đã viết "Việc thay đổi phải hết sức thận trọng, từ từ để thời gian

làm việc, để không tạo nên những xáo trộn, khó khăn trong xã hội." Schumacher cho biết các lý thuyết gia trong quá khứ đã đưa ra những chương trình vĩ đại, những cuộc cải cách kinh tế gấp rút mà không đo lường trước phản ứng của nó. Do đó nó tạo ra nhiều xáo trộn cho xã hội. Để bảo đảm cho việc thực thi các chính sách này, lớp người cầm quyền đã sử dụng quyền lực để bắt mọi người phải tuân theo những lý thuyết mơ hồ mà chính người khởi xướng cũng không biết có đúng hay không. Hậu quả của việc này là phản ứng chống đối mạnh mẽ của những người quyền lợi bị đụng chạm hoặc sự lợi dụng tối đa của những kẻ "thừa nước đục thả câu" và kết quả là một sự thất bại ê chề. Kế hoạch càng nhiều tham vọng càng dễ thất bại vì nó làm xáo trộn đến nhiều người.

Schumacher cho biết vì xã hội ngày nay quá phân hóa, trình độ giáo dục và kiến thức của con người khác biệt quá nhiều, việc khởi xướng một cái gì cứng nhắc rồi bắt tất cả phải theo chỉ là một hình thức áp chế, phi nhân và không thể áp dụng được. Không thể có một chính sách kinh tế vĩ đại, một kế hoạch to lớn nhằm đạt đến kết quả nào đó mà chỉ có những bước tiến nhỏ, dè dặt để giúp tất cả mọi người có thể thích hợp, ngay cả những kẻ thiếu hiểu biết (ignorance) cũng có thể bắt kịp đà tiến này.

Schumacher viết "Xã hội cần sự ổn định và thay đổi, cần trật tự và tự do, cần truyền thống và cách mạng, cần kế hoạch và thả lỏng, nhưng các điều này không hề trái ngược nhau đâu, nó là từng bước nhỏ trong một chu kỳ tiến hóa. Điều đáng tiếc là người ta không nhìn nó bằng con mắt tổng quan mà chỉ thấy nó qua thành kiến phân tích nên chỉ làm được một nửa. Do đó họ đã tạo ra các xáo trộn khắp nơi vì đã áp dụng một cách sai lạc và thiếu sót. Dưới cái nhìn của họ thì mọi vật đều chỉ có thể là đúng hay sai, ổn định hay thay đổi, truyền thống hay cách mạng chứ không thể bao gồm cả hai khía cạnh được. Để giải quyết việc này, người ta không thể áp dụng một lý thuyết cứng nhắc, một thứ "Khuôn vàng, thước ngọc" mà phải chấp nhận sự đổi thay vì tất cả các quan niệm về giá trị luôn luôn thay đổi.

Theo Schumacher thì tất cả những gì con người cần đều có thể được sản xuất một cách khiêm tốn, với số vốn tối thiểu và không gây thương tổn cho thiên nhiên hay những người chung quanh. Ông dẫn chứng một cách hùng hồn qua hàng trăm kế hoạch đã được áp dụng thành công tại Âu Châu. (Chi tiết về các kế hoạch này được ghi rõ trong cuốn *Small is beautiful.)*

Trong một buổi phỏng vấn của đài BBC, người ta đã hỏi ông nghĩ sao về việc áp dụng phương pháp này cho các quốc gia còn chậm tiến *(Third Word countries).* Schumacher cho rằng phương pháp của ông chỉ có thể áp dụng được khi người ta thay đổi các quan niệm về giá trị (values) và đặt một mục tiêu thực tế. Ông cảnh cáo rằng việc canh tân hóa, kỹ nghệ hóa một cách hấp tấp theo gương các quốc gia tân tiến không thể thực hiện một cách gấp rút tại các quốc gia chậm tiến vì nó chỉ gây xáo trộn trong xã hội, đảo lộn các hệ thống và truyền thống sẵn có. Ông sử dụng danh từ "Intermediate Technology" và giải thích rằng trước khi đi đến việc kỹ nghệ hóa hoàn toàn (High Technology) các quốc gia này nên duy trì căn bản kinh tế cũ và chỉ phát triển các kỹ nghệ mới một cách dè dặt. Ông nói "Nhiều quốc gia tin rằng nếu họ có những nhà máy khổng lồ như Hoa Kỳ thì họ sẽ trở thành một quốc gia thịnh vượng. Họ quên rằng sự thành công của Hoa Kỳ sau hai trận thế chiến là một sự may mắn đặc biệt vì Hoa Kỳ là quốc gia duy nhất lúc đó đã sản xuất và bán sản phẩm cho toàn thế giới. Ngày nay một quốc gia hoàn toàn chuyển qua các kỹ nghệ tối tân sẽ gặp sự cạnh tranh của hàng trăm quốc gia khác đã đi trước đó. Ông dẫn chứng về việc Mễ Tây Cơ dồn tất cả tiềm lực quốc gia vào việc khai thác dầu hỏa vì hy vọng giá dầu sẽ tiếp tục lên cao. Khi người ta tìm thấy dầu hỏa ở Mễ thì giá dầu đã sụt giảm rất nhiều vì khối OPEC không còn đoàn kết để giữ vững giá dầu như trước nữa. Hậu quả là Mễ Tây Cơ trở thành một quốc gia nghèo đói kiệt quệ nằm trên một mỏ dầu hỏa khổng lồ.

Vì xứ này đã vay nợ tối đa cho việc khai thác dầu và hầu như các sinh hoạt khác đều bị bỏ bê, không được chú trọng đến nên ngày nay Mễ Tây Cơ không có một căn bản kinh tế nào khác để thu tiền vào cho quốc gia nữa. Kinh tế Mễ hiện nay thảm hại gấp mấy trăm lần trước khi có dầu hỏa. Người ta nói rằng dầu hỏa là thảm họa của Mễ Tây Cơ nhưng trước năm 1972 nếu có ai cảnh cáo điều này ắt sẽ bị quần chúng chê cười và chỉ trích thậm tệ.

Schumacher nhấn mạnh rằng phương pháp của ông đòi hỏi một sự thay đổi toàn diện về các giá trị, nhưng nó phải xảy ra một cách thong thả từng bước nhỏ một, để tiến đến mục tiêu chính là nền kinh tế nhằm phục vụ con người, một nền kinh tế chú trọng về phẩm chất. Ông tin rằng nếu khối Thị trường chung Âu Châu kết hợp chặt chẽ, nó sẽ là một khuôn mẫu cho các quốc gia khác và nền kinh tế của thế kỷ 21 sẽ dựa trên quy tắc hợp tác thay vì cạnh tranh. Một nền kinh tế bất bạo động, có tính cách nhân bản.

NGUYÊN PHONG

Tài liệu tham khảo:

Gregory Bateson, 1972, *Step to an ecology of mind,* Ballantine.

E. F. Schumacher, 1975, *Small is beautiful,* Harper and Row.

MỖI NGÀY

DIỄM CHÂU

Em yêu dấu,

Mỗi ngày anh viết một tờ thư
Những lá thư chồng chất
Không người nhận
Mỗi ngày anh vẽ một con tem
Mang hình một người bạn
Những người bạn không còn nữa
Mỗi ngày anh trút hơi thở lên trang giấy
Hơi thở đóng băng
Mỗi ngày anh nắn nót từng giòng chữ
Giòng chữ hóa đá

Anh dằm mình trong bụm cỏ
Gặm nhấm ngày qua như một cọng rác
Anh lau mặt bằng tình thương mòn mỏi
Gạt những sợi tóc bạc dần.

Mỗi ngày
Tia nắng đầu tiên nhỏ một giọt lệ
Anh lại viết một tờ thư.

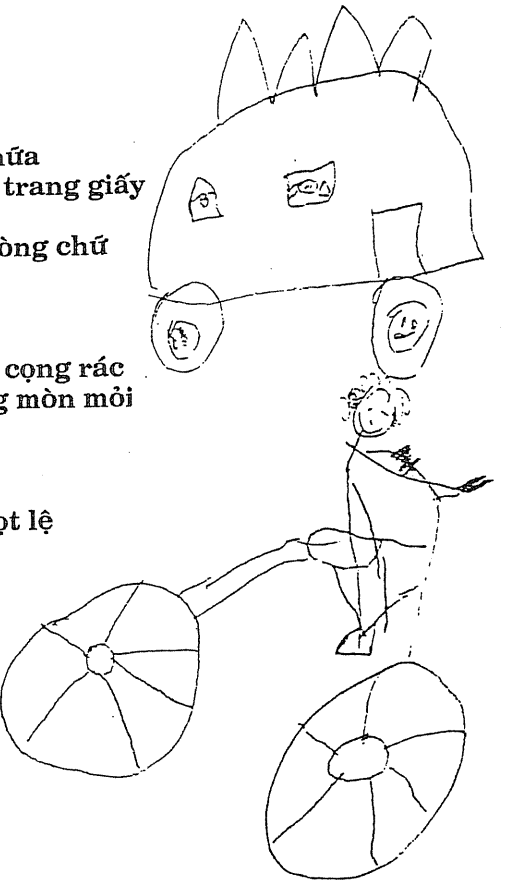

Đi phà

Khi tôi leo lên chuyến phà Staten Island
để trở lại Staten Island trên đường về nhà
mới sáu giờ mà trời đã tối
và Nữu Ước vẫn vậy;
rực rỡ đến hãi hùng, lấp lánh
ở nơi xa.

Quanh tôi gió rét đã ngừng
nên tôi có thể ra ngoài ngồi.
Vị trí của tôi trên thế giới này, trong cõi đời này,
thật đã rõ như bao giờ
nghĩa là chẳng có gì rõ rệt lắm,
ngoại trừ: nơi đây chúng tôi đang ở giữa một vùng
biển đen nho nhỏ.
Một chuyến phà lướt qua chúng tôi đi ngược lại
trông tựa một con tàu trên dòng Mississipi.

DANIEL JACOBS
DIỄM CHÂU dịch

VĂN MINH VIỆT Ở THỜI ĐẠI ĐỒ ĐỒNG

PHẠM VĂN HẢI
PHẠM QUÂN KHANH

Căn cứ vào sách vở và báo chí, có lẽ chưa có thời nào người Việt lại coi rẻ người Việt như một số nhà cầm bút vào nửa trước thế kỷ 20. Những người này gồm nhà báo, nhà văn, người viết sử, v.v. Có người là bậc thầy của mấy thế hệ, mỗi câu nói, mỗi dòng chữ được học trò râm rấp rập khuôn.

Dương Quảng Hàm, trong cuốn *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* (Sàigòn: Trung tâm Học liệu, 1968), viết: "Dân tộc ta, sau khi chiếm lĩnh đất Bắc kỳ và phía bắc Trung kỳ và tự tổ chức thành xã hội -- lúc ấy dân ta còn ở trình độ bán khai -- thì bị nước Tàu chinh phục và đô hộ hơn một nghìn năm..." (trang 1). (Căn cứ vào đâu Dương Quảng Hàm dám nói "dân ta còn ở trình độ bán khai"?)

Trong *Việt Nam Sử Lược quyển I* (Sàigòn: Trung tâm Học liệu, 1971), Trần Trọng Kim viết: "Khi người một xã hội đã văn minh như người Tàu mà đi mở đất chưa khai như đất Giao Châu lúc bấy giờ,..." (Một lần nữa, cùng một câu hỏi được nêu lên: căn cứ vào đâu Trần Trọng Kim dám nói đất Giao Châu là "đất chưa khai" trong khi đề cao Tàu là "người một xã hội đã văn minh"?).

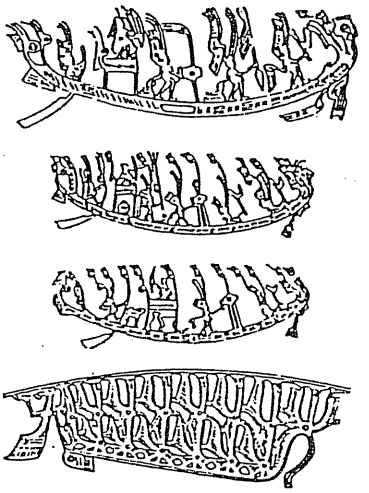

Bậc thầy coi rẻ người Việt thủa xưa như vậy, học trò khinh chê tổ tiên cũng không có gì đáng ngạc nhiên.

Cùng thời với tác giả này, trên báo chí, nhan nhản những bài, những truyện, những tranh vẽ chế giễu, đả kích, bài bác phong tục và truyền thống của người Việt. Một vài bài, một vài đoạn có ý tốt, chỉ đả kích hủ tục, nhưng số đó rất ít. Còn lại, toàn là những bài a-dua, theo thời, đả phá tất cả những gì họ cho là cổ xưa, những gì họ chê là nhà quê (dù rằng hầu hết người Việt sống gần ruộng vườn), những gì của ông cha tổ tiên để lại. Họ đã phá cả cách ăn mặc, cách nói, cách cười... của người Việt. Cố ý hoặc vô tình, những người này, những người chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp, đã tiếp tay với người Pháp tiêu diệt văn hóa Việt.

Về phía người nước ngoài, nhất là người Pháp, hầu hết đều nói xấu người Việt, miệt thị văn hóa Việt. Chỉ có một số rất nhỏ nghiên cứu và tìm hiểu đúng đắn hơn một chút.

Sự thực ra sao?

Khi bị quân Tàu cướp nước, người Việt có còn ở trình độ bán khai như Dương Quảng Hàm nói không? Đất Giao Châu (tên người Tàu đặt cho đất nước người Việt Nam Quý Mùi "203") có phải là đất chưa khai như Trần Trọng Kim viết không? Công cuộc nghiên cứu của ngành khảo cổ và tài liệu lịch sử sẽ được dùng để giải đáp vấn đề này.

Khi nói tới ngành khảo cổ, *đồ đồng* -- đặc biệt là *trống đồng* -- là bằng cớ vững chắc nhất. Trống đồng đã được thế giới biết tới từ

lâu; nhưng vì không rõ xuất xứ nên ít người chú ý. Đến năm 1889, tại Hội chợ Đấu Xảo Quốc tế Paris (Exposition universelle de Paris), một trống đồng trên đất của người Việt đã làm cho bao nhiêu người ngạc nhiên và thán phục. Cái trống này mang tên Moulié, một người Pháp làm Phó sứ tỉnh Hòa Bình (miền bắc nước Việt) lấy ở nhà một vị quan Lang người Mường tại vùng Sông Đà, tỉnh Hòa Bình. Sau đó, rất nhiều người nước ngoài đổ xô tới miền bắc nước Việt để tìm trống đồng. Tới năm 1900, hơn 150 cái đã được khám phá. Cho đến ngày nay, số trống đồng nổi tiếng khá nhiều. Trong đó, hai cái được đề cập tới luôn luôn là: *trống đồng Ngọc-Lũ và trống đồng Hoàng-Hạ.*

Trống đồng Ngọc Lũ do dân làng Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đào được vào khoảng 1883-1884, và để ở đình làng. Năm 1902, qua sự dàn xếp của viên công sứ Phủ Lí, được đưa về nhà Bác cổ Viễn Đông Hà Nội. Sau này, làng Ngọc Lũ còn đào được mấy cái trống đồng nữa, nên cái kể trên được gọi là trống đồng Ngọc Lũ I.

Trống đồng Hoàng Hạ do dân làng Hoàng Hạ, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Đông đào được năm 1937.

Vào khoảng giữa thời gian tìm được trống đồng Ngọc Lũ I và trống đồng Hoàng Hạ, Pajot điều động cuộc khai quật ở khu mộ cổ Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa từ năm 1924 đến năm 1929. Đồ đồng Đông Sơn là bằng cớ của một thời đại rất văn minh, được gọi là văn minh Đông Sơn.

Ngoài miền bắc nước Việt, còn có nhiều trống đồng ở vùng Hoa nam (phía bắc Việt Nam), ở Miến Điện, Lào, Miên, Thái Lan (phía tây), ở Phi Luật Tân (phía đông), ở Mã Lai và Nam Dương (phía nam).

Mỗi trống đồng một khác. Khác về hình dáng, kích thước, hình vẽ; khác về tuổi tác, kỹ thuật, mỹ thuật... Những người nghiên cứu tạm đồng ý chia trống đồng ra làm *bốn* loại. Trong đó, loại I trội nhất. Trội hơn về mọi lãnh vực. Loại này gồm các trống đồng đa số tìm thấy trên đất của người Việt xưa và nay (miền bắc nước Việt ngày nay).

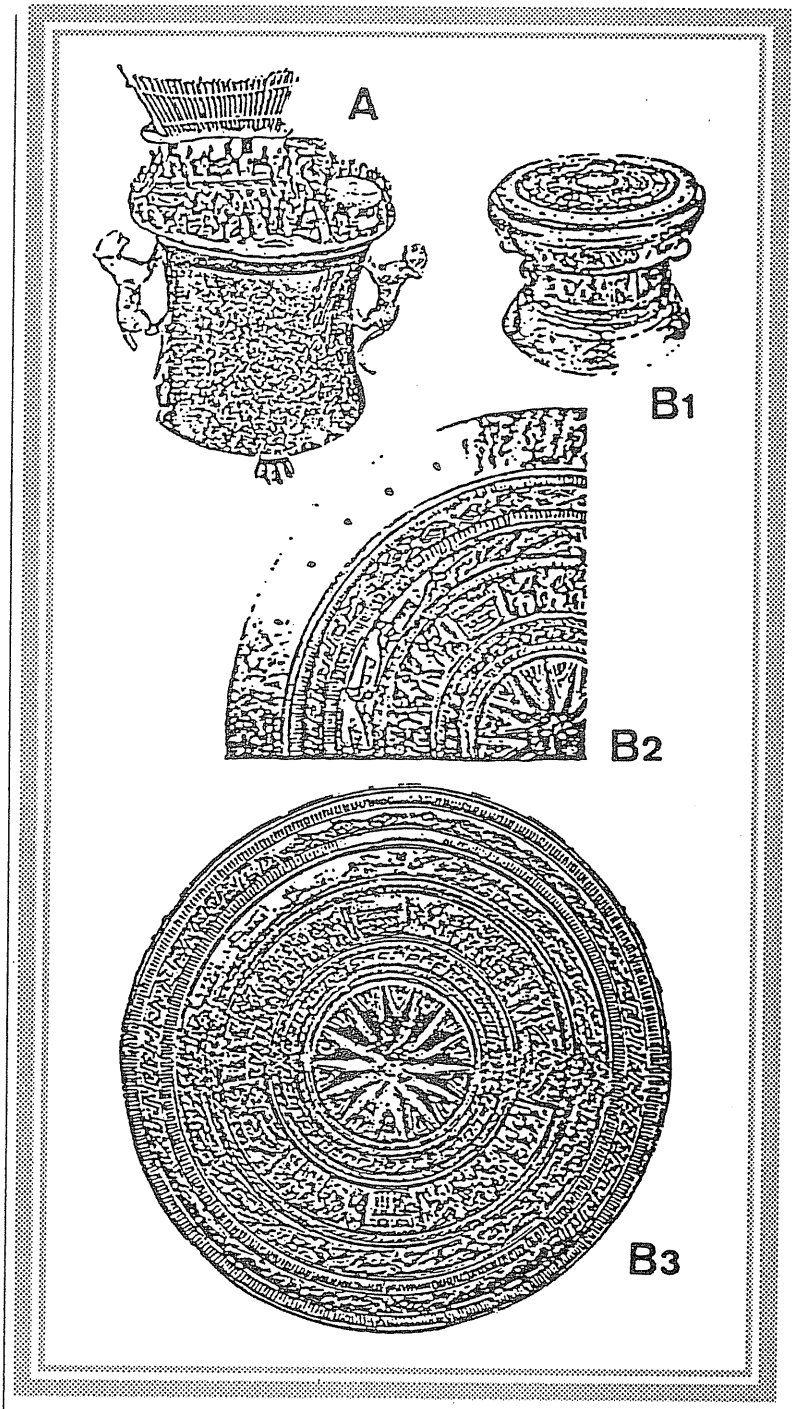

Trống đồng loại I là chứng tích sự huy hoàng của văn minh Việt vào thời đại đồ đồng. Không ai chối cãi điều đó. Tuy nhiên, về năm tháng (niên đại), những người nghiên cứu ước đoán khác nhau. Thí dụ, năm 1937, Goloubew cho là những năm đầu đời Hậu Hán (= Đông hán

"25-220") bên Tàu. Đến năm 1944, Paul Lévy cũng vậy, dựa vào tiền đồng đời nhà Hán bên Tàu (sự thật là tiền Vương Mãng) lẫn với các đồ đồng Đông Sơn, cho rằng trống đồng loại I làm vào khoảng đầu kỷ nguyên dương lịch. Năm 1942, Bernhard Karlgren cho là đồ đồng Đông Sơn chịu ảnh hưởng đồ đồng thung lũng sông Hoài ở bên Tàu, và bảo rằng đồ đồng Đông Sơn có trước niên đại đó, Goloubew ước đoán vào khoảng hai hay ba thế kỷ. Cả hai lối ước đoán đều dựa vào những điểm liên hệ với văn minh Tàu.

Tác giả lối ước đoán thứ nhất (Goloubew và Lévy) không để ý tới một điều rất thực tế và rất tự nhiên. Khi chôn giấu, không phải toàn là những đồ vật làm cùng một thời gian. Có thứ xưa lắm, có thứ xưa vừa vừa. Trong lúc vội vàng (vì phải chạy giặc, sợ bị tịch thu, lúc tang ma, sợ trộm cướp, v.v.) thấy cái gì tưởng là quý cũng chôn. Vì thế các đồ vật có từ một vài trăm năm trước, một nghìn năm trước, hay xưa hơn, có thể được chôn lẫn với vài đồng tiền và mấy đồ vật khác của Tàu thấy ở trong nhà. Người chôn có thể gồm cả những người không biết vật nào xưa ít, vật nào xưa nhiều, vật nào của người Việt, vật nào của người Tàu. Nếu căn cứ vào mấy đồng tiền Vương Mãng của Tàu (vào khoảng từ năm 9 đến năm 23) và vài đồ vật của Tàu mà bảo đồ đồng của người Việt được làm vào khoảng những năm đầu đời Hậu Hán (=Đông Hán "25-220") hay khoảng đầu kỷ nguyên dương lịch thì chưa đủ vững để thuyết phục mọi người.

Tác giả lối ước đoán thứ hai (Bernhard Karlgren) mang nặng một thành kiến: văn minh Tàu phải hơn văn minh Việt và có trước văn minh Việt. Thấy vài điểm giống nhau giữa đồ đồng của người Việt và đồ đồng thung lũng sông Hoài bên Tàu mà bảo đồ đồng của Việt ảnh hưởng đồ đồng của Tàu và có sau đồ đồng của Tàu thì giá trị lối ước đoán này cũng chẳng khác gì lối trên.

Vài điểm tương tự giữa hai loại đồ đồng chưa đủ để kết luận loại nào có trước loại nào, loại nào chịu ảnh hưởng loại nào. Có thể đồ đồng thung lũng sông Hoài bên Tàu chịu ảnh hưởng đồ đồng Đông Sơn và có sau đồ đồng Đông Sơn (1).

Năm 1975, Nguyễn Văn Huyên và Hoàng Vinh trong cuốn "*Những Trống Đồng Đông Sơn đã phát hiện ở Việt Nam,*" sau khi kiểm điểm và tìm hiểu kỹ lưỡng các công cuộc nghiên cứu có trước và căn cứu thêm các trống đồng mới tìm được, đã cho rằng: "*Thời gian xuất hiện và phát triển rực rỡ của trống đồng Đông Sơn là từ thế kỷ VII trước công nguyên đến cuối thế kỷ II trước công nguyên*" và "*... quá trình biến dạng của nghệ thuật trống đồng diễn ra dưới thời kỳ thống trị của đế quốc Hán trên địa bàn tương ứng với miền bắc Việt Nam hiện đại*" (trang 115).

Xem thế, văn minh Đông Sơn (hay văn minh trống đồng loại I) là một nền văn minh huy hoàng của thời đại đồ đồng. Hầu hết trống đồng loại I đều tìm thấy trên đất của người Việt tự thuở xa xưa cho tới nay. Như vậy, văn minh Đông Sơn chính là văn minh Việt.

Về niên đại, đến nay chưa được rõ ràng. Thời cực thịnh kéo dài bao lâu cũng chưa chắc chắn. Sách vở thời cổ xưa của người Việt đã bị Tàu tiêu hủy. Tài liệu lịch sử của Tàu tuy có viết về trống đồng và người Việt nhưng chỉ thấy lác đác từng đoạn ngắn ngủi.

Qua các tài liệu chúng tôi thấy tận mắt và qua sách vở của người Việt, tài liệu sử và sách vở của Tàu đề cập tới hai điểm có ích cho việc tìm hiểu:

1. Trống đồng là sản phẩm của người Việt.

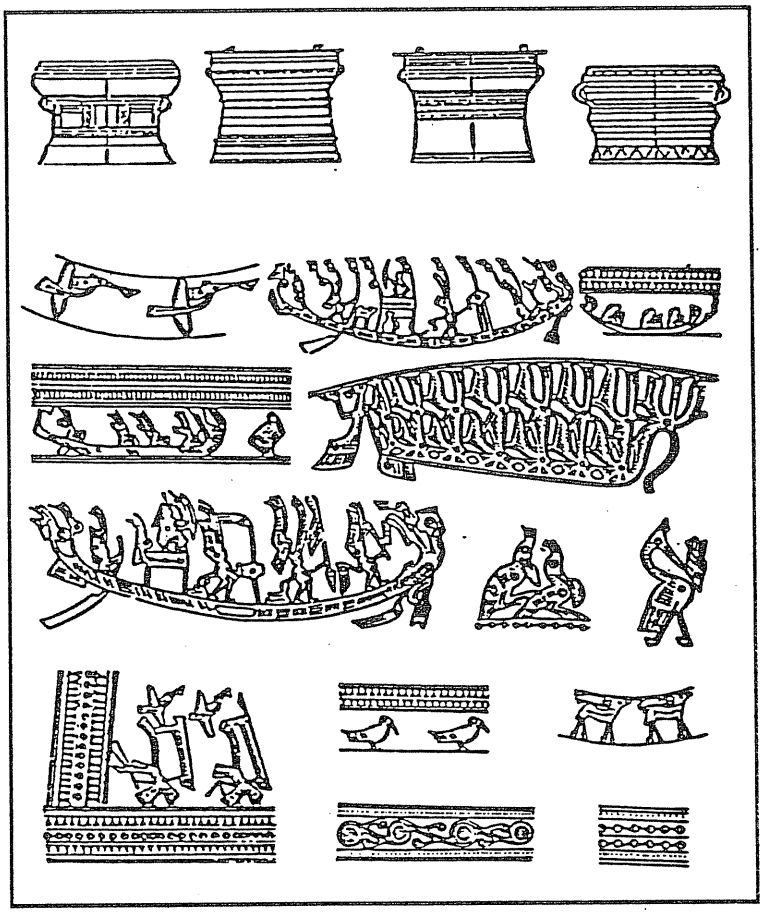

Trống đồng

2. Người Tàu, khi chiếm đất của người Việt, đã tìm đủ cách tiêu diệt văn minh và văn hóa Việt.

Một đoạn bao gồm cả hai điểm trên được ghi trong cuốn 後漢書 (Hậu Hán Thư = sử đời Hậu Hán "25-220") của Tàu, do范曄 (Phạm Việp -- có nơi phiên âm là Phạm Hoa) sưu tập (nhà Trung Hoa xuất bản, không để rỏ nơi và ngày tháng, trang 840). Đoạn đó như sau:

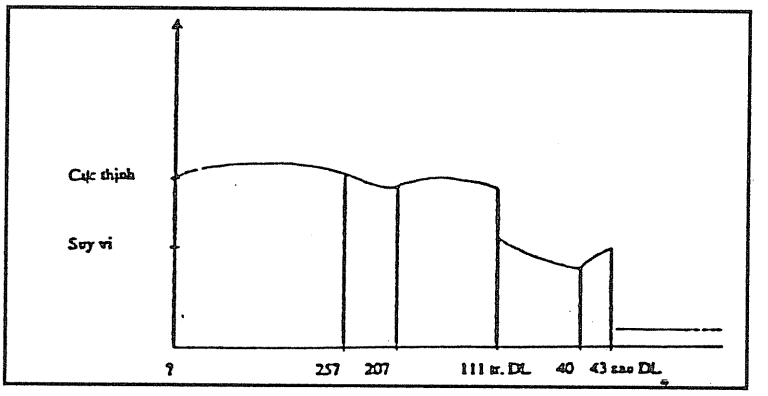

援好騎 善別名馬. 於交阯
得駱越銅鼓, 乃鑄爲馬式

(Viện hiếu kỵ, thiện biệt danh mã, ư giao chỉ đắc Lạc Việt đồng cổ, nãi chú vi mã thức).

(Viện thích cưỡi ngựa, giỏi phân biệt ngựa nổi tiếng. Khi ở Giao Chỉ, lấy được trống đồng của người Lạc Việt, bèn đúc thành hình ngựa). Viện, tức Mã Viện, người thắng Hai Bà Trưng.

Cuối đời nhà Triệu, nước Việt (lúc đó tên là Nam Việt) bị nhà Tây Hán (của Tàu) chiếm (năm 111 trước Dương lịch), đổi tên là Giao Chỉ Bộ. Các thái thú và thứ sử người Tàu vô cùng dã man và tàn bạo. Người Việt nổi dậy khắp nơi nhưng không thành công. Đây là Bắc thuộc lần thứ nhất. Mãi đến năm 40 sau dương lịch, Hai Bà Trưng (Bà Trưng Trắc và em là Bà Trưng Nhị) mới đánh đuổi được quân của Thái thú Tô Định về Tàu. Hai Bà xưng vương, đóng đô ở Mê Linh (nay thuộc tỉnh Phúc Yên). Ba năm sau, nhà Hán sai Mã Viện sang đánh. Hai Bà thua trận, tự trầm ở sông Hát (năm 43).

Mã Viện vô cùng tàn ác và xảo quyệt, tìm đủ cách để tiêu diệt văn minh và văn hóa Việt.

Ngoài hành động tịch thu trống đồng để đúc ngựa, Mã Viện còn đúc một một cây trụ khắc sáu chữ

銅柱折, 交趾滅

(Đồng trụ chiết Giao chỉ diệt = cây trụ đồng này gẫy thì Giao Chỉ bị mất). Dân Việt tức giận, không muốn thấy mấy chữ xấc láo đó, mỗi lần đi qua đều ném một cục đất hay một cục đá. Chỉ ít lâu sau, trụ đồng bị lấp.

Trong cuốn 後漢書(Hậu Hán Thư) vừa dẫn trên, ghi thêm nỗi lo âu của Mã Viện - Dù đã bị đô hộ 150 năm (111 trước dương lịch -- 39 sau dương lịch) người Việt vẫn còn theo lề lối luật lệ của người Việt. Vì thế, chính Mã Viện đứng ra lo việc tiêu diệt:

越律與漢律駁者十餘事.
與越人申明舊制以約束之.
自後駱越奉行馬將軍故事.

(Việt luật dữ hán luật bác giả thập dư sự, dữ Việt nhân thân minh cựu chế dĩ ước thúc chi. Tự Hậu, Lạc Việt phụng hành Mã tướng quân cố sự).

(Luật lệ của người Việt và luật lệ của người Hán khác nhau hơn mười điều, (Mã Viện) tự mình giải thích luật cũ cho người Việt để bắt ép họ (phải theo mình). Từ đó về sau, Lạc Việt theo lối của tướng quân họ Mã).

Ngoài mặt phải theo, nhưng ở xóm làng và trong gia đình, ít bị nhòm ngó, lại là việc khác.

Văn minh và văn hóa khác nhau, luật lệ khác nhau là sự đương nhiên. Nếu người đứng đầu, tuổi đã già, công việc bận rộn mà phải đích thân đôn đốc, nhất định phải là việc rất quan trọng. Hành động của Mã Viện chứng tỏ sự vững vàng của luật lệ Việt và sự tiến bộ của văn minh Việt.

Để đối phó với sự tàn ác thâm độc của Mã Viện, người Việt phải chôn dấu trống đồng. Nhờ vậy, trống đồng còn lại một số. Cũng trong thời kỳ này, nhiều người Việt không chịu nổi sự hà khắc của quân Tàu, đã trốn ra nước ngoài, người lên phía bắc, kẻ xuống phía nam, người sang phía đông phía tây. Có người đem theo trống đồng, có người biết đúc trống đồng. Ở nơi đất khách, người Việt lại đúc trống và truyền dạy cho con cháu và học trò. Thế hệ trẻ, tài nghệ chưa được bằng thầy, nên trống đồng không còn đẹp như trước nữa. Các trống đồng loại này chính là trống đồng loại II, loại III và loại IV.

Những đoạn, những câu trong sách vở Tàu viết về trống đồng và người Việt còn nhiều. Vài ba đoạn đã được trích dịch trong nhiều tác phẩm của người Việt (2).

Đến khi người Việt giành lại được độc lập vững vàng (từ năm 939 trở về sau), vai trò quan trọng của trống đồng trong đời sống của người Việt vẫn còn. Đời nhà Trần, vào thế kỷ 13, trống đồng được dùng trong các trận đánh giặc Nguyên (3). Trống đồng được dùng làm nhạc khí đời Lê [đời Lê sau], đời Nguyễn Tây Sơn) và dùng làm đồ thờ (làng Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Đồng, v.v.)

Sau khi tìm hiểu sơ lược về văn minh trống đồng Việt qua tài liệu khảo cổ và tài liệu sử, vấn đề niên đại (=năm tháng/tuổi/tuổi tác) của văn minh trống đồng Việt có thể tính ngược lại như sau:

Trong thời kỳ bị lệ thuộc Tàu lần thứ hai (bắt đầu năm 43),

trống đồng bị tịch thu. Đây là thời kỳ xuống dốc của văn minh trống đồng Việt. Như vậy, thời cực thịnh phải có trước năm 43.

Hai Bà Trưng giành lại được độc lập ba năm (40-43). Ba năm chưa đủ để hồi phục 1250 năm bị áp bức. Ba năm này không thể là thời cực thịnh của văn minh trống đồng Việt. Hay nói một cách khác, thời cực thịnh phải có trước 40.

Trong thời kỳ bị lệ thuộc Tàu lần thứ nhất (III trước dương lịch đến 39 sau dương lịch), tịch thu trống đồng có lẽ chưa phải là chính sách của thực dân Tàu, nhưng người Việt bị ngược đãi, bị bóc lột đến tận xương tủy. Khắp nơi nổi lên chống lại quân thù và bị đàn áp dã man. Thời kỳ này không thể là thời cực thịnh của văn minh trống đồng Việt. Các hình ảnh trên trống đồng mô tả cuộc sống phồn thịnh và đầy đủ về nhiều lãnh vực: kinh tế, nghệ thuật, kỷ thuật, tôn giáo... (3) Nhất định những trống quan trọng phải được chế tạo khi dân no ấm, đất nước giàu mạnh. Còn trong thời kỳ bị lệ thuộc Tàu, có thể một số trống đồng được đúc theo khuôn mẫu cũ rồi biến đổi đi, một hình thức tưởng nhớ quá khứ huy hoàng. Như vậy, thời cực thịnh của trống đồng Việt phải có trước năm III trước dương lịch.

Trước đó là nhà Triệu. Vị vua đầu tiên là Triệu Đà. Tuy là vua nước Nam Việt, nhưng không phải là người sinh đẻ trên đất Việt, Triệu Đà quê ở Chân Định 眞定 bên Tàu, làm tướng dưới quyền quan úy Nam Hải là Nhâm Ngao. Dù không phải là quân của nhà Tần nhưng khi nhà Tần thịnh đã phải thần phục một thời gian. Nhâm Ngao nuôi mộng lập một nước riêng. Giấc mộng đó, năm 207 trước dương lịch, Triệu Đà đã thực hiện được. Triệu Đà đặt tên nước là Nam Việt. Như vậy, tuy không sinh đẻ trên nước Việt nhưng đã sống chết vì nước Việt và ở trên nước Việt, Triệu Đà đã trở thành người Việt. Chính văn minh và văn hóa Việt đã làm cho Triệu Đà trở thành người Việt. Nếu người Việt còn ở trình độ bán khai, Triệu Đà đã không có cái

Lục bát hoang đường

ĐỊNH NGUYÊN

Hạ

Hạ Hồng em đỏ son môi
Chân chim tan học, tiếng cười thủy tinh
Dưng không mùa bống đầy tình
Mới hay anh vẫn một mình lê la

Quà

Năm khi, mười họa gói quà
Tưởng như buộc những xót xa gởi về
Đời ta thôi chẳng còn chi
Xót xa em hãy bán đi nuôi tình

Thư

Thư xưa đem đốt chẳng đành
Thì thôi xin cố để dành mà đau
Lạy trời cho chữ bỏ câu
Cho phai mực nhạt, cho nhàu thư xưa
Cho mờ chữ ký ngây thơ
Cho giòng tái bút hẹn đùa dấy thôi
Cớ sao giọt lệ lâu rồi
Dưng không lại nặng mắt người... dưng không.

Tù

Ai dâu trồng ngọn ngô đồng
Để anh mò tới Đồng Đăng ở tù
Thế là tình đổ sông Ngô
Em theo kẻ lạ đi mò sông Tương

Say

(gởi M.T)

Không đi thì cũng chẳng đành
Đi hoa còn ngủ, về cành không hay
Trăng soi tường lạnh bóng gầy
Ngẩn ngơ nào biết bóng say hay mình

Ngói

Trèo lên đếm ngói mái đình
Đếm bao nhiêu ngói xem tình bao nhiêu
Ai ngờ cha mẹ nói diêu
Anh lo đếm ngói em theo nhà giầu

Thơ

Hoang đường lục bát mai sau
Dành chôn những cuộc tình đầu dở dang
Này em, cửa mở nghĩa trang
Em vào bất tử bạt ngàn thịt da

hãnh diện được làm vua của nước Việt ở phía nam, có nghĩa là Triệu Đà đã không đặt tên nước là Nam Việt. Cũng chính vì người Việt và nước Việt, Triệu Vũ Vương (Triệu Đà) xưng là Nam Việt Hoàng Đế, sai quân đánh quân Trường Sa 長沙 của Tàu (nay là tỉnh Hồ Nam), làm cho vua quan nhà Hán bên Tàu lo sợ cuống cuồng. Nói một cách khác, thời cực thịnh của văn minh trống đồng Việt đã có từ trước khi Triệu Đà đặt tên nước là Nam Việt.

Trước nhà Triệu là nhà Thục. Có thể đời nhà Thục là thời kỳ văn minh trống đồng Việt đang thịnh. Chính vì nền văn minh văn hóa Việt ở thời kỳ này đã làm cho Triệu Đà lật đổ nhà Thục. Đời nhà Thục quá ngắn, chỉ kéo dài 50 năm (257 trước D.L. đến 207 trước D.L.), lại phải xây thành hình trôn ốc (Cổ Loa) và đúc tên đồng để phòng bị... Như vậy, tuy đời nhà Thục là thời kỳ thịnh đạt của thời đại đồ đồng nhưng không phải là thời cực thịnh của trống đồng.

Nói khác đi, thời cực thịnh của văn minh văn hóa trống đồng Việt có trước năm 257 trước dương lịch, tức là dưới đời nhà Hồng Bàng.

Đúc kết lại toàn thể vấn đề, trước khi đất nước của người Việt bị Tàu xâm chiếm, văn minh trống đồng Việt đã phát triển rực rỡ. Thời cực thịnh bắt đầu từ đời Hồng Bàng. Năm 111 trước dương lịch, dưới chế độ hà khắc và dã man của quân xâm lăng, nền văn minh ấy đột ngột suy vi. Ba năm độc lập dưới triều đại của Hai Bà Trưng (40-43) chưa kịp hồi phục, lại bị Mã Viện tận lực tiêu diệt. Năm 43 là khởi điểm của những ngày đen tối nhất. Dần dần người Việt bị bắt buộc phải tiếp nhận ảnh hưởng Tàu.

PHẠM VĂN HẢI
PHẠM QUÂN KHANH

(1) Trong bài "New Light on a Forgotten Past" *(Tia sáng mới rơi vào quá khứ bị lãng quên)* trên tờ *National Geographic* ở Mỹ, số 3 tập 139, tháng 3-1971 (vol. 139, No3- March 1971); từ trang 330 đến trang 339, Wilhelm G. Sotheim II dùng phương pháp Các-bon 14 (Carbon-14) để định niên đại đã đồng ý với một số học giả khác về Trung tâm Văn hóa Hòa Bình (Trung tâm văn minh và văn hóa tồn tại trước Đông Sơn) như sau:

- Trung tâm văn hóa Hòa Bình biết trồng trọt đầu tiên trên thế giới (vào khoảng 15.000 năm trước D.L.)
- Ảnh hưởng văn hóa Hòa Bình lan sang phá bắc châu Úc (20.000 năm trước D.L.), Nhật Bản (10.000 năm trước D.L.)
- Hai trung tâm văn hóa Lungshan và Yangshao của Tàu đều phát triển từ gốc Hòa Bình.

Nếu công cuộc nghiên cứu này đúng thì vấn đề trước sau và sự ảnh hưởng giữa văn minh văn hóa Việt và văn minh văn hóa Tàu đã rõ ràng.

(2) Thí dụ:

Lê văn Siêu trong *Việt Nam Văn Minh Sử Lược khảo* (Tập thượng -- Từ Nguồn gốc đến Thế kỷ X) (Sàigòn: Trung Tâm Học liệu, 1972), trang 67 trích dịch một đoạn trong sách "Tùy Thú Địa Lý chí": *"Từ núi Ngũ Lĩnh đến hơn hai mươi quận phía Nam, các rợ đều đúc đồng làm trống lớn. Khi mới hoàn thành để ở giữa sân, đặt rượu mời đồng bào. Người đến dự có trai gái nhà giầu lấy vàng bạc làm chiếc thoa lớn cầm đánh vào trống, xong rồi để lại cho chủ nhân, gọi là* thoa đồng cổ. *Chúng hay chém giết nhau gây thù oán. Muốn đánh nhau thì đánh vào trống ấy, người kéo đến cuồn cuộn như mây vần. Kẻ nào có trống là Đô Lão. Quần chúng đồng tình suy tôn và tùng phục, v.v.*

Mặt trống đồng Thôn Mống

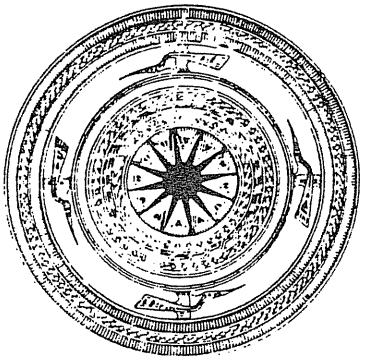

Mặt trống đồng Phú Duy

Nguyễn văn Huyên và Hoàng Vinh trong *Những Trống Đồng Đông Sơn đã phát hiện ở Việt Nam* (Hà Nội: Viện Bảo Tàng Lịch Sử Việt Nam, 1975) trang 111-112 trích dịch mấy đoạn trong *Hậu Hán Thư,* Quyển 54, tờ 86; *Thủy Kinh Chú,* Quyển 14; mấy cuốn dẫn trong *Đồng cổ khảo lược* của Trịnh Sư Húa (Thượng Hải, 1937), bản dịch của Viện Mỹ thuật Mỹ nghệ, trang 6-7.

"Của (Sông) ấy thông với Đồng cổ, bên ngoài vượt đến cửa Hoàng cương tâm khẩu huyện An Định. Nhờ của sông ấy mà (quân đội) tiến vào Đồng cổ, tức là đất Lạc Việt. Vì đây có trống đồng nên gọi là (đất) Đồng cổ". Mã Viện lấy trống ở đó để đúc ngựa đồng" (Thùy kinh chú, Quyển 14).

Phạm Thành Đại đời Tống trong sách Quế hải ngu hành chí cũng viết: *Người Man di xưa sử dụng trống đồng, thường đào được ở miền đất phương nam, tương truyền đó là của Mã Phục Ba để lại: Trống giống như một cái đôn, phía dưới hổng; trống trang trí đầy hoa văn nhỏ, rất khéo léo, tỷ mỷ, bốn góc có những tượng cóc nhỏ. Hai người vừa khiêng vừa lấy tay vỗ vào, tiếng nghe hoàn toàn giống như tiếng trống da vậy". (Trịnh Sư Húa, Đồng cổ khảo lược. Bản dịch, trang 7). v.v.*

(3) Trong một bài thơ của Trần Phu, sứ thần nhà Nguyên tại nước Việt (lúc đó tên nước là Đại Việt) có hai câu:

Kim qua ảnh lí đan tâm khổ,
Đồng cổ thanh trung bạch phát sinh."

(Trong bóng giáo vàng, lòng đau đớn,
Giữa tiếng trống đồng, tóc bạc phơ.)

ĐỌC HỒI KÝ NGÀY N+ CỦA HOÀNG KHỞI PHONG

THỤY KHUÊ

Các tác phẩm viết về giai đoạn cuối của trận chiến Nam-Bắc không thiếu trên thị trường chính trị, thương mại và văn học. Tùy theo lập trường, phe phái của tác giả, chúng ta tìm được những nhận định, những khía cạnh khác nhau của chiến tranh: sách giá trị cũng nhiều và sách đầy thiên kiến cũng lắm. Rồi đây, các sử gia sẽ bối rối vì phải lựa chọn giữa quá nhiều "sự thật" tương phản.

Để hiểu rõ hồi ký của Hoàng Khởi Phong, thiết tưởng cũng nên nhắc lại sơ qua tình hình chiến sự miền Cao Nguyên, tháng 3 năm 1975.

Bắc quân do tướng Văn Tiến Dũng chỉ huy, tung vào chiến dịch Tây Nguyên gần 5 sư đoàn, chủ yếu có các sư đoàn 320, 10, 968 và 316.

Nam quân do thiếu tướng Phạm Văn Phú tư lệnh quân đoàn II điều khiển, gồm hai sư đoàn 22 và 23 bộ binh, bảy liên đoàn biệt động quân và bốn thiết đoàn xe tăng, thiết giáp (theo Văn Tiến Dũng, *Đại Thắng Mùa Xuân).*

Quân đoàn II vừa có nhiệm vụ giữ Cao Nguyên, vừa phải đóng quân rải rác các nơi để phòng vệ những tỉnh miền duyên hải Trung Việt từ Bình Định đến Bình Thuận. Sư đoàn 22 đã bị cầm chân ở Bình Định. Trên Cao Nguyên chỉ có sư đoàn 23 bộ binh và những liên đoàn biệt động quân. Lực lượng phòng thủ Cao nguyên tập trung tại hai tỉnh phía bắc Cao nguyên: Kontum và Pleiku, nơi có bộ tư lệnh quân đoàn và áp lực Bắc quân (sư đoàn 968) khá mạnh. Tướng Phú biết Bắc quân chuẩn bị tấn công Cao nguyên, nhưng chưa biết rõ ở đâu. (Nguyễn Khắc Ngữ, *Những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa).*

Máy bay trinh sát của quân đoàn II chưa tìm ra vị trí của các sư đoàn 10 và 320 (VTD, sđd). Giữa tháng Ba Bộ Tham Mưu quân đoàn II vẫn tưởng sư đoàn 316 còn ở Bắc Việt (Phạm Huấn, *Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975)*

Khi Bắc quân tấn công Ban Mê Thuột ngày 10-3-1975 với 12 trung đoàn bộ binh và các binh chủng kỹ thuật (VTD, sđd), tuy bộ chỉ huy sư đoàn 23 đóng tại thị trấn này nhưng chỉ có trung đoàn 53 thuộc sư đoàn 23 bộ binh thực sự có mặt, những trung đoàn khác của sư đoàn 23 đang đi hành quân (NKN, sđf).

Tuy bị đánh bất ngờ, các lực lượng Nam quân trong thị xã chống trả mãnh liệt, gọi không quân yểm trợ, thiết giáp về cứu. Sau hai ngày giao tranh ác liệt, giằng co từng căn nhà (VTD, sđd), Ban Mê Thuột thất thủ. Đại Tá Vũ Thế Quang, tư lệnh phó sư đoàn 23, tư lệnh chiến trường Ban Mê Thuột và Đại Tá Nguyễn Trọng Luật, tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng Darlac, bị bắt sống. (VTD, sđd).

Quân đoàn II tổ chức phản công, dự định chiếm lại Ban Mê Thuột, thả xuống vùng Phước An, Hòa Bình: các trung đoàn 44, một phần trung đoàn 45 hợp với tàn quân của trung đoàn 53 còn lại, nhưng những người lính chưa đáp xuống đã bị cao xạ bắn lên như mưa. Xuống đất, họ bị xe tăng, thiết giáp Bắc quân xông vào: Cuộc phản công của sư đoàn 23 thất bại. (VTD, sđd).

Mặc dù thiếu tướng Phạm Văn Phú xin ở lại tử thủ Pleiku (Phạm Huấn, sđd), ngày 14-3-75, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu (sau khi hội ý với các nhà ngoại giao và quân sự Hoa Kỳ) họp các tướng lãnh tại Cam Ranh, quyết định rút quân khỏi Pleiku, đem lực lượng phòng thủ Cao nguyên về giữ miền duyên hải.

Các quốc lộ 19, 14 và 21, nối liền Pleiku với Quy Nhơn, Nha Trang đã bị Bắc quân cắt đứt.

Thiếu tướng Phú chọn con đường liên tỉnh lộ số 7, từ lâu không dùng được vì nhiều đoạn hỏng, nối liền Pleiku - Phú Bổn - Tuy Hòa, làm đường rút quân.

Sự lựa chọn liên tỉnh lộ 7,

ban đầu, là một chiến thuật bất ngờ có nhiều lợi điểm: Tướng Văn Tiến Dũng khi biết Nam quân sẽ rút theo liên tỉnh lộ 7 đã nổi giận, vì ông không nắm rõ địa thế con đường (VTD, sđd).

Sau hai ngày soạn thảo kế hoạch di tản, Tướng Phạm Văn Phú giao cho: Chuẩn Tướng Trần Văn Cẩm, tư lệnh phó quân đoàn II, phụ tá hành quân triệt thoái.

Chuẩn tướng Phạm Duy Tất, tư lệnh biệt động quân, chỉ huy cuộc rút lui. Chuẩn tướng Cẩm và Chuẩn tướng Tất đi theo quân. Thiếu tướng Phú thị sát các mặt trận bằng máy bay (Phạm Huấn, sđd).

Các đơn vị trực thuộc quân đoàn sẽ di tản thành ba cánh:

- 3 liên đoàn biệt động quân, trung đoàn Thiết giáp và liên đoàn Công binh chiến đấu đi trước mở đường, ủi cây, nhổ mìn, bắt cầu (qua sông Ba) từ Phú Túc đến Tuy Hòa, có nhiệm vụ bảo vệ Phú Bổn cho các cánh quân đi sau.

Cánh thứ ba gồm ba liên đoàn biệt động quân, một đại đội Thiết giáp đi tập hậu để bảo vệ đoàn di tản. (NKN, sđd).

Được tin Nam quân rút khỏi Pleiku, Tướng Văn Tiến Dũng lập tức hạ lệnh cho các sư đoàn 10 và 320 đuổi theo, truy kích.

Tin bỏ Pleiku lan ra như tiếng sét. Dân chúng khắp nơi dồn về thành phố, theo đoàn người và xe di tản.

Đường số 7, từ Phú Túc đến Sơn Hòa không đùng được, công binh phải ngày đêm làm đường, bắt cầu. Đoàn người và xe tiến quá chậm. Các sư đoàn 10 và 320 của Bắc quân đã bắt kịp vị trí lộ 7, tấn công, pháo kích đoàn quân dân di tản. Biệt động quân chống trả mãnh liệt: họ bị thiệt hại nặng nề. Không quân đến can thiệp, nhưng phải bay cao, tránh cao xạ, nên không rõ vị trí Nam quân và Bắc quân, ném trúng liên đoàn 7, biệt động quân.

Trên đường, đoàn người di tản tiến thoái lưỡng nan, khắp nơi máu chảy thành suối, xác người và xe tăng, thiết giáp bị pháo kích nằm ngổn ngang, cản trở bước tiến của cuộc rút quân.

Tướng Phú phải ra lệnh cho đoàn di tản cuối bỏ hết vũ khí hạng nặng, vượt rừng núi mà về Tuy Hòa.

Chuẩn Tướng Cẩm và Chuẩn Tướng Tất bị bắt sống. Bắc quân tuyên bố loại ra khỏi vòng chiến: 7.000 binh sĩ, tịch thu 70 xe đủ loại và 100 đại bác. Sau khi Khánh Dương mất, Nha Trang bỏ ngỏ, quân đoàn II tan rã, Bắc quân tràn vào bắt Tướng Phạm Văn Phú, mâm cơm còn nóng, nhưng ông vừa đi thoát. (VTD, sđd). Ngày 30-4, Thiếu tướng Phạm Văn Phú tự sát tại Sàigòn.

*

Ngày N là ngày 17-3-1975, ngày đầu của cuộc di tản. Hoàng Khởi Phong viết hồi ký Ngày N+... dưới ngòi bút một nhà thơ, một đại úy đơn vị trưởng tiểu đoàn quân cảnh, rút theo đoàn người di tản.

Ở đây, không có những tính toán về chiến lược của các cấp chỉ huy, xa hẳn những lá bài của các con buôn chính trị, Hoàng Khởi Phong ghi lại bộ mặt khác của chiến tranh: cái nhìn của một quân nhân thi sĩ, di chuyển theo đoàn người không tên tuổi, không cả phù hiệu trên vai:

"Đoàn xe bây giờ không còn chạy, như một con rắn già kiệt lực, nó bò từng chập rồi ngừng lại để thở." (trang 34)

"Những chiếc xe Suziki, Honda hai bánh tuần tự lướt qua hầu như không có một chiếc xe hai bánh nào chở một người, phần lớn chở hai, đôi khi tôi bắt gặp một người lính lái, dĩ nhiên người vợ ngồi đằng sau ôm theo một đống hành lý, đứa con nhỏ ngồi trên bình xăng, kỳ lạ thay người lính vẫn đeo theo khẩu súng vắt vai, bụi đường còn đọng trên khóe mắt của những em nhỏ, vệt nước mắt chảy dài trên má." (trang 25)

"Các em (Thiếu sinh quân) đã làm chính tôi phải xấu hổ. Ở địa vị tôi là một em lớn trong số các em, chắc chắn tôi không có được sự bình tĩnh đó, thế mà các em đã tập họp lại, vài em lớn dẫn dắt các em nhỏ, đùm bọc nhau, bình thản lên đường." (trang 25)

Con đường họ đi, chưa có dấu vết gì của kinh hoàng:

"Một khu rừng tuyệt đẹp, những thân cây cao, to, lá như lá bàng. Con đường đổ dốc thoai thoải, bên phải là hàng triệu những tảng đá xanh lớn nhỏ, thỉnh thoảng một khối lớn như căn nhà đứng chênh vênh chờ đổ, bên trái là một dòng sông nhỏ, nước trong veo, chảy xiết." (trang 30)

Nhưng dấu vết chiến tranh đã đi qua, đã để lại những tàn tích khó mất với thời gian:

"Vậy mà cây cối đã chết đi, hàng loạt khu rừng chết vẫn còn đó, nó rụng lá dần, trơ lại những thân khô, nó còn đó đôi khi cả chục năm sau. Khi lớp thuốc khai quang đã mất hết hiệu lực, rồi cỏ bắt đầu mọc, những thân cây mục nát đổ xuống. Phải biết bao nhiêu lâu nữa khu rừng mới có được những thân cây cao dường đó." (trang 31)

Không khí êm ả hai ngày đầu chóng qua, sang ngày thứ ba, những biến cố không hay bắt đầu dồn dập tới.

"Một vài chiếc xe đương chạy bổng xụp hố, những chiếc sau tách sang hai bên, người trên xe bị nạn túa ra, đẩy phụ, với sức máy, rồi người ta sử dụng bạo lực, nổ súng bắt những chiếc xe gần đó ngừng lại, đẩy, kéo xe họ khỏi hố, hoặc dồn người và đồ đạc lên những chiếc xe chạy được. Súng bắt đầu nổ từ một phe, bạo lực lan nhanh như lửa cháy đồng, trong chốc lát nó bao trùm đoàn xe, súng nổ khắp nơi, người ta bắn để cướp đường dành đi trước. Bạo lực khởi đầu như thế, khởi đầu bằng một nguyên nhân nhỏ nên

cường độ chưa cao. Phải đợi đến lúc địa thế trở lại chật hẹp, lại có dấu vết con đường cái, hàng trăm chiếc xe bây giờ bắt đầu ép vào giữa, ép vào phía xuất hiện của con đường. Bây giờ súng không nổ phát một, người ta bắn hàng tràng đại liên, không bắn chỉ thiên, mà bắn xả trên đầu. Thỉnh thoảng tiếng súng phóng lựu nổ về phía hai bên vệ đường trước mặt. Khói súng khét lẹt. Trẻ con khóc như ri, người sùng đạo cầu Chúa, niệm Phật, kẻ bạo lực bóp cò." (trang 34)

Những tin tức kinh hoàng mỗi lúc mỗi đến với đoàn người di tản: Lữ đoàn Thiếp giáp đoạn hậu bị phục kích ở địa thế chật hẹp, khiến xe không thể xoay trở được, chỉ một số nhỏ chạy thoát, hầu hết chiến xa nặng kẹt lại, Đại Tá Lữ đoàn trưởng tự sát.

Một số biệt động quân thất trận khi giải vây Ban Mê Thuột đã bắt kịp đoàn người. Thất trí, họ nổ súng bừa bãi, cướp giật giữa ban ngày.

"*Tôi biết chắc chỉ có vài biệt động quân làm ẩu. Nhưng bọn đào binh, bọn quân phạm, bọn vô lại của tất cả các đơn vị đã cố kiếm cho được những bộ áo ngụy trang của binh chủng này.*" (trang 38)

"*Ở đây có quá nhiều súng. Lẽ phải ở trong tay những kẻ dám giết người*" (trang 39)

Hồi ký của Hoàng Khởi Phong là một cuốn phim dài, với những hình ảnh đau thương xen lẫn hy vọng: Trong tiếng súng bắn nhau để giành giật cướp đường có tiếng khóc oe oe của đứa trẻ sơ sanh vừa lọt lòng mẹ: buổi chiều chạng vạng, đứa bé ra đời trong cái lều lộ thiên, vài người lính vừa căng vội. Trong cái hỗn độn đến vô cùng của những hành động anh hùng hay thảo khấu, những điều kiện khắc nghiệt của sự sống và cái chết hòa đồng, không giới hạn, nẩy sinh ra những giây phút êm đềm, thuần khiết, của con người: hình ảnh người lính biệt động, vai không đeo súng, tay không lựu đạn, đang tẩn mẩn tiện một cọng trúc làm tiêu:

"*Tiếng tiêu của người lính biệt động quân này có lúc làm tôi bay bổng chín từng trời, có lúc dồn dập như đoàn xe hàng trăm chiếc hàng ngang chạy băng trảng cỏ, có lúc cuồn cuộn như nước sông Ba, có lúc thê lương như tiếng khóc của đứa bé chào đời ngoài đồng trống. Tôi quên hết quá khứ với những ước mong thời trai trẻ, quên hết hiện tại nóng hổi của đoàn triệt thối kỳ lạ hôm nay, tôi quên cả tương lai vất vả.*" (trang 50)

Đi bên cái chết, người ta mới thấy cái vô nghĩa của kiếp người:

"*Tôi thấy tội nghiệp cho tôi, tội nghiệp cho mọi người, cho cả người cán binh bên kia chiến tuyến*" (trang 57)

Ông viết cho ông, và ông cũng viết cho những người phi công can đảm, cho những người lính biệt kích không tên tuổi, đêm đêm âm thầm đi tuần sát để bảo vệ đoàn người di tản, cho những người lính trong các ngành quân ngũ đã nằm xuống, đã xả thân vì mảnh đất này, và có lẽ cho cả những người bên kia chiến tuyến. Tất cả là nạn nhân của một sự lừa bịp. *Bàn cờ đã đến hồi kết thúc, người ta sắp xóa đi, đánh ván khác.*

Dù nhân danh bất cứ thứ gì, dù chiến thắng hay chiến bại, dù ở bên này hay bên kia vĩ tuyến, cuộc nội chiến 20 năm chỉ là một sự phung phí mạng sống con người, bại hoại cho dân tộc:

"*Nếu muốn chính danh hơn nữa, thì đây là cuộc chiến ủy nhiệm của hai khối quyền lực tư bản và cộng sản, mà ở đó những kẻ lãnh đạo của hai miền Nam và Bắc đẩy hai nữa phần dân tộc vào một cuộc chiến tranh mà cả hai đều rêu rao giương cao ngọn cờ dân tộc, nhưng sự thật cả hai guồng máy lãnh đạo đều không một bên nào đích thực đại diện dân tộc.*

Chính nơi đây, tôi đau buồn thấy cái vô lý của đời người, cái vô nghĩa của cuộc chiến. Chính nơi đây tôi thấy người anh là lính công binh, góp phần kiến thiết trại giam để nhốt người em ruột của mình." (trang 254)

Kể lại 45 ngày kinh hoàng nhất của đời mình, với những thảm cảnh riêng tư: bỏ vợ con, bỏ đồng đội ở lại, để thoát thân, ông đã không viết với cái nhìn đơn phương, đầy thù hận, của người lính miền Nam đối với "kẻ thù" phương Bắc. Bởi vì trong đời quân ngủ, ông vẫn quen treo cho trẻ học cái "bản đồ nguyên vẹn của nước ta." Và người lính miền Nam dị kỳ ấy, có những ý nghĩ khôi hài, khác lạ, không châm biếm:

"*Cứ oanh tạc bằng gạo chắc chắn những xạ thủ phòng không ngoài Bắc sẽ bắn máy bay cách xa cả cây số, vừa đỡ tốn máu xương cả hai bên, mà có khi Bắc Việt còn thua liểng xiểng.Vả lại gạo rẻ hơn bom đạn cả ngàn lần.*" (trang 244)

Những tư tưởng như thế, không nhiều, hoặc ít thấy hiện diện trong các tác phẩm của cựu quân nhân, trong và ngoài nước. Tính cách chiến đấu quyết liệt, một mất một còn, dường như tới nay vẫn giữ phần chủ yếu trong tư tưởng của các chiến sĩ hai miền, một thứ danh dự huyền ảo, cần phải bảo tồn bằng mọi giá.

Viết lại quá khứ, theo tôi, Hoàng Khởi Phong còn viết với một chủ đích thứ nhì: giở lại kinh nghiệm sống ngày hôm qua để nhận diện thực trạng hôm nay: lột trần thái độ giả trá của một thế hệ con người, đã thao túng và đưa đến sự xụp đổ của miền Nam. Thế hệ ấy vẫn còn hiện hữu trong cộng đồng người Việt hải ngoại, cái "thế hệ chúng tôi," với những sự "*háo danh, ích kỷ, hời hợt, tự mãn, đố kỵ, giả trá*" của một miền Nam thu nhỏ lại:

"*Đừng thấy người ta tụ họp hát quốc ca và nghĩ ở đó toàn là người yêu nước*" (trang 263)

Sách báo nhận được

Tòa soạn Thế Kỷ 21 vừa nhận được sách báo do tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Thành thật cám ơn và xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Cỏ và Tuyết, *thơ Đỗ Quý Toàn*

Tuyển tập thơ. 68 trang. Bìa và phụ bản Võ Đình Văn Nghệ xuất bản. Giá 8 MK.

Với **Cỏ và Tuyết,** Đỗ Quý Toàn trả lại cho thi ca Việt Nam những nét đẹp của Thiên Nhiên. Những bài thơ ngắn như những nét chấm phá, Haiku.

Bài học của lịch sử, *Tiểu luận của Will và Ariel Durant.*

Bản dịch của Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc.

Sách dày 168 trang. Nhà xuất bản Văn Nghệ. Giá 8 MK.

Đây là cuốn cuối của bộ "The Story of Civilisation." Một tác phẩm khảo cứu công phu, nhìn hhiện tại dưới ánh sáng của dĩ vãng. Bản dịch của Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc rất Việt Nam, người đọc sẽ ít có cái cảm giác đang xem một tác phẩm chuyển ngữ. Một tác phẩm không thể thiếu trong tủ sách gia đình.

Thơ Tuổi Thơ *Nguyễn Hữu Bào.*

Minh họa của Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Đồng, Nguyễn Trọng Khôi.

Sách dày 146 trang. Nhà xuất bản Người Việt. Giá 8 MK.

Giới thiệu tập Thơ Tuổi Thơ, giáo sư Lưu Trung Khảo đã cho rằng "Viết văn đã là khó. Viết văn cho trẻ thơ đọc lại càng khó hơn. Làm thơ còn khó hơn viết văn cả ngàn lần. Làm thơ cho trẻ thơ đọc lại còn khó hơn cả triệu lần. Cho nên các nhà thơ viết cho tuổi thơ vào bất cứ thời nào cũng rất hiếm và quý..."

Tập thơ tuổi thơ của Nguyễn Hữu Bào gồm những bài thơ trong sáng, đơn giản, và mộc mạc. Một tài liệu giáo khoa dưới hình thức thơ rất bổ ích.

Tinh Hoa Đạo Học Thế Giới, *Hạo Nhiên Trần Thế Ngữ.* Sách dày 138 trang. Tinh Việt Văn Đoàn Hải Ngoại xuất bản. Giá 7MK. **Tinh Hoa Học Việt Nam,** *Hạo Nhiên Trần Thế Ngữ.* Sách dày 124 trang. Giá 7MK.

Hai cuốn sách tổng lược những tư tưởng tinh hoa của văn hóa thế giới và văn hóa Việt Nam.

Nhận định của Hoàng Khởi Phong về thế hệ 40-50 tuổi của ông ở hải ngoại (từ trang 258 đến 263) có thể hơi khe khắt, nhưng không xa sự thật. Lật lại quá khứ để nhìn rõ hiện tại, việc ấy, dường như không ai tránh khỏi trong đời.

Tất nhiên, về phương diện kỹ thuật, Ngày N+... không đem lại cho ta những khía cạnh chính xác và những chi tiết rõ ràng về cuộc triệt thoái cao nguyên và trận chiến cuối cùng Nam - Bắc, như những tác phẩm tài liệu chiến tranh có hệ thống của cả đôi bên như: *Đại Thắng Mùa Xuân* của *Văn Tiến Dũng, Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975* của *Phạm Huấn, Kết Thúc Trận Chiến 30 năm* của *Trần Văn Trà*...hoặc không có cái nhìn toàn diện của tác phẩm tổng quan như *Những Ngày Cuối Cùng* của *Việt Nam Cộng Hòa* của *Nguyễn Khắc Ngữ, Cruel Avril* của *Olivier Todd.*

Hơn mười năm qua, trí nhớ của ông có chỗ sai lầm, việc sắp xếp thứ tự thời gian đôi chỗ còn lủng củng. Nhưng tác phẩm Hoàng Khởi Phong không có cái huênh hoang tô son chiến thắng, bỏ qua chiến bại, mạt sát kẻ thù, của nhiều tác giả quân nhân hai phía.

Qua cái nhìn độ lượng của ông, những khía cạnh nhân ái, tình nghĩa và hóm hỉnh, ngộ nghĩnh của con người vẫn còn chỗ đứng trong những ngày máu và nước mắt, tàn bạo và phản bội tràn ngập khắp nơi.

Điều làm tôi ngạc nhiên và mỉm cười trong tác phẩm của Hoàng Khởi Phong, là khi đọc những đoạn trên đường rút chạy, ông luôn luôn hoài nhiệm tới vua Quang Trung và những chiến thắng oanh liệt của người anh hùng thế kỷ thứ mười tám. Tình cờ, tướng Trần Văn Trà cũng có những hoài niệm ấy. Có lẽ, với một quân nhân, dù ở bên nào, tinh thần thượng võ của vua Quang Trung cũng là một biểu tượng.

Riêng tôi, vẫn hoài nghi sự tôn sùng cá nhân, cho dù cá nhân đó là anh hùng. Sự tôn sùng cá nhân lãnh tụ và tôn sùng chủ nghĩa cộng sản đã khiến miền Bắc đưa dân ta vào cuộc nội chiến đẫm máu 20 năm.

Hoàng Khởi Phong, có lẽ, chưa thoát ra khỏi cái mâu thuẩn ấy?

THỤY KHUÊ

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU
M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

14536 Brookhusrt St., Phòng 101 (góc Hazard)
Westminster, CA 92683

Điện Thoại: (714) 531-5505

* Cựu thường trú và tốt nghiệp hậu Đại học Sản Phụ Khoa tại Hollywood Presbyterian Hospital và University of Southern California, Women Hospital Los Angeles
* Bác sĩ chuyên môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California
* Giáo sư Đại học U.C. Irvine, OB-GYN Department.
* Assistant Clinical Professor tại U.C.I Medical Center; khu sản phụ khoa

Với sự cộng tác của

NỮ BÁC SĨ

HỒ THỊ ÁNH NGUYỆT, M.D.

American Board of OB — GYN

Tốt nghiệp Y Khoa Đại Học U.C.L.A.
Tốt nghiệp chuyên môn Sản Phụ Khoa tại University of Texas, Medical Branch — Galveston, Texas.

✲ CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ.
* Không nhận phá thai.
* Nhận sanh bình thường nếu lần trước bị mổ đẻ (Cesarean Section).
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh.
* Chỉ dẫn phương pháp sinh trai hay gái theo ý muốn.
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai kỳ.
* Đẻ không đau theo ý muốn

PHỤ KHOA

* Bệnh đàn bà, Huyết trắng
* Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình; Cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu. Đau khi có kinh nguyệt.
* Kinh nguyệt bất thường; chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân.
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Bướu buồng trứng.
* Truy tầm và chữa trị Ung thư cổ tử cung, Tử cung và Buồng trứng. Truy tầm Ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

ĐẶC BIỆT: Cộng tác với Subspecialists, Giáo sư tại các đại học U.C.I, U.S.C, U.C.L.A. Dùng phương pháp tối tân nhất:
— Cấy trứng - Cấy tinh trùng - Thụ thai ống nghiệm v.v..
— Nối ống dẫn trứng bằng phẫu thuật kính hiển vi để có bầu trở lại (sau khi cột)

XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH: Thứ Hai — Thứ Sáu: 9:30 AM — 6:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM — 2:00 PM
Nghỉ Chủ Nhật

TRUNG TÂM SÁCH BÁO VÀ BĂNG NHẠC

TÚ QUỲNH

TIỆM SÁCH BÁO BĂNG NHẠC VÀ VIDEO ĐẦU TIÊN ĐẦY ĐỦ NHẤT TẠI HOA KỲ

9581-9583 BOLSA AVE., WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-4284 / (714) 531-6880

Một trong những cơ sở Việt Nam đầu tiên cắm dùi tại Little Saigon từ 12-1979 nơi mà quý vị còn tìm thấy lại hơi thở Việt Nam qua từng lời ca tiếng nhạc hoặc từ những câu thơ, vần chữ quen thuộc của tiếng Mẹ Việt Nam. Nơi hành hương trở về nguồn cội của mọi người Việt tha hương trên khắp quả địa cầu. Quí vị đừng ngần ngại hỏi thăm từng địa chỉ của tất cả các nghệ sĩ, quán ăn, nhà hàng, nơi ăn chơi lịch lãm nhứt của Little Saigon thân yêu. Chúng tôi sẽ tận tình chỉ dẫn quí vị.

- *Đầy đủ các loại sách chưởng, tiểu thuyết.*
- *Tự điển cùng các loại dịch thuật, hảo văn trào phúng v.v...*
- *Đầy đủ các loại băng nhạc mới phát hành tại Hoa Kỳ.*
- *Hơn 1000 loại các băng nhạc đã phát hành tại VN.*
- *Hơn 300 loại các tuồng cải lương, nơi có đầy đủ sưu tập đầy đủ các loại cổ nhạc.*
- *Hơn 200 bộ chưởng, tình cảm đủ loại.*
- *Nơi duy nhất tìm thấy các lại sách mới sáng tác và phát hàng tại Hoa Kỳ sau 75.*
- *Có bán và mua các loại sách cũ, cho thuê các loại sách tiểu thuyết, chưởng v.v...*
- *Đầy đủ các loại sách chưởng, tiểu thuyết, bói toán, nấu ăn, học Anh ngữ.*

Đã phát hành:

ĐỖ QUÝ TOÀN

CỎ VÀ TUYẾT

VĂN NGHỆ

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

THẾ KỶ 21
14841 Moran St.,
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa chỉ: _____

City _____ State _____ Zip _____

Điện thoại: _____

Xin đặt mua dài hạn báo *Thế Kỷ 21:*

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo ☐ 36 số báo

Ngày _____

Ký tên,

- *Kèm theo đây là check/money order mang số tiền: US$*
- *Đề trả cho: NGUOI VIET—TK21*

TRUNG TÂM TRUY TẦM
UNG THƯ NGỰC (VÚ)

BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH
CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN

9513 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-8833

- Dùng kỹ thuật tối tân để khám phá ung thư thật sớm
- Chỉ dẫn kỹ càng cách thức tự khám ngực để khám phá ung thư ngực thật sớm
- Có nữ chuyên viên nhiều kinh nghiệm khám và chụp hình ngực

Đường nào cũng tới La Mã
Xa lộ nào cũng dẫn bạn tới nhà hàng

BÒ 7 MÓN PAGODE SAIGON
Gourmet Restaurant

710 W. Las Tunas Dr #7 San Gabriel
(Gốc Las Tunas và Mission)
(818) 282-6327

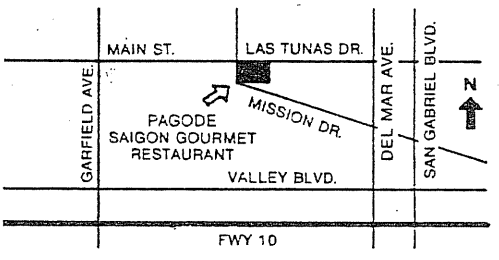

* BÒ NƯỚNG VỈ
* TÔM MỰC NƯỚNG VỈ
* TÔM MỰC NHÚNG DẤM
* TÔM NƯỚNG VỈ

Thông báo

CUỘC THI VIẾT VĂN HÈ 89

I. Mục đích:

1. Khuyến khích tuổi trẻ Việt Nam trau giồi và giữ gìn ngôn ngữ, văn chương tiếng mẹ đẻ.

2. Giới thiệu những tài năng mới đóng góp vào nền văn chương Việt Nam hải ngoại, tạo điều kiện và cơ hội để các bạn trẻ yêu thích văn chương có dịp xuất hiện.

II. Thành phần tham dự:

Dành cho tất cả các bạn thanh niên sinh viên và học sinh.

III. Hình thức, đề tài, số chữ:

Hình thức: Truyện ngắn.

Đề tài: Tự truyện (có thực hay giả tưởng).

Số chữ: Ít nhất 1,000 chữ, dài nhất 3,500 chữ.

IV. Thời hạn:

Từ ngày ra thông cáo này cho đến 6 giờ chiều ngày 30 tháng 11 năm 1989.

V. Điều kiện gửi bài:

1. Bài chưa hề đăng tải trên bất cứ một tờ báo hay tạp chí nào.

2. Bài viết một mặt giấy trắng khổ 81/2 x 11, đánh máy hoặc viết tay rõ ràng, đánh số thứ tự mỗi trang ở phía trên góc phải, ghi tắt tên truyện dưới số trang.

3. Ký bút hiệu ở dưới cùng của bài viết.

4. Mỗi người có quyền gửi nhiều bài dự thi. Mỗi bài dự thi làm phóng ảnh thành 5 bản.

5. Ban tổ chức được quyền đăng các bài dự thi trên báo *Người Việt* được ưu tiên xuất bản các truyện trúng giải.

6. Điền đầy đủ chi tiết vào Phiếu ghi danh Dự thi, cho phiếu này vào bì thư nhỏ dán kín.

7. Bì thư này cùng với bài viết (gồm 5 bản) bỏ chung vào bì thư lớn gửi về:

GIẢI VIẾT VĂN HÈ 89
14841 Moran St., Westminster, CA 92683

VI. Ban giám khảo: Gồm các vị nhà văn, nhà báo, nhà giáo có uy tín.

VII. Giải thưởng:

1 giải nhất 500 USD và tặng phẩm.
1 giải nhì 300 USD và tặng phẩm.
1 giải ba 200 USD và tặng phẩm.
5 giải khuyến khích (có triển vọng) mỗi giải: 50 USD và tặng phẩm

Little Saigon, ngày 10 tháng Tư, 1989
Ban Tổ Chức
Nhật báo Người Việt

CUỘC THI VIẾT VĂN HÈ 89

Phiếu Ghi Danh Dự Thi

Họ và tên: . . . . . .
Ngày sinh: . . . . . .
Nơi sinh: . . . . . .
Nghề nghiệp: . . . . . .
Địa chỉ hiện tại: . . . . . .
Phone: . . . . . .
Tác phẩm dự thi: . . . . . .

ngày . . . tháng . . . năm 1989

Bộ chữ Việt Nam trên IBM PC & PS2

do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Computer tiếng Việt (1984) và Bộ Chữ Quốc Tế (1985)

Hệ thống Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường. VN Labs hiện là nơi duy nhất chế tạo Bộ Chữ Việt Nam có thể in các loại phototypesetters và Postcript printers, ngoài dot matrix và laser printers.

عربي

עִבְרִית

- Đầy đủ mọi áp dụng: viết văn, ấn loát, kế toán, thống kê, truyền tin, giáo dục, vv..
- Dùng trên hầu hết các loại IBM PC & PS2 với MDA, CGA, EGA, MCGA, VGA, PGA, Hercules, Taxan, Genius, vv..
- In tiếng Việt đủ cỡ, đủ kiểu trên các loại dot matrix printers, laser printers, postcript printers, và phototypesetters.
- Dùng tiếng Việt với các software thông dụng trên thị trường: WordPerfect, WordStar, Volkswriter, PC-Write, Microsoft Word, Personal Editor, PFS Professional Write, Dbase, Foxbase, Rbase, Quattro, VP-Planner, Ventura Publisher version 1.1 và 2.0, vv..
- Viết tiếng Việt 'chữ trước, dấu sau', hoặc 'dấu trước, chữ sau' (có thể thay đổi bất cứ lúc nào trong khi dùng software thị trường).

Khả năng của Postcript printers:

Từ một font chính, Postcript printers có thể in ra các cỡ khác nhau từ 2 pts. cho đến 254 pts., tăng từng .1 pts.

Một số loại Postcript printers (Linotype) có thể in đến 1720 dots/in., trong khi HP Laserjet chỉ có thể in 300 dots/in.

Bộ Chữ Việt Nam căn bản	$95
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Laserjet)	$195
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Postcript)	$295

VISA

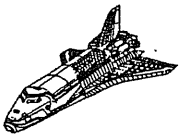

Mastercard

VN Labs

4320 Campus Drive, Suite 290
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Giám Đốc: Việt Nguyễn
Trưởng Ban Marketing: Alan Runfeldt
Trưởng Ban Software: Susan Nguyễn
Cố Vấn Kỹ Thuật: Hiếu Phạm

Đại Diện VN Labs:

LOS ANGELES: BMC (213) 422-4444
ORANGE COUNTY: SIGMA Computers (714) 893-0609
HOUSTON: Computrex (713) 524-5065
DALLAS: Zen Computer (214) 484-8008
UTAH: Altech Computer (801) 282-4252
OREGON: Lake Oswego Computer (503) 636-1541
NEW YORK: Kays International (914) 425-6469
CANADA: Speed Copy (604) 278-8518
AUSTRALIA: Graphics Applications Center 03-347-0548
ISRAEL: Technical Communication 303379
NETHERLANDS: Roth International 18371687
UNITED ARAB EMIRATES: TCS 237241

Tử Vi Computer (Postcript)

Lá Số Tử Vi trọn đời tính bằng Computer. Dầy đủ lời giải trên 12 trang, kèm theo bản An Sao in tuyệt đẹp bằng Bộ Chữ VN Labs trên Postcript printer, do Cosmos Systems thực hiện.

Vui lòng gửi chi tiết tên họ, ngày giờ năm sinh (Âm Lịch hoặc Dương lịch), Nam hoặc Nữ, và kèm theo $20 ngân phiếu hoặc Money Order về địa chỉ:

Cosmos Systems
P.O.box 2482
Mission Viejo, CA 92692
(714) 582-8233

Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-9414 & 892-9316 Fax: (714) 894-1381

ĐÃ XUẤT BẢN

PHẠM QUỐC BẢO
Cùm Đỏ
Truyện Ký, 7.25 MK
Cõi Mộng Du
Truyện dài, 7.00 MK
Đời Từng Mảnh
Cõi Mộng Du tập II, 8.00 MK
Dâu Bể
Tập truyện, 8.00 MK

NGUYỄN MỘNG GIÁC
Mùa Biển Động
Truyện dài, (hết)
Bão Nổi
Truyện dài (hết)
Ngựa Nản Chân Bon
Tập truyện (hết)

NGUYỄN BÁ TRẠC
Ngọn Cỏ Bồng
Tập Thơ Văn (Hết)

NGUYỄN MẠNH TRINH
Thơ Nguyễn Mạnh Trinh
Thi tuyển (Hết)

NGUYỄN XUÂN QUANG
Người Căm Thù Ruồi
Tập truyện, 6.00 MK

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Người Đi Trên Mây
Truyện dài, 10.00 MK

VÕ NGÃ
Gối Gốc Mai
Thi tuyển (Hết)

THẾ GIANG
Thằng Người Có Đuôi
Tập truyện (tái bản), 10.00 MK

NGUYÊN PHONG
Hành Trình Về Phương Đông
(tái bản), 10.00 MK

LÊ THÁI BẰNG và LÊ ĐÌNH ĐIỂU
Nguyên tác John Hohenberg
Ký Giả Chuyên Nghiệp
Biên khảo, 19.50 MK

TỪ NGUYÊN
Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin
Biên khảo, 12.00 MK

LƯU ĐÌNH VONG
Thơ Giập Mật
Thơ, 9.00 MK

NGUYỄN TẤT NHIÊN
Tâm Dung
Thơ, 7.00 MK

KIỆT TẤN
Thương Nàng Bấy Nhiêu
Tập truyện, 12.00 MK

NHIỀU TÁC GIẢ
Mùa Hè 1999
Tập truyện, 6.50 MK

NGUYỄN HỮU BÀO
Thơ Tuổi Thơ
Thơ cho thiếu nhi, 8.00 MK

ĐANG IN

BÙI BÍCH HÀ
Buổi Sáng Một Mình
Tập truyện, 12.00 MK

XUÂN VŨ
Thiên Đàng Treo
Tập truyện XHCN

SẼ XUẤT BẢN

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Bụi và Rác
(Người Đi Trên Mây, tập II)
Truyện dài

NHIỀU TÁC GIẢ
Tuyển tập truyện ngắn
trúng giải kỳ thi viết văn Hè 88
do nhật báo Người Việt tổ chức

HẸN NHAU Ở

BI/DA saigon

44, Avenue d'Ivry 75013 Paris
Centre Commercial Les Olympiades
Tel 45.84.04.85
(Sát nách Las Vegas, cùng từng lầu với Nam Á, Thúy Nga, Phượng Hoàng)

* NHƯ MỘT CHỖ DỪNG CHÂN

để hong ấm hiện tại lưu vong, để thắp sáng kỷ niệm Sàigòn, để hồi tưởng quê hương Việt Nam bằng hương vị đícn thực của Mỹ Tho, Bến Tre, Biên Hòa, Lái Thiêu, Tân An...

* NHƯ MỘT CHỖ TÌM LẠI

để thưởng thức tất cả những gì đã thưởng thức sáng tới, trưa qua, chiều về ở vỉa hè, góc phố, quán chợ Sàigòn, Đa Kao, Tân Định, Thị Nghè, Phú Nhuận...

* NHƯ MỘT CHỖ NGỒI LẬU

để uống cà phê đá, nghe nhạc thính phòng và chiêm ngưỡng những đường bay của CƠ trên môi BI...

SAU HẾT VỚI TUỔI TRẺ VÀ
NHỮNG NGƯỜI TÌNH CỦA BI DA

Như một
chỗ thụt bi-da
lý tưởng
của Sàigòn thu nhỏ

BULK RATE
US POSTAGE
PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT NO. 23

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

EDWARD C. REID

2120 MAIN ST. SUITE 150 HUNTINGTON BEACH, CA 92648

(714) 536-4014

KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN VỀ

TAI NẠN

Vui lòng liên lạc ngay:

CÔ NHƯ LAN

(714) 536-4014

(213) 434-4421

* Bất cứ tai nạn gây thương tích nào
* Hồ sơ được theo dõi thường xuyên và giải quyết nhanh chóng
* Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường

LAW OFFICE OF

EDWARD C. REID

Specializing In Insurance Law With Emphasis On:

PERSONAL INJURY

ACCIDENT • ALL TYPES

* AUTO ACCIDENTS
* MOTORCYCLE ACCIDENTS
* SPORTS INJURIES
* INSURANCE CLAIMS
* UNINSURED MOTORIST CLAIMS
* SLIP AND FALL
* WRONGFUL DEATH
* PRODUCTS LIABILITY

FREE CONSULTATION NO RECOVERY – NO FEE